

DC870
NG558H

Người Hà Nội trên Cao nguyên Xanh

Phan Hữu Giản
Chủ biên

HUYỆN LÂM HÀ - HỘI ĐỒNG HƯƠNG HÀ NỘI TẠI ĐÀ LẠT - LÂM ĐỒNG

*CHÀO MỪNG 50 NĂM THỦ ĐÔ HÀ NỘI GIẢI PHÓNG
VÀ 30 NĂM GIẢI PHÓNG THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
(1954 - 2004 – 1975 - 2005)*

**Người Hà Nội
trên Cao nguyên xanh**

NHIỀU TÁC GIẢ

Thư viện tỉnh Lâm Đồng

DC. 457



Người Hà Nội trên Cao nguyên xanh

Phan Hữu Giản chủ biên

*Huyện Lâm Hà - Hội đồng hương Hà Nội
tại Đà Lạt - Lâm Đồng*

Hướng về Hà Nội..

(Thay lời đầu sách)

Cúng tôi là những người con từ Hà Nội ra đi theo tiếng gọi của non sông và cuộc sống, coi cao nguyên Lang Bian là quê hương thứ hai, tự nguyện đến với nhau xung quanh Ban liên lạc đồng hương Hà Nội tại Đà Lạt - Lâm Đồng. Đã thành thông lệ, cứ mỗi khi Tết đến, Thu về, vào ngày giỗ Trần Đồng Đa (mùng 5 tháng Giêng) và kỷ niệm Ngày Giải phóng Thủ đô (10.10) bà con, anh chị em, bạn hữu thân tình đều có buổi họp mặt chung trong không khí ấm cúng của một đại gia đình để cùng nhau hướng về Hà Nội - Thủ đô quê hương thân yêu.

Năm nay, để thiết thực chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng Thủ đô (10.10.1954 – 10.10.2004), cùng với việc kiện toàn củng cố tổ chức Hội đồng hương ở các phường lên toàn thành phố, tiếp tục thực hiện các nội dung hoạt động thường xuyên, chúng tôi bàn nhau cùng góp sức thực hiện một sản phẩm văn hóa tinh thần mang “tâm hồn Hà Nội, cốt cách Thăng Long”. Từ ý tưởng tốt

đẹp đó đã khai sinh ra cuốn sách mang tựa đề “Người Hà Nội trên cao nguyên xanh” đang được nâng niu trên tay bạn đọc gần xa đúng lúc mọi người chúng ta cùng đang hướng về Thủ đô Hà Nội, mơ thấy cả đất trời quê hương từng bừng rực rỡ cờ hoa, say hương cốm mới...

Đây là tập hợp các tác phẩm văn, thơ, nhạc, ảnh và tư liệu của nhiều tác giả. Trong đó, phần lớn do anh chị em đồng hương mới viết và của một số văn nghệ sĩ, nhà báo có quan hệ thân tình sáng tác về họ; có một số bài đã đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng ở trung ương và địa phương Lâm Đồng mà chúng tôi sưu tầm, tuyển lựa được. Tuy nghệ thuật thể hiện của nhiều tác phẩm chưa cao nhưng nội dung khá phong phú, đa dạng và xúc động bởi được viết ra từ tấm lòng của những người trong cuộc, nặng tình, nặng nghĩa với quê hương, đất nước. Từ các cụ cán bộ hưu trí ở Đà Lạt đến các bác lão nông Lâm Hà cùng anh chị em đang còn công tác, hoạt động trên nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hóa - xã hội của địa phương (...). Họ coi viết văn, làm thơ như là một phương tiện để bày tỏ lòng mình cho vơi bớt nỗi nhớ quê hương da diết; một thú vui chơi tao nhã, giao lưu cùng thi hữu gần xa ngợi ca truyền thống cách mạng, đạo lý của cha ông, chiêm nghiệm sự đời, chia sẻ với nhau niềm vui, nỗi buồn nhân thế. Đó cũng là cách để tự động viên mình và động viên mọi người sống khỏe, sống vui, sống có ích; tích cực góp phần xây dựng quê hương mới ngày càng giàu đẹp, văn minh...

Qua cuốn sách “Người Hà Nội trên cao nguyên xanh” chúng tôi muốn giới thiệu với bạn đọc, nhất là bạn đọc trẻ

những tư liệu lịch sử về ngày Giải phóng Thủ đô; về quá trình di dân lập ấp Hà Đông, góp phần tạo cơ sở ban đầu hình thành nên thành phố hoa Đà Lạt; về cuộc vận động lớn san sẻ “một phần máu thịt của Thăng Long”(lời nhà thơ Trinh Đường) vào Lâm Đồng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau ngày Bắc – Nam thống nhất. Các tác giả còn giúp cho người đọc thêm hiểu biết và càng mến yêu hơn quê hương thứ hai của người Hà Nội ở Lâm Đồng với các địa danh mới : huyện Lâm Hà, thị trấn Nam Ban, thị trấn Đình Văn, Tân Hà – Lán Tranh, thác Voi ... hòa với cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp của “thành phố thông reo”, “thành phố ngàn hoa”, “thành phố sương mờ” thơ mộng... Chúng ta sẽ có dịp làm quen với con người Đà Lạt hiền hòa, thanh lịch, gặp gỡ những gương mặt đồng hương thân thuộc (các nhà giáo, nhà khoa học, nhà quản lý, chủ trang trại và doanh nhân...) đã thực sự hòa nhập, thành đạt và cống hiến trong môi trường mới vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, quê hương, vì cuộc sống ấm no hạnh phúc của gia đình mình hôm nay và con cháu mai sau...

Là một công trình tập thể có nhiều ý nghĩa, nên cuốn sách đã được sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ cả tinh thần lẫn vật chất của các cấp, các ngành và Hội VHNT của hai địa phương Lâm Đồng, Hà Nội. Đặc biệt là được đông đảo bà con cô bác đồng hương Hà Nội tại Đà Lạt - Lâm Đồng, cán bộ và nhân dân huyện Lâm Hà, TP Đà Lạt, các văn nghệ sĩ, nhà báo, hội viên các câu lạc bộ VHNT... đã rất nhiệt tình tham gia gửi bài, mua và đọc sách, coi tác phẩm “Người Hà Nội trên cao nguyên xanh” như “đứa con

tin thần” mà mình có vinh dự, trách nhiệm góp phần làm cho cuốn sách được ra đời và hữu ích.

Thay mặt những người thực hiện cuốn sách, chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với tất cả các tập thể và cá nhân đã có những nghĩa cử tốt đẹp nói trên. Chúng tôi cũng thành thật xin cáo lỗi trước về những sai sót, hạn chế khó tránh khỏi trong công tác biên tập, nội dung, nghệ thuật, hình thức thể hiện và phát hành cuốn sách. Đặc biệt là rất tiếc vì nhiều lý do đã không có điều kiện sưu tập và sử dụng được hết các tác phẩm đã gửi của các tác giả trong và ngoài tỉnh để cuốn sách có nội dung phong phú, chất lượng cao hơn. Mong được cảm thông và lượng thứ.

Chúng tôi hoan nghênh, nghiêm túc tiếp thu những ý kiến phê bình xây dựng của các cơ quan có trách nhiệm và bạn đọc gần xa để lần tái bản sau, cuốn sách sẽ được bổ sung, sửa chữa hoàn chỉnh hơn...

Trân trọng cảm ơn!

Chủ biên
PHAN HỮU GIẢN

TRẦN HUY LIỆU

Hà Nội giải phóng

(Trích “Lịch sử Thủ đô Hà Nội”)

1-NHỮNG NGÀY TIẾP QUÂN

Hà Nội được giải phóng không những là điều vui mừng của người dân Thủ đô mà còn là một sự kiện lịch sử, một ngày hội lớn của nhân dân cả nước; đó là thắng lợi vẻ vang của chín năm chiến đấu gian khổ và anh dũng của quân đội và toàn thể nhân dân Việt Nam.

Sau nhiều ngày đấu tranh sôi nổi, các hiệp nghị về việc chuyển giao Hà Nội được ký kết ngày 30-9-1954 và ngày 2-10-1954 tại Ủy ban Liên hợp Đình chiến Trung ương và tiếp sau đó, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã phái các đội công an trật tự, cảnh vệ, hành chính vào Hà Nội để chuẩn bị việc tiếp thu.

Những năm chiến tranh đã gây nhiều đau thương, tàn phá cho Hà Nội, đến những ngày cuối cùng của chúng ở đây, bọn địch cũng không từ một hành động phá hoại nào. Cho nên, thu hồi một thành phố như thế, khó khăn không phải là ít.



Phố Hà Nội đêm giải phóng

Ảnh chụp tranh LÊ THÀNH ĐỨC

Theo quyết nghị ngày 17-9-1954 của Hội đồng Chính phủ, Ủy ban Quân chính Thành phố Hà Nội được thành lập để làm nhiệm vụ tiếp thu và quản lý thành phố. Cũng để chuẩn bị cho việc tiếp thu được tốt, Hội đồng Chính phủ đã công bố các chính sách đối với thành thị mới giải phóng, chính sách đối với tôn giáo, các điều kỷ luật của bộ đội, cán bộ và nhân viên công tác khi vào thành phố mới giải phóng. Bộ Tổng tư lệnh đã ra lệnh cho các đơn vị bộ đội đang tiến về giải phóng Hà Nội, phải giữ vững trật tự an ninh của thành phố, bảo vệ nhân dân, bảo vệ ngoại kiều, phải triệt để chấp hành các chính sách và kỷ luật mà Chính phủ đã đề ra, phải luôn luôn nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu khiêu khích của bọn phá hoại.

Theo kế hoạch đã định, sáng 8-10-1954, các đơn vị Quân đội Nhân dân chia nhiều đường tiến vào ngoại thành Hà Nội, đến 16 giờ rưỡi thì tiến đến đường đê La Thành, từ Vĩnh Tuy, Bạch Mai cho đến Ngã Tư Sở, ô Cầu Giấy và Nhật Tân. 6 giờ sáng ngày 9-10-1954, Quân đội Nhân dân lại theo nhiều đường, từ ngoại thành tiến vào tiếp thu Hà Nội, chia làm nhiều cánh quân tiến vào năm cửa ô chính rồi tỏa ra các khu. Lần lượt, bộ đội ta đã tiếp thu nhà ga Hà Nội, phủ Toàn quyền cũ, khu Đồn Thủy, khu Bờ Hồ, Bắc Bộ phủ, đến 16 giờ thì quân đội Liên hiệp Pháp rời khỏi khoảng đất cuối cùng của thành phố Hà Nội, rút hết sang phía đông cầu Long Biên. Đến 16 giờ rưỡi thì Quân đội Nhân dân hoàn toàn kiểm soát thành phố Hà Nội, tiếp thu toàn bộ thành phố Hà Nội gọn gàng và trật tự.

Bộ đội ta tiến đến đâu, bộ mặt thành phố biến đổi đến đó. Trước đây vài phút, phố xá còn im lìm, lặng lẽ, các đơn vị Quân đội Nhân dân vừa xuất hiện, các cánh cửa vụt mở tung ra, nhân dân xô hẳn ra cả hai bên đường, phát cờ, tung mũ, vỗ tay reo mừng không ngớt. Cổng chào, khẩu hiệu dựng lên khắp các đường phố, cờ đỏ sao vàng mọc lên khắp các mái nhà. Công nhân và thanh niên tự vệ các khu phố cùng với các đội công an hành chính được phái vào Hà Nội từ trước lập tức phối hợp với bộ đội để giữ gìn an ninh trật tự.

Trong lúc việc tiếp thu đầu tiên được tiến hành trong nội thành, thì ở ngoài, các đơn vị Quân đội Nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ Thủ đô cũng gấp rút chuẩn bị cuộc hành quân lịch sử vào Hà Nội ngày 10-10-1954. Nhân dân nội ngoại thành cũng gấp rút may thêm cờ, làm thêm cổng

chào, khẩu hiệu, chuẩn bị các đội ca nhạc, các đội sư tử v.v... để chào mừng ngày lịch sử vẻ vang của Thủ đô và của dân tộc.

Sáng ngày 10-10-1954, các đơn vị Quân đội Nhân dân gồm có bộ binh, pháo binh, cao xạ, cơ giới v.v.... chia làm nhiều cánh lớn, mở cuộc hành quân vào Thủ đô Hà Nội.

Lần đầu tiên, sau gần 8 năm sống dưới gót sắt của giặc, hôm nay người dân Hà Nội mới có một ngày hội lớn, thật tung bừng phấn khởi. Mấy chục vạn người Hà Nội, từ trẻ chí già đều đổ xô ra đường, mặc những bộ quần áo đẹp nhất của mình, mang cờ, ảnh, hoa, tập trung ở các phố chính trên đường hành quân của bộ đội. Đồng bào phát cờ tung hoa, thả bồ câu trắng, đánh trống thổi kèn, đàn hát, múa sư tử, đốt pháo, hô khẩu hiệu, tung mũ để chào mừng bộ đội và Ủy ban Quân chính Thành phố, không sao tả được hết nỗi vui mừng của những người dân bấy lâu nay sống khổ nhục dưới ách quân thù và nay đã được hoàn toàn giải phóng. Nhiều đồng bào vui sướng nhảy ra ôm các đồng chí bộ đội, tỏ lòng biết ơn của nhân dân Hà Nội đối với Hồ Chủ tịch, với Đảng, với những chiến sĩ anh dũng đã góp phần xứng đáng vào công cuộc giải phóng Thủ đô.

Buổi chiều hôm đó, mấy chục vạn nhân dân Hà Nội, đã trang nghiêm dự lễ chào cờ long trọng do Ủy ban Quân chính Thành phố tổ chức, với sự tham gia của các đơn vị Quân đội Nhân dân đã tiếp thu Hà Nội.

Không riêng người dân Hà Nội hân hoan trong ngày hội giải phóng mà đồng bào cả nước và kiều bào ở nước ngoài cũng vui mừng chào đón ngày Quân đội Nhân dân

tiến quân về Thủ đô. Nhân dịp này, báo Nhân Dân ở miền Nam, cơ quan của Trung ương cục miền Nam Đảng Lao động Việt Nam đã viết: *“Xin gửi đến nhân dân Thủ đô lời chào nồng nhiệt và đoàn kết... Nhân dân Nam Bộ luôn luôn hướng về Thủ đô. Toàn quốc Việt Nam chỉ có một Thủ đô, cũng như toàn quốc Việt Nam chỉ tin tưởng vào Hồ Chủ tịch, Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”*.

Nhân dân các tỉnh, các thành phố hợp mít tinh liên hoan chào mừng Thủ đô giải phóng, gửi điện văn, thư từ chào mừng nhân dân Hà Nội.

Nông dân tỉnh Phú Thọ gửi thư khen ngợi tinh thần đấu tranh bảo vệ Thủ đô của công nhân Hà Nội và hứa ra sức sản xuất để thu hoạch mùa màng tốt đẹp, xung phong đi dân công làm đường, bắc cầu để chuyển vận và trao đổi sản phẩm được nhanh chóng, để có thể đi lại thăm nhau dễ dàng, làm cho nông thôn và Hà Nội gắn liền với nhau.

Cũng để thiết thực chào mừng ngày giải phóng Thủ đô, 211 đại biểu của các dân tộc Kinh, Thổ, Trại v.v ... ở 53 xã thuộc tỉnh Thái Nguyên là tỉnh đã được vinh dự cải cách ruộng đất đầu tiên trong toàn quốc, viết thư chúc mừng đồng bào Thủ đô, đồng thời báo cáo cho đồng bào Thủ đô biết kế hoạch thi đua sản xuất và tham gia xây dựng đất nước của mình : “ Chúng tôi đang cùng anh em nông dân toàn tỉnh và nông dân tỉnh Bắc Giang vượt mọi khó khăn để xây dựng lại đập Thác Huống và cống Vạn Giã, trong vụ chiêm cung cấp đủ nước cày cấy cho 10 vạn mẫu ruộng. Chúng tôi lại đang nô nức đi dân công kiến

HÀ NỘI GIẢI PHÓNG

thiết đường xe lửa Hà Nội – Mục Nam Quan để nối liền Việt Bắc với Thủ đô, nối liền nước ta với Trung Quốc, Liên Xô và các nước bạn khác”.

Không những chỉ nhân dân ta vui sướng chào mừng ngày Thủ đô giải phóng, mà tất cả các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới cũng đều phấn khởi trước sự kiện lịch sử đó. Báo chí Trung Quốc, Liên Xô và nhiều nước khác đã đăng dưới những đầu đề lớn, các tin tức về việc Quân đội Nhân dân Việt Nam tiến vào giải phóng Hà Nội. Cũng trong những ngày lịch sử đó, các đài phát thanh Bắc Kinh, Mát-xcơ-va v.v... đã dành phần lớn thời lượng để phát những tin tức về việc giải phóng Hà Nội và giới thiệu đất nước Việt Nam.

2- TÌNH HÌNH ỔN ĐỊNH SAU GIẢI PHÓNG

Cuộc hành quân tiếp thu ngày 9-10-1954 và cuộc tiến quân vào Thủ đô ngày 10-10-1954 của Quân đội Nhân dân đã thực hiện đúng kế hoạch và đã hoàn thành tốt đẹp.

Ngay từ lúc ta bắt đầu tiếp thu, an ninh trật tự đã được thiết lập trong thành phố.

Mới mấy ngày trước, dưới sự quản lý của chính quyền thực dân và bù nhìn, Hà Nội còn là một thành phố hỗn loạn, nạn cướp bóc, tống tiền, bắt cóc, ám sát xảy ra thường xuyên, ngay cả ban ngày, ngay cả giữa các phố đông. Nhưng sau khi quân ta tiến vào tiếp thu thành phố, nhờ sự tuần phòng, canh gác cẩn mật của các lực lượng bộ đội và công an, nhờ sự cộng tác tích cực của anh chị em công nhân, của thanh niên, tự vệ khu phố và của toàn thể đồng bào

Thủ đô, tình trạng hỗn loạn được chấm dứt. Trật tự và an ninh được bảo đảm, tính mạng tài sản của nhân dân và của ngoại kiều được bảo vệ. Phố xá trở nên đông đúc, tấp nập, nhân dân yên ổn và phấn khởi làm ăn, khác hẳn với cảnh luôn luôn nơm nớp, bị đe dọa, quấy rối dưới chế độ của thực dân Pháp và ngụy quyền.

Tất cả các cơ quan, xí nghiệp và tài sản công cộng đều được các lực lượng quân đội, công an, phối hợp với công nhân viên chức ra sức bảo vệ. Công việc trong các công sở không những không bị đình trệ mà còn chạy đều và tốt hơn trước.

Song song với an ninh trật tự của thành phố, tình hình kinh tế Thủ đô cũng được ổn định ngay sau khi tiếp thu.

Các xí nghiệp lợi ích công cộng như điện, nước, ngành giao thông vận tải, bưu điện v.v ... đều tiếp tục hoạt động để phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống hàng ngày của nhân dân Hà Nội.

Ngay hôm trước ngày được giải phóng, anh chị em công nhân điện, nước vẫn còn phải dồn sức đấu tranh một trận cuối cùng để bảo vệ nhà máy. Định ra lệnh giới nghiêm không cho công nhân vào nhà máy, âm mưu cướp phá máy móc, nhưng công nhân đã cương quyết đấu tranh, đem cơm nắm đến ăn để canh gác, giữ máy suốt ngày đêm. Và ngay từ phút đầu tiên của Thủ đô giải phóng, việc cung cấp điện, nước cho thành phố được bảo đảm đầy đủ.

Trước ngày tiếp thu Hà Nội, các đường xe điện đều dần dần bị địch làm bế tắc. Đến ngày 9-10-1954 các đường

xe điện ở Hà Nội đều ngừng chạy vì địch ra lệnh giới nghiêm. Nhưng, ngay từ chiều 8-10-1954 hơn 300 anh chị em công nhân viên chức Sở xe điện đã đến tập trung xung quanh nhà máy để canh gác, bảo vệ máy móc, đảm bảo cho việc vận chuyển sau này. Đến sáng ngày 10-10-1954 xe điện lại bắt đầu chạy trên khắp các ngã đường Hà Nội giải phóng.

Việc vận chuyển bằng đường sắt cũng được bảo đảm ngay sau ngày tiếp quản; việc đi lại, buôn bán trên đường sắt Hà Nội – Văn Điển, Hà Nội – Hải Phòng ngày càng tấp nập đông vui. Hơn hai tuần lễ sau, đường xe lửa Hà Nội – Yên Viên cũng được khôi phục xong bước đầu, chuẩn bị cho việc khai thông đường sắt Hà Nội – Mục Nam Quan.

Việc chuyển thư từ của nhân dân bị bọn Ngô Đình Diệm đình chỉ từ ngày 3-9-1954, đồng thời với việc cướp phá máy móc của bưu điện. Nhưng ngay sau khi tiếp thu Hà Nội, công việc sở Bưu điện lại được tiếp tục, thư từ của nhân dân lại được nhận chuyển bình thường.

Trước khi rút khỏi Hà Nội, địch đã ngăn cấm không cho chuyên chở hàng hóa, lương thực ở các vùng lân cận vào bán trong thành phố. Chúng âm mưu gây cho ta nhiều khó khăn trong việc tiếp tế cho thành phố, trong việc khôi phục lại các ngành công thương nghiệp Thủ đô. Đồng thời chúng tung luận điệu xuyên tạc như “Mậu dịch sẽ độc quyền buôn bán và cấm các nhà công thương không được phát triển sản xuất” v.v... hòng làm cho mọi người lo sợ phải di cư vào Nam. Nhưng, do sự chuẩn bị chu đáo của

Mậu dịch quốc doanh, ngay từ ngày giải phóng, Hà Nội đã được cung cấp đầy đủ về lương thực và hàng hóa cần thiết nhất như gạo, củi, vải ... Việc bỗng nhiên phải đảm bảo tiếp tế thêm cho một thành phố trên 40 vạn dân như ở Hà Nội không phải là một việc đơn giản. Phải nhận thấy ở đây những cố gắng lớn lao của ngành Mậu dịch quốc doanh và sự đóng góp tích cực của nhân dân các tỉnh khác để thực hiện đúng chủ trương của Đảng và Chính phủ là phải tiếp tế đủ cho nhân dân Thủ đô đồng thời phải ổn định được giá cả.

Việc bảo đảm tiếp tế đủ gạo cho nhân dân Hà Nội là một vấn đề khó khăn và quan trọng nhất.

Trước đây, 70, 80 phần trăm tổng số gạo trên thị trường Hà Nội là gạo Sài Gòn. Các công ty độc quyền mua gạo máy Sài Gòn với giá rẻ mạt đưa ra bán ở đây. Các vùng nông thôn quanh Hà Nội, phần không có nhiều gạo để bán, phần bị ép giá nên cũng không cung cấp nhiều gạo cho thị trường Hà Nội.

Lúc Hà Nội được giải phóng lại là lúc giáp hạt, các nơi đều không có gạo để bán, trong lúc đó thì ngay ở Hà Nội chỉ còn một số ít gạo dự trữ trong nhân dân và một số ít gạo máy còn lại ở các cửa hàng.

Tuy vậy, Mậu dịch quốc doanh của ta đã khắc phục được mọi khó khăn trở ngại và cung cấp đầy đủ gạo cho Thủ đô giải phóng.

Ngày từ trước ngày tiếp quản, Mậu dịch quốc doanh đã chuẩn bị sẵn chợ Thủ đô hàng vạn tấn gạo, hàng vạn thước khối củi. **PHÒNG ĐỊA CHỈ** **THỦ VIỆN TỈNH LAM ĐỒNG** **SỞ VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

HÀ NỘI GIẢI PHÓNG

đồng bằng khu Tả Ngạn, Liên khu III đều đã gấp rút chuẩn bị tiếp tế cho Hà Nội. Chiến tranh vừa chấm dứt, phương tiện vận chuyển thiếu thốn, đường giao thông chưa sửa chữa xong, công việc phục hồi sản xuất và hàn gắn vết thương chiến tranh còn bẽ bộn, nhân dân khắp nơi đã khắc phục mọi khó khăn, giúp đỡ Mậu dịch hoàn thành được nhiệm vụ bảo đảm cung cấp cho Hà Nội, Thủ đô yêu quý của đất nước, bộ mặt của Tổ quốc. Người nông dân vừa mới đi phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ về, làng mạc nhà cửa còn chưa xây dựng sửa sang lại, đã bắt tay vào việc khai thác lâm sản để kịp tiếp tế củi, gỗ, tre, nứa, lá ... cho Thủ đô, làm kho, xay giã, vận chuyển thóc gạo cho Thủ đô. Các phương tiện vận tải đều được triệt để sử dụng để tiếp tế cho Hà Nội: ô tô, ca nô, thuyền bè, và cả xe ngựa, xe bò, xe đạp thồ.

Những ngày mà Quân đội Nhân dân anh dũng tiến về giải phóng Thủ đô cũng chính là những ngày mà gạo từ các vùng quanh Hà Nội, từ Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình v.v... cuộn cuộn chuyển về Hà Nội; các bè củi, gỗ, tre, nứa, lá nổi đuôi dài hàng bốn năm cây số từ các ngã sông Gâm, sông Chảy, sông Thao cũng tuôn theo sông Hồng, cập bến Cầu Đất. Cũng trong những hôm đó, hàng ngày từng đoàn xe của Mậu dịch chở vải, sợi, hàng bách hóa từ các kho dự trữ về Hà Nội để giữ vững mức sinh hoạt và giá hàng cho nhân dân Thủ đô .

Mọi người dân Việt Nam đều thấy rõ việc ổn định tình hình Thủ đô là nhiệm vụ của toàn dân chứ không phải của chỉ riêng người Hà Nội và đã góp phần cống hiến xứng đáng.

Cũng nhằm mục đích ổn định đời sống Thủ đô, chính quyền thành phố Hà Nội đã thi hành một số biện pháp quan trọng kịp thời.

Sau ngày tiếp thu, Ủy ban Quân chính đã công bố bãi bỏ các thứ thuế như đảm phụ quốc phòng đánh vào đầu người, thuế an ninh, thuế hàng rong đánh vào người buôn thúng bán mẹt, thuế thẻ căn cước Hoa kiều.

Để thực hiện chính sách tài chính của Chính phủ, xây dựng một nền tiền tệ độc lập, ổn định sinh hoạt của nhân dân, chi nhánh Ngân hàng Quốc gia Việt Nam ở Hà Nội đã bắt đầu thu đổi tiền Đông Dương và tiền Liên Bang kể từ ngày 30-10-1954.

Song song với việc ổn định trật tự an ninh, ổn định tình hình kinh tế, đời sống văn hóa của Thủ đô cũng được ổn định ngay sau khi tiếp thu.

Các lớp bình dân học vụ, các lớp học văn hóa của công nhân và nhân dân lao động liên tiếp được mở ra. Ngay hôm sau ngày giải phóng, lớp bình dân học vụ chợ Cửa Nam đã mở ngay trong chợ. Tiếp sau đó, chị em buôn bán ở các chợ Đồng Xuân, chợ Hôm cũng tổ chức lớp học. Từ ngày 20-10-1954 thì các khu lao động, các phố đông anh chị em lao động như khu Lương Yên, phố Bờ Sông, phố Lò Đúc v.v... cũng lần lượt mở lớp học tập văn hóa, xóa nạn mù chữ. Bộ máy bình dân học vụ của thành phố Hà Nội từ đó ngày càng được mở rộng.

Các trường học cũng lần lượt mở cửa : ngày 15-10 các trường tiểu học, ngày 18-10 các trường trung học và từ ngày 1-11-1954 các trường đại học. Các trường tiểu học và

hương học ở ngoại thành cũng đồng thời mở lớp.

Trong không khí tung bừng phấn khởi của Thủ đô giải phóng, hai trăm văn nghệ sĩ thuộc đủ các ngành họa, kịch, văn, thơ, nhạc, kiến trúc v.v... từ khắp các tỉnh về, đã gặp mặt anh chị em văn nghệ sĩ Hà Nội trong một cuộc họp thân mật ở trụ sở Hội Văn nghệ Việt Nam. Ít lâu sau, các nghệ sĩ trong các đoàn sân khấu, cũng đã họp mặt, thảo luận các vấn đề về nghiệp vụ, sinh hoạt, hướng sáng tác biểu diễn và đối tượng phục vụ, chuẩn bị ra mắt nhân dân Thủ đô. Đồng thời các nhà báo ở vùng tự do về, ở Hà Nội trong thời tạm chiếm, các nhà báo ở Sài Gòn, ở Huế mới ra cũng đã tổ chức gặp mặt nhau ở Thủ đô và trao đổi ý kiến về những hoạt động của báo chí.

Như vậy là ngay sau khi tiếp thu, thành phố Hà Nội đã căn bản ổn định được tình hình và đã thực hiện tốt những công tác chủ yếu nhất mà Đảng đã đề ra. Hà Nội đã hoàn thành công tác tiếp thu, ổn định tổ chức và công tác của các cơ quan và xí nghiệp công cộng. Hà Nội đã ổn định và giữ vững trật tự và an ninh của thành phố. Hà Nội đã đảm bảo cung cấp một cách đều đặn điện, nước cho thành phố. Hà Nội đã thực hiện việc đổi tiền, ổn định tiền tệ, chỉ đạo và ổn định giá cả.

Việc chúng ta đã hoàn thành tốt, gọn gàng, nhanh chóng công tác tiếp thu Hà Nội, bảo đảm an ninh trật tự và ổn định sinh hoạt bình thường ngay từ ngày đầu tiên, đã làm cho nhân dân cả nước thêm tin tưởng, nhân dân thế giới mến phục, đồng thời cũng làm cho kẻ thù chúng ta kinh ngạc. Đó là một thắng lợi rất lớn của ta. Trước khi

buộc phải rút khỏi Hà Nội, bọn địch tưởng rằng, với những hậu quả của ách thống trị tàn bạo của chúng và những thiệt hại nghiêm trọng của 15 năm chiến tranh vừa qua, với những thủ đoạn phá hoại thâm độc của chúng, với trình độ quản trị còn non yếu và thiếu kinh nghiệm của chúng ta, với trăm nghìn khó khăn trở ngại mà chúng ta gặp phải, chúng ta không thể nào quản lý nổi thành phố Hà Nội. Nhưng chúng đã nhầm. Chúng ta đã chứng tỏ rằng, ta chẳng những đủ sức phá đổ chế độ thối nát của thực dân, phong kiến, mà còn đủ sức xây dựng một trật tự mới, trật tự cách mạng.

Ngày 10- 10-1954, ngày Thủ đô Hà Nội được giải phóng, đánh dấu một trang sử vẻ vang của nhân dân Hà Nội và nhân dân cả nước, đánh dấu sự kết thúc vĩnh viễn ách thống trị của đế quốc và tay sai ở Hà Nội và miền Bắc nước ta. Ngày 10-10-1954 cũng mở đầu một thời kỳ lịch sử mới, thời kỳ mà nhân dân thủ đô Hà Nội, đấu tranh trong lao động hòa bình mang hết nhiệt tình và trí sáng tạo của mình để xây dựng một chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa.

T.H.L

MAI XUÂN CẢNH

Bảo vệ Thủ đô ngày đầu ra Bắc

Hồi ký

Hai chiếc tàu “há mồm” mang quốc kỳ Pháp chờ sẵn ở cửa biển Quy Nhơn. Đơn vị đi đầu của EBB94/QK5 với tư thế của đội quân chiến thắng, đội ngũ chỉnh tề, lần lượt lên tàu tập kết ra Bắc, theo thỏa thuận của Ban Liên hiệp đình chiến, thi hành hiệp định Giơnevơ. Chuyển sang tàu Kilinsky, mang quốc kỳ Ba Lan đậu ngoài khơi, anh em chúng tôi đã mệt nhoài vì sóng to mưa lớn, cố bám thang giây lên tàu, được tiếp xúc ngay với ánh mắt, nụ cười thân thiện, sự tiếp đón ân cần của các sỹ quan thủy thủ Ba Lan. Bão to, mấy ngày đêm lênh đênh trên biển, nằm lăn lóc trên sàn gỗ, lắc lư qua lại theo từng đợt sóng dập dềnh. Chúng tôi đổ bộ lên Cửa Hội bằng thuyền dân, trong buổi sáng bình minh sau cơn bão. Từ đây tiếp



Nhân dân Thủ đô mừng đón bộ đội Cụ Hồ

Ảnh tư liệu

tục cuộc hành quân trên bộ, đêm đi ngày nghỉ, để lại sau lưng những cánh đồng hoang rậm cỏ, những làng mạc xơ xác tiêu điều, những đập nước, cây cầu còn nguyên vết tích chiến tranh tàn phá. Cuối cùng, dừng chân bên đê Thanh Trì, ngơ ngẩn nhìn dòng nước đỏ cuộn cuộn trôi về hướng biển. Được tạm dừng mấy ngày trong nhà dân, gấp rút hoàn thành mọi công tác chuẩn bị để nhận nhiệm vụ mới, tăng cường lực lượng cho các đơn vị bạn đã vào trước tiếp quản Hà Nội, bảo vệ Thủ đô.

Ngược dòng sông Hồng qua Vĩnh Tuy, Đồn Thủy, vào triển khai lực lượng bảo vệ nhà máy điện Yên Phụ, nhà máy nước, ga Hàng Cỏ, tiếp quản doanh

trại Việt – binh đoàn cạnh phố Yết Kiêu. Từ núi rừng Liên khu V, qua 9 năm gian lao chiến đấu, nay tiến vào Hà Nội với bao bỡ ngỡ ban đầu, ngay trong doanh trại cũng chỉ được đi lại trong phạm vi nhất định, vì còn nhiều vật liệu nổ chưa được vô hiệu hóa. Trước bao công việc ngổn ngang, mới mẻ, không kém quyết liệt, từng ngày từng giờ được sự chỉ đạo của cấp trên, dựa vào sự giúp đỡ của các bác, các anh chị công nhân hỏa xa, điện, nước, chúng tôi đã lần lượt tháo gỡ các vật chướng ngại, ụ súng, lô cốt địch dọc các đường phố, bảo vệ an toàn cho các cơ quan, xí nghiệp, cho cuộc sống hòa bình của nhân dân.

Lúc này, quân Pháp đã rút xuống Hải Phòng nhưng lực lượng địch còn cài cắm lại đang còn chỗ dựa trực tiếp, chống phá ta quyết liệt, phá hoại sản xuất, gây rối trật tự trị an. Chỉ nói riêng khu vực ga Hàng Cỏ, xung quanh và giữa các đường tàu chằng chịt dây thép gai, mìn bẫy các loại, cỏ mọc cao ngấp đầu người, có chỗ giữa hai đường tàu trong ga mà không nhìn thấy nhau. Mỗi khi phát hiện bọn phá hoại và xử lý, đã không dưới một lần phải trả giá đắt, vì những cạm bẫy chết người giăng giăng như ổ nhện. Càng gần Tết âm lịch, khu vực bến xe Kim Liên càng nhiều diễn biến phức tạp. Một hôm, tôi cùng anh em đi tuần tra để nắm tình hình. Trời lát phát mưa, gió mùa Đông Bắc hun hút, tôi ngạc nhiên thấy xung quanh bến xe có nhiều túp lều tạm bợ được dựng vội. Dưới ánh đèn đường tù mù, nhiều em bé chen nhau nằm ngay dưới nền đất, mặt mày tím tái. Tôi nghĩ

ngay đến khu gia đình trước doanh trại dọc đường Nam Bộ cách bến xe không xa đang không có người ở, nên đã cùng anh em, kiểm tra an toàn, quét dọn sạch sẽ, mời bà con vào nghỉ qua đêm. Được hơn tuần sau, ban chỉ huy tiểu đoàn gọi tôi lên, phê bình việc làm tùy tiện, không báo cáo và chờ ý kiến cấp trên, đồng thời báo cáo về trung đoàn để xét kỷ luật. Không hiểu từ nguồn tin nào, việc này đến tai thành phố, bác sỹ Trần Duy Hưng - Chủ tịch Ủy ban quân quản, đã có ý kiến, đại ý là: chiến sỹ quân đội nhân dân, trước hoàn cảnh đó ai cũng phải làm như thế, nên thông cảm với anh em. Tôi được thêm bài học về sự nghiêm minh của kỷ luật quân đội khi vào vùng mới giải phóng và sự độ lượng bao dung của lãnh đạo thành phố Hà Nội lúc bấy giờ. Một hôm, tôi được mời họp cùng nhân dân xung quanh bến xe Kim Liên, tại cuộc họp tôi nhận lời làm giáo viên đến dạy lớp xóa mù chữ cho “con sen, thằng nhỏ”. Do chưa rõ đối tượng mình dạy là ai nên hôm đầu đến lớp, nhìn thấy trẻ già đều có, nhiều người ngang bằng hoặc hơn tuổi giáo viên, chứ không có ai là “thằng nhỏ” cả. Sau hỏi ra mới biết, “con sen, thằng nhỏ” là chỉ những “người đi ở” không phân biệt tuổi tác.

Năm đầu vào tiếp quản, gặp ngay trận bão khủng khiếp. Cột điện, cây xanh đổ ngổn ngang, tôn ngói bay vù vù, nước tràn cả vào doanh trại. Được lệnh cấp trên, trong cơn mưa bão, toàn đơn vị ra đường cùng công nhân, sinh viên, bà con khu phố hộ đê, giải tỏa ách tắc giao thông và cùng công nhân khôi

phục lại hệ thống điện, cột điện bị đổ gãy.

Thời gian làm nhiệm vụ bảo vệ khu triển lãm văn hóa của nước bạn Tiệp Khắc, tại phố Yết Kiêu đã để lại trong tôi một ấn tượng không thể nào quên. Chiều 30 Tết âm lịch (02.1955), cái Tết đầu tiên sau ngày Thủ đô giải phóng, tôi đang cùng anh em trang trí phòng “đón Xuân” thì nhận được lệnh tăng cường bảo vệ khu vực triển lãm. Mưa bay lất phất, thành phố rợp cờ, người tràn ra đường đón Xuân, hái lộc mỗi lúc một đông. Trong khu triển lãm, ban tổ chức sắp xếp lại các hiện vật trưng bày. Các cô sinh viên làm nhiệm vụ hướng dẫn trang điểm lông lấy đang sửa sang những giò hoa lạ, đẹp mắt đưa từ châu Âu đến. Càng về khuya mưa càng nặng hạt, càng vắng dần người qua lại, tôi nóng ruột, vén tay xem đồng hồ, đã quá giao thừa. Bỗng từ phía đường Trần Hưng Đạo, một đoàn xe con nối tiếp nhau tiến vào sân, đưa các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung ương cùng thành phố Hà Nội vào thăm khu triển lãm. Tôi thầm nghĩ chắc có Bác Hồ cùng đi trong đoàn nên chú ý quan sát. Chiếc xe màu sữa, dừng ở phía xa. Từ trong xe có một ông cụ bước ra, dưới ánh đèn trông thật quắc thước với bộ râu dài và mái tóc bạc, đang từ từ đi lại phía tôi. Dịp may đã đến, tôi vội vàng rời vị trí, bám theo ông cụ. Vào đến gian phòng triển lãm đầu tiên, thấy không giống ảnh Bác, nên hỏi cô sinh viên mới quen đứng cạnh, được biết đó là cụ Vũ Đình Tụng - Bộ trưởng Bộ y tế. Tôi quay ra vị trí cũ và phát tín hiệu liên lạc với các đài quan sát và

nhận được tin báo an toàn. Bỗng thấy ngoài cổng có đèn pha chiếu vào sân, tiếp sau một chiếc xe từ từ tiến vào dừng sát bên tôi. Từ gian phòng triển lãm cuối nhà, ông Đại sứ Tiệp Khắc, phu nhân cùng một số cán bộ của Đại sứ quán mang theo những bó hoa tươi thắm, vội vàng chạy lại nơi chiếc xe màu đen vừa dừng. Cửa xe mở, một người mặc đồng phục màu xanh bước ra, tiếp sau là một ông cụ mặc quần áo kaki bạc màu, đưa tay rút chiếc khăn len trùm đầu. Tôi chăm chú theo dõi từng cử động, và thật bất ngờ, không còn tin vào mắt mình nữa, Bác Hồ đứng ngay trước mặt tôi, không nhầm lẫn vào đâu được. Bác tươi cười bắt tay, ôm hôn vị đại sứ ra đón, nhận những bó hoa tươi và nhanh nhẹn bước vào gian đầu của khu triển lãm. Từ đây tôi không rời Bác nửa bước, Bác đi đến đâu tôi theo đến đó. Bác xem hiện vật triển lãm và trao đổi cùng các bạn Tiệp Khắc, còn tôi thì xem Bác cho đến khi Bác ra xe. Đứng cạnh xe, Bác vẫy gọi tôi lại, thấy tôi không mặc áo rét, Bác liền hỏi:

- Cháu có rét không, chuẩn bị Tết cho anh em như thế nào? Có nhớ nhà không? Bác chúc các cháu đón xuân vui vẻ, học tập tốt, công tác tốt!

Không hiểu sao tôi chỉ đứng nghiêm như tượng đá, chỉ đáp ứng mỗi một câu :

- Thưa Bác có ạ !

Theo tiếng gọi quê hương, cùng nhiều anh em khác, tôi về lại chiến trường xưa mang theo ấn tượng sâu

đậm lần đầu gặp Bác, được trực tiếp đón nhận tình cảm thân thương của Bác đối với quân đội nói chung và bộ đội miền Nam nói riêng. Nửa thế kỷ đủ dài đối với một đời người. Đất nước đổi thay, kẻ còn người mất. Người xưa gặp lại chưa chắc đã nhận ra nhau, nhưng hình ảnh lần đầu đơn vị bộ đội miền Nam vào làm nhiệm vụ bảo vệ Thủ đô sau giải phóng, được đón nhận những tình cảm thân thương, triu mến của lãnh đạo thành phố, của công nhân, sinh viên và người lao động Thủ đô, đối với chúng tôi mãi mãi là hình ảnh tốt đẹp nhất lưu lại trong tâm trí không thể phai mờ.

(Trích hồi ký của Đại tá Mai Xuân Cảnh, Phòng 9 – Đà Lạt, nguyên Đại đội trưởng C264/ D9/C94/7350 - Sư đoàn bảo vệ Thủ đô Hà Nội)

18.7.2004

M.X.C

HOÀNG ĐỨC MAI

Nỗi đau Khâm Thiên

24.12.1972 ... Hôm nay khác lạ hơn mọi ngày. Thành phố như trời dậy. Người đi kẻ lại hối hả và vui tươi, sắc màu hoa lá, áo quần như rực rỡ hơn mặc dù tiết trời se lạnh. Suốt cả ngày nay còi báo động chưa một lần vang lên như thể chưa đổ vỡ, như thể chưa đau thương, hướng về ngày Noel. Con đường xuống phố như đông hơn. Từ nơi sơ tán mọi người không ai bảo ai, có đạo lẫn không có đạo đều nô nức trở về thành phố dự lễ Giáng Sinh. Nhà thờ lớn nằm giữa Thủ đô chiều nay tiếng chuông thông thả vang xa vỗ về những mất mát của bao gia đình. Thành phố hơn chục ngày nay rung động đổ nát...Giặc Mỹ muốn Thủ đô ta trở về thời đồ đá, nhưng chúng không vui dập nổi một đức tin về sự an lành, bình yên của mọi người dân đang hướng về cái thiện. Dù phải thực hiện nghi lễ trong thời chiến song vẫn tôn nghiêm, rực rỡ đèn hoa...

Mấy chị em tôi cũng xuôi trong dòng người ấy. Suốt cả ngày, một vài lần đài báo máy bay địch cách Hà Nội 150 cây số ... rồi thôi.



Hà Nội 12 ngày đêm "Điện Biên Phủ trên không"

Ảnh: MINH LỘC

Chúng tôi và mọi người bảo nhau rằng đa số người Mỹ theo đạo, ngày này là lễ trọng trong năm. Kính Chúa chắc họ không gieo tang tóc cho ta đâu! Quả thật đã gần trọn vẹn một ngày. 21h5, chị em chúng tôi mới cuộc bộ từ Bờ Hồ về Khâm Thiên, cơ quan tôi nằm ngay đầu ngõ Chung Tiễn.

Cơ quan đã đi sơ tán hết, chỉ còn đội tự vệ ở lại bảo vệ xí nghiệp ở bốn địa điểm trong thành phố: Cơ quan chính 125 Thụy Khuê, miếu "Giời Ới" cạnh bãi rác Tam Đa, phân xưởng mũ Đội Cấn và Khâm Thiên. Tôi nay sáu chị em tôi trực tại Khâm Thiên. Chúng tôi kéo nhau qua cổng, chào bác Nghĩa bảo vệ rồi leo thẳng lên gác hai lẫn hết cả ra, mỗi chân quá. Ngày nào cũng như hôm nay thì thích thật. Chị Hà ở Thụy Khuê kể: Lúc chào cả nhà đi trực còn

bị bà nội không cho đi. Mọi ngày đi bà không nói gì sao hôm nay bà nhất định cứ bảo ở nhà, không đi. Bà bảo, nếu đi bà từ, rồi tiện tay đang bốc cau bà ném con dao theo ra cửa. Nhưng là nhiệm vụ, mà hôm nay lại là ngày Giáng Sinh. Trong đám tụi tôi hôm nay có thêm cả người yêu chị Hằng từ đơn vị ở Hòa Bình về. Chúng tôi đùa ở Bưởi, đùa ở Thụy Khuê, đùa ở Hàng Than, đùa ở Lò Đúc, đùa ở Cát Linh. Cùng nhau vui đêm Noel giờ về lẫn ra tán dóc đủ thứ chuyện. Tôi ít tuổi nhất, kém bảy tháng là tròn mười bảy, nên được các chị cưng lắm. Lí nhí ít chuyện nhất vì chưa biết “yêu ai, ai yêu” nên chỉ ngóng lên nghe các chị kể chuyện thôi. Đột nhiên nghe tiếng còi báo động, mới “ù ừ” hai tiếng đã thấy đất chuyển nhà chao như con thuyền trên mặt nước. Chẳng hiểu sao chỉ nghe tiếng ịch ịch rơi rất nặng, không có tiếng ùng ùng ào ào như mọi ngày. Điện phụt tắt, tiếng rít khào khào gai rợn, tiếng gọi nhau, rồi hét, rồi lịm đi trong đất lay. Tôi chẳng thấy ai, sàn nhà như đang đi xuống dốc, tôi chẳng biết mình đang ở thế nào vì chẳng bám được vào cái gì. Hai tai điếc đặc, mắt tối sầm. Tiếng bay của vật gì xào xào, vù vù rồi bùng sáng là những đám cháy, luồng đạn xé không gian đan thẳng, vút như những mũi tên lửa...

Suốt 11 ngày nay đi đứng, chạy, nhảy trong thành phố vắng, thỉnh thoảng mới gặp một vài chiếc xe đạp vụt qua. Tôi đi từ Bưởi vào trung tâm thành phố, khi thì gác ở điểm này, khi thì ở điểm kia... Đang đi còi báo động, mọi người lao xuống hố cá nhân ven đường, còn tôi đứng xe đứng cạnh lúc thì gốc lim của đường Điện Biên, lúc thì gốc sấu của đường Phan Đình Phùng. Ôi giờ! Tán lá đan từng

tầng, tài thánh máy bay nhìn thấy gì dưới tán lá ấy. Và rồi việc nó bay thì cứ bay, việc tôi đạp xe cứ đạp. Cũng có khi mấy anh bộ đội gọi nhắc xuống hầm. Nhưng mà cứ báo động là xuống hầm thì chỉ có ngồi cạnh miệng hầm cả ngày. Thôi kệ, việc mình mình làm, thậm chí đi trực về cả nhà đi sơ tán, tôi lăn ra ngủ, còi báo động cũng mặc, cứ ngủ đã. Cả đường phố của tôi đi sơ tán hết, bên hàng xóm còn bác Tuấn bán nước trà mạn ở lại trông nhà. Hai bác cháu cứ í ới gọi nhau trèo lên ngọn cây lim để xem máy bay ném bom ở đâu. Vì nhà tôi ở ngã ba chợ Bưởi, đầu đường Hoàng Hoa Thám mà lại trèo lên cây nữa thì cao lắm, nhìn được khắp thành phố (vì bấy giờ chưa nhiều nhà cao tầng như bây giờ). Ngã ba vắng vẻ, tiếng bác cháu tôi cứ oang oang thuyết minh: “Nó bỏ bom bãi An Dương...” “Nó bỏ bom kho Đức Giang...” “Nhà máy điện Yên Phụ...” “nhà Bác Cổ...” “Đuôi Cá” v.v... Lúc đó tôi còn quá trẻ không có khái niệm giữa sống và chết, chỉ mong đến phiên là đi trực. Chúng tôi chỉ trực cơ quan và cứu sập còn mấy cô chú lớn thì trực tiếp bắn súng bộ binh tầm thấp và tiếp đạn cho các mâm pháo ở Tam Đa, cầu Long Biên. Mỗi ngày về lại được thông tin nơi này nơi kia của thành phố bị bom phá và người chết. Trong thành phố còn nhiều gia đình không đi sơ tán vì không có quê, vì nghèo, vì ... không sợ Mỹ. Họ bảo số chết thì ở đâu cũng chết, biết ở đâu Mỹ không đánh mà tránh. Bom đạn nó tránh mình, mình làm sao tránh được nó. Hay thật! Người Việt Nam đâu có sợ Mỹ và bom đạn Mỹ. Chồng, con, em vẫn hằng hái ra mặt trận, người ở lại cật lực lao động sản xuất và đánh trả máy bay Mỹ. Còi báo yên rồi tất cả lại tập trung

cho nơi vừa bị bắn phá, cứu sập, cứu người, cứu hàng, cứu hỏa... hối hả, khẩn trương, tự nguyện. Sao lúc này mọi người với nhau thân thương quá, ai ai cũng như ruột thịt. Cửa cải của nhà nước xếp đầy các phố. Hai bên đường, nhà cửa và tài sản của dân để lại chỉ có người là ra khỏi thành phố. Chỉ có chúng tôi những tự vệ còn ở lại bảo vệ tài sản chung mà nào có kẻ cắp dâu. Chỉ sợ Mỹ nó đánh vào thì là thiệt hại phải cứu thôi. Hôm thứ ba vừa rồi tên giặc lái bắn vào nhà máy điện Yên Phụ bị trúng tên lửa lao xuống hồ Trúc Bạch. Tên phi công nhảy dù xuống Hồ Tây dạt vào đồng giấy bị cháy của trường Đại học Bách Khoa đưa về đây. Nó chui vào đó trốn ngay cạnh vách hầm của xí nghiệp tôi. Lúc lớp ngóp chui ra, miệng nó lảo liên xin tha chết. Ai mà biết, chỉ có đá đường tàu điện, gậy gộc, nhân dân la hét trút lên đầu nó. Chỉ khổ cho đám tự vệ chúng tôi buộc phải can ngăn và hứng gậy lạc, đá lạc vào đầu, vào mặt. Máy bay của nó bị rơi xuống, cái đầu rơi sau ga xe điện vệ đường Hoàng Hoa Thám, gần đầu đường Bách Thảo làm cho bác Bính gái phân xưởng gò của cơ quan tôi từ nơi sơ tán về mua gạo số chưa kịp đi bị chết cháy vì cái hầm nhà bác ấy khoét vào cạnh đê. Thật tội nghiệp!...

... Đêm nay đây tưởng rằng là đêm Noel, người dân Hà Nội, người dân Việt Nam đã quá tin vào cái thiện, chứ không phải là mất cảnh giác... Trời long đất chuyển, tôi lảo trên sàn nhà gác mà như đưa vông, như thả bay không thấy chân của mình đâu nữa để mà chạy xuống hầm (toàn bộ sân dưới nhà đã phải đào lên để làm một khu hầm tập thể lớn). Ước độ một tiếng đồng

hồ rồi yên lặng, tôi nghe thắm sâu trong lòng đất âm u tiếng còi báo yên. Tôi quờ quạng không xác định được hướng nhưng vẫn lần ra được tới cầu thang theo bản năng. Tôi đang dẫm lên ai đây? Chị nào đây? Ngọc hả? Hóa ra các chị chạy nửa chừng nhà đổ nằm luôn ở cầu thang. Tôi gọi chị Ngọc, chị Hoa, chị Toan, chị Hà ơi!...Sao chỉ còn có mỗi mình em? Đi đâu hết rồi? Ai đó gọi tôi rồi kêu ầm lên: “Khâm Thiên bị bom rồi!”. Tiếng kêu thất thanh lẫn trong tiếng đổ vỡ, trời tối đen, tôi không thấy lạnh. Tiếng chạy, tiếng kêu khóc, điện chập xẹt lửa. Các chị đây rồi! Sao run quá thế này! Cả khu hầm dưới sâu đâu hết chỉ có một cái hố cực lớn đất, gạch bắn tan hoang. Nhà gác xung quanh sụp gãy chỉ còn một gian gác ngoài cùng tôi vừa ở đó là hơi nghiêng. Ôi, bác Nghĩa bảo vệ chạy ra cổng, cửa xí nghiệp mở toang, nắp hầm cá nhân không đập nắp thấy trong lòng hố có một phần từ móng trở xuống của ai đó. Điện bừng sáng, chúng tôi có bao nhiêu người ở đây không biết, đứng đây còn có ba người cuốc, xẻng lao vào các ngõ. Tiếng rên tiếng khóc cứ thế, cứ thế không biết bao lâu. Chỉ biết cứu được ai đều lôi ra lề đường, phần sau có người khác làm tiếp. Không biết nhà ai, xác của ai. Có cả một mái nhà đè lên mặt cái bể lớn, tiếng la lối vang ra, làm cách nào? Chúng tôi đập ngang hông bể, mảng tường lớn vỡ toang, người chen chúc chui ra. Khéo mà đè lên nhau khi chui ra lại chết người nữa!...

12h40', tôi đang ở cuối phố Khâm Thiên, cổ khăn đặc, mắt cay sè, sao mà không đói, không mệt. Ngoái đầu quan sát tôi mới nhìn rõ bom bỏ kiểu gì mà một

bên thì rải thảm, đường ở giữa không sao. Một bên thỉnh thoảng điểm một hố bom. Người lớn trẻ con bị chết ngạt đang nằm la liệt trên vỉa hè, khói hương nghi ngút. Có em bé không biết trai hay gái cứ bò quanh bốn cái xác. Nó thò tay sờ vú chắc là mẹ nó, hớp miệng bú rồi lại ngẩng cổ nhìn qua lại, rồi khóc, rồi bú tay, cứ lần đồng tiền xu ở túi mẹ. Có một người ngoại quốc đứng lom khom giơ máy ảnh chụp đứa bé và những xác chết. Từng chiếc xe thường mọi ngày chở bánh mì nay chở xác người chạy ra ngoài thành phố. Tôi về tới ngõ Chung Tiền mọi người vẫn còn bối. Bác Nghĩa bảo vệ bị bom Mỹ cắt làm ba khúc. Không thấy chị Hà đâu, thì ra ai nhanh chân xuống được hầm thì chết cả rồi. Cuối căn gác đã sập hẳn có một đồng thịt bầy nhầy xanh lè vắt ở đó và nắm tóc rất dài rối tung. Tôi có linh cảm đó là xác chị Hà, vì chị vốn có một mái tóc dài tới khoeo chân. Chúng tôi đã bối nhật xương, thịt, mảnh tóc, bộ ruột dồn vào một đồng. Tôi chợt nghĩ hôm qua lúc đi bà chị Hà đã... Bà ơi! Sao vậy, chị Hà đi mất rồi sao bà lại “tù” chị ấy? Tự nhiên tôi khóc nức nở. Suốt 12 ngày qua tôi chưa hề khóc. Đêm nay, ngày nay tôi thật sự sống sót giữa bãi rải thảm của B52, tôi chưa sợ và chưa hề sợ, chỉ thấy vừa hôm qua còn ôm nhau cười, mà bây giờ không còn cả xác! Trống vắng đến rợn người... Các chị cứ để tôi khóc thoải mái... Các chị bảo: Kệ nó bé bỏng tội nghiệp, lăn lóc suốt mấy ngày nay... Vậy mà rồi các chị cũng òa khóc theo.

Đối diện bên kia đường phố Khâm Thiên nay là bia cấm thù. Cả dãy gác sập xuống, chiếc giường gỗ còn

chiếc màn xô đu đưa nghiêng theo sàn nhà. Dưới tầng một bao nhiêu người vui tại chỗ không cầu lên được và nằm đó luôn. Ngõ chợ Khâm Thiên, một đám cưới đêm Noel nay chỉ còn chú rể. Ngay đầu phố có anh thợ cắt tóc đã chui xuống hầm ở gần giường rồi lại chui lên cất đồ nghề, thế là bom nổ bay đầu mất, hai ngày sau người nhà mới thấy xác bay tít xéo xuống tận phố Nam Đồng.

25.12.1972 trận thảm khốc sau cùng Mỹ gây ra ở Hà Nội. Trên bàn tròn Paris chúng nó đã thất bại. Người Hà Nội trở về khắc phục đổ nát phố Khâm Thiên. Mười mấy ngày sau còn bối được người bị vùi lấp trong đổ nát. Gia đình bố mẹ và các em tôi từ nơi sơ tán đã trở về. Bố tôi khóc vì ân hận trong 12 ngày đêm tàn khốc sao không bắt buộc con gái đi sơ tán. Nay thấy con vẫn khỏe mạnh trong đổ nát, bố không tin ở mắt mình nữa. Các em thì cứ búi lấy chị bắt đưa đi đến những chỗ giặc Mỹ phá hoại. Các em nhỏ quá chưa hiểu được hết thiệt hại và đau thương và chỉ hỏi khi nào đi học lại? ...

Chúng tôi lại tiếp tục thu dọn nơi xí nghiệp bị phá hoại để xây dựng lại, tổ chức sản xuất, tiếp tục chi viện cho miền Nam đánh thắng giặc Mỹ. Trên đường phố Hà Nội, dọc đường Láng từng đoàn xe kéo pháo kéo tên lửa đi về phía Nam. Nét mặt tươi cười của các anh bộ đội, những bàn tay vẫy chào, cô tự vệ nhỏ như tôi còn đứng lại nhìn các anh xuôi mãi về phía Nam. Thế rồi, sau ngày 25.2.1975 mấy đứa tự vệ chúng tôi lại xung phong vào bộ đội. Năm chị em thì bốn chị được vào ngay Thạch Hãn (Quảng Trị) phục vụ chiến

đầu, chỉ còn mình tôi vì bé nhất lại một mình ở một đơn vị. Học viện Quân sự đóng quân ở sát nhà khu 800 chợ Bưởi. Đơn vị tôi đào tạo những cán bộ cao cấp cho quân đội. Còn tôi lại muốn vào Trường Sơn cơ. Buồn, chán nhưng còn phải biết làm sao được. Thế mà...đến nay, sau 26 năm phục vụ ở Học viện Lục Quân, tôi đã được nghỉ hưu và đang tham gia công tác Chủ tịch Hội LHPN Phường 9 - TP Đà Lạt. Hôm nay, ngồi trước bàn hồi tưởng và viết lại những dòng này, lòng tôi vẫn thổn thức và nhớ như in như chuyện mới xảy ra...

Đà Lạt, mùa Thu 2000

H.Đ.M

BẠCH NHẬT PHƯƠNG

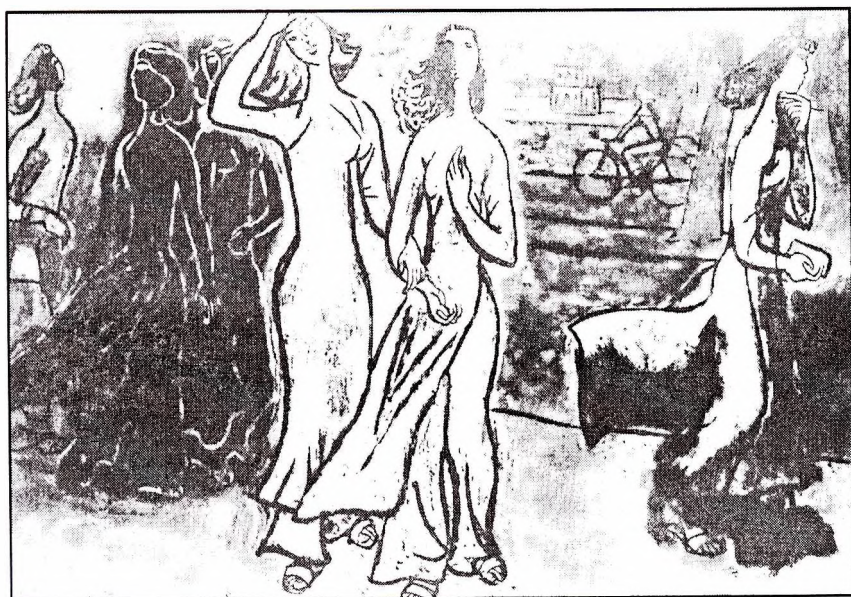
Hồi còi báo động

Truyện ngắn

Nhiều người nói Hà Nội bây giờ ô hợp quá. Không, với riêng tôi, Hà Nội vẫn nên thơ và luôn gợi nhớ! Tôi đã nhiều lần bảo vệ ý kiến này trước bạn bè. Để chứng minh cho lập luận của mình, đã có lần tôi cùng Bình tiến hành một cuộc kiểm nghiệm. Cái quyết định xuất phát từ ý muốn vui đùa nhiều hơn là nghiêm túc ấy không ngờ lại tạo nên một kỷ niệm khó quên.

Đó là mùa Hè năm 1998. Hà Nội đang trong giai đoạn mà hậu quả của thời bao cấp chưa qua hết, còn thành tựu của thời mở cửa chưa thể hiện thật rõ ràng. Tôi từ Đà Lạt về thành phố quê hương nghỉ phép. Buổi tối ấy trời nóng nực, điện quá yếu nên quạt chạy lờ lờ không đủ mát, tôi mượn chiếc xe đạp, chở đứa con gái nhỏ tìm đến khu tập thể cơ quan cũ của tôi để thăm Bình.

Qua khung cửa sổ, tôi nhìn thấy Bình đang ngồi miệt mài làm việc. Tôi cất tiếng chào bằng một câu tiếng Anh quen thuộc: “*What are you doing now?*”



Ảnh thiếu nữ bên hồ Gươm

Tranh sơn mài của NGUYỄN SÁNG

Bình ngẩng đầu lên, cặp kính cận lấp lánh, vầng trán cao và hơi dô, khuôn mặt đậm chiều chột giãn ra. Cậu ta reo lên niềm nở:

- Ô, chị ra chơi bất ngờ quá! Mời chị vào, em có trà ngon đây, lại có cả bánh đậu xanh dành cho cháu nữa nhé.

Tôi mỉm cười và bước vào nhà. Mặc dù tuổi đời khá chênh lệch, tôi rất hay trò chuyện cùng Bình. Những năm còn công tác ở Hà Nội, Bình từng là cộng tác viên trong vài đề tài nghiên cứu do tôi chủ trì. Về chuyên môn, Bình là một cán bộ trẻ có năng lực, làm việc say mê và nghiêm túc. Tôi đã sớm phát hiện ra điểm gặp gỡ này giữa tôi và Bình; rồi cũng thành công trong việc lôi kéo cậu ta vào những mục tiêu chung. Còn Bình, do tính tình không cởi mở nên ít bạn.

Ở chàng trí thức trẻ này tôi còn nhận thấy có nhiều suy nghĩ độc đáo. Cậu ta thích suy tư, những cảm nhận của cậu vốn đã không đơn giản, lại được diễn đạt bằng một chất giọng hơi gắt. Tuy thế, rất rõ ràng và thẳng thắn.

Chén trà Bắc Thái tỏa vị thơm đậm đà. Câu chuyện giữa chúng tôi đã chuyển từ đề tài chuyên môn sang đề tài xã hội. Giọng Bình trầm trầm, gai góc:

- Chị có vẻ bay bổng quá, sách vở quá. Còn em thì thực sự thấy ngán ngẩm và lo ngại, cái mảnh đất ngàn năm văn vật này đã pha trộn quá nhiều, đục ngầu vì ô nhiễm! Cái khái niệm “người Hà Nội thanh lịch” giờ đây chỉ còn tồn tại trong một số ngôi nhà cổ kính, còn ngoài đường phố thì...! Chị cứ thử nghe bọn thanh niên trò chuyện mà xem!

Tôi cười, nhìn thẳng vào mắt Bình trêu chọc:

- Thì cậu đã thành ông già râu, vậy mà tôi chưa tìm thấy trong ngôn từ của người thanh niên Hà Nội đang ngồi trước mặt tôi đây có điều gì cần chấn chỉnh.

- Chị cứ đùa, em muốn nói đến các cô cậu choai choai. Họ làm nghề nông gì chẳng biết, nhìn mặt mũi thì cũng xinh xắn, khôi ngô, nhưng cử chỉ và lời lẽ thì thật khủng khiếp.

Tôi suy nghĩ về những điều Bình nói. Để tranh cãi với cậu ta không thể hô hào, đặc biệt là không thể thiếu bằng chứng. Cậu ta rất biết cách vạch tìm điểm yếu của đối phương. Cuối cùng tôi lên tiếng:

- Tôi không sách vở đâu, có điều tuổi tác và sự từng trải giúp tôi nhìn đời bình tĩnh hơn. Ngoài ra, tôi còn có một nguyên tắc riêng trong suy nghĩ.

- Là thế nào chị?

- Nói ra thì chẳng có gì mới, chỉ có điều ai cũng biết, mà bỏ qua, xem nhẹ.

- Chị cứ nói, em nghe đây.

- Là thế này, mỗi sự việc phải đặt trong một tình huống cụ thể đã sinh ra nó. Mỗi hiện tượng cần được nhìn nhận từ nhiều phía và phải được xét trong các cặp tương đồng. Cái đáng chê và cái đáng khen, nét đẹp và điều làm ta khó chịu, phần cần khuyến khích và phần phải bài trừ... Và bao trùm lên hết cả là phải xét đến “nhân” và “quả” của hiện tượng ấy. Có như vậy mới...

Bình nóng nảy chen ngang:

- Như vậy chẳng hóa ra mọi sự việc nhỏ nhặt mà chị gặp hàng ngày đều lần lượt trở thành các đề tài nghiên cứu, để rồi chị phải dành cho nó những tư duy cao siêu và những lập luận quy mô?!...

Tôi mỉm cười từ tốn:

- Thà rằng cậu hoàn toàn thờ ơ trước sự việc lại đi một nhẽ. Còn một khi cậu đã quan tâm nó thì phải chọn một cách suy ngẫm cho thích hợp chứ. Tâm lý học gọi đó là *“phương pháp xử lý các tình huống xã hội”*.

Bình gật gù, vẻ thông thái:

- Theo em gọi thì là “kỹ năng” đúng hơn là “phương

pháp”, nhưng em cũng đã xử lý theo cách của em đấy thôi.

- Có lẽ vấn đề là ở góc nhìn. Thay cho việc luôn cau có, miệt thị, cậu hãy xử lý hơn một chút thử xem. Chắc sẽ tổn ít năng lượng hơn đấy.

Bình im lặng, tôi lại tấn công:

- Đó là chưa kể, khi thả lỏng thần kinh nó sẽ làm gương mặt của cậu tươi tỉnh hơn, bớt “cụ non” hơn, các cô gái sẽ thấy cậu dễ thương hơn, tình trạng độc thân sẽ sớm chấm dứt hơn đấy.

Bình nửa đùa, nửa thật:

- Cứ như thế này em cũng đã quá đào hoa rồi, em chưa nhúc nhích chính là em ngại các cô gái thời nay lắm. Tóm lại, chị có kết luận gì về cái điều mà ta đang bàn đây?

- Tôi cho rằng Hà Nội ngày nay, cũng như lớp trẻ ngày nay, tuy có khác nhiều so với mười mười lăm năm trước song nó vẫn hấp dẫn và đáng yêu như ngày nào, chỉ có điều ta yêu nó ở những dáng vẻ khác...

- Cứ cho là chị đã nghĩ đúng. Dù sao em cũng ngưỡng mộ cái đức lạc quan của chị. Bây giờ chị hãy cung cấp một vài dẫn chứng để thuyết phục.

Tôi trầm nghĩ, thì chính con người cậu cũng là một dẫn chứng đó thôi. Cậu giỏi giang mà nghiêm ngặt, nghiêm túc mà cực đoan. Bảo cậu là “một trí thức mẫu mực” thì không phải, nhưng cậu là một cái đầu có giá, một tiềm năng đáng kể về trí tuệ.

Xét toàn cục, lớp trí thức trẻ đương thời nhiều người tính cẩn trọng. Nhưng bù lại, họ lại hơn hẳn về sự năng

động và sáng tạo. Nếu lứa chúng tôi chỉ có được sự sắc sảo trong khoa học khi đã ở độ tuổi 45-50, sau nhiều năm tích lũy, thì dường như bọn trẻ đạt tới điều đó sớm hơn. Nếu thế hệ cha chú từng khiến tôi kính nể thì thế hệ đàn em không ít phen làm tôi thán phục và đồng tình.

Tôi còn đắn đo, chưa muốn nói điều mình đang nghĩ, thì một ý tưởng vui vui chợt đến, tôi bèn nói với Bình:

- Thế này nhé, ngày mai chủ nhật, tôi và cậu sẽ tiến hành một cuộc kiểm nghiệm nhỏ, cũng có thể cho là một trò chơi lý thú. Chúng ta sẽ dạo quanh đường phố, rồi thống kê các sự kiện hay - dở bất gặp. Có tư liệu rồi tôi và cậu sẽ thảo luận tiếp, cậu đồng ý chứ?!

Bình gật đầu:

- Cũng hay đấy!

Sáng chủ nhật, mới gần 7 giờ mà mặt trời đã lộ ra vàng trực. Mây trắng bông bênh trôi như báo hiệu một ngày nắng gắt. Đường Phan Đình Phùng với hai hàng sấu sum xuê, thanh bình và gợi cảm. Tôi mang theo cả đứa con gái nhỏ, cùng Bình đạp xe thông thả. Chúng tôi rẽ qua đường Lý Nam Đế tới ngã ba cuối đường thì phải dừng lại chờ tàu hỏa ngang qua. Cây chắn đã hạ xuống. Người đứng chờ khá đông. Hai cậu thanh niên đứng sau lưng tôi nói oang oang:

- Muốn mẹ nó rồi còn gì !

- Đ...chờ nữa, nhào qua đi mày !

Rồi chúng vượt lên, xăm xăm nhấc cây chắn định chui qua thì một tiếng còi “toét...” của nhân viên hỏa xa ngăn lại.

Bình quay lại nhìn tôi tủm tỉm:

- Sự kiện mở màn chị nhé !

Dọc theo đường Tràng Thi chúng tôi vòng qua bờ hồ Hoàn Kiếm rồi dừng lại ở hiệu kem Hồng Vân. Quầy bên ngoài bán kem que, có đến ba chục người đang xếp hai hàng chờ mua. Quầy phía trong bán kem cốc đang vắng tôi hỏi mua 3 cốc kem đậu xanh. Cô bán hàng mặt lạnh như tiền, trả lời cộc lốc:

- Hết rồi !

Con gái tôi ao ước được ăn thử kem que Hà Nội. Tôi nhìn hàng người ngẩn ngại. Bên phía bờ hồ đối diện một đám đông đang đứng dưới bóng cây, ai nấy đều mút kem một cách ngon lành.

Suy nghĩ vài giây rồi Bình quyết định đứng xếp hàng. Tôi hiểu rằng đối với cậu ta đây là sự nhẫn nại hiếm gặp. Có lẽ vì muốn chiều cháu gái từ miền Nam ra.

Đã đến lượt Bình. Cậu dùng tay phải nhận kem còn tay trái vòng ra sau để bảo vệ ví tiền đang đựng trong túi quần. Có kem rồi, ba chúng tôi nhập vào đám đông dưới bóng cây. Bình không quên giữ lấy ví tiền phía sau.

Chợt một thanh niên chừng mười tám, hai mươi rẽ đám đông đến trước mặt tôi lễ phép hỏi:

- Cô làm ơn xem giúp cháu mấy giờ rồi ạ?! Tôi nháy

mất cho Bình, ý nói “đấy nhé, chẳng thanh lịch là gì?”

Vài giây sau Bình hốt hoảng kêu to:

- Mất đồng hồ rồi! Bắt lấy kìa, thằng ăn cắp!

Tôi nhìn theo tay Bình và nhận ra chính cái thằng vừa hồi giờ tôi đang nhảy vội lên xe của đồng bọn và lao nhanh về phía đường Hàng Bông.

Bình nhảy lên xe đuổi theo, tôi mắc con nhỏ đành đứng chờ tại chỗ. Vừa lúc đó, một thanh niên mặc quần áo bộ đội, dáng người lực lưỡng bước đến trước mặt tôi hỏi:

- Nó cướp đồng hồ của anh ấy hả chị? Tôi còn chưa kịp trả lời thì...phất một cái, anh ta giật mạnh chiếc xe đạp từ tay tôi rồi lao nhanh về phía Bình. Đám đông vây lấy mẹ con tôi bàn tán. Đường phố vẫn lũ lượt xe chạy. Hy vọng thật mong manh...

Bình trở lại, mồ hôi lấm tấm trên trán. Cậu ta bực bội tuyên bố:

- Chịu không sao đuổi kịp. Cả cái thằng lấy xe đạp của chị cũng mất hút.

Lòng tôi se sắt cay đắng. Chiếc xe đạp mượn của cô bạn giờ biết sao đây? Tất cả số tiền tôi đang có chỉ đủ mua vé tàu và ăn đường cho mẹ con tôi về Đà Lạt. Còn cô bạn tôi, với đồng lương giáo viên, biết đến bao giờ mới dành dụm đủ tiền để mua xe mới ?!

Tôi ngậm ngùi nhớ về cái thời mà tại ngã tư Bờ Hồ này luôn vang lên tiếng chuông xe điện leng keng. Tuổi trẻ thời ấy thật mơ màng và hồn nhiên, nhiều câu bé nhặt

được của rơi còn mang nộ công an.

Bao giờ cho đến..... ngày xưa! – Tôi trầm ngâm.

Tôi ngắm Bình, một vết xước dài chừng nửa phân nơi cổ tay trái cậu ấy vẫn còn rướm máu.

Đã một tuần trôi qua. Hàng ngày cô bạn tôi phải lóc cóc đi bộ đến trường. Tôi thực sự day dứt. Lại đã là Chủ Nhật...

Tôi chuẩn bị trở về thành phố cao nguyên. Bình chở tôi ra cửa hàng bách hóa tổng hợp Bờ Hồ để mua vài thứ cần thiết. Chẳng hiểu ngẫu nhiên hay có gì xui khiến, Bình lại chọn đúng tuyến đường mà chúng tôi đã đi tuần trước.

Vừa đến ngã tư Bờ Hồ thì nghe một tiếng reo mừng rỡ:

- Cô ơi, anh ơi... May quá!...

Hai anh bộ đội từ trên hè đường chạy nhào ra, nắm lấy tay lái. Bình đang chạy xe chậm chậm buộc phải chống chân xuống đường, dừng lại. Tôi chợt nhận ra cái tên cao lớn kia chính là kẻ đã cướp xe đạp của tôi hôm trước. Hắn định giữ trò gì nữa đây (?)

Tôi nhảy vội xuống đường, bước nhanh ra đằng trước, nắm chặt lấy ghi đông, chăm chăm nhìn vào bọn chúng, cảnh giác và căm tức. Nhưng kìa... lạ quá! Thằng ấy nó lại cười, nụ cười rạng rỡ và mãn nguyện cứ như vừa lập được chiến công hiển hách. Rồi nó thò tay vào túi áo, rút ra một chiếc đồng hồ, giơ lên lắc lắc và nói:

- Đồng hồ của anh đây. Hôm ấy, sau khi tóm được bọn chúng đưa vào đồn công an rồi quay lại thì mọi người đã đi hết. Hôm nay hai đứa chúng em đứng chờ ở đây suốt từ sáng. Em đoán chắc rằng cô và anh sẽ đi ngang qua. Nào, bây giờ cô theo cháu để lấy chiếc xe đạp, cháu gửi ở đầu kia.

Anh ta nói liền một mạch, nụ cười vẫn đọng mãi trên gương mặt sạm màu nắng gió. Tôi còn chưa hết ngỡ ngàng, liền thắc mắc:

- Làm sao mà các anh lại tóm được chúng?
- Thì chúng cháu là lính đặc công mà cô !
- Thế...các anh đóng quân ở Hà Nội?

Với một vẻ tự hào thơ trẻ, anh chàng hồn nhiên đáp:

- Chúng cháu về phép thăm nhà đấy chứ, dân Hà Nội gốc mà cô.

Tôi nhìn lại hai chàng lính trẻ, chắc cũng chỉ lớn hơn thằng con trai đầu của tôi chừng dăm ba tuổi.

Không gian lắng lại như vừa trải qua một tiếng hú dài của hồi còi báo động. Đột nhiên Bình đập nhẹ vào tay tôi nói lớn:

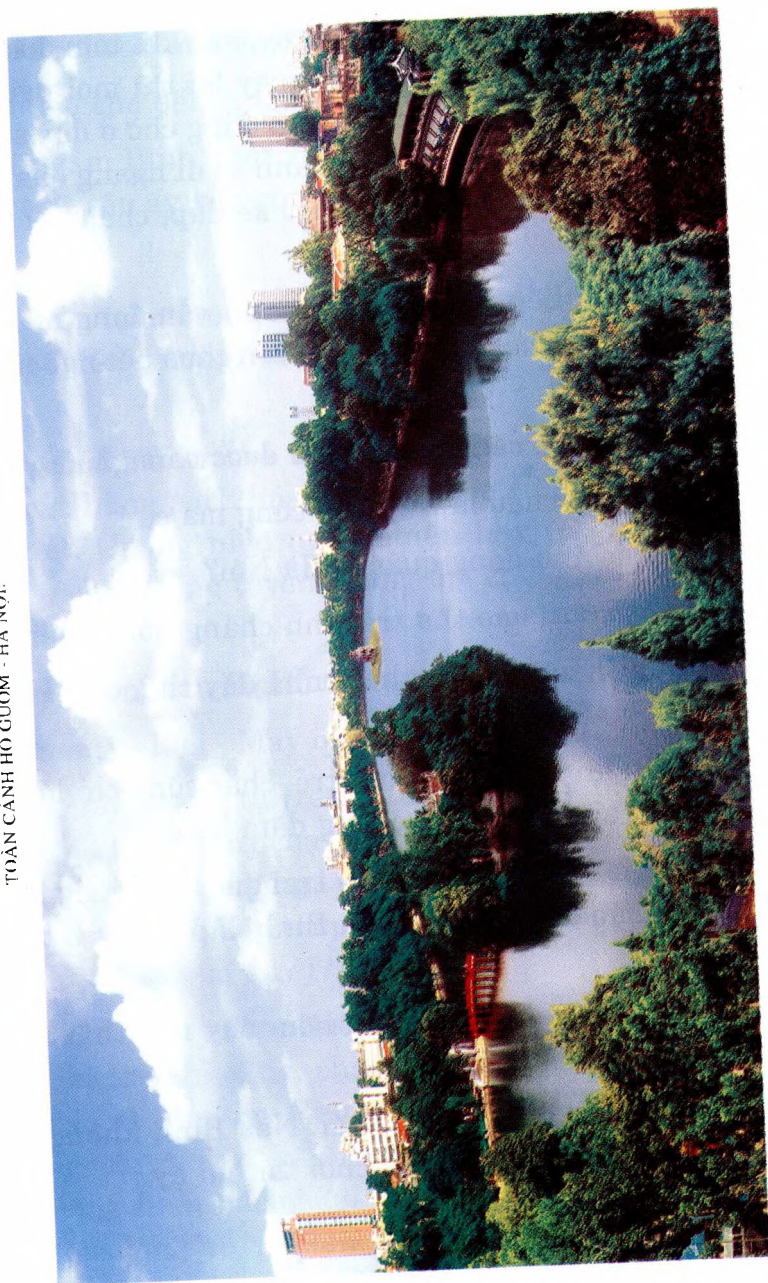
- Cuộc kiểm nghiệm của chị hôm nay mới thật sự kết thúc.

Tôi cười giòn tan, sáng khoái. Nếu Bình không nhắc chắc tôi đã quên bằng cái trò chơi tai hại ấy...

B.N.P

Ảnh: MINH LỘC

TOÀN CẢNH HỒ GƯƠM - HÀ NỘI.



HÀ ĐỨC ÁI

Về thăm Hà Nội

*Xa Hà Nội hai mươi năm vời vợi
Được về thăm Thủ đô thời đổi mới
Đường rộng lâu cao lạc lối tìm nhà
Không còn “leng keng” tàu điện Bờ Hồ
Thêm nhiều vườn hoa bốn mùa đua nở
Ngày Xuân lạnh se se đào thấp lửa
Đêm Đông phố nồng nàn hương hoa sữa
Trưa hè ve kêu phượng đỏ mặt hồ
Chiều Thu vàng hoa cúc gọi hồn thơ...*

*Đất Thăng Long ngàn xưa hùng thiêng thắng tích
Người Hà Nội tài hoa, hiền hòa, thanh lịch
Thành phố “Vi Hòa Bình”,
cửa “phẩm giá”, “lương tâm”...
Những muốn ôm cả Hà Nội vào lòng*

*Cho vội bót tháng năm dài thương nhớ
Từng “xẻ dọc Trường Sơn” trừ giặc dữ
Nay gieo hạt ươm mầm xây thành phố cao nguyên
Hà Nội ơi! Có thể nào quên
Ga Hàng Cỏ - những đoàn quân Nam tiến...*

*Tiếp bước cha anh, chúng tôi đã đi và đến
Mở đất rộng chân trời giành hạnh phúc, ấm no
Xứng đáng “một phần máu thịt của Thủ đô”
Cùng cả nước và vì cả nước!
Chẳng quản nhọc nhằn “khai sơn phá thạch”
Cho dân ấm no, Tổ quốc mạnh giàu
Để muôn đời con cháu mai sau
Tim còn đập còn nhớ về Hà Nội !*

Lâm Hà, 2000-2004

NGUYỄN TRUNG AN

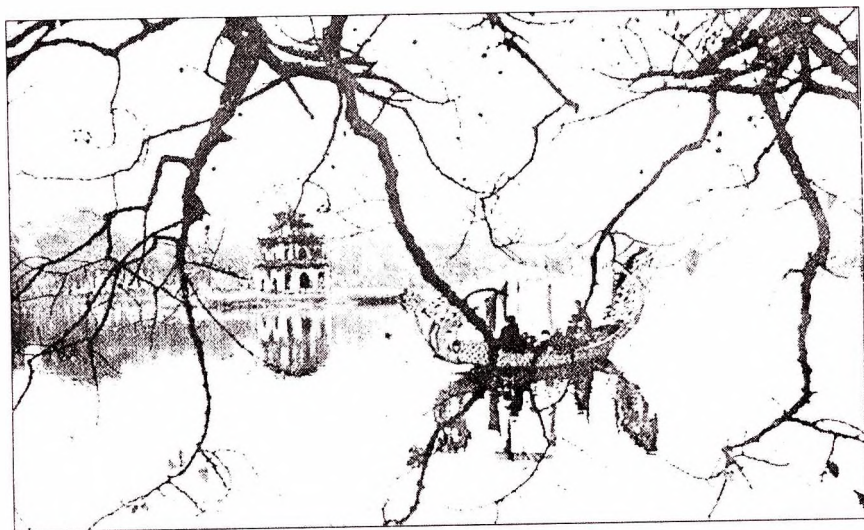
Chia tay bên hồ Gươm

*Anh về tạm biệt Thủ đô,
Để cùng em thức bên hồ đêm nay.
Bồng bềnh như tỉnh, như say
Giữa lòng anh, lẫn đắng cay, ngọt lành.
Mơ hồ một ánh sao xanh
Như đang chạm phải tim anh đó mà!
Giọt thương nhớ, giấc gần xa
Nhìn con cá nhảy đều là tri âm
Cho anh được khấn rùa Thần :
“Lưỡi gươm huyền thoại anh cầm được ư ?”*

Cùng em hò hẹn bên hồ
Lại nghe “Đại Cáo Bình Ngô” vọng về
Trong tim anh, sẵn lời thề
Bác ơi, lời Bác : “Hãy vì miền Nam...”
Máu thiêng thơm của nghìn năm
Tụ trong lời Bác ngân vang rạng ngời.

Ngày chia tay sắp đến rồi
Đêm nay anh lại cùng ngôi bên em.
Mai ngày sum họp hai miền
Bên hồ anh lại cùng em tự tình.

Hà Nội, 6-10-1962



Tắm thăm len

Anh về thăm em một chiều
Trái tim Thử đô rực đỏ
Hàng chục máy bay cú điều
Xác vụn rơi đầy hè phố

Em vẫn hiền ngang ngời đỏ
Dịu hiền bên chiếc tắm len
Má em hồng hồng rực đỏ
Khăn xanh đội đầu nghiêng nghiêng

Thoăn thoát bàn tay thon nhỏ
Như gảy chiếc đàn đa huyền
Đàn không lời ca reo rất
Mà sao náo nức tình duyên

Ôi, đây hồn thiêng đất nước
Hiện về trên tắm thăm len
Hàng tre, cánh đồng lúa biếc
Cánh cò trắng vỗ bay lên

*Có cả màu xanh hẹn ước
Con rồng, con phượng, nàng tiên
Đây cả trời mây non nước
Bên em múa suốt ngày đêm*

*Ngày mai tám thắm làm xong
Vượt qua trùng dương xa thẳm
Mang tên đất nước anh hùng
Thấm tô tình thân xứ bạn*

*Giặc Mỹ điên cuồng phải chết
Trái tim em đã luyện rồi
Thủ đô ngày đêm oanh liệt
Công nhân bên máy không rời*

*Anh yêu cuộc đời tha thiết
Nên càng yêu em thiết tha
Em dệt nên hoa đất nước
Cho hồn thơ anh vang xa.*

NGUYỄN ĐĂNG CHẤN

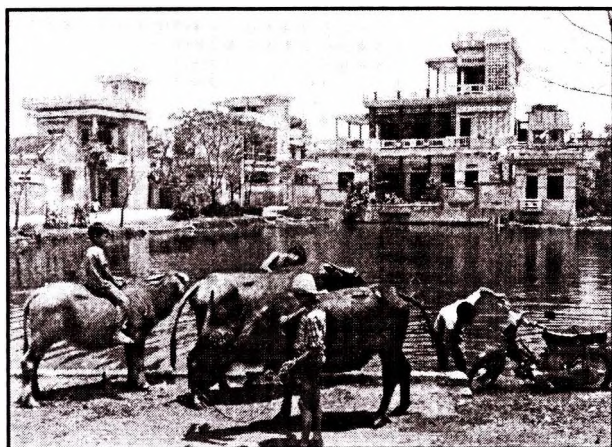
Về quê gặp phố

*Xuống xe dừng ở đầu làng
Rằng quê hay phố ngỡ ngang làm sao
Hai bên đường nhựa nhà cao
Thênh thang xưởng thợ, ồn ào máy xe*

*Đó đây sắt gỗ bộn bề
Người xe tấp nập đi về bán mua
Hàng ăn uống mở sớm trưa
Bách hóa đông khách tay đưa, miệng chào*

*Lối vào thôn rẽ nơi nào
Đường bê tông hóa đi vào phố quê
Lối ngang ngõ dọc tứ bề
Mái bằng san sát bộn bề thấp cao*

*Quanh làng dâu lũy tre bao
Lối mòn xưa để dẫn vào nhà em
Còn đâu cái ngõ thân quen
Cái sân đất nện cái hàng đậu thưa*



*Muốn về thăm lại nhà xưa
Sợ đi nhầm ngõ chẳng vừa lòng nhau
Tre dừa in bóng nơi đâu
Ao sâu đã lấp xây lầu nhà cao*

*Đêm trăng hò hẹn nơi nào
Sáng lòa ánh điện lối vào nhà em
Về quê tìm chút hương quen
Bỗng nhòa trong ánh điện đèn phố quê.*

Tháng 11 năm 2002

A MA HLANG

Tây nguyên - Hà Nội

Như con chim cò huê kiên cường bất khuất ⁽¹⁾

Đánh cả chim tở lang, sợ gì chim ác ⁽²⁾!

Khí phách Tây Nguyên mang bản sắc Tiên Rồng

Ý chí quật cường như Hà Nội - Thăng Long

Được hun đúc bốn nghìn năm lịch sử

Xua đuổi bao lần loài chim gờ rú ⁽³⁾

Đánh bại âm mưu đặt ra xứ “Tây Kỳ”

Cũ, mới thực dân đều cuốn gói ra đi

Không chia cắt được non sông đất Việt!

Như con chim cò huê kiên cường bất khuất

Vì Tây Nguyên có Hà Nội - Thăng Long



*Gắn bó bên nhau thuận ý đồng lòng
Đoàn kết Lâm Đồng – Thăng Long – Hà Nội
Nước chảy từ nguồn cây xanh nhờ cội
Tổ Quốc mạnh giàu có Hà Nội - Tây Nguyên
Chim coré reo mừng bảo nhau vững niềm tin ⁽⁴⁾*

Đà Lạt, ngày 2/11/2001

Các chim theo tiếng Êđê:

(1) *cơhuê (Kwei) : chim chèo bẻo (tượng trưng
cho tinh thần bất khuất của đồng bào các dân tộc
Tây Nguyên)*

(2) *tơlang (Tlang) : diều hâu . Ac (Ak): chim
quạ*

(3) *gơrứ (Gru) : kên kên*

(4) *coré (Kre) : chim khách*

Hà Nội bằng lăng

*Thôi ta về phương Nam
Con tàu băng băng mang nhiều trần trở
Thôi từ biệt đô thành nặng nợ
Chờ ta cao nguyên trắng tóc lau ngàn*

*Thôi từ biệt một chiều Thu Hà Nội
Ta nuốt trong lòng câu hát tặng em
Bằng lăng – em bồi bồi gió thổi
Vẫn dịu dàng hương thoảng xa xăm*

*Thôi từ biệt và xin gửi lại
Đêm Tây Hồ thăm thăm trời sao
Ta đem theo chút tình khờ dại
Hẹn thế sao em chẳng đến nào?*

*Xin hẹn đến một ngày xa ngái
Em của ta, Hà Nội tóc mùa thu
Chút mưa bay chút hoang đường trống trải
Kỷ niệm xưa một thoáng mơ hồ...*

Tháng 8/1997

VƯƠNG HẠNH

Bánh chưng, bánh tét

*Mang mặn mà biển cả
Có xanh biếc núi rừng
Hương thơm của ruộng đồng
Cả vị cay đắng nhỏ.*

*Đậu xanh ôm thịt mỡ
Tinh đất thấm tinh người
Lửa giục nước reo vui
Cả tiếng cười trẻ thức.*

*Cúng tổ tiên vuông vức
Dâng trời đất vẹn tròn
Biếu mẹ cha nội ngoại
Cặp bánh nhỏ phần con.*

*Việt Nam có bánh Tết
Thời Lang Liêu ở trần
Dù bánh chưng bánh tét
Bánh nào cũng có nhân.*

LÊ XUÂN LIỄU

Hành hương

*Tết về đào mận đơm hoa
Lộc xanh chồi biếc nhà nhà sắc Xuân
Mưa phùn trải nhẹ ngoài sân
Gặp nhau cảm xúc thơ vẫn mấy câu
Bạn ơi, xa cách bấy lâu
Hôm nay mới được cùng nhau về nhà...*

*Quê hương tôi ở Trung Hà
Sông Hồng chở nặng phù sa mát lành
Đôi bờ thắm bãi ngô xanh
Nương dâu ruộng đậu vườn cành tốt tươi
Gặp ai cũng nở nụ cười
Hỏi thăm sức khỏe những người thân quen...*

*Quê hương thực sự là men
Làm tôi ngây ngất một phen triu lòng
Giang tay vốc ngụm nước sông
Vội đi con khát nỗi lòng xa quê...*

PHAN THÀNH MINH

Ngàn năm Thăng Long

*Người trao tôi những đôi hờn
Sông trao tôi chút nỗi buồn đáng yêu
Hoàng thành trao dấu phong rêu
Bờ mi nhưng khép trao nhau đợi chờ...*

*Oanh vàng trao khúc duyên tơ
Hoàng hôn trao bến hẹn hò tình nhân
Cửa ô bạc áo phong trần
Hồ Gươm soi tháp rùa thân nghiêm thiêng...*

*Sen hồ lất lẻo mưa nghiêng
Chuông xa Trấn Quốc chạnh duyên Ngọc Hà
Giếng tình đọng hạt châu sa
Thiên thu hồn đá đợi chờ giải oan!*

*Chốn xưa gác mộng lâu hoàng
Bể dâu mấy cuộc phù tang chạnh lòng
Ngàn năm thương nhớ Thăng Long
Giang sơn hồn Việt cha Rồng mẹ Tiên...*

HOÀNG MAI

Hà Nội của lòng tôi

*Sông Hồng ơi, tôi đã nhận ra người
Như nhận lại một người em gái
Khi tôi đi chỉ mới vừa tập nói
Mà nét xuân hồng nay đã thấm làn môi.*

*Khi tôi đi đất lở, đất bồi
Khi trở lại đất thành châu ngọc
Lâm Đồng xa xôi mòn chân tôi đi khắp
Khi trở về ngào nghen gọi: Hà Nội ơi!*

*Mùa Xuân xưa chim én đến tìm tôi
Và nhận ra tôi nơi xóm nhỏ ven bờ
Mùa Xuân nay, én từ chân trời trở lại
Cánh ngơ ngác động trên tầng ngói mới
Tìm làm sao nữa, én phương xa!*

*Gặp những người bạn nô đùa thuở nhỏ
Bên bờ sông vọc cát dựng lâu đài
Thuở niên thiếu mơ làm thi sĩ trẻ
Chiều sóng lên, mộng nhỏ cuốn trôi*

*Hà Nội của lòng tôi, của tuổi thơ trong trắng
Đường thanh niên đã cùng tôi “đội nắng”
Long lanh mặt nước Hồ Tây...*

*Ngày ấy giặc Mỹ đến đây
B52 và 12 ngày đêm dữ dội
Hà Nội hiên ngang đứng đây
Khiến quân thù hồn lạc, phách bay!*

*Đất bị cây bom mà cây vẫn xanh
Thực phẩm hiếm mà lòng dân vui lạ
Trong đêm đen Thủ đô thành ngọn lửa
Đào dạt sông Hồng tiếng hát vang xa.*

*Đã qua rồi bão táp phong ba
Hà Nội lớn lên như một lời hứa hẹn
Say đắm mãi lòng tôi, lòng bạn
Hãy về đây nhen lại trái tim mình.*

LÊ KỲ NAM

Giấc mơ Hà Nội

*Tôi xa Hà Nội từ lâu lắm
Ít dịp về thăm lại Thủ đô
Đêm nhớ chập chờn trong giấc ngủ
Dưới mưa bay đi dạo quanh hồ.*

*Tôi mơ thấy rùa vàng tái hiện
Đem gương thần trao tặng tay ai
Tháp trầm tư nghiêng soi bóng nước
Đón anh hùng Lê Lợi - Lê Lai*

*Tôi mơ thấy đoàn người Hà Nội
Đến Tây Nguyên xây dựng cơ đồ
Đất Lâm Hà - một vùng giàu đẹp
Có bàn tay, trí tuệ Thủ đô*

*Tôi bừng tỉnh giấc mơ kỳ diệu
Thấy hồn mình bay bổng Tây Nguyên
Lòng vương vấn tóc tơ Hà Nội
Cứ theo tôi đi khắp mọi miền...*

NGUYỄN NĂNG NHƯỢNG

Cúc nở tình yêu

*Hà Nội mùa thu ai nhớ đây
Năm mươi năm vươn dậy từng ngày
Một ngôi sao mọc trấm miền sáng
Tháp Bút, lầu Văn hương ngát say*

*Nhớ về Hà Nội đất Thăng Long
Cầu mới vươn xa vượt sóng Hồng
Thành cổ ngàn xưa giờ sống dậy
Tháp Rùa soi bóng nước gương trong*

*Dấu xa nhau nhớ cả đêm ngày
Vẫn hiện lên như một áng mây
Hà Nội trời thu thay áo mới
Nay ta về ánh mắt còn say*

*Mùa gió heo may ở ngoại thành
Ruộng đồng cày ải, mạ lên xanh
Bên dòng Tô Lịch cây đơm trái
Quả chín tròn căng mọng trĩu cành*

*Phong cảnh đẹp, mong hơn thế nữa
Bức tranh kia muốn điểm thêm màu
Cho người đi nhớ mùa hoa sữa
Thu trở về bông nở trắng phau*

*Hơi Thu một tối về Đà Lạt
Vượt mấy đèo mây tới phố Hoa
Không bóng không hình... sao quán quýt
Vẫn nhìn nghe thấu được hồn ta*

*Phòng văn thơ viết còn dang dở
Ngoài cửa thông reo gió hú đều
Kìa, lá vàng rơi Thu đã đến
Lạ lòng chưa? Cúc nở tình yêu!*

Mùa Thu 2004.

NGUYỄN TẤN ON

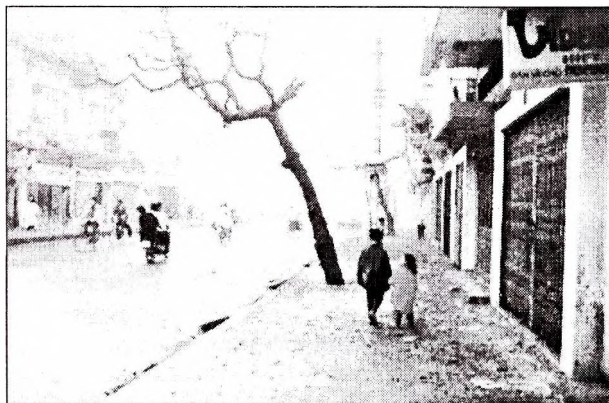
Vườn hạ

Tặng Kim Nguyên

*Mưa rót
Nghiêng lòng lá non
Lột tiếng chim
Hót vang vườn hạ
Ngõ mẹ
Tìm trời hoa giấy
Bâng khuâng trái sầu tìm về*

*Mưa hạ
Ướt đất xanh vườn
Thấm lời mẹ dặn
Thỏa lòng chờ mong*

*Mười năm
Con về núp vào bóng lá
Có con chim chiền chiện
Nhảy nhót trên cây bàng xòe tán
Ôm cháu vào lòng
Mẹ khẽ hát ầu ơ
Câu thơ
Chiều mưa trong nắng đục*



*Đau con dò
Mờ mịt một triền đê*

*Con về
Hạ soi bờ vũng nguyệt
Tiếng ghi-ta
Làm rát mặt sông Hồng
Lặng vào ký ức
Tàu điện một thời
Leng keng
Trong thành phố
Mỗi con đường riêng một mùa hoa
Con lặng lẽ
Mưa ướt vai vườn hạ.*

BẠCH NHẬT PHƯƠNG

Thuở ấy, bây giờ

*Tôi về thăm lại Thủ đô
Xôn xao, năm tháng trẻ thơ, bọn bê
Con đường thuở ấy đi về
Đôi hàng cây sấu sum xuê, bồi hồi
Sân trường xưa rộn tiếng cười
Chiều Hồ Tây, gió nói lời vu vơ...*

*Tôi về thăm lại Thủ đô
Bâng khuâng, nơi ấy bây giờ còn chẳng?
Góc hồ Sen trắng bọt ngàn
Nhỏ nhoi một chiếc thuyền nan cắm sào
Nghì Tàm hương ổi nôn nao
Mùa thi, mùa phượng, mùa trao hương thầm...*



*Bạn bè tóc đã hoa râu
Hàn huyền quên mọi thặng trầm riu ran
Nụ cười xóa sạch nếp nhăn
Hồn nhiên, ai bảo “ đã toan về già”
Mặc thời gian, mặc phong ba
Một “bầy” các cụ, vẫn là... trẻ thơ!*

*Tôi về thăm lại Thủ đô
Bao năm xa, để bây giờ gần hơn!...*

*Trại sáng tác Tam Đảo
Tháng 8 - 2002*

LẠC QUAN

Tây Hồ

Lâu ngày về lại Tây Hồ
Mênh mông mây nước Thủ đô gió ngàn
Thuyền tình rẽ sóng đưa sang
Băng băng lướt nhẹ dọc ngang mặt hồ
Lúa thưa cao ốc lô nhô
Trời xanh rọi bóng nước hồ lung linh
Đường quanh hội tụ Ba Đình
Giữa lòng Hà Nội quê mình đời xưa
Bồng bênh mây trắng nhẹ đưa
Lắng sâu bể ái sớm trưa mạn thuyền
Hồ Tây xinh đẹp hồn nhiên
Sớm gieo chuỗi ngọc, chiều nghiêng ánh hồng
Ao sen rày đã hết bông
Hương sen còn đọng hòa trong nắng vàng
Chiều Thu trên nẻo đường làng
Lần theo nguyệt quế quan san dặm dài
Nơi đây là chốn Bồng lai
Ta đang lần bước thiên thai Tây Hồ...

HÀ THANH THỦY

Đếm sao

*Một sao, hai sao, ba sao
Tôi nhớ làm sao
Những đêm hè dịu ấm
Nằm giữa lòng bà tôi thì thầm cầu khẩn
“Bà kể cháu nghe chuyện những vì sao
Kìa dải ngân hà lấp lánh trên cao
Kìa ngôi sao Ngưu Lang, Chức Nữ...”
Một sao, hai sao rồi nhiều sao nữa
Và tôi yêu tất cả các vì sao
Những chấm sao sáng long lanh êm dịu ngọt ngào
Soi sáng trong tôi những ngày xưa ấy
“Bao giờ cháu bà tròn mười bảy
Nhưng!
Đừng bao giờ thành Chức Nữ, Ngưu Lang...”*

*Rồi một hôm dưới bóng cây bàng
Tán lá sum xuê che tình hai đứa
Sao đầy trời những chùm hoa rực lửa.*

*Nhìn sao, tôi lại nhớ năm xưa.
“Anh ơi! Chúng mình chẳng bao giờ...”
Anh khẽ gật đầu: “Ừ chẳng bao giờ
Chúng mình thành Ngưu Lang, Chức Nữ
Em thấy không? Kìa những chùm hoa lửa
Cũng mỉm cười mừng đôi lứa chúng ta...”
Ánh mắt anh trong sáng hiền hòa
Nhưng có ai ngờ
Từ đó đến giờ
Bao năm rồi anh nhỉ?
Anh đang trên đường hành quân đánh Mỹ
Chúng mình phải xa nhau
Nhưng em tin rằng: Rồi chẳng bao lâu
Vì tất cả chẳng ai mong
Chúng mình thành Ngưu Lang, Chức Nữ...!*

THANH TOÀN

Một thoáng Hà Nội

*Vừa chớp mắt đã gần Hà Nội
Ơi! Thăng Long tôi hằng thầm gọi
Hồng Hà ơi, dòng sông yêu dấu
Nuôi đời từng hạt đỗ phù sa
Và những cánh buồm nâu no gió
Mía, ngô xanh sóng hát đôi bờ...*

*Trang thân thoai, mũi tên thành cổ
Nét sử vàng ngời sáng Thăng Long
Nắng trải lụa mùa thu tháng Tám
Nắng Ba Đình giục bước ta đi
Bốn nghìn năm trầm hùng sông núi ...*

*Góc phố xưa bằng lăng tím đội
Cây sấu già vàng ươm mùa lá
Hương sen thơm trong cốm đầu mùa
Vu vơ hát gò lá Thu ơi
Mà bản nhạc rừng rừng niềm nhớ*

*Hà Nội ơi, tươi nguyên tình ai
Sóng Hồ Gươm ngàn năm xanh mãi
Lá me nào rợp bóng tuổi hồng
Ký ức còn vương hương hoa sữa
Từng trang Kiều trong gót Thu vàng
Đào Nhật Tân chúm chim mùa Xuân*

*Cỏ hoa may dùng dằng đàn lối
Lửa Tây Nguyên rực hồng đêm hội
Chấp chới ngàn sao kỳ diệu bay
Lòng ghen thầm gọi tên Hà Nội
Bên Mimosa thương lắm hoa đào.*

TRẦN DOÃN THIÊN

Nhớ hồ Gươm

*Hồ Gươm xanh ngắt một màu
Thanh gương Lê Lợi lặn sâu đáy hồ
Sương mai phủ kín tháp Rùa
Mành Thu liễu rủ gió đưa lặng lẽ
Sáng ra tập luyện quanh bờ
Chiều đi bách bộ đón chờ người thân
Gió đùa sóng nước lặn tẩn
Mây bơi, trăng tắm như gần như xa.
Ngọc Sơn với đình Tân Ba
Đài Nghiên, Tháp Bút ngấm qua Diếu Đài
Chữ son viết đậm lên trời
Việt Nam Độc lập đời đời quang vinh
Danh lam thắng cảnh hữu tình
Giữa lòng Hà Nội: Ba Đình, Hồ Gươm...*

TRẦN NGỌC TRÁC

Gặp Hà Nội trên cao

*Đốt lửa giữa rừng đêm
nghe tắc kè kêu đổi gió
Mơn man mưa sương
lạnh buốt những đêm Hè
Mơ Hà Nội những ngày Đông giá rét
Ta bên nhau bèn đất đỏ một vùng quê*

*Bạt ngàn nắng, bạt ngàn gió cao nguyên
Những ngôi nhà mọc lên trong rừng cây xanh thắm
Mẹ gõ nhịp phách ca trù lặng thắm nỗi nhớ
Mệnh mang Tây Hồ, mệnh mang...*

*Hương cà phê ngào ngạt giữa rừng khuya
Thềm chút hương sữa nồng nàn giữa lòng phố cổ
Cây bàng lá đỏ thức hoài ngô nhỏ
Chim sâm cầm vượt sóng ra khơi*

“Đây là Đài Tiếng nói Việt Nam
phát thanh từ Hà Nội...”



*Nghe rất đôi thân quen giữa núi rừng bồi hồi
Giọng quê nhà ấm áp làm sao
Cô giáo Thủ đô mang cái chữ lên vùng cao
Sáng rực một vùng đất trời rộng mở...*

*“Từ thuở mang gươm đi mở cõi
Nghìn năm thương nhớ đất Thăng Long”*
Câu thơ như lời nguyện sông núi
Người Hà Nội ra đi thỏa chí tang bồng...*

** Thơ Huỳnh Văn Nghệ.*

PHÙNG VĂN THU

Hương đồng gió nội

*Xa quê mấy chục năm rồi
Khi buồn lại nhớ tới hồi chia xa
Nước mây cách trở quê nhà
Càng suy càng nhớ càng già tình thương
Bước chân rỗ gót dặm trường
Thên thang côi thế chặng đường trải qua
Xuân xanh đã trở về già
Tuổi đời chồng chất tóc đà pha sương
Con đò bến cũ quê hương
Giờ đây sao nhĩ vấn vương bao tình
Cây đa, giếng nước mái đình
Bờ ao khóm trúc in hình còn không?
Nhìn về mây nước mệnh mong
Hương đồng gió nội như trong mơ màng.*

. Tháng 10 năm 2002

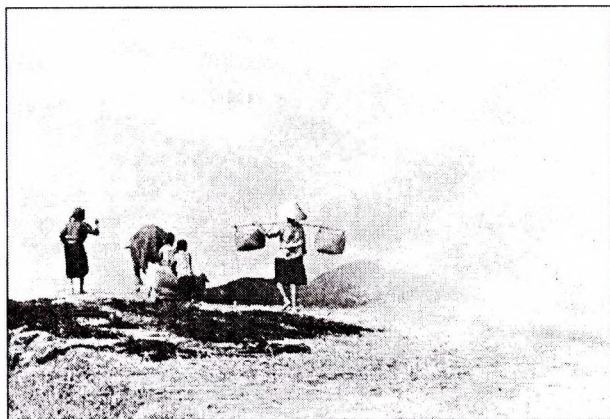
NGUYỄN VĂN TÁM

Xa quê

*Bâng khuâng nhớ mãi quê nhà
Cái nôi rút ruột mặn mà xóm thôn...*

*Ôm kỷ niệm thắm đậm trường
Đường đi muôn nẻo vấn vương hương về
Gió đồn sóng dập bờ đê
Con đường nhỏ vẫn lối về năm xưa.*

*Đời người dầu già nắng mưa
Thơm com nếp mới sớm trưa ngày nào
Sông Hồng gió thổi lao xao
Bãi ngô xanh thắm tình cao vơi đầy.*



*Xa quê mà dạ bấy nay
Sâu tình nghĩa nặng ơn tay bạn đời
Cây đa, mái rạ, giếng khơi
Tiếng già, giọng trẻ là nơi đi về...*

*Xa quê xin trọn lời thề
Nơi nôi ấu vẫn lối về năm xưa...*

Lâm Hà, 15-2-2003

TRƯƠNG THỊ TƯƠI

Tìm về

Gửi Hà Nội thân yêu.

*Ngày mai thôi, sẽ vô Nam
Sẽ về cùng với nắng vàng đầy dư
Với miền sơn dã gió ru
Có thông reo giữa mây mù giăng giăng...*

*Lại xa Hà Nội ngàn năm
Cho ngày gặp lại lệ đầm nhớ thương
Hà Thành mảnh đất tơ vương
Thiên lương vô đôi người thương nhớ về!*

*Có người thiếu phụ xa quê
Công theo một mảnh trăng thê lên non
Phố phường khuất bóng vàng son
Dấu xa vạm dặm vẫn còn trong ai.*

*Chia xa nhé, tình chẳng phai
Để mai*

ta lại

một mai

tìm về!...

PHẠM VŨ

Hà Nội và em

Chào Hà Nội

Trái tim của sáu mươi triệu trái tim

Chúng tôi vác súng ra đi theo lời Tổ quốc gọi

Tám năm rồi nay trở lại Thủ đô ơi

Tám năm xa không một phút nào nguôi

Thương nhớ cháy đỏ trời Hà Nội

Gặp Thủ đô hôm nay sao lòng ta bồi rối

Nhìn nấng Ba Đình, thương nhớ phá Tam Giang!

Em đón anh trên thềm chợ Đồng Xuân

Tay ôm hoa tím lòng chung thủy

Giọt nước mắt mừng vui

Rơi trên cánh hoa hé nở

*Rạo rức đất trời nỗi nhớ thương nhau
Cầm tay em anh nói được gì đâu
Nghe xúc động tận chiều sâu hơi thở
Hồ Gươm ơi, con sóng nào thuở nhỏ
Khỏa lưng rùa, ta bỏ ngõ tập bơi
Đêm vượt sông Hương, ngày qua thác cửa Trời
Vẫn gặp con sóng xanh của hồ Hoàn Kiếm
Ba Đình ơi, Ba Đình xanh sắc nắng
Sao lòng ta chưa tạnh những đêm mưa!
Anh lại lên đường
Em đừng khóc nghe chưa!
Trời Hà Nội mùa Thu nắng đỏ
Anh không chết vì có em để nhớ
Trái tim anh xin gửi ở Ba Đình...*

Thu Hà Nội 1973

KHUYẾT DANH

Ba mươi sáu phố Hà Nội

*Rủ nhau chơi khắp Long Thành
Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai:
Hàng Bồ, Hàng Bạc, Hàng Gai,
Hàng Buồm, Hàng Thiếc, Hàng Bài, Hàng Khay,
Mã Vĩ, Hàng Điếu, Hàng Giày,
Hàng Lờ, Hàng Cót, Hàng Mây, Hàng Đàn
Phố Mới, Phúc Kiến, Hàng Ngang
Hàng Mã, Hàng Mắm, Hàng Than, Hàng Đồng
Hàng Muối, Hàng Nón, Cầu Đông,
Hàng Hòm, Hàng Đậu, Hàng Bông, Hàng Bè,*



*Hàng Thùng, Hàng Bát, Hàng Tre,
Hàng Vôi, Hàng Giấy, Hàng The, Hàng Gà,
Quanh đi đến phố Hàng Da
Trải xem phường phố thật là cũng xinh.
Phồn hoa thứ nhất Long Thành,
Phố dăng mắc cửi, dăng quanh bàn cờ.
Người về nhớ cảnh ngân nga,
Bút hoa xin chép nên thơ lưu truyền.*

BÙI VĂN HÙNG

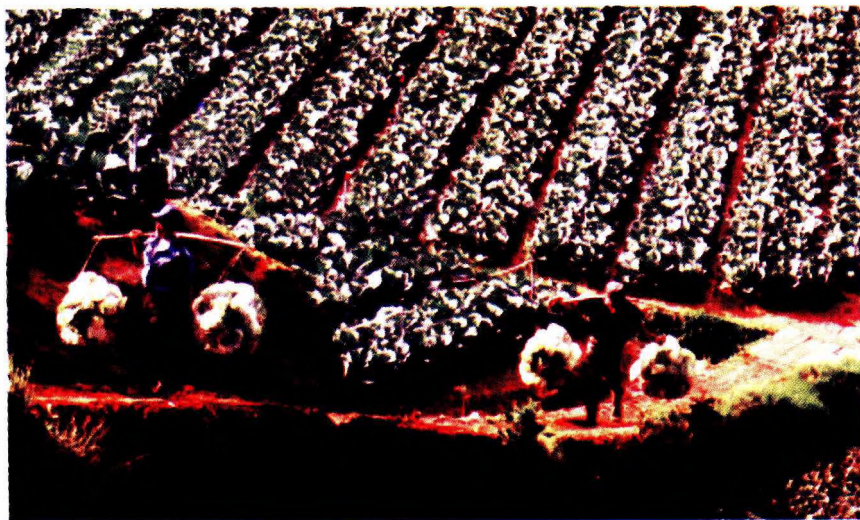
Quá trình di dân lập ấp Hà Đông tại Đà Lạt trước Cách mạng tháng Tám 1945

Vào cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp đã hoàn thành công cuộc xâm lược và thống trị nước ta. Trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất, người Pháp đã tìm ra Đà Lạt và chủ trương xây dựng nơi đây thành một trung tâm nghỉ dưỡng và du lịch của họ ở Việt Nam và Đông Dương. Mặc dù vậy, vai trò lớn mang tính quyết định đến sự phát triển của thành phố lại chính là cộng đồng cư dân người Việt. Từ nhiều địa phương trong cả nước, người Việt được huy động hay tự nguyện đã lần lượt đến Đà Lạt. Theo chiều dài lịch sử hơn một trăm năm qua, các luồng di dân từ mọi miền của Tổ quốc đã tề tựu về Đà Lạt ngày càng nhiều hơn, vừa tạo nên một bức

tranh nhiều màu của bộ mặt dân cư, vừa đóng góp sức mình vào việc phát triển của thành phố. Chính những thế hệ người Việt ấy đã tạo nên một thành phố Đà Lạt, nổi tiếng trong và ngoài nước về du lịch và nghỉ dưỡng, về các loại rau quả và hoa tươi cũng như những đặc sắc riêng của nó.

Việc nghiên cứu về những cộng đồng cư dân Việt đầu tiên ở Đà Lạt không những góp phần vào việc đánh giá công sức, vai trò to lớn của họ với sự hình thành và phát triển của thành phố mà còn làm sáng tỏ nguồn gốc của đông đảo lực lượng lao động có tính ảnh hưởng đến quá trình xây dựng và phát triển của thành phố Đà Lạt trong xu thế phát triển chung của đất nước.

* * *



Vùng rau Đà Lạt

Ảnh Minh Lộc

Trước sự lớn mạnh không ngừng của Đà Lạt với sự gia tăng dân số người Việt, từ năm 1936, triều đình Huế đã lập ra một cơ quan hành chính đại diện cho người Việt bên cạnh Tòa Đốc lý của thực dân Pháp tại Đà Lạt. Đứng đầu cơ quan này là một quan Quản đạo hàm Tứ phẩm – Trần Văn Lý, Quản đạo đầu tiên của Đà Lạt, phụ giúp công việc cai trị thành phố cho viên Đốc lý Công sứ người Pháp. Ngay từ khi mới nhận chức, Trần Văn Lý đã nhận thấy Đà Lạt là một vùng khí hậu mát mẻ, còn nhiều đất hoang chưa được khai phá và nhu cầu rau quả tươi sống của người Pháp ngày càng tăng lên là điều kiện để mở mang nghề trồng rau quả và hoa ở đây. Ông đã nêu sáng kiến về việc lập ấp trồng rau và hoa tươi cung cấp tại chỗ cho người Pháp tại Đà Lạt. Được sự đồng ý của người Pháp, ông Trần Văn Lý đã đề nghị ông Hoàng Trọng Phu, Tổng đốc Hà Đông kiêm Chủ tịch Ủy ban tương tế xã hội trung ương Bắc Kỳ về việc di dân Bắc Kỳ vào lập ấp tại Đà Lạt. Sở dĩ ông Trần Văn Lý nêu việc này với ông Hoàng Trọng Phu là vì, bản thân ông Trần Văn Lý đã từng làm Tri phủ Thọ Xuân (Thanh Hóa) nên rất hiểu tình hình nông dân Bắc Kỳ thiếu đất canh tác nghiêm trọng, làm cho đời sống hết sức khó khăn. Mặt khác, ông Hoàng Trọng Phu lại đang kiêm nhiệm chức Chủ tịch Ủy ban tương tế xã hội Trung ương Bắc Kỳ.

Nhận lời đề nghị trên, ông Hoàng Trọng Phu cho ông Lê Văn Định lúc đó đang giữ chức Thương tá canh nông tỉnh Hà Đông xây dựng kế hoạch và chuẩn bị thực hiện việc di dân Hà Đông vào lập ấp tại Đà Lạt. Ông Lê Văn Định đã tiến hành các bước chuẩn bị như sau:

1. Cổ động chương trình di dân Hà Đông vào lập ấp ở Đà Lạt trên các phương tiện thông tin đại chúng ⁽¹⁾ trong đó có các nội dung:

- Giới thiệu về Đà Lạt và triển vọng của nó.
- Nêu rõ mục đích của việc di dân lập ấp là: giúp cho những nông dân chuyên nghề làm vườn phát huy sở trường của mình để nâng cao mức sống ở vùng đất đai rộng lớn, màu mỡ, khí hậu ôn hòa mát mẻ, thích hợp với sự sinh trưởng của các loại rau và hoa ôn đới; giảm bớt áp lực gia tăng dân số cũng như nạn thiếu đất canh tác của cư dân nông nghiệp Hà Đông; cung cấp các loại hoa và rau tươi cho một thị trường đầy hứa hẹn là Đà Lạt với những người Pháp giàu có.

- Thông báo rộng rãi về việc tuyển chọn người, nhất là những nông dân khỏe mạnh, thạo nghề làm vườn. Những người được tuyển chọn sẽ được giúp đỡ vốn liếng ban đầu để dễ dàng vào Đà Lạt tổ chức ổn định và phát triển cuộc sống.

2. Chuẩn bị về tài chính: Ông Lê Văn Định với tư cách là Thương tá canh nông tỉnh Hà Đông, thành viên của Hội tiểu canh nông công nghệ đã đứng ra vay được 500 đồng từ quỹ của Ủy ban tương tế xã hội Trung ương Bắc Kỳ ⁽²⁾ số tiền này được ông Lê Văn Định trích ra 300 đồng gửi vào Đà Lạt nhờ ông Trần Văn Lý chuẩn bị về cơ sở vật chất ban đầu cho việc ổn định cuộc sống di dân, phần còn lại để mua vé tàu hỏa và cấp cho những người được tuyển chọn vào đợt đầu chi tiêu, mua sắm công cụ sản xuất.

3. Nhờ công tác cổ động tích cực, công việc tuyển chọn

đã đạt kết quả tốt. Đầu năm 1938, hàng chục người từ các làng xã trong tỉnh Hà Đông đã được tập trung về trụ sở của hội tiểu canh nông công nghệ Hà Đông. Hầu hết trong số họ là nam giới do các chức sắc của các làng xã ven Hồ Tây đề cử. Ông Lê Văn Định đã tuyển được hơn 30 người và giao cho ông Vũ Đình Mắm, Tham tá canh nông tỉnh Hà Đông hướng dẫn thêm về cách trồng rau, hoa. Sau đó, họ được đưa đi tham quan học tập phương pháp trồng rau, hoa của người châu Âu tại các vườn của người Pháp ở làng Ngọc Hà (trong đó có vườn của ông Victor Vouillon) và trại nuôi gà của ông Hoàng Trọng Phu.

4. Để đảm bảo vệ sinh và an toàn dịch tễ cho Đà Lạt, nhà cầm quyền Đà Lạt yêu cầu tất cả mọi người đều phải có giấy chứng nhận sức khỏe và giấy chứng nhận tiêm phòng (chích ngừa) các bệnh truyền nhiễm như dịch hạch, đậu mùa trước khi vào Đà Lạt. Để thực hiện việc này, ông Lê Văn Định đã giao cho Bác sĩ Cao Xuân Cẩm (hội viên Hội tiểu canh nông công nghệ) khám và tiêm phòng cho họ.

5. Trên cơ sở nguồn tài chính hiện có gồm 200 đồng còn lại và quỹ của Hội tiểu canh nông công nghệ, ông Lê Văn Định đã tiến hành cho người mua vé tàu Hà Nội- Đà Lạt cho đoàn dân di cư và cho họ vay với định mức 7 đồng/tháng/ người trong thời gian 3 tháng ⁽³⁾. Ông cũng chuẩn bị một phương án dự trù là nếu như việc ổn định cuộc sống gặp nhiều khó khăn, ông sẽ đề nghị với Ủy ban tương tế xã hội Trung ương Bắc Kỳ tiếp tục cho vay tới 18 tháng.

Song song với các bước tiến hành tại Hà Đông; ở Đà

Lạt, Trần Văn Lý cũng tiến hành một số công tác chuẩn bị như sau:

1. Sau khi khảo sát đồ án thiết kế của Kiến trúc sư Hebrard và nghiên cứu thực địa, ông Trần Văn Lý đã quyết định chọn đất lập ấp ở thung lũng phía Bắc khu dân cư người Việt cũ bên đường Cầu Queo (nay là đường Phan Đình Phùng). Thung lũng này khá đẹp, hoang vu, cây cỏ um tùm, thú rừng lảng vảng nhưng lại gần con đường đi Dankia (nay là đường Nguyễn Công Trứ, Xô Viết Nghệ Tĩnh), đất đai khá tốt, địa hình thoải theo các sườn đồi thấp, có nguồn nước suối chảy qua thuận lợi cho việc canh tác rau quả.

2. Được sự đồng ý của Đốc lý Đà Lạt và nhờ có số tiền 300 đồng do ông Lê Văn Định gửi vào trước đây, ông Trần Văn Lý đã giao cho ông Huyện Thượng Hàn Đăng ở Đơn Dương tổ chức việc phát quang, dựng nhà, đuổi thú dữ trong thung lũng. Những người Thượng được huy động đã tự mình mang theo dụng cụ lao động, ngày làm, đêm nghỉ tạo ra một khu vực tương đối quang đãng. Ở trên vùng đất mới phát quang này, họ dựng tạm 3 căn nhà gỗ, lợp tranh, mỗi căn 3 gian để cho những người mới vào có chỗ trú ngụ. Toàn bộ chi phí cho các công việc này hết 150 đồng.

3. Số tiền còn lại, ông Trần Văn Lý dùng để mua gạo, nước mắm, và những vật dụng cần thiết cho cuộc sống và sản xuất ban đầu của con người.

Sau khi công việc chuẩn bị đã hoàn tất, ngày 29 tháng 5 năm 1938, nhóm cư dân gốc Hà Đông đầu tiên gồm 35 người được đưa lên tàu hỏa vào Đà Lạt. Họ là những nông

dân khỏe mạnh thạo nghề làm vườn lại được huấn luyện kỹ càng phương thức canh tác tiên tiến theo mô hình châu Âu. Quê gốc của họ là từ 6 làng ven hồ Tây: Quảng Bá, Nghi Tâm, Tây Tựu, Ngọc Hà, Xuân Tảo, Vạn Phúc.

Nhóm cư dân quê làng Quảng Bá gồm 6 người: Ngô Văn Hiện, Ngô Văn Hựu, Ngô Văn Tường, Ngô Văn Nhuận, Trần Văn Y và Nguyễn Duy Thuấn.

Nhóm cư dân quê làng Nghi Tâm gồm 6 người: Lý Nhu, ông Ap, bà Cả Tục (cả 3 người đều không rõ họ) và 3 người nữa (không rõ họ tên).

Nhóm cư dân quê làng Tây Tựu gồm 6 người: Nguyễn Xuân Hợp (phó Kim), Nguyễn Hữu Bái, Nguyễn Hữu Đồng (đồ Tư), Nguyễn Hữu Thiết (đồ Năm), Nguyễn Hữu Hoắc (ông Mồm) và Nguyễn Hữu Nhuận.

Nhóm cư dân quê làng Ngọc Hà gồm 6 người: Đỗ Xuân Kế, Trần Văn Nga, Đỗ Xuân Thế, ông Chân (không rõ họ), và 2 người (không rõ họ tên).

Nhóm cư dân quê làng Xuân Tảo gồm 5 người: Nguyễn Văn Mão, Vũ Văn Bực, Nguyễn Văn Hiệu, Nguyễn Văn Trọn và Phương Văn Lầu.

Nhóm cư dân làng Vạn Phúc gồm 6 người: Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Văn Dụng, Nguyễn Văn Giải, Nguyễn Văn Nhuận và các bà Nguyễn Thị Sinh, Nguyễn Thị Nhón, sau này là vợ ông Ngô Văn Hiện⁽⁴⁾.

Nhóm người đầu tiên mang theo nhiều vật dụng gia đình như nồi, xoong, giường, bàn ghế, chum vại đựng nước, cuốc, thuổng, quang gánh... Họ được ông Lê Văn Định xin

giảm vé tàu (4/5 giá vé hạng 3 = 4,59 đồng)⁽⁵⁾, miễn cước và trực tiếp dẫn vào Đà Lạt. Ngày 31 tháng 5 năm 1938, đoàn người di cư vào tới ga Đà Lạt⁽⁶⁾. Họ được chính quyền Đà Lạt cho hai chiếc xe tải chở về địa điểm định cư. Đầu tháng 8-1938, có thêm 4 nhóm người ở các làng Vạn Phúc, Quảng Bá, Xuân Tảo và Tây Tựu vào Đà Lạt⁽⁷⁾. Nhóm này cũng lập thêm hai căn nhà tương tự: một ở bên đường Dankia (nay là đường Nguyễn Công Trứ), một ở sườn Tây của ngọn đồi cao 1479,4 m.

Trên vùng đất khoảng vài ha đã được phát quang, họ được tổ chức ở theo từng nhóm trên cơ sở bắt thăm. Người làng Quảng Bá và Nghi Tâm ở căn nhà số 1 (ngay cạnh đường Xô Viết Nghệ Tĩnh ngày nay); người làng Ngọc Hà và Tây Tựu ở căn nhà số 2 (sát đường Xô Viết Nghệ Tĩnh ngày nay); người làng Xuân Tảo và Vạn Phúc ở căn nhà số 3 (sườn phía Nam đồi cao 1550,8 m) đối diện với căn nhà số 2. Ba căn nhà này ở khá gần nhau theo một hình tam giác trông xuống thung lũng ven suối rộng gần 20 ha. Hình thức của ba căn nhà hết sức đơn sơ, mang tính tạm bợ. Nền nhà là kết quả của sự san lấp từ triền đồi xuống, mặt trước thấp hơn mặt sau. Hướng ra thung lũng (tức hướng Đông- căn nhà số 1, 2), căn nhà số 3 hướng Tây. Nhà ba gian, hai mái, vách gỗ, lợp tranh, một cửa ra vào, không có vách ngăn, giống nhà sạp của người K'ho. Bếp đun nấu ban đầu được để ngay giữa nhà, sau đó mới đưa ra bên ngoài tách biệt với chỗ ở.

Ban đầu, do đất đai còn hoang vu, người ít lại chưa quen phong thổ, công cụ sản xuất còn thô sơ mang từ

ngoài Bắc vào không thích hợp với việc khai phá đất đai, chính quyền lại tổ chức ở chung, ăn chung, cùng khai phá nên kết quả chẳng đáng là bao. Sau 6 tháng làm chung, ăn chung không phát huy động lực cá nhân, hầu hết lại chỉ có một mình không mang theo vợ con nên họ đã bỏ trốn, chỉ còn lại các ông: Trần Văn Nga, Đỗ Xuân Kế (Ngọc Hà); Vũ Văn Bực, Nguyễn Văn Hiện, Nguyễn Văn Mão (Xuân Tảo), Nguyễn Hữu Thiết, Nguyễn Hữu Đồng, Nguyễn Hữu Bái, Nguyễn Hữu Hợp (Tây Tụ); Ngô Văn Hiện, Ngô Văn Hựu, Trần Văn Y, Ngô Văn Tường, Nguyễn Duy Thuấn (Quảng Bá), Nguyễn Văn Nhượng, Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Văn Dụng, Nguyễn Văn Giải, Nguyễn Thị Sinh và Nguyễn Thị Nhớn (Vạn Phúc), làng Nghi Tàm chỉ còn lại một ông là Lý Nhu (không rõ họ) nhưng cũng bỏ trốn về sau đó ít lâu⁽⁸⁾.

Những người ở lại tiếp tục khai phá đất đai theo dạng làm chung, tính công để sau này căn cứ vào đó để chia đất đã được khai phá. Mặt khác, họ viết thư về động viên vợ con, họ hàng và nhờ ông Lê Văn Định thu xếp, tạo điều kiện để những người thân vào đoàn tụ cùng làm ăn. Nhờ đó ấp Hà Đông vẫn tồn tại và có cơ hội ổn định, phát triển.

Đầu năm 1939 có thêm 19 người vào ấp là gia đình các ông: Ngô Văn Ất, gồm 5 người⁽⁹⁾; Nguyễn Phương Toàn (em vợ ông Ngô văn Ất) gồm 8 người; bà Nguyễn Thị Xuyên, vợ ông Trần Văn Y và một người cháu nuôi, vợ ông Nguyễn Duy Thuấn (làng Quảng Bá); vợ ông Nguyễn Văn Dương, vợ và con gái ông Nguyễn Văn Dụng (làng Vạn Phúc). Số người này tự làm nhà ở, tự khai phá đất đai và sản xuất.

Từ năm 1940 đến năm 1942 có thêm 47 người là gia đình các ông Nguyễn Phượng Đoan (em ông Nguyễn Phượng Toàn) 4 người; Vũ Hữu Ngừng gồm 5 người; bà Ngô Thị Nhâm gồm 4 người; ông Vũ Hữu Huệ 5 người, gia đình ông Nguyễn Duy Lương (anh ông Nguyễn Duy Thuận) 6 người, 6 người làm thuê cho gia đình cụ Ngô Văn Ất (Quảng Bá); ông Nguyễn Văn Bồng gồm 11 người, ông Nguyễn Văn Hộ (em ông Nguyễn Văn Bồng) gồm 6 người (gốc làng Kim Lũ, tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông) vào làm ăn ⁽¹⁰⁾. Những người vào đợt này nếu không được bà con, họ hàng, làng xóm đùm bọc, nhường đất cho để khai phá thì phải bỏ tiền ra mua như trường hợp của anh em ông Nguyễn Văn Bồng ⁽¹¹⁾, hay như gia đình ông Vũ Hữu Huệ được bà con san sẻ cho một ít đất ⁽¹²⁾. Đến cuối năm 1943 cả ấp Hà Đông đã có tới 57 gia đình ⁽¹³⁾ cùng chung lưng xây dựng quê mới.

Trong số đó có các gia đình đông người là: 1. Nguyễn Văn Hộ, 2. Nguyễn Văn Bồng, 3. Nguyễn Hữu Đồng, 4. Nguyễn Hữu Thiết, 5. Nguyễn Phượng Đoan, 6. Ngô Văn Ất, 7. Nguyễn Phượng Toàn, 8. Vũ Văn Bực, 9. Ngô Văn Hựu, 10. Nguyễn Duy Thuận, 11. Ngô Văn Hiến, 12. Nguyễn Thị Thọ, 13. Vũ Hữu Sửu, 14. Trần Văn Y, 15. Ngô Văn Hiện, 16. Vũ Hữu Huệ, 17. Trần Văn Nga, 18. Đỗ Xuân Kể, 19. Nguyễn Văn Dụng, 20. Nguyễn Văn Hiệu, 21. Nguyễn Thị Sinh, 22. Nguyễn Văn Dương, 23. Nguyễn Văn Nhượng, 24. Ngô Văn Hiện, 25. Phạm Văn Tre, 26. Vũ Hữu Ngừng, 27. Trần Văn Huệ, 28. Vũ Hữu Sự, 29. Võ Văn Ất, 30. Nguyễn Hữu Hợp, 31. Nguyễn Hữu Đồng, 32. Nguyễn Hữu Bái, 33. Nguyễn Hữu Tý, 34. Ngô Nhật Tiên

và còn các gia đình nhỏ mới tách ra như gia đình: Ngô Văn Bính, Ngô Văn Ngôn, Nguyễn Duy Thắng, Trần Văn Kim, Trần Văn Bền, Nguyễn Hữu Tu, Nguyễn Hữu Sắc...

Trong giai đoạn mới thành lập (1938-1942), ấp Hà Đông trực thuộc văn phòng quan Quản đạo. Từ năm 1942, ấp sát nhập vào phường Độ Nhị. Ban đầu cư dân trong ấp đề nghị được lấy tên ông Hoàng Trọng Phu làm tên cho ấp để ghi nhớ công lao của ông trong việc di dân lập ấp. Ông Hoàng Trọng Phu đã từ chối lời đề nghị này và gợi ý nên lấy tên Hà Đông đặt cho ấp để con cháu mai sau nhớ về cội nguồn, gốc gác của mình. Tên gọi Hà Đông ra đời từ đó ⁽¹⁴⁾.

Như vậy, dân cư ở ấp Hà Đông cho tới năm 1945 đa số thuần gốc từ các làng ven hồ Tây thuộc tỉnh Hà Đông. Những người vào Đà Lạt lập ấp khá đông đảo theo nhiều chuyến khác nhau làm cho dân số trong ấp thường xuyên biến động theo chiều hướng tăng lên. Những người đầu tiên được chính quyền Đà Lạt, Hà Đông giúp đỡ tận tình cả về tinh thần lẫn vật chất, nhờ đó ấp Hà Đông đã tồn tại và ổn định trong xu thế phát triển. Những đợt di dân vào sau, sự giúp đỡ của chính quyền giảm dần nhưng vẫn tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân mua đất với những điều khoản ưu đãi. Do những nỗ lực của nhà cầm quyền và tinh thần lao động cần cù sáng tạo của bà con nông dân, ấp Hà Đông đã trở thành mô hình đầu tiên về kinh tế, văn hóa, xã hội để trên cơ sở đó, hình thành hàng loạt các ấp tương tự ở Đà Lạt..

(Trích bài “Quá trình di dân lập ấp Hà Đông và Nghệ Tĩnh trước Cách mạng tháng Tám năm 1945”, bài đã đăng trong tạp chí “Nghiên cứu lịch sử”).

BVH

(1) Cụ Ngô Văn Bính, 85 tuổi, ấp Hà Đông cho biết: năm 1937, cụ đọc được trên báo La Voulte có một đăng tải chương trình tuyển người đi lập ấp ở Đà Lạt.

(2) Quỹ này được lập ra từ những cuộc quyên góp từ thiện, xổ số, chiếu phim để phục vụ mục đích hoạt động của Ủy ban. Theo cụ Ngô Văn Bính, năm 1937, chỉ có 2 đồng 1 tạ gạo.

(3) Số tiền tài trợ ban đầu này còn được duy trì tới khi ông Ngô Văn Bính đi Đà Lạt đợt sau (năm 1939).

(4) Theo Nguyễn Ngân Bằng trong cuốn tiểu luận cao học nhân văn: "Sinh hoạt của các gia đình làm nghề trồng rau tại Đà Lạt- khảo về ấp Hà Đông" thì đợt tuyển chọn đầu tiên vào năm 1938 được 33 người 27 nam và 6 nữ. Chúng tôi đã phỏng vấn các cụ Nguyễn Văn Bồng (98 tuổi), Ngô Văn Bính, Ngô Văn Ngôn (75 tuổi), Vũ Hữu Xiêm (67 tuổi)...là những người vào Đà Lạt từ những năm 1939 đến 1941 thì có 35 người vào đợt đầu trong đó có cả những người không rõ họ tên vì họ đã bỏ trốn ngay sau khi vào chừng 5 đến 6 tháng.

(5) Nguyễn Hữu Tranh, "Đà Lạt năm xưa". Ban khoa học và kỹ thuật Lâm Đồng xuất bản, 1993, tr. 90: Giá vé xe lửa hạng 3 Đà Lạt- Hà Nội là 22 đồng 88 xu.

(6)(7)(13) Nguyễn Nhân Bằng, "Sinh hoạt của các gia đình làm nghề trồng rau tại Đà Lạt" - Khảo về ấp Hà Đông, Tiểu luận cao học nhân văn, Sài Gòn, 1970, tr.41, 96, 97.

(8)(9) Theo lời kể của các cụ Nguyễn Văn Bồng, Ngô Văn Bính, Ngô Văn Ngôn...: Sau Tết Kỷ Mão được ông Lê Văn Định cấp giấy tờ và tiền bạc vào Đà Lạt khai hoang, khi đi cụ mang theo 2000 củ hoa lay ơn. Sau 2 tháng làm ăn, cụ thấy đây là vùng đất tốt, làm ăn được nên đã viết thư về động viên cha mẹ đến xin với ông Lê Văn Định

tạo điều kiện cho vào Đà Lạt. Tương tự, cụ Nguyễn Văn Bồng năm 1941 cũng được Hoàng Trọng Phu viết giấy giới thiệu vào Đà Lạt.

(10) Theo tờ khai từng người nhà cụ Nguyễn Văn Bồng do chính quyền Đà Lạt xác nhận 1942.

(11) Theo giấy Ủy quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Văn Hộ cho cụ Nguyễn Văn Bồng. Cụ Nguyễn Văn Bồng cho biết: năm 1938, cụ là thư ký của phái đoàn thanh tra giáo dục Nam triều tới Đà Lạt, thấy Đà Lạt đất đai, khí hậu tốt, cây cối xanh tươi, dân Hà Đông đang vào lập nghiệp nên sau khi về quê (xóm Đồi Lánh, xã Đông Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh) cụ đã nhờ ông Hoàng Trọng Phu giới thiệu đưa người vào Đà Lạt mua đất làm ăn ở ấp Hà Đông từ năm 1941.

(12) Cụ Nguyễn Thị Xuyên (95 tuổi) cho biết: cụ vào Đà Lạt năm 1939 làm nghề buôn bán nhỏ được 3 tháng thì đưa 3 người con vào (trong đó có cụ Vũ Hữu Xiêm). Gia đình cụ được bà con trong ấp chia cho một ít đất để khai phá trồng rau. Đến năm 1942, cụ ông mới vào chăm nom ruộng vườn.

(14) Theo lời kể của các cụ Ngô Văn Bính, Ngô Văn Ngôn thì vào năm 1940, Tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu vào thăm ấp, bà con trong ấp cử cụ Ngô Văn Ất đến gặp và xin được lấy tên của ông đặt cho ấp. Ông đã từ chối khéo và đề nghị lấy tên tỉnh Hà Đông đặt cho ấp. Đề nghị này được chính quyền Đà Lạt chấp thuận nên từ đó ấp có tên chính thức là Hà Đông. Ngày nay, ấp Hà Đông thuộc Phường 8, Tp Đà Lạt.

GIANG QUÂN

HÀ NỘI

trên cao nguyên xanh

Ghi chép

Chiếc xe ca chở khách từ Đà Lạt về đến bến Nam Ban thì mặt trời đã khuất sau dãy núi Tà Nung. Màn đêm kéo dần lên thị trấn. Đèn điện bật sáng. Ánh sáng chói chang tỏa rộng trên vùng “Hồ Gươm”, khu ngã ba và trải dọc con đường Điện Biên Phủ thẳng tắp. Ở trụ sở vùng Ban kinh tế mới dựng trên đồi cao, đèn trên các lớp nhà lấp lánh lẫn với sao trời. Vài chiếc xe ngựa cuối cùng rời các quán ăn, quán uống quay trở về các ngã buôn Chuối, bản Hoạt, Suối Cạn...

Ngồi trong hàng giải khát quốc doanh, nhăm nháp ly cà phê đen đậm đặc, nghe tiếng băng nhạc nhẹ hòa lẫn trong tiếng ào ào của thác Voi gần đó, ai ngờ mình đang ở với rừng núi Tây Nguyên.

Cái thị trấn Nam Ban vừa tròn 10 tuổi này là trung

tâm của Vùng kinh tế mới của người Hà Nội trên cao nguyên Lâm Đồng.

Mới ngày nào, khi đoàn khảo sát đặt chân tới đây, nó còn đầy hoang dã. Rừng xơ xác, mang thương tích của bom, đạn Mỹ tàn phá. Lau lách ngập dầu. Đi vào đâu cũng gai “xấu hổ” cào rách da thịt. Ruồi vàng, muỗi vằn, vắt xanh trở thành tai họa với người mở đất. Dấu chân thú dữ còn lẩn quẩn bên dấu giày của phi Fulrô. Người khảo sát phải cắt rừng, leo núi, phân tuyến, chia ô theo bản đồ để lấy mẫu đất, đá, ghi chép địa hình ... Ngoài dụng cụ, hành trang họ còn có cả súng đạn để tự bảo vệ. Một cuộc chiến đấu thực sự với thiên nhiên, với kẻ thù và cả với bản thân để chiến thắng mọi khó khăn trở ngại, lập nền móng cho việc khai hoang một vùng đất.

Tiếng súng của bọn phản động bắn vào xe ta ở gần



Thị trấn Nam Ban hôm nay

Ảnh Minh Lộc

Suối Cạn, những vết lều mới đốt của Fulrô, dấu chân voi và tiếng hổ gầm, những quả mìn địch còn sót lại ... đều tác động không nhỏ đến những người đi trước.

Nhưng vượt lên tất cả vẫn là tấm lòng của người Hà Nội trước trách nhiệm với Thủ đô, với đất nước. Họ nhớ những lời căn dặn của các đồng chí lãnh đạo của thành phố khi trao sứ mạng vẻ vang này cho họ vào ngày lên đường – mồng 6 Tết Bính Thìn (1976) – để đi vào phương Nam.

Trên những nẻo đường khảo sát, họ xúc động gặp những dấu ấn của vùng căn cứ địa cách mạng và kháng chiến năm xưa. Đất du canh, du cư của đồng bào KHo này đã từng là cơ sở nuôi giấu cán bộ cách mạng thời chống Pháp. Thời đánh Mỹ, đây là bàn đạp tiến công vào Đà Lạt của quân giải phóng hồi Tết Mậu Thân (1968). Đồi 1000 ngay mé sau thác Voi là nơi Mỹ đổ quân bằng trực thăng xuống và cũng là điểm ta tiêu diệt địch. Mở rộng ra tới hết vùng Lán Tranh vẫn là căn cứ của khu VI. Rải rác quanh đây, còn những nấm mồ chiến sĩ vô danh đã ngã xuống cho mảnh đất này sống mãi. Tất cả như thôi thúc thêm họ.

Trong phòng truyền thống bên “Hồ Gươm” có treo những bức ảnh ghi lại hoạt động của những người khảo sát ấy: Nguyễn Văn Tăng, Phạm Thị Cát, Hoàng Thị Hà, Ngô Văn Diên, Nguyễn Nhật Cao, Phạm Thị Liên...

Sau này cuốn sử của Vùng kinh tế mới chắc cũng sẽ ghi lại những trang đẹp về Tư lệnh dựng nghiệp cho Hà Nội phương Nam. Đó là đồng chí Ủy viên Thường vụ Thành Ủy , Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Trần

Duy Dương. Con người tóc đã hoa râu, còn mang thương tích của giặc Pháp trong mình đã có quyết tâm cao khi nhận trách nhiệm của thành phố giao cho.

Đứng trên núi cao, nhìn xuống vùng thung lũng Nam Ban lúc đó, anh Dương thấy rừng xanh tốt, chim chóc ríu rít đi về, biết là nơi đất lành ở được. Vùng này lại gần các lộ chính, lên Đà Lạt gần 60 cây số, về Thành phố Hồ Chí Minh chưa đến 300 cây, ra Phan Rang gặp biển không xa. Đây chính là nơi mà Hà Nội cần.

Những ngày đầu tìm đất, các anh Lê Thứ, Chế Đăng, lúc ấy là Chủ tịch Ủy ban Nhân dân hai tỉnh Lâm Đồng và Tuyên Đức chưa sát nhập, thân chinh đưa anh Dương đi, cùng luồn rừng, lội suối, chia ngọt, sẻ bùi với nhau. Các anh hiểu đây không phải chỉ là giúp đỡ Hà Nội mà còn là công việc của chính mình. Quả như vậy, khi Vùng kinh tế mới Hà Nội trụ vững, đã trở thành áo giáp tự nhiên, thành pháo đài bảo vệ cho cây rau Đà Lạt, thủ phủ của tỉnh Lâm Đồng.

Nói sao hết tình nghĩa của các anh, của nhân dân Lâm Đồng đối với những người con của Thủ đô đất nước đến đây cùng vì sự nghiệp chung của cách mạng. Trong hoàn cảnh mới được giải phóng, khó khăn còn đầy rẫy, bà con các dân tộc địa phương đã san sẻ cho ta từng tấn ngô, tạ muối, từng bao cá khô để tạm ấm lòng khi xe tiếp phẩm chưa kịp vào. Các anh bộ đội, an ninh Lâm Đồng đã sát cánh dẫn đường cho đoàn khảo sát, đã truy lùng diệt phi, canh gác cho ta làm đường, dựng nhà, vỡ hoang.

Lần đi khai hoang này, Hà Nội đã có kinh nghiệm

hơn. Bài học thất bại của những đợt đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế miền núi trước đây, với phương thức xen làng, ghép dân, 10 hộ đi thì 8, 9 hộ bỏ về, đã cho ta cái nhìn mới mẻ, thiết thực. Công tác tuyên truyền không chỉ nói hay, nói tốt một chiều mà phải giác ngộ quần chúng bằng hành động cách mạng, làm cho dân thấy thuận lợi nhưng cũng rõ những khó khăn ban đầu để tự nguyện. Thành phố và người ở lại chịu trách nhiệm đến cùng với người đi. Những chính sách hỗ trợ được cả Nhà nước và nhân dân cùng lo. Quỹ kinh tế mới được thành lập. Quê cũ và quê mới thường xuyên gắn bó với nhau.

Bước đầu ở đất mới là mở đường, đặt đường dây liên lạc được với nhau và với bên ngoài.

Chuẩn bị gấp rút mọi điều kiện cho dân vào ổn định được nơi ăn ở và bắt tay vào sản xuất ngay. Những ngôi nhà gỗ cao ráo, thơm mùi ván dầu, lợp tôn được dựng lên. Những chiếc giếng khơi sâu hàng chục mét được đào. Rồi làm sạch môi trường, phun thuốc trừ muỗi, vỡ sắn đất

Một đầu xây dựng, một đầu vận động di dân. Ông Xuân Bẩy ở phía Nam, ngoài Bắc là ông Vương Tước. Hai đầu phải phối hợp nhịp nhàng ăn ý với nhau. Xong nhà mới đưa dân vào. Đất đã khai hoang dừng để chờ lỗ mùa vụ. Thế mà cũng lắm khi trục trặc. Khoảng cách non 2000 cây số đầu phải lúc nào tin tức cũng thông thoát. Người vào lúc đi ô tô, lúc chuyển tải qua xe lửa, lại có kỳ bay thẳng một hơi từ sân bay Gia Lâm vào sân bay Liên Khương cách Nam Ban có 18 cây số đường cái. Những chuyến bay vào sau tết Âm lịch, nhiều người mang theo cả cành đào Nhật Tân để vào trong



Các đồng chí Vũ Hoa Kỳ, Nguyễn Văn Đức, Phan Hữu Giản và cán bộ chủ chốt Vùng KIM Hà Nội họp mặt nhân kỷ niệm 20 năm xây dựng (1976-1996)

ấy cung bà con đồng hương ăn tết lại!

Có lẽ duyên nợ nhiều với quê mới là bà con Từ Liêm. Bí Thư Đảng Bộ kiêm Trưởng Ban xây dựng vùng đầu tiên là Nguyễn Xuân Bầy, người Nhật Tân. Bầy gia đình đầu tiên đến lập nghiệp là dân Từ Liêm. Bây giờ Trưởng Ban là Vũ Hoa Mỹ, người Quảng Bá; Bí thư Đảng Ủy Phan Hữu Giản quê ở Từ Liêm. Những con người từng gắn bó với Sông Tô, Sông Nhuệ nay lại gửi gắm tình cảm của mình với hai dòng Cam Ly và Đa Dâng.

Chặng đường 10 năm so với lịch sử mà hình thành được một vùng kinh tế thì quả là quá ngắn. Những cái được cũng mới là bước đầu, nhưng là bước đầu cơ bản. Có được cũng qua bao nạn chìm nổi lênhên dênh. Hôm nay, nhà nhà đều đầy ngô, sắn. Trong khẩu phần ăn, chất độn chỉ còn chút ít với những hộ neo đơn, những lúc mất mùa. Còn “thửa ban đầu gian khổ ấy” ngô lại là quân chủ lực trong

bữa ăn hàng ngày của cán bộ và anh em tiền trạm.

Có ngô xay đã là hạnh phúc rồi. Nhiều khi phải nhá ngô hạt, thiếu vôi để ngâm cho mềm, hạt ngô rần, nhai sai quai hàm, ăn từ sáng đến chiều bụng còn đầy ăng ắc. Năm sáu năm sau mà có độn ngô cũng chẳng đủ mà ăn. Tiền hết, gạo hết, có hợp tác xã chỉ qua một đêm bay biến mất 30 mái nhà tôn, thì ra người dân đã phải lột cả mái nhà mình bán đi, mua lương thực chạy bữa cho tới vụ sau. Năm ấy, đồng chí Bí thư Thành ủy Lê Văn Lương vào thăm, phải lo giải quyết cứu đói cho bà con bên Tân Hà 50 tấn gạo. Ấy thế mà vẫn trụ được dân. Cứ tính một trăm hộ vào đây chỉ có dăm nhà quay về hoặc chuyển vùng. Tinh thần người Hà Nội cũng như ý nghĩa cách mạng của nó là đấy chứ đâu!

Có được hàng chục điểm dân cư trong một vùng đất rộng gần 70.000 hecta tự nhiên với trên hai vạn dân. Cũng bằng Hà Nội mình có thêm một huyện. Lập thêm thành tựu ấy chẳng phải dễ dàng gì.

Con người Hà Nội cùng với mảnh đất này thao thức, trăn trở, lặn lội, tìm kiếm, phát hiện, sáng tạo... để chọn lọc một hướng đi đúng, một cách làm ăn chắc. Cũng chẳng tránh khỏi những vấp vấp, thậm chí cả thất bại nữa trên bước đường trưởng thành. Nguyên nhân do ấu trĩ và cũng cả quen rồi cái nếp quan liêu bao cấp đã lỗi thời. Phương hướng sản xuất chính của vùng cứ chất chường qua nhiều năm. Từ bò sữa, bò thịt đến dâu tằm, rồi tới nay mới đang định hình ở cây công nghiệp dài ngày. Làm gì thì làm, trước mắt là phải có ăn. Con đường đi tới mở ra từ cây ngô *Tài năng 11* thắng lợi giòn giã vụ 2 năm 1978 đã giữ được lòng tin cho dân .

Vào đầu cũng thấy ngô. Ngô xếp chật nhà, ngô treo hong lủng liểng ở hàng hiên hội trường, trụ sở, trường học, rạp chiếu bóng... Có ngô là no rồi. Tới nay ngô vẫn chiếm hơn một phần ba sản lượng lương thực của vùng làm ra. Ngô bổ sung cái ăn cho người. Ngô phát triển chăn nuôi. Lại tính trồng xen đỗ, lạc với ngô. Cứ thu hai tấn ngô hạt lại được thêm vài tạ đỗ tương, đỗ đen, lạc để xuất khẩu và cải thiện bữa .

Đến cây lúa, đưa lên đồi cứ queo quắt. Ta chưa quen trồng đất dốc. Qua mùa mưa là bao màu mỡ, phân bón bị bào mòn cuốn trôi sạch. Phải tìm cách cắm cây lúa xuống đất sinh. Cuộc tấn công đầy gian khổ vào vùng lầy thụt, bùn, lác, xứ sở của muỗi để cải tạo chúng, bắt chúng đem lại màu xanh mát mắt của đồng lúa nước quen thuộc, đem lại cho vùng hàng ngàn tấn thóc mỗi năm. Năng suất lúa trên một hecta giờ đã đạt bình quân hai tấn hai một vụ. Tiềm năng còn rất lớn để thâm canh cũng như mở rộng thêm diện tích. Cái bàn đạp để vươn tới đã có rồi .

Cũng vào năm 1978, cây dâu được để ý tới. Thời tiết Nam Ban thích hợp nuôi tằm mười tháng một năm. Trung tâm tằm tơ Bảo Lộc ở cách chẳng bao xa đã giúp ta nuôi thử giống tằm mới. Bà con ta ở vùng bãi sông Hồng xưa đã từng có tập quán trồng dâu nuôi tằm. Bước đầu làm tạm vài hecta, nay đã có hàng trăm hecta dâu xanh mượt mà, óng ả .

Kỹ sư Ban, Giám đốc trại giống tằm Nam Ban cho biết: “Năm 1984 mình mới thu được 6 tấn kén. Năm 1985 đã nâng lên 15 tấn. Nhiều gia đình, đội sản xuất đã làm giàu bằng dâu tằm rồi đấy !”.

Cho đến đầu những năm 1980, sau khi tiến hành điều tra quy hoạch lại toàn vùng, thấy phải tận dụng thế mạnh của quỹ đất bazan quý báu này, cái hướng làm cây công nghiệp dài ngày kết hợp chăn nuôi bò đàn mới dần trở thành chính thống. Kế hoạch ấy được lãnh đạo cả hai địa phương Hà Nội, Lâm Đồng chấp thuận .

Mở đầu là cây chè. Rải rác trong vùng Lán Tranh, bà con đi rừng còn gặp những bãi chè còn sót lại, có cây đường kính gốc tới gang tay. Hái lá về sao, pha trà thấy thơm ngon. Có lẽ đây là dấu vết những đồn điền chè từ thời Pháp thuộc. Nông trường 3 bèn mua hạt giống trồng thí nghiệm 3 hecta. Thấy đạt hiệu quả, thế là cử người ra tận Mộc Châu mua hẳn 3 tấn hạt chè giống đem về trồng đại trà ở hai nông trường, các hợp tác xã và vườn gia đình. Nôn nóng làm ăn to nên đã bị một cú đięng người. Do gieo trồng vội vã, không thực hành đúng các quy trình nghiêm ngặt của kỹ thuật trồng chè, đã dẫn đến mấy chục hecta ở các hợp tác xã Gia Lâm, Hoài Đức bị mất trắng, hoặc phải trồng dặm lại nhiều lần, khá tốn kém. Nhưng rồi cây chè cũng trụ vững trên hàng trăm hecta. Tại hội chợ triển lãm ở Giảng Võ nhân dịp kỷ niệm 30 năm giải phóng Thủ đô, lần đầu chè Tân Hà mang nhãn hiệu Vùng kinh tế mới Hà Nội ra mắt bà con tiêu dùng ở quê cũ. Chè Tân Hà nước xanh, uống đậm. Sản lượng chè chỉ tính riêng của hai nông trường quốc doanh đã đạt tới 13 tấn khô. Có kén, có chè, có đỗ tương, đỗ đen, lạc... đem bán cho tỉnh Lâm Đồng là có thóc gạo đổi lưu. Lương thực trông vào đấy đủ để bù đắp cho hai tháng ăn mà vùng còn thiếu .

Đến cây cà phê thì có sức hút mãnh liệt và nhanh chóng. Chỗ nào cũng lao xao về chuyện trồng cà phê. Thực ra cây cà phê có mặt trên vùng đất mới từ năm 1979 trong vườn nhà cụ Đào Khoan, người Từ Liêm. Cụ trồng 100 gốc giống *katura*, sau 15 tháng quả trĩu cành. Nhiều gia đình đã làm theo. Ngày Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng vào thăm vùng quê mới của Hà Nội có đến thăm vườn cụ Khoan. Chủ tịch tỏ ra rất vui với những luống cà phê này và nói: “Nên đi sâu vào cà phê và bò đàn, còn trồng thêm chè cũng được”.

Bộ Nông nghiệp cũng khuyến khích nên trồng cà phê với và chính thức cho Vùng kinh tế mới Hà Nội tham gia chương trình hợp tác Việt Nam –Tiệp Khắc về trồng cà phê từ đầu năm 1984 này.Vùng được vay vốn để trồng 100 hecta trong số 2000 hecta cà phê của kế hoạch 5 năm tới. Thế là một công ty cà phê ra đời do Bí thư Đảng Ủy Phan Hữu Giản kiêm nhiệm giám đốc .

Cà phê là giống cây quý nhưng khó tính, khó nết, cả từ lúc gieo trồng cho đến khi ra hoa kết trái. Hoa cà phê nở rộ vào cỡ cuối năm. Những chùm hoa trắng muốt và thơm ngát như hoa bưởi nẩy ra từ những nách lá xanh thẫm, mỡ màng. Gió cao nguyên lồng lộng, phóng khoáng chở hương hoa cà phê phân phát không tính toán tới mọi nhà, lúc này cây đòi hỏi được tưới đủ nước, nếu không hoa nở kéo dài, sau gây lép quả và thu hái lai rai. Đêm đêm tiếng máy bơm Kô-le nổ giòn khắp những vùng có trồng cà phê, thứ cây kiêu kỳ và sang trọng này. Cà phê kết trái vào dịp trước Tết Nguyên Đán. Sau đó là thu hái, rang xay để thành cái thứ bột nâu nhỏ mịn, thơm tho và hấp dẫn đem xuất khẩu .

Trồng cà phê là tính chuyện lâu dài. Phải dăm năm mới trả hết vốn và bắt đầu cho lãi. Càng những năm sau càng lãi lớn. Tập quán “lấy ngắn nuôi dài” đã phát huy đầy đủ ở đây.

Chiều chiều trên cao nguyên xanh, những đàn bò vàng béo đẹp, nối đuôi nhau kéo dài vượt qua những quả đồi mượt cỏ về trại. Mỗi nông trường nay đã có đàn bò trên 200 con. Nhiều nhà dân nuôi bò, có nhà nuôi tới 5 - 6 con. Nhiều ngô, sắn, đỗ tương, lại có thêm nghề phụ làm miến dong, đậu phụ nên phần lớn các gia đình đều nuôi lợn. Còn gà, nhà nào cũng phải vài ba chục con. Không bị bó hẹp trong xiềng ba sào đất, ở đây chỉ không có sức mà khai phá, cho nên phương thức V-A-C (vườn - ao - chuồng) đang trở thành quen thuộc. Chuối, đu đủ, hai thứ quả bồi dưỡng vào loại quý ở Hà Nội lại rất sẵn và rẻ ở đây. Vườn nhà nào cũng có rau, có quả và có hoa. Hoa đã là đặc trưng của phong cách Hà Nội. Gạo có thể chưa đầy bồ nhưng không thể thiếu một cành hồng, một khóm nhài, một luống huệ, cúc hoặc lay-ơn trước hiên nhà.

Tuy bước đi còn chậm chạp, còn những điều hôm nay chưa vừa lòng, từ các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước ta cho tới anh em trong cả nước, bạn bè bốn phương đến với vùng đất mới này đều có ấn tượng tốt đẹp.

Đâu phải đơn giản khi một giáo sư, tiến sĩ nổi tiếng của một trường đại học của nước Bỉ đã ghi vào sổ vàng như sau: “Trước biết bao khó khăn phức tạp, các bạn đã biết giữ gìn sự trong sáng, lòng khiêm tốn và năng lực khiến người ta phải khâm phục!”.

Trong các địa phương cùng đi xây dựng Vùng kinh tế

mới, vùng của người Hà Nội chúng ta ở Lâm Đồng có thể đứng vững vàng làm nhiều nơi ước ao. Nó không chỉ ở chỗ tạo thế đi lên đồng đều cả nông - lâm - công nghiệp và xuất khẩu, không chỉ ở chỗ khai thác ngay từ đầu nguồn vật liệu xây dựng cho cả trước mắt và lâu dài, mà còn ở chỗ đi đôi với xây dựng kinh tế đã xây dựng một nền văn hóa xã hội mang phong cách Hà Nội ở vùng quê mới.

Từ khi mới có đoàn khảo sát và lực lượng tiền trạm, những cán bộ ngành y tế, văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao đã cùng có mặt, vừa phục vụ ngay tại chỗ, vừa chu liệu kế hoạch cho nhiều năm sau của ngành mình. Những chiếc xe Hải Âu từ Hà Nội vào nhuộm đầy bụi đất đỏ ba-dan đã đem tới quà tặng của hậu phương : sách báo, đàn trống, loa đài, phim ảnh và máy chiếu, bóng chuyền, bóng đá ...Nhiều văn nghệ sĩ đã lần lượt vào thâm nhập thực tế để làm vốn cho sự ra đời của các bộ phim : *Mở đường thắng lợi*, *Người Hà Nội trên cao nguyên đất đỏ*, *Cao nguyên xanh...*; cho các màn hoạt cảnh chèo: *Bài thơ bên suối Cam Ly*, *Cam Ly hoa nở* và hàng chục bài thơ, bản nhạc, cuốn sách. Tiếng nói Việt Nam trên sóng, báo chí, thư từ từ Hà Nội vẫn đến đều đặn với bà con ở quê mới hàng ngày. Khi cần, từ Bưu điện Nam Ban có thể gọi thẳng dây nói chuyện với người thân ngoài Hà Nội. Hàng chục đoàn nghệ thuật đã tới đây công diễn hàng trăm buổi cho người đi khai hoang. Trong đời sống bình thường, người Hà Nội ở đâu cũng không để thiếu ánh sáng của văn hóa mới.

Việc chăm lo, bảo vệ sức khỏe cho dân, việc học hành của trẻ em đã được quan tâm đúng mức. Chưa phải ở vùng kinh tế nào cũng có được một bệnh viện đa khoa như Nam

Ban ta. Cái chỉ tiêu 260 người dân có một giường bệnh, mỗi ngàn dân có một y, bác sĩ là hiếm có ở một vùng đất mới. Sốt rét không phải là con ma ám ảnh những người dân lên ở với rừng.

Mọi người làm cha mẹ thường băn khoăn trước khi đi: có đủ trường cho các cháu không? Chúng tôi dám chịu đựng mọi thiếu thốn nhưng không thể đành lòng khi con em bị thất học. Bây giờ ở đây cứ hơn 4 người dân có một người đi học. Số học sinh 3 cấp trong vùng đã tới 4600 em. Tuy đôi nơi đến trường còn phải đi xa, trường lớp chưa đầy đủ tiện nghi như Hà Nội nhưng căn bản đã thỏa mãn về yêu cầu giáo dục phổ thông.

Từ đỉnh đồi cao bên Thác Voi hùng vĩ và dòng Cam Ly xanh êm ngấm ra bốn bên đều gặp một màu xanh ngút ngát của dâu, lúa, chè, cà phê chỉ còn những con đường mang tên phố Hà Nội là đậm sắc đỏ đất ba-dan.

Khi thị trấn Nam Ban ăn mừng 10 tuổi, có những người đã góp công ngày đầu mở đất không còn ở đây nhưng bà con vẫn nhắc đến họ với những kỷ niệm khó quên. Những bác Bảy, chị Cát, anh Tăng, anh Chắt, bác Đồng, bác Hàn, chị Mão, anh Nghĩa, anh Tiến, anh Cừ, anh Luân, anh Tạo... Thế hệ hôm nay và thế hệ ngày mai sẽ đi tiếp con đường mà các bác, các anh, các chị đã mở.

Đất đai chẳng phụ công người. Cao nguyên Lâm Đồng đang ngày trẻ lại tươi xanh với người Hà Nội, trẻ lại và lớn lên với mảnh đất Tây Nguyên anh hùng và giàu đẹp.

1976-1986

GQ

PHAN HỮU GIẢN

(Nguyên Bí thư Đảng ủy Vùng KTM Hà Nội,
Bí thư Huyện ủy Huyện Lâm Hà).

TỪ NHỮNG TẤM LÒNG

Trong quá trình xây dựng Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng từ những năm đầu sau giải phóng cho đến khi phát triển lên thành huyện Lâm Hà ngày nay, mảnh đất thân yêu này đã từng có vinh dự đặc biệt được nhiều lần đón tiếp các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước ở trung ương và địa phương đến làm việc, thăm hỏi tình hình sản xuất, đời sống, công tác của đồng bào, đồng chí từ Thủ đô vào Tây Nguyên lập nghiệp, làm nhiệm vụ cách mạng góp phần cùng cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong giai đoạn mới. Trong cuốn sơ thảo lịch sử truyền thống xây dựng huyện Lâm Hà đã trân trọng ghi danh của từng đồng chí để bày tỏ lòng biết ơn của các thế hệ hôm nay và mai sau. Nhưng chắc hẳn danh sách này còn cần được tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh thêm⁽¹⁾.

Thấm nhuần đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây”, nhân dịp này, với tư cách là một



Cố Chủ tịch Trường Chinh thăm Vùng KTM Hà Nội -7/1983

người trong cuộc, tôi bồi hồi nhớ lại và suy nghĩ với lòng kính trọng, biết ơn sâu sắc về sự quan tâm, chăm lo đầy tình cảm của các vị lãnh tụ thông qua một số cuộc gặp gỡ quý hiếm đã để lại những dấu ấn khó quên, có tác động sâu xa đối với sự nghiệp xây dựng Vùng kinh tế mới Hà Nội, huyện Lâm Hà và cuộc đời công tác của bản thân mình.

Gần 30 năm liên tục làm nhiệm vụ tham gia xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa miền núi từ Việt Bắc đến Tây Nguyên đã giúp tôi nhận thức được rằng: Lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước để Tổ quốc Việt Nam yêu quý của chúng ta được như hôm nay luôn gắn liền với

những cuộc vận động di dân, khẩn hoang, mở mang bờ cõi của cha ông qua nhiều thế hệ “khai sơn phá thạch”. Người xưa đúc kết kinh nghiệm khi nói về tính chất gian nan nguy hiểm, cực khổ của công việc này qua câu thành ngữ : “Thứ nhất là chống hà bá, thứ nhì khai phá sơn lâm”. Bài học thành công cũng như không thành công, xưa và nay của các cuộc di dân đi xây dựng Vùng kinh tế mới, cả trong nước và trên thế giới đều đã khẳng định : Ngoài yếu tố tự giác (đôi khi cả tự phát nữa) của quần chúng nhân dân thì vai trò tổ chức của Nhà nước các cấp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, mang tính chất quyết định, nhất là trong chế độ mới của chúng ta - Nhà nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh là “của dân, do dân và vì dân”...

Tôi còn nhớ, tại một hội nghị do trung ương triệu tập bàn việc triển khai công tác phân bố lại lao động và dân cư trên phạm vi toàn quốc ngay sau Đại hội IV của Đảng, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, lúc đó là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, đã nhấn mạnh: Tổ chức đưa hàng triệu nhân dân các tỉnh đồng bằng và đô thị đất chật người đông lên miền núi phía Bắc, đến Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long... khai hoang xây dựng các Vùng kinh tế mới để khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực lao động, đất đai, làm ra nhiều của cải, đem lại đời sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Gắn phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội với bảo vệ quốc phòng - an ninh... Đó là nhiệm vụ chiến lược cực kỳ quan trọng, cực kỳ cấp bách, nhưng cũng cực kỳ khó khăn, gian khổ lâu dài, phức tạp và đầy mâu thuẫn... Chúng ta, từ trung ương đến các địa phương phải cố gắng hết sức, đồng tâm hiệp lực, trên dưới một lòng, biết dựa

vào dân, năng động, sáng tạo tìm các giải pháp tích cực và đồng bộ, quyết tâm làm cho kỳ được chủ trương chính sách ích quốc lợi dân này.

Có lẽ chính vì vậy, mặc dù bận trăm công nghìn việc, đường sá đi lại không thuận tiện, an ninh chưa thật bảo đảm, nhiều người đã tuổi cao sức yếu... nhưng mỗi lần đến Lâm Đồng công tác, hầu như các đồng chí lãnh đạo đều dành thời gian vào thăm Vùng kinh tế mới Hà Nội và các vùng khác. Điều đó thể hiện sự quan tâm, tình cảm, trách nhiệm đối với đồng bào, đồng chí đi làm nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tìm đến với cơ sở, cùng chúng tôi lặn lội đi thăm dân tận nơi thôn cùng bản vắng giữa núi rừng Tây Nguyên trong buổi đầu lập nghiệp còn khó khăn thiếu thốn trăm bề, các đồng chí muốn lắng nghe và thấu hiểu từ thực tế cuộc sống, xem quyết sách lớn của quốc gia đã được đồng chí, đồng bào nhận thức ra sao; Đảng, Chính phủ cần phải có những chính sách cụ thể gì và làm thế nào để nhân dân khi rời xa quê hương bớt khó khăn, đỡ trần trở băn khoăn, có thêm điều kiện để sớm ổn định cuộc sống, yên tâm sinh cơ lập nghiệp ổn định lâu dài trên vùng đất mới...

Điều các đồng chí đặc biệt quan tâm và muốn đi sâu tìm hiểu là phương hướng sản xuất, xây dựng hạ tầng và tổ chức đời sống của cả Vùng và từng đơn vị cơ sở; quan hệ giữa Vùng với cán bộ, nhân dân địa phương và việc thực hiện chính sách dân tộc. Các đồng chí hỏi cận kề xem trồng cây gì, nuôi con gì, tìm giống ở đâu, tiêu thụ ra sao, thu nhập thế nào? Việc đáp ứng các nhu cầu thiết yếu về

đi lại, chữa bệnh, học hành và sinh hoạt văn hóa cho đồng bào ra sao? Nhất là đối với dân nội ô xa thành phố. Nhiều bà con và anh chị em cán bộ chúng tôi, ngay khi còn ở Hà Nội cũng hiếm có dịp được trực tiếp chuyện trò với các vị lãnh tụ và lãnh đạo cấp cao của thành phố. Nay thấy các bác, các anh thật là gần gũi, thân tình như trong gia đình nên sau những phút ngần ngại ban đầu đã mạnh dạn chân thành báo cáo thực trạng tình hình chung của Vùng, của đơn vị, cả hoàn cảnh gia đình và tâm tư nguyện vọng của bản thân khi vào đây xây dựng quê hương mới theo tiếng gọi của Đảng, chính sách kinh tế mới của Nhà nước, sự vận động của các đoàn thể. Nhiều đồng chí đã thay mặt Đảng, Nhà nước bày tỏ sự vui mừng, khẳng định, biểu dương TP Hà Nội và tỉnh Lâm Đồng đã phối hợp chặt chẽ, đầu tư tương đối đồng bộ, tổ chức triển khai có bài bản, thể hiện quyết tâm lớn, chủ trương nhất quán “san người sẻ của”, “chịu trách nhiệm với dân đến cùng”. Nhờ đó mà đạt được những thành tựu quan trọng trong nhiệm vụ đưa dân, đón dân, tổ chức động viên đồng bào khắc phục khó khăn gian khổ, chủ động, sáng tạo xây dựng thành công Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng. (Năm 1986, nhân kỷ niệm 10 năm xây dựng, đồng bào và cán bộ Vùng kinh tế mới Hà Nội đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba và Huân chương Chiến công hạng nhì). Đồng thời các đồng chí cũng thẳng thắn, nghiêm túc và thân tình phê bình, góp ý kiến để cán bộ và nhân dân trong Vùng rút kinh nghiệm khắc phục kịp thời những khuyết điểm, yếu kém... Quyết định tại chỗ hoặc gọi mở nhiều giải pháp quan trọng, tạo điều kiện để

Vùng tháo gỡ vướng mắc, vượt qua khó khăn trở ngại, tiếp tục phát triển vững chắc, toàn diện để xây dựng thành huyện Lâm Hà được như hôm nay.

Đối với chúng tôi, mỗi cuộc đến thăm và làm việc của các đồng chí lãnh đạo trung ương và địa phương, các vị khách quý trong nước và quốc tế đều là một nguồn động viên quý báu và để lại những kỷ niệm đẹp, khó quên. Đặc biệt nhất là được đón tiếp các bác Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng đến thăm, nghiên cứu tại chỗ, quyết đáp nhiều vấn đề quan trọng có ý nghĩa quyết định đến sự nghiệp xây dựng, phát triển ổn định, bền vững của Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng – nay là Huyện Lâm Hà – trước mắt cũng như lâu dài...

1. Bác Lê Duẩn đã dành cả hai giờ buổi chiều ngày 7-6-1978 để cùng Ban lãnh đạo Vùng, có cả đồng chí Lê Thứ - Chủ tịch UBND Tỉnh Lâm Đồng tham dự, bàn bạc về công tác xây dựng và thực hiện qui hoạch sản xuất sau hai năm đầu thấy bộc lộ nhiều vấn đề bất cập, không phù hợp. Cuối cùng đi đến quyết định của “bốn nhà họ Lê” (gồm các đồng chí Lê Duẩn-cố Tổng Bí thư, Lê Thanh Nghị-cố Phó Thủ tướng Chính Phủ, Lê Văn Lương-cố Bí thư Thành Ủy Hà Nội và Lê Thứ - cố Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng) cho phép Vùng kinh tế mới Hà Nội trồng từ 1.000 - 3.000 ha dâu tằm. Nghề trồng dâu nuôi tằm ươm tơ của quê hương Hà Nội xưa được phát huy tại Lâm Đồng bắt nguồn từ quyết định lịch sử độc đáo này. Đến nay, diện tích dâu tằm của Lâm Hà đã đạt được chỉ tiêu 3.000 ha, lại đang chuyển đổi cơ cấu bằng giống mới có năng suất cao. Điều

mà lúc sinh thời bác Lê Duẩn từng nhắc đi nhắc lại nhiều lần, giao nhiệm vụ, động viên chúng tôi phải cố làm bằng được để bác còn lấy tư đem đổi sợi dệt vải, lo cung cấp cho dân được 4m² /người/năm trong hoàn cảnh khó khăn gay gắt thời còn bao cấp.

Tiếp thu các ý kiến thể hiện tư tưởng chỉ đạo cụ thể, nhạy bén, quyết liệt, dứt khoát của bác Lê Duẩn : *“Đúng là ở Lâm Đồng có nhiều điều kiện phát triển chăn nuôi bò sữa quy mô lớn. Các nước người ta uống 300 lít sữa / người / năm, chúng ta phải phấn đấu để người Việt Nam được dùng 100 lít sữa / người / năm. Rồi cũng phải làm nhưng còn nhiều khó khăn lớn lắm. Các anh đừng trông chờ! Trong khi chưa có điều kiện nuôi bò sữa thì ta nuôi con khác, trồng cây khác thích hợp với từng loại đất. Chúng mình phải có sáng tạo, mạnh dạn, suy nghĩ gì đây? Không có thái độ mới trong lúc này là sai!”*⁽²⁾. Ngay sau cuộc gặp, chúng tôi đã bắt tay trồng dâu nuôi tằm ngay, đồng thời chủ động tiến hành điều tra bổ sung, khảo sát tính toán lại, báo cáo với lãnh đạo hai địa phương trình lên Chính phủ xem xét và từ năm 1980, đã đồng ý cho Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng điều chỉnh lại quy hoạch, xác định phương hướng sản xuất chính là :

- Trồng và chế biến cây công nghiệp lâu năm xuất khẩu (cà phê, trà, dâu tằm).
- Chăn nuôi bò thịt, tiến tới nuôi bò kiêm dụng sữa – thịt và bò sữa.
- Tận dụng mọi điều kiện tại chỗ để sản xuất lương



Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh Lâm Đồng cùng cán bộ, nhân dân huyện Lâm Ho

thực, thực phẩm và cây ăn quả.

Cho đến nay, sau gần ¼ thế kỷ, trong đó có 17 năm huyện Lâm Hà ra đời, thực tiễn sản xuất và đời sống của quần chúng, qua thử thách của cơ chế thị trường đã chứng minh phương hướng sản xuất kể trên là chính xác và có hiệu quả. Điều đó đã góp phần quan trọng tạo nên sự phát triển ổn định, vững chắc, đảm bảo thu nhập, cải thiện đời sống của đồng bào ta trên quê hương mới.

2. Bác Trường Chinh là nguyên thủ quốc gia đầu tiên, duy nhất (cho đến lúc này) để cả một ngày đi thăm được nhiều nơi, gặp gỡ, làm việc với nhiều người ở HTX Đông Anh, Nông trường Quốc doanh số 4, Xí nghiệp thi công cơ giới của Vùng, Ban lãnh đạo Vùng và cán bộ nhân dân khu Ba Đình, thị trấn Nam Ban. Đặc biệt, bác còn là vị khách quý đã dùng cơm và nghỉ trưa tại Khu cơ quan Ban Xây dựng bên bờ Thác Voi-một thắng cảnh nổi tiếng của Vùng kinh tế mới.

Trước khi ra hội trường làm việc buổi chiều, bác cho gọi mấy anh em lãnh đạo Đảng ủy, Ban xây dựng Vùng lên hội ý, cho xem bài nói chuyện mà Bác đã chuẩn bị, yêu cầu góp ý kiến thêm. Đọc xong, chúng tôi thưa là bài nói có đề cập đầy đủ, sâu sắc đến những vấn đề chúng tôi đã báo cáo với bác trước khi bác về thăm Vùng. Bác mỉm cười hiền từ tỏ vẻ hài lòng, yên tâm. Tôi hỏi bác từ sáng đến giờ, đi thăm nhiều nơi, lại làm việc cả trưa, có bị mệt và ăn cơm có ngon miệng không? Bác từ tốn trả lời : *“Được đến đây, tận mắt thấy bà con Hà Nội xây dựng quê hương mới, có bấy năm mà đã thành một Vùng dân sinh kinh tế*

xã hội trù phú, Khang trang. Nhiều gia đình chịu khó, biết làm ăn đã trở nên khá giả hơn hẳn khi còn ở quê cũ. Tôi vui mừng lắm nên tuy có hơi mệt, nhưng vận động nhiều, ăn rất ngon miệng.” Buổi chiều hôm đó, hội trường 10-10 trung tâm thị trấn Nam Ban đông nghịt người, đại diện cán bộ và nhân dân toàn Vùng tập trung đông đủ, xúc động lắng nghe từng lời bác Trường Chinh động viên, căn dặn đồng bào và cán bộ : “Tăng cường đoàn kết, phát huy quyền làm chủ tập thể XHCN của nhân dân, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng : cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng – văn hóa. Trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. Quyết tâm xây dựng Vùng này thành một điểm sáng của CNXH tại Tây Nguyên...”⁽³⁾

Bác Trường Chinh phân tích cụ thể, sâu sắc tình hình nhiệm vụ xây dựng Vùng kinh tế mới theo đường lối quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước và khái quát hóa thành 5 MỐI LO CỦA DÂN mà các cấp, các ngành cần phải tập trung giải quyết để đồng bào thêm tin tưởng, phấn khởi, yên tâm đến xây dựng quê hương mới lâu dài:

- Một là, ở đây có sống được không? Muốn sống được phải có đất đai và các điều kiện sản xuất, ăn, ở, sinh hoạt...

- Hai là, khi ốm đau thì chữa bệnh ở đâu?

- Ba là, việc học hành của con cháu và cả người lớn nữa giải quyết thế nào?

- Bốn là, giao thông - liên lạc có thuận tiện không?

- Năm là, an ninh, trật tự, an toàn xã hội có được đảm bảo tốt không?

Nhờ quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương mà bác Trường Chinh đã chỉ thị : Xây dựng Vùng kinh tế mới là xây dựng một xã hội mới từ đầu, phải chăm lo toàn diện, đầu tư đồng bộ, không phải là “dân dân đơn thuần”, “đem con bỏ rừng”... Nên đã tác động tích cực đến nhận thức lãnh đạo, trách nhiệm phục vụ của nhiều cấp, nhiều ngành. Từ đó giúp chúng tôi yên tâm và có thêm điều kiện, kinh phí để thực hiện đúng chủ trương của Trung ương và của thành phố.

3. Bác Phạm Văn Đồng, sau ba lần vào thăm Vùng kinh tế mới và một lần thăm chính thức huyện Lâm Hà (không kể lần tôi đưa các gia đình trong huyện được bác đến thăm ra chào tiễn bác ở sân bay Liên Khương thì đối với đồng bào, cán bộ Hà Nội ở Lâm Đồng, bác Phạm Văn Đồng đã trở nên quá thân thiết như một công dân danh dự, một vị già làng khả kính của quê hương mới.

Nói chuyện với cán bộ và bà con, lời đầu tiên bác tâm sự : *“Lần nào tôi nghe báo cáo về vấn đề khai hoang kinh tế mới, lòng tôi rất nặng nề vì nhiều việc Chính phủ chưa làm được để bà con yên tâm phấn khởi. Tôi đến đây thấy khác hẳn. Cảm ơn các đồng chí và đồng bào đã tạo cho tôi niềm phấn khởi kỳ lạ hiếm có...”*⁽³⁾

Phạm Văn Đồng là nhà lãnh đạo có uy tín lớn, đứng đầu Chính phủ nhiều nhiệm kỳ, có tác phong làm việc sâu sát, cụ thể, khoa học, gần gũi quần chúng và chỉ đạo dứt khoát. Những ý kiến kết luận của bác về phương hướng

sản xuất, chính sách đầu tư, bước đi cách làm trong quá trình xây dựng Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng mỗi lần đến thăm có giá trị tổng kết thực tiễn, bổ sung hoàn thiện thêm đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với nhiệm vụ chiến lược quan trọng này. Bác đã trực tiếp tháo gỡ cho chúng tôi nhiều vấn đề cụ thể đang còn những ý kiến khác nhau về Vùng kinh tế mới Hà Nội. Nếu không có ý kiến can thiệp có tính quyết định của Bác, không biết phải xoay trở ra sao như :

- Quyết định cho Vùng kinh tế mới Hà Nội tham gia trồng 2.000 ha cà phê trong chương trình hợp tác với Tiệp Khắc từ năm 1984, tạo điều kiện thực hiện phương hướng sản xuất mới khi kế hoạch nuôi bò sữa chưa có điều kiện thực hiện.

- Đưa Vùng kinh tế mới Hà Nội vào danh mục viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam của Hội đồng Nhà thờ Thế giới, được nhận 1 triệu USD máy móc thiết bị phục vụ khai hoang, vận tải và vật liệu xây dựng để tăng thêm nguồn lực đầu tư xây dựng phát triển Vùng.

- Trong thời buổi “cấm chợ ngăn sông”, đã can thiệp với các địa phương cho Vùng kinh tế mới Hà Nội được đem ngô đi đổi gạo ở TP Hồ Chí Minh và đồng bằng sông Cửu Long để đồng bào đỡ phải ăn độn nhiều; khắc phục tình trạng dân làm ra nhiều ngô thì phải ăn nhiều ngô.

- Đến thăm nhà anh Kha (Thanh Trì) thấy gia đình tận dụng đất bờ gom trồng được 50 tấn giống riêng, chế biến được 10 tấn miến bán cho thương nghiệp, bác khen ngợi và bảo đồng chí Vũ Hoa Mỹ – Trưởng Ban xây dựng



Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng thăm huyện Lâm Hà - 9/1993

Vùng : *“Anh giữ đất cho tập thể đến mức nào thôi chứ! Đất ở đây thiếu gì, anh phải mạnh dạn giao đất cho dân làm như gia đình anh Kha. Đi khai hoang khó khăn thế này thì trước hết kinh tế gia đình phải vững đã mới xây dựng được kinh tế tập thể.”* ⁽³⁾

Bác Phạm Văn Đồng còn quan tâm đến những vấn đề rất cụ thể nhằm cải thiện điều kiện ăn ở đi lại của người dân như gợi ý cho lãnh đạo Vùng :

- Làm sẵn nhà ở cũng phải có buồng cho phụ nữ và trẻ con.
- Đắp đập giữ nước làm thủy lợi, đào ao thả cá để lấy cá tươi ăn, dân khỏi phải ăn cá khô.
- Nên trồng nhiều cây gây rừng lấy gỗ, chống xói mòn, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững và cho nhiều bóng mát trên đường đi đỡ nắng, bụi...

Lần nào đến thăm Bác cũng nhắc nhở Ban lãnh đạo Vùng chú ý phát động phong trào thi đua, biểu dương “người tốt, việc tốt”. Làm sao, dù ở Vùng kinh tế mới cũng phải chăm lo phát triển giáo dục, từng bước đầu tư xây dựng “trường ra trường...” Không được để trẻ em thất học. Phải chú trọng giáo dục đạo đức cho học sinh, đào tạo con người mới, phát huy truyền thống văn hiến của Thủ đô...

Có lần trên đường đi thăm dân về, bác Phạm Văn Đồng hỏi chúng tôi: - Cán bộ ở đây thế nào? Có thật sự yên tâm làm việc tốt không? Có ai bị hư hỏng không? Anh Tư Mỹ báo cáo vấn tắt với Bác: Nói chung đội ngũ cán bộ trong Vùng là tốt, có nhiều cố gắng, hoàn thành nhiệm vụ. Người mắc khuyết điểm, bị nhân dân chê trách cũng có nhưng chỉ là số rất ít. Tôi thấy Bác trầm ngâm một lúc lâu, rồi nhắc lại trước lúc chia tay: Công tác cán bộ, nhận xét, đánh giá, sử dụng con người là cực kỳ khó. Tình hình nhiệm vụ còn nhiều khó khăn, diễn biến phức tạp, lâu dài. Các anh phải hết sức chú ý làm tốt công tác tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ, cho cả hôm nay và ngày mai - Đây là việc rất hệ trọng không thể xem thường, đơn giản được đâu !

Hôm nay, ngồi viết những dòng hồi ức nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Thủ đô, và cũng sắp đến ngày kỷ niệm 30 năm xây dựng Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng và 20 năm huyện Lâm Hà ra đời... Tôi tưởng như được gặp lại các bậc cách mạng lão thành thuộc thế hệ đầu tiên, tiêu biểu cho sự lãnh đạo sáng suốt của TW

Đảng, Chính phủ cùng với cán bộ chủ chốt của hai địa phương Hà Nội - Lâm Đồng và nhiều đồng chí, đồng đội, đồng bào đã dìu dắt, động viên, cộng tác, giúp đỡ tôi từng bước trưởng thành trên vùng đất mới... Sau 30 năm, nhiều vị đã qua đời, để lại trong lòng tôi bao nỗi tiếc thương và những bài học làm người sâu sắc.

Với tấm lòng yêu nước, thương dân, được đảm bảo bằng cả cuộc đời gian khổ hy sinh chiến đấu giành độc lập tự do cho Tổ quốc. Sau ngày đất nước hòa bình thống nhất, lại đứng mũi chịu sào, sát cánh cùng toàn dân bước vào trận chiến đấu mới chống “nghèo nàn lạc hậu”, thực hiện bằng được hoài bão thiêng liêng, cao cả của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu là: *“Làm cho đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, được học hành”*, tiến tới thực hiện thắng lợi mục tiêu chung của Đảng đã vạch ra là làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Riêng đối với Vùng kinh tế mới Hà Nội và huyện Lâm Hà sau khi ra đời, mặc dù đang gánh vác nhiều trọng trách nặng nề của cả nước và địa phương, hằng ngày phải đối mặt với bao nhiêu khó khăn thách thức phức tạp ... nhưng các bác, các anh lãnh đạo lúc đó và đội ngũ kế cận tiếp theo của cả Lâm Đồng - Hà Nội - Hà Tây... vẫn dành cho đồng bào và cán bộ chúng tôi sự quan tâm, ưu ái đầy tình cảm và trách nhiệm, nặng nghĩa, nặng tình... Đã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo chăm lo về mọi mặt, theo sát từng bước hình thành, phát triển đi lên, vượt qua mọi khó khăn thách thức nghiệt ngã có lúc tưởng như không trụ nổi để trở thành huyện mới Lâm Hà ngày nay. Sau 17 năm phấn đấu (nếu tính cả thời kỳ xây dựng Vùng kinh tế

mới là 28 năm) từ một huyện sinh sau đẻ muộn, điểm xuất phát rất thấp, lúc mới thành lập chỉ có chưa đầy 5 vạn dân, nay đã trở thành nơi hội tụ của 15 vạn người con của 23 dân tộc anh em từ nhiều địa phương hợp thành một cộng đồng dân cư đoàn kết chặt chẽ; có lực lượng sản xuất, kết cấu hạ tầng khá phát triển; hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở ngày càng được củng cố, tăng cường, đổi mới; tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội hàng năm và nhiều mặt hoạt động khác xếp hàng thứ 4, thứ 5/11 huyện, thị, thành của tỉnh Lâm Đồng.

Có độ lùi thời gian hơn $\frac{1}{4}$ thế kỷ, lại trải qua 15 năm đổi mới và nhìn rộng ra nhiều địa phương trong cả nước có hoàn cảnh tương tự cùng thực hiện chủ trương chiến lược “phân bổ lại lao động và dân cư..”, chúng tôi có thể tự hào báo cáo với Trung ương Đảng và Chính phủ, Đảng bộ và nhân dân hai địa phương Hà Nội và Lâm Đồng cùng các đồng chí và đồng bào cả nước là: Cán bộ và nhân dân Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng đã hoàn thành được nhiệm vụ lịch sử của mình, xứng đáng với lòng tin yêu của Đảng bộ và nhân dân hai địa phương; công lao lãnh đạo, chỉ đạo, sự cộng tác, giúp đỡ tận tình, có hiệu quả của các cấp các ngành và anh em bầu bạn gần xa đã dành cho. Tuy nhiên, so với yêu cầu và khả năng, nhất là những quyết sách sát đúng, tạo điều kiện để khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương mà các đồng chí lãnh đạo đã dày công nghiên cứu, gọi mở với tất cả kỳ vọng, đầy tâm huyết thì chúng tôi tự thấy còn một số vấn đề tồn tại chưa hoàn thành được một cách trọn vẹn.

Có thể còn nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan

khác dẫn đến khiếm khuyết, nhưng điều cốt lõi vẫn là: Trong chúng tôi, không phải tất cả mọi người và trong mọi hoàn cảnh, ai cũng giữ được tấm lòng “yêu nước, thương dân”, vững bền, thủy chung như nhất. Vì chưa thực sự thấm nhuần sâu sắc tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, biến thành sức mạnh tinh thần, vật chất để vượt qua nhiều khó khăn, thách thức phức tạp của thiên nhiên khắc nghiệt, mặt trái của cơ chế thị trường và những yếu kém, tiêu cực của chính bản thân mình nên đã tự hạn chế thành quả xây dựng Vùng, xây dựng huyện Lâm Hà đáng lẽ còn to lớn, toàn diện, vững chắc hơn nữa...

Đôi điều tâm nguyện, thấp nén hương lòng tưởng nhớ tri ân những người đã khuất. Gửi trọn bó hoa chiến công thắm tươi, ngát thơm “hương đất tình người” Lâm Hà dâng lên mừng các bậc lão thành cách mạng thượng thọ; chúc các đồng chí và đồng bào, anh chị em từ khắp mọi miền Tổ quốc đã và đang sát cánh cùng Lâm Đồng - Hà Nội - Hà Tây dựng xây huyện Lâm Hà dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Đặc biệt, tôi muốn gửi trọn niềm tin tưởng, ước mong tha thiết thế hệ trẻ huyện nhà: Đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, xung kích đi đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ thành công huyện Lâm Hà ngày càng giàu, mạnh, đẹp... thực sự đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho đồng bào các dân tộc chúng ta trên quê hương mới.

Dà Lạt, mùa Thu - 2004

PHG

Chú thích:

(1): Danh sách các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước đã đến thăm và công tác tại Vùng kinh tế mới Hà Nội ghi rõ trong cuốn sơ thảo lịch sử Đảng bộ Huyện Lâm Hà.

(2) và (3): Trích từ ghi chép của đồng chí Vũ Hoa Mỹ, nguyên Bí thư Đảng ủy, Trưởng Ban xây dựng Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng thời kỳ 1977 - 1983 và của tác giả. (Đều chưa được các đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh và Phạm Văn Đồng xem lại).

VŨ HOA MỸ

*(Nguyên Bí thư Đảng ủy, Trưởng ban Xây dựng
Vùng KTM Hà Nội tại Lâm Đồng).*

Bác Lê Văn Lương với việc chỉ đạo Vùng kinh tế mới Hà Nội ở Lâm Đồng

Do nhiệm vụ công tác nên tôi được thường xuyên báo cáo, dự hội nghị hoặc được các đồng chí thường vụ Thành ủy Hà Nội, nhiều lần được cả Bí thư Thành ủy đến kiểm tra và cho chỉ thị trực tiếp, nhất là giai đoạn tôi làm Bí thư huyện ủy Từ Liêm và Trưởng Ban Xây dựng Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng.

Bác Lê Văn Lương làm Bí thư Thành ủy từ năm 1976, lúc đó tôi là Thành ủy viên - Bí thư Huyện ủy Từ Liêm. Đến giữa năm 1977, Thành ủy điều động tôi vào Lâm Đồng phụ trách Vùng kinh tế mới Hà Nội. Tôi được văn phòng báo là lúc nào đi thì lên gặp bác Lương. Hôm tôi lên chào bác và xin chỉ thị, bác tiếp tôi rất ân cần và

những lời đã thông chân tình của bác làm tôi nhớ mãi. Bác Lê Văn Lương nói: “Lãnh đạo xây dựng Vùng kinh tế mới khá khó khăn phức tạp, người ta nói là đi khai sơn phá thạch mà. Việc anh vào trong đó chúng tôi đã cân nhắc: anh đã làm nông nghiệp và làm lãnh đạo ở huyện rồi; hơn nữa các anh còn trẻ không đi chẳng lẽ để cánh già này đi à?...” Tôi sợ bác tưởng tôi không thông nên trình bày ngay lên đường và hứa quyết tâm làm tốt nhiệm vụ được giao. Bác cười và dặn tiếp: “Việc quan trọng nhất là ở Vùng kinh tế mới Lâm Đồng có tốt hay không, ngoài này Thành ủy có nói hay nói tốt mà ở trong đó không tốt thì mất tín nhiệm. Người ta vẫn bỏ về, mà anh biết đó, có giai đoạn Hà Nội đưa dân đi kinh tế miền núi dân bỏ về gần hết, gay lắm. Thành ủy đã có nghị quyết về vấn đề này nhưng anh là người trực tiếp phải nghiên cứu và báo



Bác Lê Văn Lương và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Thủ đô và Vùng KTM Hà Nội xem triển lãm thành tựu 10 năm xây dựng (1976-1986)

cáo để chúng tôi quyết định cho sát đúng”.

Giữa năm 1978, bác Lê Văn Lương cùng các đồng chí trong Ban thường vụ Thành ủy vào khảo sát tại chỗ ở Vùng kinh tế mới: Trần Vỹ, Trần Duy Dương, Nguyễn Bá Đoán, Đặng Đức Lộc v.v.. Sau khi kiểm tra các công tác tại Vùng, bác rất vui và yên tâm về tương lai phát triển ở đây. Lúc đó bọn Fulro còn hoạt động khá mạnh nên đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng cử đồng chí Phó Ty Công an xuống đón bác về Đà Lạt nghỉ cho an toàn. Bác cảm ơn nhưng từ chối với lý do: anh em ở đây được thì bác cũng ở được. Đồng chí Phó Ty Công an cứ năn nỉ mãi, nể tình bác về Đà Lạt nghỉ để sáng hôm sau làm việc với tỉnh Lâm Đồng. Ngoài những vấn đề do chúng tôi đề nghị như về địa bàn, về vốn, về đón dân, về cán bộ v.v..., trước khi về Hà Nội, bác Lương dặn tôi hai điểm:

1. Tôi (tức là bác Lương) vẫn chưa đi khảo sát được Lán Tranh (cách Nam Ban 20 cây số, nơi được coi là “Xibêri” của Vùng kinh tế mới). Tôi có đề nghị tỉnh Lâm Đồng giúp đỡ, các anh ấy bảo phải chờ 3 ngày để đi càn Fulro đã, tôi thấy phiền phức quá nên đành thôi để dịp khác vậy.

2. Tôi xác định đi kinh tế mới của ta là vừa sản xuất vừa chiến đấu, tuy nhờ tỉnh Lâm Đồng nhưng ta phải tổ chức anh em cho tốt, đừng mất cảnh giác. Chúng tôi xác định các anh là tiền tuyến, Hà Nội là hậu phương, cứ yên tâm, mạnh dạn làm cho tốt. Các yêu cầu của Vùng kinh tế mới Lâm Đồng đều được các ban ngành, quận, huyện, chi viện kịp thời.

Năm 1978, Vùng kinh tế mới Hà Nội được mùa lớn về

ngô, dân vào ngày càng đông. Chúng tôi cho làm cầu Đinh Văn, đưa máy ủi vào mở đường 15 cây số để đưa vào khai thác vùng Lán Tranh. Ở đây có hơn 400 km² đất tự nhiên, trong đó có 5.000 ha cỏ tranh mà không có dân địa phương. Bọn Fulro hoạt động nhiều, lại là vùng sốt rét nặng, vất nhiều, ruồi vàng (loại ruồi lúc đốt vào người rất êm, không biết, chỉ hút máu xong thì chỗ đốt sưng tấy rất nhanh, người lên cơn sốt phải vào bệnh viện). Dân vào được hơn một năm thì bác Lương vào thăm (năm 1980). Năm đó dân ở Lán Tranh mất mùa bị đói. Bác đến thăm một số điểm dân cư rồi về trung tâm Lán Tranh để gặp gỡ, động viên cán bộ. Nhiều người dân biết tin bác Lương vào thăm đã kéo lên xin gặp và trình bày khó khăn về lương thực. Hoàn cảnh lúc đó rất khó khăn, lương thực của vùng đã cạn, chỉ còn ít gạo do đổi ngô ở Sài Gòn để dự phòng và đón dân đợt tới, chưa dám xuất kho. Bác hỏi tôi: “Còn bao nhiêu?”. Tôi báo cáo còn 30 tấn, nếu giải quyết cho Lán Tranh trên 20 tấn thì gần cạn hết. Bác chỉ đạo giải quyết ngay và nói công khai với cán bộ và đồng bào: “Anh Mỹ còn số gạo đón dân đợt tới, anh Mỹ sẽ giải quyết cho đồng bào. Tôi về Sài Gòn sẽ bù lại cho kinh tế mới 50 tấn.” Bà con rất phấn khởi vỗ tay hoan hô. Tối hôm đó trở lại Nam Ban, bác bảo tôi: “Kỳ này tôi về báo cáo với thường vụ xác định cơ chế của Vùng kinh tế mới Hà Nội là một huyện đặc biệt. (Vì lúc đó cũng có ý: mô hình tổ chức của Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng là liên hiệp các xí nghiệp, những vấn đề hành chính dân sự thì trả cho huyện Đức Trọng). Là cấp huyện thì các anh có định mức dự trữ 3 thứ quan trọng nhất là tiền, lương thực và phân đạm ...”.



Bác Lê Văn Lương cùng lãnh đạo thành phố Hà Nội và Vùng KTM Hà Nội tại Hội nghị tổng kết 10 năm xây dựng (1976-1986) - Ảnh tư liệu.

Bác gợi ý: “Vùng này dù nuôi bò sữa hay trồng cà phê cũng cần lương thực cho dân. Đây là vấn đề chiến lược lâu dài. Những lúc nghe các anh báo cáo mất mùa, dân đói, chúng tôi rất lo. Bỏ mặc các anh thì không được mà cứu các anh thì vừa khó, vừa xa mà lương thực của Hà Nội cũng rất căng thẳng. Các anh nên nghĩ vấn đề này đi...”

Những năm 1980 – 1981, Vùng kinh tế mới Hà Nội được Chính phủ xác định lại là trồng cây công nghiệp dài ngày và chăn nuôi bò thịt, chủ yếu là cà phê và dâu tằm. Nhưng cân đối về lương thực, kể cả sản xuất lương thực trong Vùng hàng năm thiếu từ 1.200 đến 1.500 tấn thóc, trong khi lương thực trong cả nước lúc đó cũng rất khó khăn. Có những lần tôi đi công tác ở TP Hồ Chí Minh và đồng bằng Nam Bộ được biết tỉnh Long An có rất nhiều đất còn bỏ hoang hóa, vẫn nhận dân miền Bắc vào xây dựng Vùng kinh tế mới, nhất là ở hai huyện Vĩnh Hưng và Mộc Hóa. Chúng tôi thấy mình cứ đi xin lương thực mãi chắc là không được hoặc không đáp ứng đủ nhu cầu,

nhưng Chính phủ thì phân cho Hà Nội đưa dân vào Lâm Đồng chứ không đi Nam Bộ. Vậy làm sao có đất để tự sản xuất ra lương thực cho vùng? Bác Lê Văn Lương là Ủy viên Bộ Chính trị, một trong những nhà lãnh đạo cao nhất của Đảng. Vì vậy, tôi xin bác Lương một giấy giới thiệu nhờ đồng chí Chín Cần - Bí thư Tỉnh ủy Long An giúp đỡ. Lúc đó bác Lương đang ốm phải nằm điều trị tại Bệnh viện Hữu Nghị. Vì tính cấp bách của vấn đề nên Văn phòng Thành ủy đã báo cáo với bác đề nghị của tôi, bác vui vẻ ký ngay. Chúng tôi xuống Long An gặp đồng chí Chín Cần. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã mời hai Bí thư Huyện ủy Vĩnh Hưng và Mộc Hóa đến giới thiệu chúng tôi và nói rõ: “Qua thư của đồng chí Lê Văn Lương, chúng ta phải ưu tiên giành cho Hà Nội một khu đất để sản xuất lương thực đạt hiệu quả cao nhất, đừng để các đồng chí Hà Nội đã đi Lâm Đồng lại khó khăn ở Long An”. Nhờ đó mà chúng tôi mượn được của tỉnh Long An 500 ha đất trong 10 năm với phương hướng là tách một số lao động đã đi kinh tế mới Lâm Đồng xuống đây để thành lập một trại sản xuất lúa, đay, vẹt để cung ứng cho Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng đang canh tác cây công nghiệp. Từ đó, chúng tôi đã chủ động được một phần lương thực cho bà con.

Không chỉ với Long An, nhờ uy tín của bác Lương và tình cảm nồng hậu với nhân dân Thủ đô Hà Nội, chúng tôi được tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh, thành bạn tạo nhiều điều kiện thuận lợi, hiệu quả trong tình cảm thân thiết.

Những thắng lợi của Vùng kinh tế mới Hà Nội trên đất Lâm Đồng là do sự nỗ lực phấn đấu trực tiếp của cán

bộ và nhân dân ở trong Vùng và của khá đông cán bộ các ngành, các cấp của Thủ đô đã được tăng cường vào công tác. Đồng thời có sự ưu ái của huyện Đức Trọng, của Tỉnh ủy, UBND và các ngành của tỉnh Lâm Đồng hết lòng đùm bọc, giúp đỡ. Nguyên nhân quan trọng nhất là sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Thành ủy Hà Nội, UBND Hà Nội đứng đầu là đồng chí Bí thư Thành ủy Lê Văn Lương kính mến. Bên cạnh đó có sự trợ thủ đắc lực của đồng chí Trần Vĩ - Chủ tịch và đồng chí Trần Duy Dương - Phó chủ tịch UBND TP Hà Nội trực tiếp chỉ đạo nông nghiệp và kinh tế mới. Những hình ảnh thân thiết của bác Lương và các đồng chí khác vẫn in đậm trong tâm trí cán bộ và người dân Hà Nội tại huyện Lâm Hà ngày nay.

Ngày 22 tháng 5 năm 2000

VHM

NGUYỄN THANH ĐẠM

Từ Nam Ban... tới Lâm Hà

Ghi chép

Cuộc đời mỗi người là một dòng chảy thiên biến vạn hóa mà bản thân khó định được. Và những khúc rẽ ấy luôn mở ra trước chúng ta những điều mới lạ, những khát khao chinh phục ... Một chiều mưa, tôi đã nhận ra điều triết lý nhỏ này khi cùng anh bạn vong niên Phan Hữu Giản rời Đà Lạt về thăm thị trấn Nam Ban. Anh trên lục tuần còn tôi theo ngôn ngữ hiện đại cũng U 50, chúng tôi biết và quý trọng nhau cách nay trên 20 năm. Đêm ấy, khi cánh nhà báo ở tỉnh hăm hở về Nam Ban để tìm hiểu sự khởi đầu của vùng đất mới, đồng nghiệp Hy Trung - Trưởng trạm truyền thanh vùng Kinh tế mới Hà Nội dò dẫm dẫn chúng tôi bám chân trên vệt đường ba-zan “mến người” lép nhép, trơn trượt đến thăm anh Giản - “Một nhân vật có cái để mà viết”, theo như Hy Trung giới thiệu. Đêm mưa lạnh khiến tôi nhớ mãi không khi ấm áp, thân tình bên rổ lạc luộc nóng hổi. Lần đầu gặp

gỗ, người kỹ sư nông nghiệp trẻ đất Hà thành nhanh chóng cuốn hút chúng tôi khi anh say sưa phân tích tiềm năng vùng đất mới và niềm tin ngày mai nẻo rừng thâm u sẽ trở mình thành một vùng quê trù phú.. Nhiệt huyết nào khiến anh cũng như hàng ngàn thanh niên của ba mươi sáu phố phường dần bước đi xây dựng vùng kinh tế mới trên vùng đất Nam Tây Nguyên vào cuối thập niên bảy mươi của thế kỷ hai mươi còn bộn bề gian khó? Câu hỏi ấy đã thôi thúc tôi nhiều lần trở lại tìm hiểu đất và người Nam Ban.

Sau đại thắng mùa xuân 1975 lịch sử, lãnh đạo hai địa phương Lâm Đồng và Hà Nội sớm có những cuộc gặp gỡ trao đổi thống nhất để tổ chức động viên một bộ phận cán



*Đ/c Nguyễn Xuân Du - Nguyên Bí thư Tỉnh Ủy,
Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng thăm xã Tân Hà - Xuân 1992*

bộ, nhân dân Thủ đô vào xây dựng vùng kinh tế mới ở Lâm Đồng. Năm ấy, anh Giản làm Ủy viên Ban Thường vụ Thành Đoàn Hà Nội và đang công tác tại trường Đại học Nông nghiệp I. Thành Đoàn đưa thanh niên đi tiền trạm, vì vậy rất cần một đồng chí Thường vụ làm “thủ lĩnh” nên cử anh. Ấp ủ một chuyến đi xa để biết miền Nam và góp sức xây dựng ở chính vùng đất trước đây em trai mình từng chiến đấu; rồi nét lãng mạn của mỗi lần được nhà trường cử tham gia các đoàn đi xây dựng quy hoạch những vùng kinh tế mới trên miền ngược Thái Nguyên, Bắc Cạn, Lào Cai trước 1975... nhưng nhà trường giữ lại. Chỉ khi Thành ủy sang “mượn” tạm hai tháng, thì anh mới được thỏa chí tang bồng “*làm trai cho đáng nên trai / Nước Hai đã trải, Đồng Nai đã từng*”... Cuối tháng 4 đầu tháng 5 năm 1976, hai ngàn thanh niên tiền trạm được biên chế thành tám tổng đội lần lượt xuất quân vào Tây Nguyên với khí thế “ba sẵn sàng”. Những ngày “tay cuốc, tay súng” mở đất Nam Ban, các tổng đội thanh niên gặp nhiều khó khăn ngoài sự tưởng tượng của tuổi trẻ Tràng An. Đó là sự thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần, những cơn mưa rừng triền miên, sốt rét và cả sự lén lút quấy phá của bọn phỉ Fulro... Ban ngày, các “Pa-ven Cooc-sa-ghin” hăng say hạ cây, bạt đồi, mở đường, làm nhà, rồi tối tối cất cao lời hát theo tiếng gi-ta bập bùng hoà quyện với âm thanh trầm hùng của dòng thác Voi hùng vĩ; nhưng ai ngờ đêm về đã không ít chàng, nàng sụt sùi vì nhớ nhà và những vấn đề khác nảy sinh. Từ thực tế đó, hết hai tháng theo “hợp đồng”, vấn đề anh Giản ra Hà Nội báo cáo rất được Thành ủy quan tâm là cần chuẩn bị

thật kỹ về mặt tư tưởng cho những người ra đi, phải thực sự chú trọng vai trò của tổ chức và các hình thức sinh hoạt tập thể cho thanh niên. Tin tưởng vào tâm huyết của người cán bộ trẻ, Thành ủy động viên anh trở lại Nam Ban. Rồi trường đại học, gạt mọi toan tính cùng gia cảnh khó khăn, anh khoác ba lô tạm biệt vợ và hai cậu con trai mà cháu lớn mới chín tuổi để lên đường... Không biết đã trải qua bao nhiêu đêm thao thức, trằn trọc lo toan để định hình và tìm hướng phát triển cho vùng quê mới, thế nhưng ở bất cứ hoàn cảnh nào, anh Giản luôn tin tưởng về một tương lai sẽ *“sum suê cây trái trái vườn đồi, chợ vui sum họp ngược xuôi một nhà”*. Thế rồi “đất lành chim đậu” và nhiệm vụ xây dựng vùng ngày càng mở rộng, cuốn hút... Cuối năm 1977, anh quyết định chuyển cả gia đình vào Nam Ban lập nghiệp lâu dài, tạo điều kiện để yên tâm công tác, cống hiến và trưởng thành. Sau 5 năm liên tục phấn đấu hoàn thành tốt các trọng trách được phân công như Bí thư Đoàn Vùng, Trưởng Phòng quản lý sản xuất Nông - Lâm nghiệp, Phó Trưởng Ban xây dựng Vùng ..., đầu năm 1980, anh được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội khóa VIII, được Thành ủy và Vùng cho đi đào tạo tại trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc ở Hà Nội. Tại Đại hội Đảng bộ lần thứ IV (1984), anh Giản được bầu làm Bí thư Đảng ủy và kiêm Phó trưởng Ban xây dựng Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng... Khi Vùng kinh tế mới của Hà Nội trên cao nguyên phát triển nhanh, có quy mô, tính chất tương tự một huyện đòi hỏi có một cơ chế quản lý phù hợp với đường lối “đổi mới” của Đại hội Đảng lần thứ VI vừa quyết định. Thành phố Hà



Được mùa cà phê -

Ảnh Minh Lộc

Nội được sự đồng thuận của tỉnh Lâm Đồng nhất trí tạo điều kiện cho vùng đất này chuyển sang trang sử mới. Tháng 10 năm 1987, tỉnh Lâm Đồng thành lập huyện Lâm Hà trên cơ sở sát nhập Vùng kinh tế mới Hà Nội với 5 xã vùng sâu vùng xa của huyện Đức Trọng và cả vùng rừng núi mênh mông phía bắc giáp Đắc Lắc. Từ Nam Ban ra thị trấn Đình Văn, người Hà Nội đã mang theo một “tài sản” đáng giá: Phương hướng sản xuất đã được xác định và thực tiễn kiểm nghiệm là cơ bản phù hợp; cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống đã bước đầu được đầu tư tương đối đồng bộ; các nông trường, xí nghiệp, trạm trại quốc doanh và HTXNN tuy còn những mặt hạn chế nhưng cũng đã có tác dụng hỗ trợ kinh tế gia đình ngày càng ổn định, phát triển... Và điều đáng nói là kinh nghiệm sản xuất, cung cách làm ăn năng động của

những người dân châu thổ sông Hồng đã dần dần hòa nhập, thích ứng trên vùng đất mới. Vùng đất vốn đã hội tụ ba yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” thì nay càng thể hiện rõ nét. Nội lực huyện mới Lâm Hà với diện tích rộng hơn 164.000 hecta, dân số hơn 5 vạn người với sắc màu cư dân 53 tỉnh, thành (trong đó có trên 20 dân tộc thiểu số) từng bước được phát huy. Trong suốt mười năm (1987- 1996), vượt qua thăng trầm, gian khó trong những bước ban đầu tạo dựng nhưng với sự đoàn kết, nhất trí và sự năng động, giám nghĩ giám làm, kinh tế của huyện liên tục tăng trưởng với tốc độ cao trong xu thế ngày càng ổn định, vững chắc. Đặc biệt thời kỳ từ 1991-1996, tốc độ tăng GDP bình quân đạt hơn 18%, gấp 1,5 lần bình quân chung toàn tỉnh. Cơ cấu kinh tế, các lĩnh vực văn hóa - giáo dục - y tế có sự chuyển đổi rõ nét theo hướng tích cực. Đặc biệt gần đây, khi tình hình an ninh chính trị ở khu vực Tây Nguyên có một số nơi diễn biến phức tạp thì huyện Lâm Hà với vị trí chiến lược xung yếu vẫn giữ được thế ổn định và phát triển bình thường... Không phải ngẫu nhiên mà có được thực trạng đó. Tôi nhớ lại cuộc trò chuyện với anh Giản sau ngày thành lập huyện mới, (anh được chỉ định làm Bí thư Lâm Hà) về tình hình và nhiệm vụ trọng tâm của địa phương trước bước ngoặt lớn rất hệ trọng đối với cả cộng đồng và bản thân anh... Như đã suy nghĩ dẫn đo từ trước, anh khẳng định một cách rất tự tin: “Đặc điểm nổi bật nhất của Lâm Hà là hầu hết toàn dân kinh tế mới và đồng bào các dân tộc, từ nhiều vùng miền hợp lại. Nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu xuyên suốt của Đảng bộ và đồng bào các dân tộc trong huyện là:

Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện tốt các chính sách dân tộc và kinh tế mới của Đảng, Nhà nước. Hai nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa chiến lược đó có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại với nhau. Ví như con người phải đi bằng cả hai chân mới tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc được!” Từ nhận thức ấy, Lâm Hà đã thực sự chăm lo bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ là đồng bào dân tộc tại chỗ và đến nay đã có nhiều đồng chí phấn đấu trưởng thành. Đó là các anh K’Siêng hiện là Bí thư xã Phi Liêng, K’Tân - Phó Bí thư Huyện Đoàn, K’Dụ nguyên Bí thư Chi bộ xã Đa Đồn nay đi tăng cường cho các xã phía bắc, chị Ka Gléo là đại biểu Quốc hội khóa XI đơn vị tỉnh Lâm Đồng...

Nhiệt tình, tận tụy trong công tác, lời nói đi đôi với việc làm, luôn có “tâm” trong quan hệ với người, với việc... là bản chất tốt đẹp, tạo nên sức thuyết phục của anh Giản, giúp anh hoà nhập khá nhanh với cộng đồng các dân tộc trong huyện. Việc kiên trì “bám điểm, lợi đồng” suốt 5 năm trực tiếp chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện thành công chương trình định canh định cư thực sự “của dân, do dân và vì dân” ở xã Đa Đồn - Một xã có nhiều khó khăn phức tạp nhất, đồng bào dân tộc bỏ ruộng vườn “bung” đi phá rừng làm rẫy, trở lại du canh du cư từ trước và sau khi thành lập huyện - trở nên một xã vững mạnh toàn diện cho đến tận bây giờ khiến anh thực sự trở thành người con “đi dân nhớ, ở dân thương” của đồng bào các dân tộc huyện nhà. Lâm Hà cũng là địa phương sớm có sáng kiến tổ chức họp mặt các già làng, trưởng bản, trí thức dân tộc để bàn việc nhà, việc nước; vận dụng đúng

đến chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước và Bác Hồ đối với những người một thời lầm lỡ theo Fulro trước đây, tạo điều kiện cho họ lập công chuộc lỗi, trở thành người tốt trong phong trào thi đua yêu nước của cả cộng đồng. Năm 1990, thiết thực chào mừng kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, hội nghị biểu dương các “gia đình nông dân sản xuất giỏi - chấp hành chính sách tốt” huyện Lâm Hà lần thứ nhất được tổ chức. Nhân hội nghị này, anh đã thuyết phục và được tập thể nhất trí mời cả hai đối tượng thuộc diện thực hiện chính sách khoan hồng nói trên tham dự vì họ đã sửa chữa, tiến bộ và có thành tích xứng đáng, làm cho bản thân mỗi người và gia đình, dòng họ cùng đồng bào các dân tộc đồng tình, phấn khởi, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước.

Tôi không thể kể hết được những việc làm vừa có tình có lý đầy chất nhân văn của anh trong suốt hơn 17 năm trời gần bó, trong đó có 6 năm làm Bí thư Huyện ủy Lâm Hà, trực tiếp cùng các các ngành các cấp chăm lo công tác xây dựng vùng kinh tế mới và định canh định cư của đồng bào các dân tộc với ý thức trách nhiệm và tình cảm cách mạng đầy tâm huyết. Tuy nhiên cũng còn nhiều công việc chưa làm được hoặc có thực hiện nhưng chưa đạt kết quả mong muốn vì “lực bất tòng tâm”. Và đúng như điều anh thường nói: Xây dựng vùng kinh tế mới và định canh định cư của đồng bào các dân tộc là một sự nghiệp cách mạng rất vẻ vang song cũng vô cùng khó khăn, gian khổ, phức tạp, lâu dài. Đó là trách nhiệm lịch sử, tình cảm cách mạng của nhiều thế hệ cán bộ kế tiếp nhau kiên trì thực hiện cho đến thắng lợi hoàn toàn... Quả như vậy,

sau khi anh được điều động lên tỉnh, các anh Nguyễn Văn Trí - Bí thư Huyện ủy, anh Chu Đình Quỹ - Chủ tịch UBND huyện lại tiếp tục dồn tâm trí cho phương hướng đã được xác định. Ý thức việc phát triển giao thông là chìa khóa cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội vùng đất mới, Đảng bộ và chính quyền huyện Lâm Hà đã dồn sức mở đường lên Phi Liêng, tổ chức dời dân ở vùng quá sâu ra xây dựng cụm trung tâm ba xã phía bắc ở Phi Liêng; mở đường thông thương với Đầm Ròn (Lạc Dương)... Những quyết sách ấy đã tạo dựng cơ sở nền tảng cho sự phát triển kinh tế - xã hội như hôm nay. Trước sự lớn mạnh của vùng đất này, vừa qua tỉnh quyết định thành lập huyện mới Đam Rông trong thời gian tới,

Nếu anh Phan Hữu Giản là một trong những gương mặt tiêu biểu cho thế hệ cán bộ thứ nhất thì anh Nguyễn Quốc Triều - một quân nhân phục viên, là cán bộ được Ban tổ chức Thành ủy Hà Nội tăng cường vào làm công tác xây dựng Đảng bộ Vùng kinh tế mới là thế hệ thứ hai của trang sử Hà Nội ở Lâm Hà. Tiếp nối anh Phan Hữu Giản và Nguyễn Văn Trí, anh Nguyễn Quốc Triều tham gia nhiều cương vị cán bộ chủ chốt rồi trở thành người thứ ba giữ cương vị Bí thư Huyện ủy. Cuối năm 2003, về huyện công tác, anh Triều phấn khởi cho tôi hay: Tuy gặp nhiều khó khăn về giá cả nông sản, thời tiết song năm nay huyện vẫn đạt tăng trưởng kinh tế (GDP) 30,7% tính theo giá so sánh năm 1994. GDP bình quân đầu người đạt trên 4,133 triệu đồng. Tổng thu ngân sách vượt 24% kế hoạch tỉnh, 5% kế hoạch huyện. Tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn gần 14%. Đặc điểm Lâm Hà là một bức tranh đa sắc. Dân số toàn

huyện có gần 150 ngàn người; trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm gần 24% (đồng bào dân tộc gốc Tây Nguyên hơn 17%). Hầu hết đồng bào dân tộc định cư tập trung tại 56 thôn, buôn thuộc 14 xã, thị trấn mà phần lớn là những khu vực vùng sâu, vùng xa, cơ sở hạ tầng còn thiếu thốn, sản xuất và đời sống gặp nhiều khó khăn. Vậy Đảng bộ, chính quyền huyện Lâm Hà đã giải quyết vấn đề này như thế nào? Nét mặt đang hào hứng chợt trở nên dăm chiêu, suy tư rồi anh Triều chậm chậm dài bầy: Đây cũng là vấn đề mà chúng tôi rất băn khoăn trăn trở. Trước đây, Bí thư Giản từng có những câu thơ thật cảm động: *“Ngược rừng xuôi lũ mưa trơn / Xót lòng đau cảnh làng buồn nhọc nhằn / Một thời cháo bép rau măng / Nền người sâu nặng tình dân dân đất này / Nâng cần rượu mắt cay cay / Dây cườm vòng bạc trao tay bạn hiền / Lửa hồng say nhịp công chiêng / Nhớ thương trăn trở nỗi niềm thành thơ”*... Nghe tới đây, tôi chợt nhớ lại hồi tháng ba năm 2001 về Lâm Hà sau sự kiện “Nhà nước Đê-ga” ầm ĩ trên Tây Nguyên... Gặp K'Lêu - Phó Ban Dân vận huyện ủy, vốn quen nhau từ mấy năm trước khi cùng lợi rừng vào Phi Liêng, tôi nháy mắt: “Vào Đạ Đờn xem có chóc nào ngon không đi!” Nói vui vậy chứ tôi muốn đi để viết về một Đảng bộ xã mà dân cư đa phần là đồng bào dân tộc thiểu số 5 năm liền đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh”, một địa phương có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội nhanh của huyện. Xuống xã, K'Lêu nắm tình hình tư tưởng đồng bào trước việc bọn tay chân K'so Kơk gây lộn xộn trên Ban Mê Thuật, Plây cu; Danh Mố - Chủ tịch xã (nay giữ cương vị Phó trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy) cho hay: Những năm

sau 1975, ở đây không thiếu người là “tá”, “úy” của bọn Fulro thế nhưng mọi người sớm nhận ra mình bị lừa mị mà tìm đường trở về buôn làng. Vừa rồi, đồng bào chỉ cười xòa và bảo nhau đừng có dại mà nghe lời bọn xấu. Nói hơi dài dòng chút nhưng phải nói cho nó có gốc có ngọn thế này: Đạ Đờn là xã hình thành sau năm 1975 trên cơ sở sát nhập dân hai ấp chiến lược Đam Pao, Đạ Nung của Mỹ - ngụy trước giải phóng. Từ cuộc sống bao đời du canh du cư, đói kém và lạc hậu thế mà chỉ hơn hai mươi năm đời sống người K’Ho, Chil, Mạ nơi đây đã thay đổi nhanh chóng. Ngày xưa chỉ biết phá rừng, đốt nương, tủa hạt nây toàn xã có hơn 1.100 hecta cà-phê, 208 hecta ruộng nước hai vụ. Nói để các anh mừng: Hơn chục năm trước thôi, mỗi năm Nhà nước phải cứu trợ cho Đạ Đờn hàng trăm tấn lương thực thì hiện nay dầu cà-phê có sụt giá thì nhiều hộ đồng bào vẫn cất nhà lầu to chẳng kém nhà trên Đà Lạt...

Cải thiện và nâng cao đời sống của đồng bào là mối quan tâm của Đảng bộ Lâm Hà - Theo anh Triều: Những năm gần đây, huyện xây dựng chương trình định canh định cư, phát triển kinh tế - xã hội với định hướng chung là ổn định định canh - định cư theo hướng nông - lâm kết hợp, lấy hộ gia đình làm đơn vị kinh tế tự chủ; địa bàn thôn làm đơn vị để xây dựng và triển khai kế hoạch. Thực hiện đầu tư theo dạng vườn hộ, vườn rừng tạo công ăn, việc làm tăng thu nhập, từng bước chuyển biến nền kinh tế tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hóa, gắn đầu tư phát triển sản xuất với xây dựng kết cấu hạ tầng... Chỉ tính từ năm 1995-2001, bằng các nguồn vốn, huyện đầu tư gần 17

tỉ đồng cho chương trình này, đã có 31/56 thôn, buôn định canh định cư, 1.532 hộ được đầu tư trực tiếp và hàng ngàn hộ khác được hưởng lợi từ việc xây dựng kết cấu hạ tầng và phúc lợi công cộng. Tỉ lệ hộ đói nghèo giảm từ 53,6% xuống 16% vào năm 2000 (theo tiêu chí cũ), tỉ lệ hộ khá tăng từ 1% lên 6,7%, giải quyết cơ bản tình trạng đói giáp hạt, hạn chế được số hộ phải cứu đói hàng năm... Đến năm 2003, huyện tiếp tục giành kinh phí sự nghiệp trên 6,96 tỉ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, làm nhà ở cho 150 hộ, mắc điện cho 343 hộ. Gần đây, đồng bào dân tộc Mông các tỉnh phía bắc ô ạt di cư tự do vào. Nhằm giúp bà con từng bước ổn định, huyện tiến hành di dời 112/689 khẩu đến nơi quy hoạch đã được xây dựng các công trình chính yếu như đường giao thông, trường học, trạm xá... phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Với sự



Nguyên Bí Thư Phan Hữu Giản cùng đồng chí Đoàn Văn Việt - TUV, Bí thư huyện Lâm Hà trong một chuyến đi thực tế ở xã Liêng Saron - vùng sâu Bắc Lâm Hà.

dầu tư cơ bản và tập trung, đời sống vùng đồng bào dân tộc có nhiều khởi sắc song Lâm Hà vẫn còn nặng nỗi lo toan. Làm gì để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của mọi cấp, mọi ngành và các tầng lớp nhân dân trước hết là trong đội ngũ cán bộ, đảng viên là người dân tộc để tập trung thực hiện chương trình ổn định và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc? Mục tiêu phấn đấu của Lâm Hà đến năm 2005 sẽ không còn hộ đói, giảm tỉ lệ hộ nghèo xuống 24% (theo tiêu chí mới). Do vậy, huyện tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện có chất lượng, hiệu quả các dự án đầu tư, phát triển sản xuất cây lương thực, kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp và lâm nghiệp, nâng cao thu nhập từ nghề rừng; tăng cường củng cố thực lực chính trị, giữ vững ổn định chính trị và an ninh quốc phòng.

Có một điều khá ngẫu nhiên ở vùng đất trẻ Lâm Hà là các đồng chí khi giữ cương vị Bí thư Huyện ủy đều ở độ tuổi bốn mươi - Một độ tuổi chín chắn, sung mãn và giàu tâm huyết... Kế nhiệm khi Bí thư Nguyễn Quốc Triều được luân chuyển làm Phó Ban Dân vận Tỉnh ủy, anh Đoàn Văn Việt là bạn đồng môn với tôi có lần tâm sự: Trước làm Bí thư Tỉnh đoàn, rồi Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin, công việc nào cũng đòi hỏi sự tận tâm. Thế nhưng gánh vác cương vị Bí thư Huyện ủy thì sự toàn tâm toàn ý phải cao hơn gấp bội. Xa vợ yếu, con thơ trên Đà Lạt, thời gian đầu xuống huyện quả cũng thật khó thích nghi cảnh “ăn cơm tập thể, nằm giường cá nhân”... Bù lại, anh giành được nhiều thời gian tập trung nghiên cứu đặc điểm, tình hình địa phương; xuống cơ sở, nắm bắt tâm tư và nguyện

vọng đồng bào các dân tộc. Nửa năm trôi qua, như cây bén rễ vào lòng đất, Bí thư Huyện ủy đã sớm hòa nhập với Lâm Hà... Tất bật chuẩn bị và tổ chức thành công cuộc bầu cử HĐND ba cấp nhiệm kỳ 2004-2009, rồi lại cuốn hút vào công tác lãnh, chỉ đạo xây dựng các TCCSĐ trong sạch vững mạnh, củng cố các TCCSĐ yếu kém... nên Bí thư Huyện ủy có vẻ trầm tĩnh hơn những ngày công tác tại Đà Lạt. Mới đây, tôi có dịp về công tác, anh Đoàn Văn Việt cho biết: Để tiếp tục kế thừa và phát huy những thành tựu bước đầu trong sự nghiệp xây dựng huyện Lâm Hà, nhất là trong việc định canh định cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chúng tôi thấy còn rất nhiều công việc phải làm... Thời gian qua, huyện tập trung lãnh chỉ đạo các TCCSĐ nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị mà trọng tâm là thực hiện có hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV đề ra; kiên quyết giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong bất cứ tình huống nào; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở khu dân cư; xây dựng thôn văn hóa, cơ quan văn hóa gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Qua đó, các mặt công tác xây dựng Đảng của các TCCSĐ có nhiều tiến bộ tạo cơ sở cho những bước tiến mới trong thời gian tới của huyện Lâm Hà...

Chặng đường đi từ vùng kinh tế mới Nam Ban ra huyện Lâm Hà rồi lên công tác trên thành phố hoa... và này trở lại, anh Giản không ngờ thoát cái đã gần ba mươi năm vụt qua... Ngày nào là một cán bộ của Thành Đoàn

Hà Nội đang tuổi ba mươi tràn trề nhiệt huyết “khi ta ở chỉ là nơi đất ở” với những cánh rừng “Si-bê-ri” Nam Ban, Lán Tranh, Tân Hà..., bây giờ mái tóc đã pha sương khiến lòng người sao khỏi bồi hồi. Trong tâm trạng ấy, trên đường vào Nam Ban - một vùng rừng hoang sơ năm nào ngủ vùi trong quên lãng nay đã vươn mình với vóc dáng thị trấn nhộn nhịp, anh Giản chợt ngâm nga mấy câu thơ mộc mạc mở đầu bài “*Nhớ Lâm Hà*” viết từ mười một năm trước: “*Đang say hương đất - tình người / Có đâu hay sớm mai rồi chia xa / Với quê hương mới Lâm Hà / Bao năm gần bó đậm đà thủy chung*”. Vâng “Bao năm gần bó đậm đà thủy chung” với quê hương mới Lâm Hà, nên “đất càng thêm nặng tình với người”. Tôi rất xúc động trước cảnh khi vừa rời khỏi xe, bà con Nam Ban - từ già tới trẻ, có quen có lạ đã tíu tít vây quanh “Bác mới về ạ”! Lời chào chan chứa nghĩa tình ấy chỉ giành cho người con của quê hương, đó là một phần thưởng lớn nhất của anh và bao thế hệ cán bộ đã đóng góp không chỉ tâm trí mà còn cả xương máu cho cao nguyên ngày thêm xanh tươi!

Dà Lạt, tháng 9-2004

NTĐ

PHAN HỮU GIẢN

(Nguyên Bí thư Đoàn TNCS vùng KTM Hà Nội)

Tuổi trẻ Thủ độ ngày đầu mở đất

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, cuối năm 1975, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của hai địa phương Hà Nội và Lâm Đồng lúc đó đã thống nhất tổ chức động viên một bộ phận cán bộ và nhân dân Thủ đô vào xây dựng vùng kinh tế mới tại huyện Đức Trọng - Lâm Đồng. Công tác chuẩn bị đã được tiến hành rất khẩn trương, sôi động toàn thành phố mùa xuân 1976. Hai ngàn thanh niên tiền trạm được biên chế thành 8 tổng đội do các đồng chí cán bộ chủ chốt của Đảng bộ, chính quyền và Đoàn Thanh niên các quận, huyện nội ngoại thành trực tiếp phụ trách lần lượt làm lễ xuất quân vào Tây Nguyên làm nhiệm vụ với khí thế “3 sẵn sàng” của tuổi trẻ Thủ đô như những ngày “xẻ dọc Trường Sơn” đi đánh Mỹ...

Lúc đó, tôi làm Ủy viên Ban Thường vụ Thành Đoàn công tác tại Trường ĐH Nông nghiệp I, được Thành ủy, Thành Đoàn điều động vào phụ trách Bí thư Đoàn Thanh



• Đại hội I Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vùng KTM Hà Nội tại Lãm Đồng - 1977.



• Đồng chí Hoàng Thị Thân - Phó Bí thư Thành Đoàn Hà Nội chụp ảnh cùng các cán bộ Đoàn chủ chốt lớp đầu tiên của thanh niên Thủ đô Hà Nội trên Vùng Kinh tế mới Hà Nội tại Lãm Đồng - Xuân 1978.

niên Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng. Tháng 4/1976, các tổng đội thanh niên tiền trạm Gia Lâm, Thanh Trì, Đông Anh, Từ Liêm và Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng lần lượt tập kết tại khu vực Nam Ban đúng theo kế hoạch. Mỗi tổng đội được khoanh một phạm vi diện tích nhất định, cách xa nhau từ 3 đến 5 km, lấy khu Ba Đình làm trung tâm, có trụ sở của Ban xây dựng đóng bên thác Voi, sau này dần hình thành nên các địa bàn dân cư hiện nay. Nhưng bấy giờ rừng Nam Ban còn rất dày đặc, rậm rạp, an ninh không đảm bảo vì Fulrô còn nhiều, chúng ẩn náu quanh khu vực núi Voi thường xuyên hoạt động. Đường đi lại vào mùa mưa rất khó khăn, phải mở lối mà đi theo vết xe khai thác gỗ, lầy lội quá thì lại mở đường vòng qua lối khác, gặp suối thì ngả cây bắc cầu khi đi tạm. Từ cửa rừng vào đến trung tâm có 9 cây số nhưng có khi xe Jeep bị sa lầy, mất cả buổi mới tới nơi. Từ tổng đội này đến tổng đội khác cũng phải đi bộ mất hơn một tiếng đồng hồ và thường thì có vài ba người cùng đi, có mang theo vũ khí để tự vệ... Ấy thế mà đã có một vài trường hợp dụng Fulrô, gặp thú dữ, bị thương vong.

Hành quân từ Hà Nội đến Đà Lạt được tạm nghỉ ở Làng SOS, đi thăm thành phố hoa... anh chị em ai cũng nô nức phấn khởi; nhưng từ Đà Lạt qua ngã ba Liên Khương, đến cửa rừng rồi vào Nam Ban, chỉ 50km mà sao cảm thấy xa xôi, gian lao vất vả... Rồi sinh hoạt ở giữa rừng sâu chưa quen sống tập thể, nhất là các bạn gái lần đầu xa gia đình, càng nhớ nhà vô kể. Từ đó tư tưởng phát sinh nhiều vấn đề, đặt ra cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức hoạt động của Đảng, của Đoàn Thanh niên rất

nhiều công việc khá phức tạp... Chúng tôi đã sớm khắc phục được những khó khăn ban đầu, ổn định tư tưởng và tổ chức đời sống, sinh hoạt tập thể để nhanh chóng bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ của lực lượng thanh niên tiên tram được giao:

Phục vụ công tác khảo sát thực địa, lên kế hoạch tổng thể trên phạm vi toàn vùng rộng gần 600km² gồm 2 khu vực Nam Ban và Lán Tranh, kịp trình lãnh đạo hai địa phương và cấp trên phê duyệt để có căn cứ khoa học định kế hoạch sản xuất xây dựng vùng trước mắt và lâu dài.

Khai hoang, sản xuất thử nghiệm, mở đường giao thông, xây dựng nhà cửa, chuẩn bị cơ sở vật chất ban đầu để dân vào là sớm ổn định sản xuất, đời sống ngay trên vùng đất mới.

Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ làm nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự trong vùng, và phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương truy quét bọn tàn quân Fulrô ngoài rừng, để đồng bào yên tâm xây dựng quê hương mới.

Làm nòng cốt trong việc tổ chức đời sống mới, xây dựng và phát triển mạng lưới giáo dục, y tế, tổ chức các hoạt động thông tin, văn hóa, thể dục thể thao quần chúng trong toàn vùng và mỗi cơ sở, tạo ra không khí phấn khởi, tin tưởng, quyết tâm xây dựng quê hương mới. Tăng cường quan hệ giao lưu với đồng bào các dân tộc địa phương thực hiện chính sách đoàn kết, đem ánh sáng văn hóa của Đảng đến với đồng bào vùng mới giải phóng.

Trong bước đi ban đầu của vùng đất mới, từ năm 1976 đến năm 1978, dân vào chưa đông, các đơn vị hành chính,

kinh tế chưa hình thành đồng bộ... Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy và Ban Xây dựng vùng, tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh với lực lượng hơn 2.000 thanh niên tiên trạm đã thực sự phát huy được vai trò xung kích, vượt qua gian khổ hy sinh, hoàn thành những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch thành phố đề ra. Tạo điều kiện cơ bản cho việc tiếp tục xây dựng thành công Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng, phát triển lên thành một huyện mới có nhiều tiềm năng, thế mạnh và triển vọng tốt đẹp như huyện Lâm Hà hiện nay...

Gần 20 năm trực tiếp tham gia xây dựng quê hương mới đối với tôi là một quá trình phấn đấu liên tục, kiên trì vượt qua nhiều khó khăn thử thách để đóng góp được một phần nhỏ bé vào sự nghiệp chung... Đó là những năm tháng tôi cảm thấy mình sống hữu ích nhất, nhiều kỷ niệm suốt đời không thể nào quên.

PHG

PHÙNG VĂN THU

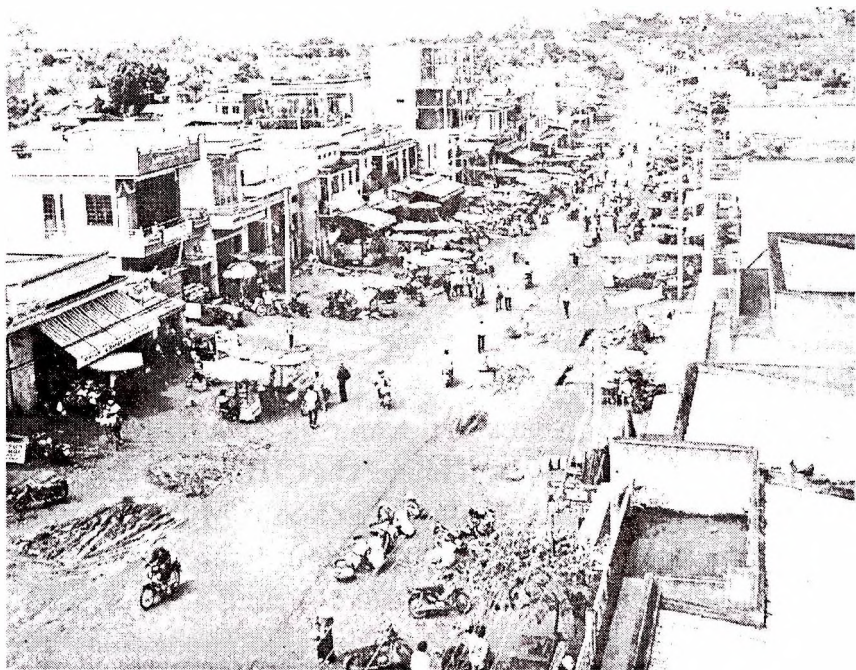
KÝ ỨC TÂN HÀ

Nơi đây hai mươi năm về trước có tên là Bãi Cháy – Lán Tranh, một vùng đất hầy còn hoang vu thuộc huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Mãi đến năm 1987, khi huyện Lâm Hà được thành lập thì xã mới Tân Hà được hình thành ngay trên chính mảnh đất ấy. Và rồi, Tân Hà trở thành một trong những thị tứ trung tâm của huyện mới Lâm Hà...

Trong dòng hồi ức, tôi không thể nào quên những ngày đầu xa quê hương xứ sở đến lập cư nơi vùng đất xa xôi trên cao nguyên Lâm Viên. Khoảng ba giờ chiều ngày 15-1-1980, một đoàn người đi xây dựng vùng kinh tế mới gồm 34 hộ với hơn 100 nhân khẩu đã được Huyện Ủy , Phòng khai hoang huyện Thạch Thất (Hà Tây) đưa đến mảnh đất này. Đất mới là đây... Ôi chao! Chỉ là rừng rậm âm u, suốt ngày mây phủ, là thú rừng hoang dã, là nơi Fulrô ẩn nấp đêm ngày, là nạn sốt rét rừng ác tính, muỗi vắt, ruồi vàng hàng hà sa số. Đúng là: *“Thoạt tiên mới bước chân vào - Rừng xanh ngút mắt, gió gào rợn tai -*

Suối reo heo hút mây bay - Tâm tư ai cũng muốn quay trở về!"

Rồi 1980, 1981, 1983 ...ba năm mất mùa liên tục vì khí hậu và đất chưa thuần hóa được. Dân sống trong cảnh rau rừng, sắn khoai thay bữa. Tâm lý chung là hoang mang, tưởng chừng không trụ nổi. Giữa núi rừng heo hút, căn bệnh sốt rét đã cướp đi tính mạng của một số người. Fulrô hàng đêm vẫn mờ ra cướp bóc, bắn giết dân lành.



Trung tâm Tân Hà - Lán Tranh hôm nay -

Ảnh Minh Lộc

Có người vào rừng lấy măng lạc lối, bị thú dữ bắt mất không về. Những cơn lốc rừng đổ tung mái nhà, rồi mưa rừng sét đánh chết người... Bởi vậy, cho nên 10 hộ trong số 34 hộ ra đi đã không thể chịu đựng nổi đành trở về quê cũ. Chỉ còn 24 hộ và ngót 100 nhân khẩu bám trụ lại cho đến hôm nay...

Thế rồi, năm tháng dần qua. Cuộc sống tạm bợ ban đầu đã lùi dần về quá khứ. Được sự quan tâm của Đảng Ủy, Ban xây dựng Vùng kinh tế mới Hà Nội, sự giúp đỡ của tỉnh Lâm Đồng, từ trợ cấp ban đầu đến tạo điều kiện, đầu tư nên cuộc sống của người dân vùng Tân Hà ngày càng thêm khởi sắc, phát triển không ngừng. Hai mươi hai mùa Thu đã qua, trải bao ngọt bùi, cay đắng, nay Tân Hà đã trở thành một trong những trung tâm kinh tế - văn hóa của huyện Lâm Hà. Mảnh đất hoang vu ngày xưa nay đã là một vùng quê trù phú, dân cư đông đúc, có đủ điện - đường - trường - trạm. Tôi xin ghi lại đôi dòng hồi ức bằng mấy vần thơ mộc mạc:

*Rừng sâu xưa chẳng thấy đường
Đất hoang đã hóa ruộng vườn xanh tươi
Tân Hà trẻ lại cùng người
Quê hương vang vọng những lời ca ngân
Công ơn Đảng xây nền tạo dáng
Đưa về dân ánh sáng văn minh
Đảng dẫn lối, vẽ khuôn hình
Hai hai năm ấy thấm tình biết bao!...*

Ngày 1 tháng 1 năm 2003

PVT

UÔNG THÁI BIỂU

Người tìm lại tắm da trâu bị mất

Bút ký

Anh bạn xe ôm đã dẫm cần khởi động nhưng vẫn còn e ngại: “Kon Făng à? Xa lắm, đường rừng khó đi. Nhưng ông anh vào đó để làm gì?”. Tôi chỉ cười, miễn trả lời câu hỏi.

Sau một chặng đường dài tách khỏi trung tâm xã Đan Phượng, gai cào khắp quần áo, mặt mũi đặc đầy bụi đỏ, Kon Făng đã hiện ra trước mắt. Kon Făng, tên buôn mà tôi đã được nghe nhiều trong các hội nghị, được bàn nhiều trong những lần cứu bệnh, cứu đói.

Già làng kể lại, xưa đã lâu lắm rồi vùng này là nơi cư ngụ của buôn Kon Tách, một buôn lớn của người K’Ho. Những ngôi nhà dài chạy kín một đoạn sông Đạ Dâng tiếp giáp Di Linh Thượng. Trên rừng, dưới sông, ở giữa là những đầm sinh. Đến một dạo, dân cư đông đúc quá, buôn Kon Tách chia thành bốn buôn, tản dân ra khắp núi rừng: Kon Făng, Kon Ter, Kon Ter Đa và Kon Ter Đăng. Lại nữa, cũng xưa lắm rồi, vị thần K’Xrai ở trên đất Yàng thương một người con gái vùng này. K’Xrai vẫn thường

ghé về đây thăm nàng, ông đã đặt tên cho quê hương bạn tình là buôn Kon Făng. Đó là một huyện thoại. Vậy mà anh bạn K'Riú cứ khẳng định với tôi K'Xrai là một người thật. Chứng tích đây, cỗ xe và con voi đá của ông vẫn còn đó bên dòng Đa Dâng. Rồi những bàn ghế bằng mây trên rừng cũng mới mất từ khi lâm trường vào khai thác...

Chuyện xưa, chuyện nay, chúng tôi tranh luận mãi về sự tích một vùng đất cổ sơ. Già làng K'Hai nhắc về những ngày thống khổ khi Ngô Đình Diệm cho trực thăng vào lùa dân buôn ra lập ấp chiến lược ở Đình Văn. Lính bắt trâu bò, đánh người, thiêu cháy nhà cửa. Những cột nhà cháy đen bà con vẫn còn giữ nguyên trên nền nhà cũ. Cho đến năm 1987, những người con K'Ho Kon Făng lại từ già Đình Văn trở về đất ông bà. Trở về nhưng bước chân vẫn phiêu diêu suốt triển rừng dốc núi như cánh chim Tia Chôm hoang lạc.



Vùng sáu vùng xa Lâm Hà nay đã có nhiều trường mới cho con em đồng bào các dân tộc.

Đói, bệnh, dốt âm ỉ trong lòng buồn. Mở mắt đã bắt gặp núi rừng âm u, nhắm mắt không hình dung được tương lai sẽ ra sao. Cái đầu tối mịt mù, càng tối hơn khi nghe tiếng hú của thầy mo trong những đêm cúng ma.

Nghe nói rằng, xưa lắm rồi người K'Ho cũng biết cái chữ. Nhưng khổ thay, người Kinh khắc cái chữ lên đá, lên giấy nên giữ được lâu. Người K'Ho khắc cái chữ lên tấm da trâu. Da trâu thì hôi, đem ra nắng phơi. Con chó ngửi thấy thơm, tha đi ăn mất. Thế là người K'Ho mất luôn cái chữ. Cái chữ mất, cái đầu càng tối hơn, người Kon Făng như lạc lối giữa rừng...

Theo người Kinh mà làm, vẫn biết thế, nhưng mà ai dạy cho? Cuộc sống đói nhiều, đường xa, sốt rét. Người lớn trẻ em cứ tối mãi cái đầu, nếu không có thầy giáo Trí. Vâng! Thầy giáo Nguyễn Ngọc Trí mà tôi muốn nói nhiều trong bút ký này...

- Ông Trí à, một nhân vật hay đấy, rất tâm huyết nhưng mà nhiều điều còn phải... - Có người đã nói như vậy khi tôi hỏi về anh. Nhưng tôi nghĩ cứ đến rồi xem, tất cả là “mục kích sở thị”. Hóa ra, khi gặp anh “nhiều điều còn phải” được kể ra chân thật như những gì vốn có.

- Anh muốn biết tiểu sử của tôi à? Sinh năm 1939 ở Bắc Ninh. Năm 1959 tốt nghiệp sư phạm trung cấp, về dạy học ở Hải Hưng. Năm 1963 học Đại học sư phạm, tốt nghiệp về công tác tại Ty Giáo dục Hà Tây và đến năm 1968 thì lên đường nhập ngũ. Cái ác liệt, cái gian khổ của chiến trường Khu V thì ai cũng biết, nhưng điều đáng nói là trong cái lần ngủ quên trong ruộng lúa, bị địch bắt

làm tù binh, trở thành nỗi khổ đến tận sau này...

Nỗi khổ ấy tôi đã rõ. Sau giải phóng trở về anh ra trình diện và được giam lại để xác minh ở Quân khu III. Sau năm năm điều tra, cuối cùng được tha nhưng vẫn mang tội danh: “Mất khí thế đảng viên, khai báo, không tự sát để bảo toàn khí tiết.” Lời khai của anh với địch là “làm anh nuôi, không biết gì cả.”

Chuyện cũ dài dòng không nhắc lại nhiều, hồi đó Trí cũng đã nghĩ: mất khí tiết thì về cày cuốc, làm ăn. Nhưng rồi máu nghề nghiệp, máu lính trỗi dậy sau cái lần gặp anh Phan Hữu Giản (nguyên là Bí thư Đảng ủy hồi còn Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng). Trí vác chiếc ba lô thời lính vào đất Lâm Hà tiếp tục nghề dạy học. Dạy một lèo, đến năm 1989 nghỉ hưu. Nghỉ hưu buồn, dính luôn chức Chi hội trưởng Chi hội Chữ Thập đỏ Đan Phượng. Một lần K'Tiên thôn trưởng cũ của buôn Kon Făng ra kêu dân đói, anh vào. Trước mắt Trí là làng buôn nhếch nhác, người lớn sốt rét da vàng, trẻ con bụng beo chạy lông bông ngoài đường, không ai rành cái chữ. Máu nghề nghiệp trỗi dậy, anh nghĩ: “Phải dạy cho bà con biết chữ, không có văn hóa thì suốt đời tối tăm, chẳng bao giờ tiếp cận với văn minh”. Một lần nữa ông giáo già về hưu Nguyễn Ngọc Trí lại được làm thầy. Thầy giáo, già làng, thôn trưởng cùng bàn định và lên danh sách: 105 người lớn, 40 trẻ con cần phải đi học. Đi học thôi, ngày đó cả thầy lẫn trò đều không biết đến những khái niệm “xóa mù”, “phổ cập”. Mờ lớp rồi mới thấy cần sự giúp đỡ của chính quyền, anh đạp xe ra huyện gặp Phó chủ tịch K'Lêu, Phó Chu tịch đề nghị sang Phòng Giáo dục, từ đó người đi học

ở buôn Kon Făng mới biết mình đang đến lớp “phổ cập”, “xóa mù”. Ngày 19-9-1991 phó Phong Giao dục Nguyễn Văn Nhiên vào, ngày 20 thầy Trí cho lớp khai giảng chính thức. Bắt đầu một chuỗi ngày dài, thầy tro miệt mài dạy sớm, thức khuya với từng phép tính, con chữ sáng mắt, mở lòng.

Lung linh trong lòng tôi là hình ảnh những ngọn đèn dầu lập loe thấp niềm tin trong đêm tối mông lung sâu thẳm của núi rừng. Ngôi trường rộn ràng tiếng học bài như khẳng định rằng người K’Ho Kon Făng đã tìm lại được tấm da trâu một thời đánh mất... Người tìm lại tấm da trâu có khắc con chữ là thầy giáo Trí, một người đã trở thành thân thuộc với mọi người. Lớp học ba ca, trẻ con đèn lớp ban ngày, người lớn sáng lên rừng, tôi về thấp đèn đến lớp. Lớp học trong đêm như một trời sao thu nhỏ bởi từng ngọn đèn tụ lại bên nhau. Có nhiều người bàn tay sần sùi ở tuổi bốn mươi mới run run tập viết nét chữ đầu. Vợ chồng K’Tông và vợ chồng K’Tỏi đêm đêm công con ngủ trên lưng đến lớp. Ba mẹ con K’Klông cùng giúp nhau truy bài. Chị K’Xan con ốm vẫn mang trên lưng đi học. Thầy giáo Trí cầm tay tập từng nét chữ đầu cho K’Rú, K’Ten, K’Dung...

Cái chữ mở mắt, làng buôn sáng hẳn ra. Thầy giáo một tháng mấy lần đạp xe ra huyện xin thêm sách báo. Bí thư Giản, Chủ tịch Trí gom góp từng chồng báo cũ, anh mang về phát cho từng nhà. Bà con đói kiến thức, thiếu thông tin, họ chuyển tay nhau từng tờ báo Nhân Dân, Nông Nghiệp, Lâm Đồng. Người khắp nước làm được điều hay, sao từ lâu buôn Kon Făng không biết?

Ngắm lại mà thấy tủi cho mình!...

Người K'Ho đói nhiều vì không biết đầu tư kỹ thuật vào sản xuất, bệnh nhiều vì ăn ở không hợp vệ sinh. Trẻ em sinh được bảy ngày đã tắm bằng nước lã. Uống nước giếng đất bẩn, ăn quả dại trên rừng, tuốt lúa bằng kê tay, ốm đau không dùng thuốc mà nặn hình quỷ quái kêu thầy mo về cúng...

Anh Trí tâm sự: Dạy cái chữ để bà con tiếp cận và giao lưu với thế giới bên ngoài. Cái chữ giúp bà con nâng cao dân trí, đẩy lùi hủ tục, tiếp thu những kiến thức cuộc sống văn minh, khoa học kỹ thuật. Đó chính là điều cần thiết và ý nghĩa thực sự của việc học hành.

Nhiều người đã đọc thông viết thạo, biết thảo lá đơn, biết xem sách báo, biết tính được hạt lúa về nhà. Cái được lớn hơn là người K'Ho Kon Făng đã thấy được chính mình. Nhà ở chỗ thấp, nghe lời thầy giáo chuyển nền lên cao, ngay hàng, thẳng lối, sạch sẽ để tránh bệnh tật. Biết đào giếng sạch, uống nước đun sôi, làm chuồng cho trâu bò ở. Người Kon Făng đã biết ngủ màn tránh muỗi, người chết không chôn chung, trẻ sơ sinh không tắm bằng nước lã. Những việc tưởng nhỏ mọn như cất lúa bằng liềm, ăn cơm bằng đũa...cũng phải nhờ thầy giáo mới tập từ đầu.

Ngày xưa thần K'Xrai đã về đất Yàng, buôn Kon Făng như dừng lại ở bên rừng thẳm. Nhưng thật ra, K'Xrai còn giữ lại đó một lưỡi gươm thần. Lưỡi gươm bằng đá lưu lại bên bờ Đạ Dâng như nhắc nhở người K'Ho Kon Făng phải mở tiếp con đường K'Xrai đã mở. Những điều mới mẻ đã vượt qua tối tăm cổ sơ, vượt qua chính mình.

Ánh sáng đã về, con người thôi kiếp sống phiêu diêu như con vượn, con nai nơi triền rừng, dốc núi. Vẫn còn đó những bữa ăn đậm bạc kham khổ lá bép, củ nần. Vẫn còn đó những cơn sốt rét rừng. Nhưng người Kon Făng đã biết bỏ dần tập tục, biết làm ăn tích lũy, biết mua sắm tiện nghi. Một thời gian rất ngắn, buôn đã có 12 xe máy, 6 nhà tôn gỗ mới, 20 con trâu, 49 con bò trên tổng số 64 nóc nhà, 400 nhân khẩu.

Ở ngoài kia dòng Đa Dâng vẫn trôi tự ngàn đời. Con sông cổ xưa chở nặng trên mình bao sự tích huyền thoại, bao nỗi đau quặn mình theo năm tháng. Rồi Kon Făng, câu chuyện tắm da trâu bị mất lưu lại trong tôi niềm xúc động khôn nguôi. Có phải chăng đó chính là niềm tủi hổ, mặc cảm đeo đẳng trong lòng họ qua bao thế hệ. Có lẽ đêm nay những ánh đèn từ mỗi góc rừng tụ lại bên lớp học sẽ tỏa sáng lên những niềm tin trong lòng những con người sống giữa nơi rừng sâu núi thẳm. Ngày mai thầy giáo Trí lại lọc cọc đạp xe ra huyện xin về những tờ báo cũ, chuyển cho họ những kiến thức ban đầu về cuộc sống văn minh. Ở nơi tối tăm nhất những ngọn đèn dầu nhỏ nhoi lại tỏa lên thứ ánh sáng diệu kỳ, sáng nhất là tấm lòng thầy Nguyễn Ngọc Trí, người tìm lại tắm da trâu bị mất cho buôn Kon Făng.

Chia tay, thầy nói với tôi về kế hoạch hướng dẫn bà con trồng dâu sắp tới. Tôi có ý chờ những mầm dâu trở lá, những nong tầm nhả lứa kén dâu.

Lâm Hà, 12. 1992

U.T.B

TRỌNG VĂN

Văn hóa Thăng Long trên quê mới Lâm Hà

Có lẽ ít có vùng đất nào mà nền văn hóa Thăng Long ngàn năm văn hiến lại hòa quyện và lan tỏa như ở vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng, nay là huyện Lâm Hà. Khác với thời kỳ di dân lên mạn ngược phía Bắc những năm 60 của thế kỷ 20 không được thành công như mong muốn, thì cuộc vận động di dân theo chủ trương lớn của Đảng đến với Tây Nguyên lại đạt hiệu quả ngoài sức tưởng tượng: Hàng ngàn gia đình trụ lại, “ăn nên làm ra”, hàng vạn người có công ăn việc làm, thu nhập, đời sống khá hơn hẳn so với khi còn ở quê cũ. Số hộ bỏ về lại địa phương hay đi nơi khác trong những năm đầu khai hoang chỉ có vồn vẹn 5 % và càng về sau thì tỷ lệ này đã giảm theo thời gian. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được thiết lập ngay từ đầu, góp phần cùng với quân và dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng sớm căn bản giải quyết vấn đề Fulro ngoài rừng sau chiến tranh, tạo môi trường ổn định để đồng bào ta

yên tâm xây dựng quê hương mới lâu dài.

Bản sắc văn hóa truyền thống của người Tràng An: tài hoa, hiền hòa, thanh lịch; sống biết tự trọng và quên mình vì nghĩa lớn; kiên quyết, hiên ngang bất khuất trước quân thù, nhưng lại giàu lòng vị tha, thương yêu giúp đỡ anh em, đồng bào, đồng chí ... vẫn được kế thừa và phát triển trong hoàn cảnh mới. Lớp trẻ mới ra đời và lớn lên trong gần 30 năm ở vùng đất mới này đã tiếp nối được những truyền thống tốt đẹp ấy của cha ông. Văn hóa Sông Hồng, văn hóa miền Trung, Nam Bộ trên quê mới cùng với tinh hoa văn hóa Tây Nguyên đã hòa hợp giao thoa tỏa sáng, vẫn được trân trọng nâng niu, bảo tồn và phát triển. Những hủ tục mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội khác cũng được giáo dục đấu tranh khắc phục, tạo ra



Văn nghệ mừng 20 năm xây dựng Vùng kinh tế mới.

Ảnh Tư liệu

một cuộc sống mới ổn định, yên lành.

Người Hà Nội trên quê mới cũng nhanh chóng tiếp thu, đưa tiến bộ kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề, dịch vụ. Không ít hộ đã đầu tư vốn để đổi mới về giống, quy trình canh tác, cơ cấu sản xuất cho có hiệu quả kinh tế cao hơn. Hàng ngàn héc-ta cà phê, cây ăn quả; hàng trăm hộ mở trang trại, có cái quy mô tới vài chục héc-ta; những cơ sở chăn nuôi lớn với đàn bò, đàn lợn hàng trăm con đang hình thành. Nhiều hộ đầu tư vào trồng dâu nuôi tằm, ương tơ, khôi phục và phát huy một nghề truyền thống lâu đời của quê hương ở vùng ven sông Hồng, sông Đáy ... Từ chỗ có kinh tế ổn định, bà con Hà Nội ở Lâm Hà đã đầu tư cho con em có điều kiện học tập tốt hơn. Nhiều gia đình tuy ở vùng kinh tế mới nhưng đã chăm lo cho tất cả các con đều học xong đại học, có công ăn việc làm ổn định. Một số gia đình đã mua đất, mua nhà và đầu tư cho con về thành phố Hồ Chí Minh, lên Đà Lạt để được vào học các trường chuyên, cao đẳng, đại học... tạo điều kiện cho con em tiếp cận với các trung tâm văn hóa – khoa học kỹ thuật, khỏi lo lạc hậu với thời đại. Phần đông các cháu đã trưởng thành và phát huy được truyền thống của gia đình, quê hương. Một số cháu đã tình nguyện trở về địa phương tham gia hoạt động trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế – kỹ thuật, y tế giáo dục, văn hóa – xã hội, tạo nguồn cán bộ xây dựng huyện lâu dài. Chính nền tảng văn hóa bền vững đã mở ra một giai đoạn phát triển quan trọng, tạo nên nguồn lực thúc đẩy mạnh mẽ Lâm Hà vững vàng đi tới tương lai. Việc xóa bỏ cơ chế bao cấp với nhiều hậu quả nặng nề của nếp

nghĩ, cách làm bảo thủ, trì trệ, quen ỷ lại, thụ động trông chờ thật sự là một thắng lợi lớn. Đã bước đầu giải phóng mọi năng lực sản xuất, làm cho con người có ý thức hơn với trách nhiệm công dân của mình, phát huy ý thức tự cường, năng động sáng tạo, nỗ lực vươn lên làm giàu cho bản thân, gia đình và xã hội. Tuy trong cơ chế mới – cơ chế kinh tế thị trường theo định hướng XHCN ... đang ngày càng phát triển mạnh, bên cạnh nhiều mặt tích cực, cũng khó tránh khỏi có những tiêu cực hạn chế nhất định về đạo đức, lối sống trái với đạo lý truyền thống của dân tộc, làm xói mòn một số quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người trong chế độ mới ... Nếu không có các chính sách, biện pháp tích cực và đồng bộ để tăng cường giáo dục và phòng ngừa, phát huy những cái tốt, đấu tranh khắc phục những cái xấu với thái độ kiên quyết dứt khoát thì hậu quả nguy hại khó lường, nhất là đối với thế hệ trẻ...

Văn hóa lâu nay ta vẫn hiểu theo nghĩa hẹp, là chỉ bó gọn trong “hát hò – đình đám”, chưa hiểu đúng theo nghĩa rộng mà Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, cũng như Kết luận của Hội nghị lần thứ 10 - Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã nêu rõ văn hóa bao gồm cả thể giới tinh thần và nhiều lĩnh vực rộng lớn khác. Nó có ảnh hưởng sâu sắc đến lối sống, cách nghĩ và chi phối hoạt động của con người trong các mối quan hệ với cộng đồng; có tác động thúc đẩy hoặc cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội.

Những năm qua, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ...” trên địa bàn huyện đã đạt được một số thành tựu đáng kể: Cả huyện đã có tám thôn được

tỉnh công nhận như : Tân Tiến (xã Đa Đồn), Hà Trung, Tân Văn 1 (xã Tân Văn), Đông Anh 2 (Thị trấn Nam Ban), Bằng Tiên (xã Phú Sơn), Thanh Hà (xã Đông Thanh), Thạch Thất 2 (xã Tân Hà). Nhiều thôn xóm, khu phố khác cũng đang đăng ký phấn đấu khá sôi nổi và từng bước được công nhận là thôn buôn văn hóa đạt tiêu chuẩn cấp cơ sở. Hàng ngàn gia đình trong huyện được công nhận là gia đình văn hóa. Nhiều xã đã thành lập được đội văn nghệ, xây dựng được một số cơ sở hạ tầng để có nơi tập hợp các thành viên tham gia sinh hoạt cộng đồng...

Rõ ràng ở những nơi làm tốt thì hiệu quả của phong trào này đã làm thay đổi diện mạo đời sống kinh tế – văn hóa tinh thần của đồng bào các dân tộc, tạo nên những chuyển biến tiến bộ đáng mừng cả chiều rộng lẫn chiều sâu: Tình đoàn kết tương thân tương ái giữa các dân tộc và các tầng lớp dân cư từ nhiều vùng miền địa phương khác nhau hợp lại được củng cố và tăng cường; giúp nhau xóa đói giảm nghèo, phát huy dân chủ, tự giác thực hiện qui ước, hương ước xây dựng khu dân cư, gia đình văn hóa; bảo vệ thôn buôn, xã phường, thị trấn, trật tự an toàn, vui tươi lành mạnh ... Tuy vậy, về nhận thức và việc làm, vẫn còn một số nơi chưa thực sự thấy được đầy đủ ý nghĩa và tầm quan trọng của phong trào trong việc thúc đẩy kinh tế xã hội ở địa phương phát triển. Do đó chưa có quyết tâm cao, thiếu tập trung chỉ đạo, động viên đồng bào các dân tộc phấn đấu thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu 50% số thôn buôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định mà huyện đề ra đến hết năm 2005. (Hiện nay mới có 56/203 đơn vị cơ sở đăng ký – trong đó có 7

thôn buôn dân tộc, 2 cơ quan HCSN, 2 trường học ...). Một số nơi phong trào mới chỉ dừng lại ở chỗ đăng ký và phát động chung, còn việc xác định nội dung cụ thể, thiết thực, có biện pháp thực hiện, nâng cao chất lượng, hiệu quả để phong trào có chiều sâu, thực sự đi vào đời sống quần chúng chưa được chú ý đúng mức. Bên cạnh đó, một số Ban chỉ đạo hoạt động ở cơ sở còn lúng túng, rập khuôn, hình thức. Thực tiễn đã chỉ rõ : Vấn đề thống nhất quan điểm, nâng cao nhận thức, tự giác tiếp thu các Nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước về văn hóa nói chung, ý nghĩa và tầm quan trọng của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa...” nói riêng phải bắt đầu từ các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể. Cần thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền vận động, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm học tập những gương “người tốt - việc tốt” xuất hiện ở các loại hình cơ sở. Hết sức tránh các biểu hiện chủ quan, giản đơn, tư tưởng thành tích, buông lỏng quản lý, thiếu sâu sát cơ sở...

Nhờ hội đủ các yếu tố “ thiên thời – địa lợi – nhân hòa”, huyện Lâm Hà có điều kiện kế thừa và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của nhiều địa phương, vùng miền khá phong phú, đa dạng. Trong đó, truyền thống văn hiến đã có hàng ngàn năm của thủ đô Thăng Long – Hà Nội là tiêu biểu, giữ vai trò nòng cốt trên nhiều lĩnh vực hoạt động.

Từ khi huyện Lâm Hà ra đời, những hạt nhân văn hoá văn nghệ của vùng kinh tế mới Hà Nội đã góp phần làm nên một phong trào văn hóa văn nghệ đặc sắc của vùng quê mới, thường xuyên tham gia các chương trình

văn hóa văn nghệ của tỉnh và đạt thứ hạng cao. Đội ngũ sáng tác văn học nghệ thuật của huyện Lâm Hà đã từng bước hình thành các chi hội, các câu lạc bộ làm nòng cốt cho phong trào chung của địa phương. Họ là những người gắn bó một phần cuộc đời với Lâm Hà, yêu Lâm Hà và trải lòng mình trên từng trang thơ, trên từng tác phẩm âm nhạc, hội họa, điêu khắc và có được tiếng nói chung trong cộng đồng văn nghệ của huyện, của tỉnh.

Từ phong trào “tiếng hát át khó khăn” của thanh niên tiền trạm vùng kinh tế mới Hà Nội thời kỳ đầu mở đất, đến các cuộc lễ hội, hội diễn, hội thao có quy mô ngày càng lớn và nội dung đa dạng, phong phú được tổ chức khá thường xuyên từ thôn buôn lên xã, khu vực và toàn huyện, dự thi ở tỉnh và tham gia liên hoan toàn quốc... đã trở thành một nhu cầu thiết yếu, một nét đẹp trong đời sống sinh hoạt của cộng đồng các dân tộc huyện Lâm Hà. Đó cũng là dịp tốt để biểu dương sức mạnh tinh thần đại đoàn kết, gắn bó keo sơn giữa những người con của 23 dân tộc anh em cùng nhau xây dựng quê hương, làm chủ cuộc sống tương lai hạnh phúc; tạo sân chơi bổ ích để nhân dân các dân tộc có điều kiện giới thiệu bản sắc độc đáo của mình, làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần vui tươi lành mạnh của cả cộng đồng. Nhiều văn nghệ sĩ, nghệ nhân đã có bước tiến bộ trưởng thành do cố gắng tập luyện nâng cao trình độ sáng tác, biểu diễn phục vụ nhân dân, luôn được sự động viên giúp đỡ tận tình của các cấp lãnh đạo, cơ quan chuyên môn nên anh chị em rất phấn khởi, phát huy được vai trò là những hạt nhân nòng cốt trong phong trào văn nghệ quần chúng của đồng bào các dân tộc ở cơ sở.

Tuy đã có những cố gắng và đạt được thành quả quan trọng bước đầu kể trên nhưng phong trào văn hóa, văn học nghệ thuật ngày càng cao, phong phú đa dạng hơn của công chúng. Một số xã, thôn buôn ở vùng sâu vùng xa, thực trạng sản xuất và đời sống của đồng bào các dân tộc còn nhiều khó khăn, thiết chế văn hóa chưa được đầu tư đáng kể, trình độ dân trí còn hạn chế... Vì vậy, cần có sự lãnh đạo, giúp đỡ của các cấp, các ngành để khơi dậy, phát huy đúng mức các tiềm năng thế mạnh, vốn văn hóa truyền thống, nhiệt tình và khả năng của cán bộ, đồng bào các dân tộc ở cơ sở tự tổ chức cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của mình.

Đối chiếu với những yêu cầu to lớn, toàn diện của nghị quyết TW 5 khóa VIII mà hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ 10 – khóa IX đã kết luận cũng như nguyện vọng tha thiết của quần chúng thì còn rất nhiều việc phải làm, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa...” đạt hiệu quả thiết thực, ngày càng đi vào chiều sâu, toàn diện, vững chắc hơn... Cùng với việc chăm lo phát triển sản xuất, thực hiện tốt các chính sách xã hội, coi đây là một nhiệm vụ chính trị quan trọng của tất cả các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân các dân tộc huyện nhà trong sự nghiệp xây dựng con người mới, cuộc sống mới trên quê hương mới .

Trong quá trình phát triển, trước mắt chúng ta còn phải phấn đấu vượt qua rất nhiều khó khăn trở ngại vô cùng phức tạp và lâu dài. Nhưng so với nhiều nơi khác,

huyện Lâm Hà có thuận lợi rất cơ bản – như đã phân tích tình hình đặc điểm ở phần trên – là vừa được sự lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư trực tiếp của tỉnh Lâm Đồng và các ngành chức năng cấp trên; đồng thời tiếp tục kế thừa và phát huy vốn văn hóa truyền thống và kinh nghiệm tổ chức hoạt động cũng như sự hỗ trợ nhất định cả vật chất lẫn tinh thần của quê hương Hà Nội, Hà Tây và các địa phương khác. Tất nhiên phát huy nội lực bao giờ cũng là nhân tố quyết định nhất. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện nhà quyết tâm đưa Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII và Kết luận của hội nghị Trung ương 10 khóa IX vào cuộc sống, tạo nên động lực mạnh mẽ xây dựng thành công huyện Lâm Hà giàu đẹp, có đời sống văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam, mang cốt cách Thăng Long và khí phách quật cường của Tây Nguyên bất khuất.

Đà Lạt - Mùa thu 2004

T.V

TỔ MINH

“Trồng người” trên đất Tây Nguyên

Từ đầu năm 1976, sau gần một năm non sông Việt Nam về một mối, vùng đất Nam Tây Nguyên được góp thêm ánh sáng của văn minh sông Hồng. Đó mãi mãi là ký ức lung linh trong lòng người Thủ đô Hà Nội, ấm mãi trong lòng người Lâm Đồng. Hai nghìn thanh niên Hà Nội lên đường vào với núi rừng này để “khai sơn, phá thạch” lập nên quê mới. Những nam thanh, nữ tú đất Tràng An “gánh” vào đây nghề sản xuất rau, hoa, trồng dâu, nuôi tằm, nghề đan nong, đan nia và đặc biệt, “gánh” cả vào đây những con chữ. Cái học được gầy dựng ngay từ thuở ban đầu, mặc dù mới đến “vạn sự khởi đầu nan”. Để rồi, sau hơn ¼ thế kỷ, vùng đất Lâm Đồng và trong đó tâm điểm là huyện Lâm Hà - quện hòa một vùng văn hóa Tây Nguyên với một dòng văn hóa sông Hồng. Sự hợp lưu được khơi nguồn từ nghiệp “trồng người”...

Như vốn có của một nghề phấn trắng, bảng đen; như

vốn có của con người đất Thăng Long văn hiến – cuộc sống được tạo dựng âm thầm và bền bỉ, rồi loang ra, lẫn vào nếp làm ăn, lẫn trong cách nhập thế. Thanh lịch, kín đáo mà nghị lực đến phi thường. Khi cảm nhận về sự nghiệp giáo dục của người Hà Nội, về người Hà Nội trên vùng đất Lâm Đồng, với tôi chỉ là những chấm phá theo giác độ thẩm mỹ mà thôi. Chỉ biết rằng, chiêm nghiệm về điều này, tôi lại nhớ đến câu thơ của thi sĩ họ Chế mà xao xuyến vô cùng: *“Khi ta ở chỉ là nơi đất ở. Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn”*.



Đội ngũ giáo viên trẻ với ngôi trường mới ở Nam Ban.

Những ngày tháng Tám, vũ trụ Đà Lạt như càng trắc ẩn. Buông lòng mình vào sâu thẳm của trời xanh cao ấy; đặt lòng mình vào màn mưa dăng mờ ấy; thả lòng mình vào làn gió lạnh; đắm lòng mình giữa vạt nắng bên đồi...hình như có thanh âm “rì rầm” của đất trời Thủ đô và Cao nguyên giao hoan. Tôi đang bỗng bênh với Đà Lạt

mà hôn vương vương với trời Thu, với mưa Ngâu Hà Nội... Rồi như vùn vào hôn, chuông điện thoại reo lên: “Tố Minh đấy à? Đi qua mình chơi...” – tiếng của anh Phan Hữu Giản vọng tới. Và chính con người có thâm niên bện chặt giữa hai vùng đất Hà Nội – Lâm Đồng này đã đưa tôi neo vào lòng người Hà Nội trên dòng sông “sự nghiệp trồng người”...

Ký ức xưa chứa chan trở lại với anh Giản. Anh kể: Ngay từ năm học đầu tiên (1977 – 1978), vùng đất KTM Nam Ban đã có một đội ngũ giáo viên (GV) để khai trường, mở lớp. Trong đó có nhà giáo Đoàn Đức Huyền – người đã dạy anh ở trường Chu Văn An – Hà Nội, nay lại vào đây cùng học trò gắn bó suốt đời với sự nghiệp trồng người trên quê hương mới, ngay cả khi đã về hưu. Cuối năm 2002, thầy đã mất trong căn nhà “Đạo – Nghĩa” tại thị trấn Nam Ban do huyện Lâm Hà, Trường THPT Thăng Long, giáo viên và học sinh cùng đồng nghiệp của thầy ở Lâm Đồng và Hà Nội góp công xây dựng tặng thầy trước đó mấy năm (vì nhà giáo Đoàn Đức Huyền không lập gia đình riêng). Điều thường trực trong suy nghĩ của các anh chị lãnh đạo lúc bấy giờ là dẫu định cư trên vùng đất sơn cùng, thủy tận này thì cái học của con em cũng phải dứt khoát được đảm bảo duy trì và phát triển. Họ hứa với lòng, đồng cam cộng khổ, chứ quyết không thể để cho con em phải mù cái chữ. Bởi thế mà chính anh Giản đã ngược xuôi, ra Bắc vào Nam xin cho bằng được những GV Hà Thành, quyết dựng trường, mở lớp trên vùng đất quanh thác Voi hoang sơ, hùng vĩ này.

Cái chữ sinh sôi, con người khôn lớn. Nơi “đất lành

chim đậu” đang ương trồng lớp lớp thông non để mai này làm đẹp giàu cho quê hương, đất nước...đã giang tay đón mời đồng nghiệp từ nhiều địa phương – trong đó có Thủ đô Hà Nội – vào đây công tác và sinh cơ lập nghiệp lâu dài. Tôi không thể và cũng không có ý liệt kê đội ngũ nhà giáo Hà Nội đã và đang miệt mài cống hiến cho sự nghiệp giáo dục trên đất Lâm Đồng. Nhưng cũng mạo muội lần theo ký ức của một số người về bóng dáng của họ. Những cánh chim đầu sóng: thầy Lê Quyết Chiến (nguyên là Trưởng phòng của ngành giáo dục Tiểu học Lâm Đồng vừa mới nghỉ hưu); thầy Chu Xuân Đẩu (đang là Hiệu trưởng Trường THPT dân tộc nội trú tỉnh); thầy Hà Tất Thắng (đang là chánh Thanh tra ngành giáo dục Lâm Đồng);...Rồi các cô giáo Bạch Phương Lan – cán bộ giảng dạy ngành sinh học của Trường Đại học Đà Lạt; cô Phạm Thị Hòa, cô Nguyễn Thị Xuân cán bộ giảng dạy ngành vật lý của Trường Cao đẳng sư phạm Đà Lạt; cô Hà Thị Hương Liên – Phó phòng giáo dục Đà Lạt.v.v... Quanh một vòng Thành phố Đà Lạt, còn nhiều lắm những con người đất Trảng An đứng trên bục giảng dạy chữ, dạy người...Thầy Lê Minh Chiến, một trong những người con của Hà Nội thuộc thế hệ thứ hai và thành đạt trên đất Lâm Đồng, hiện là cán bộ giảng dạy ngành Lịch sử kiêm Phó trưởng phòng Công tác chính trị – quản lý sinh viên của Trường Đại học Đà Lạt gặp tôi, vẫn cái nếp nói ít làm nhiều của người Hà Thành. Chiến tâm sự: “Tụi em cũng cố mà giữ lấy lễ chứ anh”. Tôi càng nghĩ (và có lẽ cũng đồng thuận như bao suy nghĩ khác) rằng: với những cương vị mà bản thân giáo giới Hà Nội đã và đang giữ

trong ngành giáo dục – đào tạo trên đất Nam Tây Nguyên này đủ để nói lên quá trình phấn đấu và công lao đóng góp của họ cho sự nghiệp “trồng người”. Một lần cùng đi công tác vùng sâu để khảo sát, đánh giá trường đạt chuẩn quốc gia, anh Lê Quyết Chiến kể lại cho tôi nghe: “Cách đây gần ba chục năm, vùng đất này um tùm cây cối lắm Minh ạ. Mình đi bộ hàng chục cây số để vận động bà con đưa con em đến trường đấy”. “Dân Hà Nội, mà anh không nản à ?” – tôi hỏi. “Nghề giáo làm mình đam mê nên vượt qua thôi chứ gian nan lắm” – anh trả lời. Tôi vốn là nhà giáo của Trường Cao đẳng sư phạm, gần chục năm chuyển qua làm báo được phân công tuyên truyền ngành giáo dục của Lâm Đồng nên rất thấm cái nghiệp “gánh chữ” lên non, “gieo chữ” vào buôn...

Trở lại huyện Lâm Hà, một huyện vùng sâu, rộng bằng cả tỉnh Thái Bình, lại hầu hết là dân tộc bản địa và dân KTM từ mấy chục tỉnh, thành đến lập cư mới càng thấy gian nan một sự nghiệp “trồng người”. Với tinh thần “Tất cả vì tương lai con em chúng ta”, đội ngũ giáo viên Thủ đô có tới hàng ngàn người ở hầu khắp các quận, huyện nội ngoại thành đã luân phiên nhau vào công tác có thời hạn và lâu dài tại vùng kinh tế mới. Họ đã không quản ngại mọi gian khổ, hy sinh, phấn đấu hoàn thành trách nhiệm là những người thầy đặt viên gạch đầu tiên xây nền móng vững chắc để con em đồng bào Hà Nội đi xa vẫn tiếp tục giữ gìn và phát huy được truyền thống hiếu học của quê nhà. Gần ba chục năm qua, nhất là từ khi ra huyện, được sự chăm lo của tỉnh Lâm Đồng và hỗ trợ của Thủ đô, hệ thống

giáo dục của Lâm Hà đã không ngừng phát triển cả số lượng và chất lượng: Hiện nay toàn huyện có 87 trường, 1.677 giáo viên và 38.000 học sinh – tăng gấp 5 lần so với khi mới thành lập huyện. Mạng lưới trường lớp được bố trí đến tận thôn, buôn, đảm bảo đủ phòng không phải học ca ba. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp hàng năm đều đạt mặt bằng chung của tỉnh. Riêng Trường PTTH Thăng Long ở Nam Ban là đơn vị dẫn đầu trong số 3 trường trung học trong huyện và thuộc diện trường có chất lượng tốt của tỉnh. Năm học 2003 – 2004, có 770 học sinh giỏi cấp huyện, 52 học sinh giỏi cấp tỉnh. Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất của huyện đến nay là cơ sở vật chất trường, lớp phục vụ cho giảng dạy và học tập còn thiếu thốn, toàn huyện mới chỉ có 128/800 phòng học được kiên cố hóa, chiếm 18%.

Qua cô Nguyễn Thị Chinh, nguyên là cán bộ chuyên trách của Phòng giáo dục huyện Lâm Hà, nay là Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện, trong tay tôi có một danh sách khá dài những gương mặt giáo giới Hà Nội đã một thời gắn bó với vùng này. Nhiều người đã rời bục giảng, nghỉ hưu tại chỗ. Đó là các cô giáo Nguyễn Thị Tân, Dương Mỹ Thủy, Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Thị Phượng Hoàng, Nguyễn Thị Sáu, thầy, cô Vinh - Mãng... Đó là các thầy giáo Đoàn Đức Huyền, Nguyễn Ngọc Vinh, Nguyễn Văn Mỳ, Bùi Tuấn Dương...cùng nhiều giáo viên biệt phái, khởi thủy cái học ở vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng. Họ là những giáo viên, những cán bộ quản lý giáo dục không chỉ để lại cái chữ mà cả nét người để nâng cánh cho đàn em Lâm

Hà tung bay muôn phương. Bây giờ, trong số những nhà giáo biệt phái ở lại đang còn công tác ngoài cô Nguyễn Thị Chinh còn có cô Nguyễn Văn Khánh ở Trường THCS Tân Hà, Nguyễn Thị Lý ở Trường Tiểu học Đông Thanh. Cái bền bỉ của giáo giới Hà Nội sau hơn ¼ thế kỷ với sự nghiệp “trồng người” ở đất Lâm Đồng nói chung, huyện Lâm Hà nói riêng ngày càng tô thắm vùng đất cao nguyên này. Nổi nghiệp những thế hệ đi đầu, hôm nay có hẳn một lớp giáo viên mới trưởng thành dưới mái trường kinh tế mới được đào tạo về tiếp tục đứng trên bục giảng diu dặt con trẻ. Nào thầy Nguyễn Sinh Biên – Hiệu trưởng Trường THCS Từ Liêm, cô Kiều Thị Nga - Hiệu phó Trường THCS Từ Liêm. Nào cô Nguyễn Thị Thịnh, các thầy Nguyễn Quốc Khánh, Nguyễn Xuân Hãn, Trần Quốc Hùng đang là hiệu phó hoặc giảng dạy ở Trường THPT Thăng Long. Nào cô Đỗ Thị Thúy - Hiệu trưởng Trường tiểu học Từ Liêm, Hoàng Thị Thuyên - Hiệu trưởng Trường tiểu học Gia Lâm. Và nữa, thầy Phạm Văn Cương - Hiệu phó Trường THCS Nam Hà; cô Đoàn Anh Hương - Phó trưởng Phòng giáo dục huyện; thầy Hoàng Quốc Đạt - Hiệu trưởng Trường THCS Liên Hà... Trong số những nhà giáo thành đạt trên vùng đất mới này, bây giờ nhiều người trong số họ theo yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng huyện ngày càng phát triển đã bước sang lĩnh vực mới như cô Lê Thị Nhân (phó Ban Tuyên giáo Huyện ủy), cô Nguyễn Thị Chinh (Chủ tịch LĐLĐ huyện), cô Trần Lệ Quyên (chánh Văn phòng UBND huyện)... Hơn thế, đội ngũ giáo giới Hà Nội không chỉ thành đạt

trên đất Lâm Đồng mà những người qua thử thách, rèn luyện, cống hiến và trưởng thành ở cao nguyên trở lại thành phố cho đến nay cũng đã khẳng định chính mình trên nhiều vị trí công tác. Đó là thầy Phạm Anh Dũng (hiệu trưởng Trường âm diếc Hà Nội), thầy Đoàn Hoài Vĩnh (Hiệu trưởng Trường PTTH Thăng Long), cô Nguyễn Thị Kim Thanh (phó Phòng giáo dục quận Tây Hồ – Hà Nội), thầy Nguyễn Hữu Thọ (hiện là chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng quận Thanh Xuân), thầy Đoàn Quốc Khánh (nguyên Trưởng Phòng giáo dục quận nay là Phó Chủ tịch quận Hoàng Mai), thầy Vũ Tá Dũng (Hiệu trưởng Trường Trưng Nhị – quận Hai Bà Trưng), cô Lê Thu Hà (Hiệu phó một trường PTTH quận Hai Bà Trưng), thầy Nguyễn Trần Vỵ (Trường Tiểu học Nghĩa Tân – Cầu Giấy), thầy Mai Quế Trung (Phòng Giáo dục quận Hai Bà Trưng), v.v và v.v...

Vậy là tôi đã bị cuốn hút trong dài dòng thống kê, mặc dù không muốn thế. Ấu cũng là lẽ thường dễ bao dung, bởi mỗi khi đứng trước một dòng chảy lớn, cái tình tự nhiên muốn được trải lòng thật rộng vậy. Là kẻ “ngoại đạo”, tôi may mắn được gắn nhiều kỷ niệm với Hà Nội trong bao bọc của phố, trong vòng ôm ấp của bờ đê; Hà Nội trong long lanh của hồ xanh, giếng lạnh; trong thanh bình của bờ tre, trong “sông Hồng đỏ nặng phù sa”...Hôm nay, Hà Nội lại ùa về trong tôi ấp đầy ký vãng và hiện tại. Phả vào lòng một Hà Nội trên Cao nguyên – ấm áp, nghĩa tình và chuyển động của sự trường tồn. Thì đó còn gì, xung quanh tôi hàng trăm con em

người Hà Nội – Lâm Đồng đã và đang thành danh trên nhiều lĩnh vực ở ngay đất này và ở muôn phương. Dòng chuyển động được hun đúc của nghìn năm văn hiến. Tôi lại nghe văng vẳng câu ca xưa, rằng: Dẫu đi đâu, về đâu... cũng con người Tràng An...

Xin được nối nhịp đập đồng điệu của lòng mình:
*Chiều trong vắt, nắng đầm gió Cao nguyên / Mênh mang
bước, neo hồn bên Tháp Bút / Hoàn Kiếm lung linh,
lấp lánh Xuân Hương / Hà Nội thật gần, trăm mến
ngàn thương...*

Ngày 2 tháng 9 năm 2004

T.M

TRẦN NGỌC TRÁC

“Hương ngoại ô” ở Lâm Hà

Câu lạc bộ “Hương Ngoại Ô”, do Hội LHVHNT và Quỹ hỗ trợ sáng tạo văn học nghệ thuật thành phố Hà Nội sáng lập ra đời trong mấy năm qua đã thu hút nhiều tao nhân mặc khách và cả những người lần đầu tiên tập làm thơ trong mọi miền đất nước. Ở Lâm Đồng qua các tuyển tập “Hương Ngoại Ô”, đã có nhiều tác giả là hội viên Hội VHNT tỉnh tham gia. Họ là những người “*Coi thơ là thú tiêu dao, tìm đến thơ như một phương tiện để thể hiện, tự thăng hoa*” như nhà thơ Bằng Việt - Chủ tịch Hội VHNT Hà Nội đã viết khi giới thiệu tập thơ nhạc tuyển chọn “Hương Ngoại Ô”.

So với các huyện thị thành khác trong tỉnh, Lâm Hà là nơi quy tụ nhiều tác giả có thơ, nhạc đăng nhiều nhất. Chúng ta có thể tìm thấy tác phẩm của các cây bút: Lê Văn Hiếu, Nguyễn Tấn Hùng, Nguyễn Thánh Ngã, Hà Đức Ai, Phú Đại Tiềm, Nguyễn Anh Đức, Nguyễn Hữu Phương, Phùng Văn Thu, Nguyễn Gia Tình, Lê Xuân Liễu,

Nguyễn Văn Khánh, Đào Văn Lượng, Bùi Văn Hạc, Nguyễn Tám, Lê Tĩnh, Trương Thị Tươi, Sing More... Mỗi người một tâm trạng, một góc nhìn về cuộc đời, về thể thái nhân tình; nhưng có lẽ sâu nặng hơn cả vẫn là những vần thơ viết về quê hương đất nước, về những kỷ niệm một thời tuổi trẻ, về những ngày gian khó buổi đầu trên quê mới và sự thay đổi từng ngày của cuộc sống hôm nay.

Buổi gặp mặt giao lưu hàng tháng, là dịp để các hội viên trong câu lạc bộ “Hương Ngoại Ô” ở Lâm Hà có dịp quây quần bên nhau, đọc thơ và hát cho nhau nghe, thổ lộ tâm tình của mình cho các thi hữu hiểu nhau hơn và đồng cảm nhau hơn. Tác giả Hà Đức Ai ở Tân Hà lật từng trang nhật ký được chép bằng thơ trong những năm chống Mỹ cứu nước cho chúng tôi xem, thật cảm động. Những câu thơ cháy bỏng một thời tuổi trẻ cứ lan tỏa giữa núi rừng cao nguyên bạt ngàn nắng gió: *“Công viên xanh, một chiều Thu êm ả - Mây trắng bay, bằng lăng bướm vờn hoa - Anh cùng em chụm đầu trên ghé đá - Ánh hoàng hôn gọi lòng anh nghiêng ngả...”*. Bùi Văn Hạc trong bài *“Êm đêm Đà Lạt”* cũng thật tình tứ: *“Ở đây cả bốn mùa - Không bao giờ có mưa sa bão táp - Cũng không bao giờ - Có cái nắng cháy da - Và cái rét thấu xương - Mà chỉ có hai ta - Lặng lẽ bước trên đường”*. Tác giả Nguyễn Đăng Chấn, từng là bí thư Đảng ủy xã Tân Hà lúc về nghỉ hưu đã kết bạn với các thi hữu trong xã lập nên nhóm *Hương đất đỏ*, làm nơi giao lưu khi tuổi sang chiều. Chúng ta có thể tìm thấy những ẩn chứa tình cảm sâu nặng của anh với quê hương, như những câu trong bài thơ *“Về làng gặp phố”*: *“Còn đâu cái ngô thân*

quen - Cái sân đất nện, cái hàng đậu thưa - Muốn vào thăm lại nhà xưa - Sợ đi nhầm ngõ, chẳng vừa lòng nhau - Đêm trăng hò hẹn nơi nao- Nhặt nhòa ánh điện lối vào nhà em...”. Ở thị trấn Nam Ban, tác giả Phú Đại Tiềm là một trong những cây bút có những vần thơ đẹp, ấn tượng. Tiếp nối những người đi trước như thầy giáo Đoàn Đức Huyền, cụ Lê Kỳ Nam, Phú Đại Tiềm cũng chọn cho mình một lối đi riêng khá nhuần nhuyễn. Bài thơ “ Thương mảnh trăng gầy” của anh có những câu thơ thật xao xuyến: “Gửi em - Nơi ấy phương trời - Câu thơ anh viết nửa vời héo hon - Trông xuống biển, nhìn lên non - Tơ vương một mảnh trăng son heo gầy...”. Nguyễn Hữu Phương lại trải lòng mình với nguồn cội, nơi chôn nhau cắt rốn thật đầm thắm : “Tôi lớn lên cùng mưa giông bão tố - Trong sự chở che đùm bọc của dân làng - Tắm áo sờn vai, mẹ gánh thời gian - Gánh cả cuộc đời cho tôi khôn lớn...”

Sinh hoạt trong câu lạc bộ Hương Ngoại Ô còn có các tác giả là hội viên Hội VHNT Lâm Đồng: Lê Văn Hiếu, Nguyễn Tấn Hùng, Nguyễn Gia Tình, Nguyễn Thánh Ngã...

Sau tập thơ *Nhớ Xanh*, Nguyễn Thánh Ngã vẫn miệt mài làm thơ. Thơ Ngã có nét riêng với nhiều cố gắng cách tân. Ở thị trấn Đình Văn có một chàng trai Bình Định lặng lẽ, khiêm tốn, đó là Lê Văn Hiếu. Anh đến với thơ một cách bình lặng. Anh có thơ in từ rất sớm. Sau *Tự Tình* xuất bản năm 1989, đến nay tập thơ thứ hai của anh đã ra đời với tên gọi *Khi mặt trời chưa mọc*. Trên tuyển tập “Hương Ngoại Ô” anh đã góp mặt bằng những câu thơ tha thiết: “Em hãy lặn vào các con- Anh lặn vào thơ, vào trang viết - Trước mặt ta là mặt trời - Cũng lặn vào đêm thao thiết...”

Trong tuyển tập “Hương Ngoại Ô”, người đọc dễ nhận ra một tác giả quen thuộc của Lâm Hà. Ông đang là Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy và có nhiều năm chịu khó sưu tầm văn học cổ. Bài thơ “*Lâm Hà nỗi nhớ*” của ông chứa nhiều nỗi niềm về một vùng quê mà ông đã gắn bó lâu nay: “*Ngả nghiêng bên chén rượu cần - Bập bùng ngọn lửa, đầy sân nhịp công - Anh đi còn nhớ Dạ Dâng - Nhớ rượu Cát Quế, nhớ đồng Cô Gia - Nhớ khi nâng bút đề thơ - Tân Thanh hát lượn, Phi Tô ném còn - Già làng nhẹ bước lên non - Lưng trần nhuộm nắng, khói vờn thuốc rê...*” Một gương mặt thơ nữ duy nhất ở Lâm Hà có thơ đăng trong “Hương Ngoại Ô” lại là một cô giáo đang dạy học ở trường Trung học cơ sở Nam Hà, huyện Lâm Hà. Đó là Trương Thị Tươi. Bài thơ “*Tìm về*” là những gì mà chị muốn gửi về Hà Nội dấu yêu: “*Lại xa Hà Nội ngàn năm - Cho ngày gặp lại lệ đầm nhớ thương - Hà Thành mảnh đất tơ vương - Thiêng liêng quá đỗi, người thương nhớ về - Có người thiếu phụ xa quê - Công theo một mảnh trăng thê lên non...*”

Trong câu lạc bộ Hương Ngoại Ô ở Lâm Hà, chúng ta sẽ còn có dịp làm quen với nhiều tác giả nữa. Nhưng trong khuôn khổ một bài viết ngắn, chúng tôi không thể nói hết về họ và nói hết những gì mà các hội viên trong câu lạc bộ đã thể hiện trong thời gian qua. Hy vọng rằng, bằng nỗ lực của mỗi thành viên, câu lạc bộ sẽ có thêm nhiều tác giả và tác phẩm mới với chất lượng sáng tác cao hơn.

T.N.T

KHẮC DŨNG

Trẻ mãi một dòng sông

Tùy bút

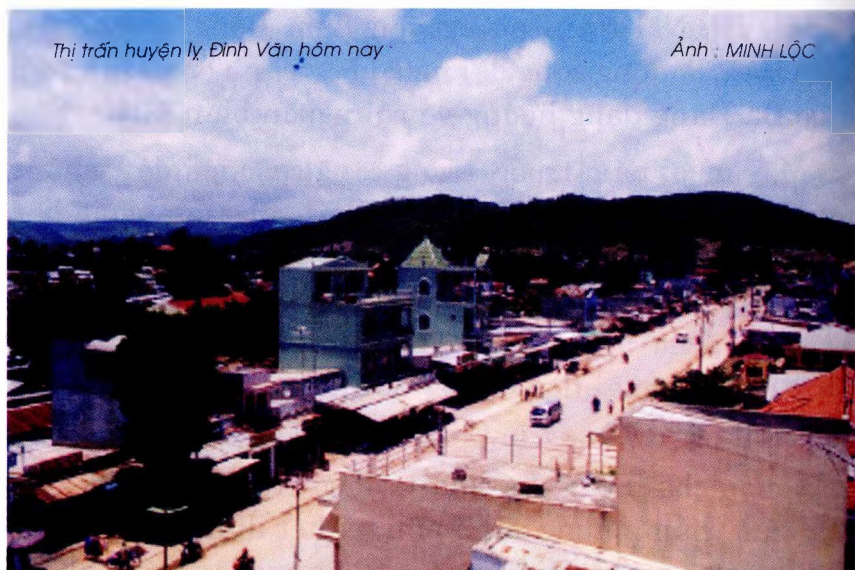
O góc cao nguyên xanh có một dòng sông đời thực nghìn năm tuổi trôi xuôi về biển lớn. Và, bên dòng sông đời thực ấy còn có một dòng sông đời người tuổi chỉ vài mươi trẻ trung mãi hướng về nơi nguồn cội sinh thành. Nghìn năm Thăng Long và năm mươi năm Thủ đô được giải phóng là cái cơ để tôi gọi vùng đất kinh tế mới Hà Nội trên cao nguyên Lâm Đồng – vùng đất Lâm Hà – là dòng sông đời người bên cạnh dòng sông đời thực Đa Dâng đang hướng về cội nguồn biển cả Hà Nội.

Mấy mươi năm trước, trong công cuộc mở đất, những người con Hà Nội đã mở ra một dòng sông đời người bên dòng Đa Dâng ngàn năm tuổi. Thế là trên cao nguyên xanh ngàn năm mây phủ, dòng sông đời người – đất mới Lâm Hà được sinh thành. Và trẻ mãi đất mới Lâm Hà cũng như trẻ mãi dòng sông đời người trên cao nguyên xanh!

Chiều chạp cửa. Lá non tơ mượt trải dưới chân đồi như tấm thảm nhung xanh nồn nà kết dính với nền trời xanh ngấn ngắt. Chiều rắc nắng vàng ong lên thảm nhung

cây lá làm cho tôi có cảm giác đất này yên bình quá đỗi. Một khoảnh khắc chiều tơ vàng này thôi cũng có ý nghĩa thật lớn lao đối với một vùng đất được ví như dòng sông đời người cùng hiện hữu bên dòng sông đời thực. Bởi lẽ khoảnh khắc bình yên trong chiều nắng rả rượi tơ vàng chính là hiện hữu sự giao hòa của hai dòng sông đời người và đời thực trên cao nguyên xanh.

Để làm nên dòng sông đời người, những công dân Hà Nội trong mấy mươi năm qua đã đổ không ít mồ hôi, công sức vào đất này. Ngày ấy, ngay sau khi đất nước được thống nhất, trong niềm vui nhân đôi kỷ niệm lần thứ 21 năm ngày giải phóng Thủ đô (10.10.1954 - 10.10.1975) các vị lãnh đạo Hà Nội đã nghĩ ngay đến mảnh đất Nam Tây Nguyên màu mỡ và giàu tiềm năng. Gấp lại những dòng lịch sử còn thơm mùi mực mới của vùng kinh tế mới



Hà Nội trên đất Lâm Đồng, những cái tên của các vị lãnh đạo Hà Nội ngày trước vừa quen nhưng vừa lạ hiện lên trong đầu tôi: Bí thư Thành ủy Lê Văn Lương, Chủ tịch UBND Trần Vũ, Phó Chủ UBND Trần Duy Dương, Thành ủy viên Nguyễn Xuân Bảy - Bí thư Đảng ủy kiêm Trưởng ban xây dựng Vùng KTM Hà Nội tại Lâm Đồng đầu tiên, tiếp đến là Trưởng ban Xây dựng Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng Vũ Hoa Mỹ... Có thể nói, khởi đầu cho dòng sông đời người trên cao nguyên xanh đã được ông Vũ Hoa Mỹ kể lại bằng câu chuyện về cuộc gặp gỡ giữa ông và Bí thư Thành ủy Hà Nội Lê Văn Lương để bàn việc xây dựng vùng kinh tế mới Hà Nội ở Lâm Đồng cách nay gần ba mươi năm. Lúc đó, ông Mỹ là Bí thư Huyện ủy Từ Liêm (Hà Nội) đã được điều lên làm Trưởng ban Xây dựng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng. Ông Mỹ kể: “Hôm tôi lên chào bác (Lê Văn Lương) và xin chỉ thị xem bác có ý kiến chỉ đạo cho tôi khi vào trong đó (Lâm Đồng), bác tiếp tôi rất ân cần và những lời đả thông chân tình của bác làm tôi nhớ mãi. Bác nói: “Việc lãnh đạo xây dựng vùng kinh tế mới khá khó khăn phức tạp. Người ta nói là “đi khai sơn phá thạch” mà...”. Cũng nói về vấn đề này, anh Phan Hữu Giản – một công dân Hà Nội chính hiệu và là một trong những vị lãnh đạo gắn bó gần cả cuộc đời mình với vùng đất kinh tế mới Lâm Hà – đã mượn câu thành ngữ xưa kia để khái quát về nỗi gian truân thuở “mang gươm đi mở cõi...” rằng: “Thứ nhất là chống hà bá, thứ nhì khai phá sơn lâm”. Thế mới biết...

Gian truân là thế. Vâng, thế mới biết dòng sông đời người trên vùng đất mới Nam Tây Nguyên này đầu dễ

ngày một ngày hai nên vóc nên hình. Lốp lốp mồ hôi của con người đã đổ xuống cho dòng sông đời người dâng nước đầy mang phù sa bồi đắp những cánh đồng. Kịu kịt những giọt mồ hôi chất ra từ trí lực được lốp lốp người dân Thủ đô gồng gánh lên non vun xới mầm xanh cho kỳ vọng về một tương lai tươi sáng bên dòng Đa Dâng ngàn năm tuổi có dư. Sau những cuộc bàn thảo mang tính “nghị trường” của các vị lãnh đạo Trung ương và Hà Nội là cuộc trường chinh của khoảng hơn một trăm “người lính không quân hàm” (Đoàn khảo sát quy hoạch) vượt chặng đường dài gần hai nghìn cây số từ Thủ đô đến vùng “rừng thiêng nước độc” Nam Tây Nguyên thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình: tiên phong đi mở đất. Tiếp theo là trên hai ngàn thanh niên xung kích đi tiền trạm vốn quen với ánh điện Thủ đô tình nguyện vào đây sống với sao trời và khai sơn phá thạch mở đầu cho những cuộc di dân. Đất hoang xưa được mở ra dưới những đường cày vạm vỡ sức trai. Đất hoang Nam Tây Nguyên giờ đã mở lòng ra với những địa danh vốn quá đỗi quen thuộc với người dân Thủ đô: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Gia Lâm, Đông Anh, Đống Đa, Từ Liêm, Thanh Trì, Hai Bà Trưng... Những địa danh thân thuộc ấy đã làm ấm lòng những người dân Thủ đô trong cuộc di dân mở đất nơi thâm sơn cùng cốc. Nói thế không có nghĩa là mọi sự đều suôn sẻ. Mà, nói như sự khẳng định của nguyên Bí thư Thành ủy Hà Nội Lê Văn Lương rằng: “Việc quan trọng nhất là ở Vùng kinh tế mới Lâm Đồng có tốt hay không. Ngoài này Thành ủy có nói hay nói tốt mà trong đó không tốt thì mất tín nhiệm, người ta vẫn bỏ về...”. Tất nhiên lẽ tẻ đã có những cuộc

thối lui vì nản chí. Nhưng đất vẫn “lành” và người vẫn “dậu”, vẫn bám trụ kiên trì để làm nên nghiệp lớn. Để chứng minh cho điều này quả là dễ bởi hiện giờ Lâm Hà có đến một danh sách những người làm giàu bằng đôi bàn tay trắng trên quê hương mới dài đến dằng dặc. Nhưng trong số những con người như thế, tôi nhớ nhất một nhân vật. Đó là anh Phạm Doãn Hiền. Câu chuyện làm giàu của hai vợ chồng Hiền – Loan ở quê hương thứ hai (Hoài Đức, Lâm Hà) thực ra cũng na ná như trăm như ngàn hộ dân khác ở vùng kinh tế mới này làm giàu. Bởi lẽ, họ cũng bắt đầu từ những khó khăn ngày đầu nhưng biết vươn lên, biết chắt bóp, biết tái đầu tư, biết cách làm ăn đúng, biết chọn đúng cây đúng con... và thế là giàu. Đã có những danh hiệu dành cho đôi vợ chồng này: hộ nông dân sản xuất giỏi, hộ gia đình văn hóa... Nhưng ở hai vợ chồng anh Hiền – chị Loan, cách nay đã khá lâu, khi đến nhà tìm hiểu để viết một bài báo bình thường về gương người tốt việc tốt, điều gây cho tôi ấn tượng không phải là những con số mà là một vấn đề khác. Hôm ấy ngồi uống rượu với anh Hiền, sau khi ghi chép đến dày đặc những con số vào trong sổ tay, tôi nâng chén rượu đặc sản tộp một ngụm lớn. Cái động tác tộp rượu hơi táo tợn ấy khiến cho cả cái mặt của tôi ngửa lên trên với đôi mắt trợn ngược. Hóa ra cái động tác ấy lại hay hay vì đúng vào lúc ngửa cổ vĩnh mặt thao láo nhìn lên trần, tôi bắt gặp dòng chữ ghi trên cây xà: ***“Quyết tâm thắng lợi lớn – Kiên trì thành công to”***. Mấy cái chữ ấy được viết bằng sơn màu đỏ và đặt trong một cái khung hình chữ nhật có trang trí hoa văn khá cầu kỳ. Anh Hiền

ngượng nghịu: “Mình viết đây. Viết từ hồi mới dựng nhà. Ấy là viết ... chơi, nhưng cũng là thể hiện sự quyết tâm...”. Tôi đọc rõ to “Quyết tâm thắng lợi lớn – Kiên trì thành công to” và ngẫm ngợi: Câu chữ chưa hẳn chuẩn nhưng ... hay ra phết! Nó chẳng phải là câu khẩu hiệu, càng không phải là thơ, cũng không là thành ngữ... Thế thì câu ấy là gì? Tôi không rõ, nhưng chắc chắn nó là sự thể hiện lòng quyết tâm sắt đá của chủ nhân. Và thế là sau tợp rượu, tôi vội lật sổ tay ghi vào và cũng ... đóng khung cẩn thận trên trang giấy trắng. Nhìn lại dòng chữ trong cuốn sổ và ngược nhìn lên “nguyên bản” lần nữa trên xà nhà, tôi có cảm tưởng toàn bộ những con số trước đó được ghi chép cẩn thận trong cuốn sổ tay của mình đã bị đánh đổ... Và đến lúc này đây, khi lật cuốn sổ tay và nhìn lại dòng chữ trên, tôi thấy nó như là điểm nhấn của dòng sông đời người bên cạnh dòng sông đời thực ở Vùng kinh tế mới Hà Nội trên vùng đất Nam Tây Nguyên kỳ vĩ này.

* * *

Chiều chạp cửa khép lại khoảng thời gian của một ngày để chuẩn bị cho bình minh báo hiệu một ngày mới. Dòng sông bạc Đạ Dâng lấp lánh ánh chiều như trong tranh thủy mặc. Có ai đó nhìn dòng sông đời thực trong một buổi chiều tà để chợt thử đoán định hình hài, vóc dáng, viễn cảnh của dòng sông đời người trên vùng đất này trong tương lai sẽ như thế nào không?

Cũng như gần ba mươi năm về trước, có ai đó ngờ rằng đất này sẽ có một dòng sông đời người Lâm Hà sinh thành và cùng tồn tại bên dòng sông đời thực Đạ Dâng với vạm vỡ phù sa dâng đời như ngày hôm nay? Gần ba

mười năm về trước, các nhà lãnh đạo Hà Nội đã đặt ra một kỳ vọng nhưng có chắc rằng viễn cảnh lúc đó và hiện thực hôm nay chính là bức tranh về một Lâm Hà với vạm vỡ những đường cày no ấm và ẩn đầy những tiềm năng cần tiếp tục khai phá? Cuộc chuyện trò “chớp nhoáng” với nguyên Bí thư Huyện ủy Lâm Hà Phan Hữu Giản giúp tôi hiểu ra rằng: Hai năm đầu tiên của “dòng sông đời người” thưở ấy là hai năm cò dẫm, thử nghiệm, tìm đường, chưa định rõ hướng đi. Nhưng những vấp vấp đầu tiên này không làm nản lòng những công dân Hà Nội. Tháng 6.1978 với chuyến thăm và làm việc của cố Tổng Bí thư Lê Duẩn tại Lâm Hà được xem là một dấu mốc cực kỳ quan trọng của địa phương bởi những lời căn dặn của Người: “Đúng là ở Lâm Đồng có nhiều điều kiện phát triển chăn nuôi bò sữa quy mô lớn. Các nước người ta uống 300 lít sữa/người/năm, chúng ta phải phấn đấu để người Việt Nam được dùng 100 lít sữa/người/năm. Rồi cũng phải làm nhưng còn nhiều khó khăn lớn lắm. Các anh đừng trông chờ! Trong khi chưa có điều kiện nuôi bò sữa thì ta nuôi con khác, trồng cây khác thích hợp với từng loại đất. Chúng mình phải có sáng tạo, mạnh dạn, suy nghĩ gì đây? Không có thái độ mới trong lúc này là sai!”. Và thế là phương hướng sản xuất mới của Lâm Hà đã được xác định trở lại là trồng và chế biến cây công nghiệp lâu năm với ba loại cây trồng chính là trà, cà phê và dâu tằm; chăn nuôi bò thịt, tiến tới nuôi bò kiêm dụng sữa – thịt và bò sữa; tận dụng mọi điều kiện tại chỗ để sản xuất lương thực, thực phẩm và cây ăn quả. Anh Phan Hữu Giản đã nhấn mạnh với tôi rằng: “Cho đến lúc này, sau gần hai mươi năm với



Đưa điện về vùng sâu vùng xa.

Ảnh: MINH LỘC.

hiều biến động của thời bao cấp cũng như thời cơ chế thị trường, thực tiễn đã chứng minh rằng phương hướng sản xuất trên là chính xác và mang lại hiệu quả cao về mọi mặt”. Thật vậy, đến lúc này, tuy là một huyện được sinh sau đẻ muộn nhưng trong 11 huyện, thị, thành của Lâm Đồng thì Lâm Hà có tốc độ xếp vào hàng thứ 4 hay thứ 5 gì đó quả là một minh chứng rất thuyết phục! E rằng sẽ rất khô khan nhưng tôi muốn nêu ra đây một vài con số: 15 vạn dân của Lâm Hà hiện đang cư trú trên một vùng đất khá rộng lớn – 164.000ha, canh tác trên diện tích hơn 34.000ha cà phê, trên 2.900ha dâu tằm và gần 1.000ha chè quả là những con số lý tưởng nhìn theo cơ cấu kinh tế nông nghiệp đã được xác định từ nhiều năm qua. Rồi nữa, nói đến Lâm Hà là nói đến một tiềm năng chăn nuôi đầy triển vọng: Nói như anh Phan Hữu Giản rằng, tuy lúc này đàn bò sữa của Lâm Hà chưa được “xếp hạng” nhưng trong

tương lai không xa, đàn bò của địa phương này sẽ là một minh chứng sống động về tầm nhìn của các vị lãnh đạo ngày trước. Nghe nguyên Bí thư Lâm Hà nói chuyện, tôi nhớ lại lời của cố Tổng Bí thư Lê Duẩn vừa dẫn ở trên: “Đúng là ở Lâm Đồng có nhiều điều kiện phát triển chăn nuôi bò sữa quy mô lớn...”.

Cho đến lúc này có thể nói, với vạm vỡ phù sa dòng sông đời người trên đất kinh tế mới Hà Nội ở Nam Tây Nguyên, lớp lớp công dân Hà Nội gốc và “công dân” Hà Nội được sinh thành trên vùng đất mới không còn phải quá dỗi lo toan chuyện cái ăn cái mặc thường nhật như những ngày đầu. Một thời gian khổ đã qua. Lúc này, với những công dân ấy, chuyện của ăn của để đã trở thành chuyện không còn xa lạ. Tân Bí thư Lâm Hà Đoàn Văn Việt vốn là dân miền Trung nhưng chỉ vài tháng “sống giữa lòng Thủ đô trên cao nguyên xanh” phát biểu: “Lâm Hà trong những năm gần đây đã có những bước phát triển vượt bậc đáng ghi nhận. Sau gần ba mươi năm, đến lúc này, công cuộc đưa dân đi kinh tế mới của Hà Nội tại Lâm Đồng đã khẳng định sự thành công. Dẫu vẫn còn những khó khăn nhất định nhưng chặng đường vừa qua, mỗi bước đi lên của Lâm Hà trong tư thế của người chiến thắng càng thêm khẳng định tính đúng đắn của sự lựa chọn ban đầu của lãnh đạo hai địa phương Hà Nội và Lâm Đồng. Đồng thời trong tương lai, Lâm Hà cũng đã được xác định là vùng đất còn nhiều tiềm năng cần khai thác của không những người dân địa phương này mà còn của một hậu phương vững chắc là Hà Nội”. Nghe tân Bí thư Đoàn Văn Việt nói, tôi lại tự hỏi: Có ai đó đoán định

dòng sông đời người trên quê hương của những người con Hà Nội đi xây dựng vùng kinh tế mới Lâm Đồng này trong tương lai sẽ như thế nào không? Về nên vóc dáng, hình hài trong viễn cảnh của vùng đất này hẳn đã được các nhà hoạch định chiến lược thực hiện. Còn tôi, tôi chỉ muốn nói rằng: Dòng sông đời người ấy đã được sinh thành và trở nên vạm vỡ phù sa bởi những người con Hà Nội có một ý chí kiên cường trong hành trình gần ba mươi năm đi tìm đất mới. Và con sông đời người ấy vẫn đang còn trẻ trung lắm, khỏe khoắn lắm. Như thế chắc hẳn bài ca về “mang gươm đi mở cõi” ấy vẫn còn vang vọng, nhưng điều có ý nghĩa cao hơn trong lúc này là bài ca đó sẽ được những công dân Hà Nội là hậu duệ trên vùng đất mới Lâm Hà viết tiếp như thế nào trong tương lai. Hôm chuyện trò với tôi ở nhà riêng, nguyên Bí thư Lâm Hà Phan Hữu Giản đã nói rằng: “Cán bộ và nhân dân vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng đã hoàn thành được nhiệm vụ lịch sử của mình, xứng đáng với lòng tin yêu của Đảng bộ và nhân dân hai địa phương Hà Nội và Lâm Đồng”. Và anh Giản cũng đã không giấu những nghĩ suy về tương lai cho sự phát triển bền vững của vùng đất một thời anh gắn bó với tư cách là người lãnh đạo cao nhất ấy rằng: “Lâm Hà đã chọn đúng con đường đi của mình là tập trung phát triển vùng cây công nghiệp với ba loại cây trồng chính là cà phê, chè và dâu tằm. Tuy nhiên, để đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa, địa phương này cần ưu tiên cho công nghệ chế biến để phát huy giá trị của nông sản, đặc biệt là cây dâu con tằm, kể đến là rau hoa xuất khẩu. Rồi nữa, cũng trên lĩnh

vực nông nghiệp, công tác chăn nuôi cần chú trọng hơn với việc tập trung phát triển đàn bò sữa theo hướng chăn nuôi gia đình, tiến tới chăn nuôi lớn và công nghệ khép kín. Riêng trên lĩnh vực du lịch, đã đến lúc Lâm Hà cần phải đặt ra vấn đề này để bàn thảo một cách nghiêm túc và nâng nó lên thành một chương trình hành động cụ thể, những dự án tiềm khả thi vì du lịch là ngành kinh tế từ nhiều năm qua bị Lâm Hà lãng quên và đã đến lúc cần đánh thức nó. Cũng cần nói thêm, Lâm Hà cũng phải nghĩ đến việc vươn lên làm cầu nối tăng cường các mối quan hệ, liên kết giữa Hà Nội và Lâm Đồng trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực du lịch và sản xuất – tiêu thụ nông sản, đặc sản chất lượng cao (rau, hoa, quả, dược phẩm...) ; có chính sách ưu đãi, thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, nhất là ở Hà Nội, Hà Tây, TP Hồ Chí Minh vào Lâm Hà - Lâm Đồng ...”.

* * *

Đứng trên ngọn đồi cao, tôi nhìn về dòng Đạ Dâng đầy nước và ngẫm ngợi về một dòng sông đời người ở xứ này. Dòng sông đời người ấy không là cái bóng của dòng sông đời thực – “chuyện” phải là như thế! Bởi lẽ, dòng sông đời người ấy có một đời sống riêng và mãi mãi trẻ trung để dâng phù sa làm đẹp một vùng đất – Vùng kinh tế mới của Hà Nội ở Nam Tây Nguyên.

Đà Lạt, 9.2004

K.D

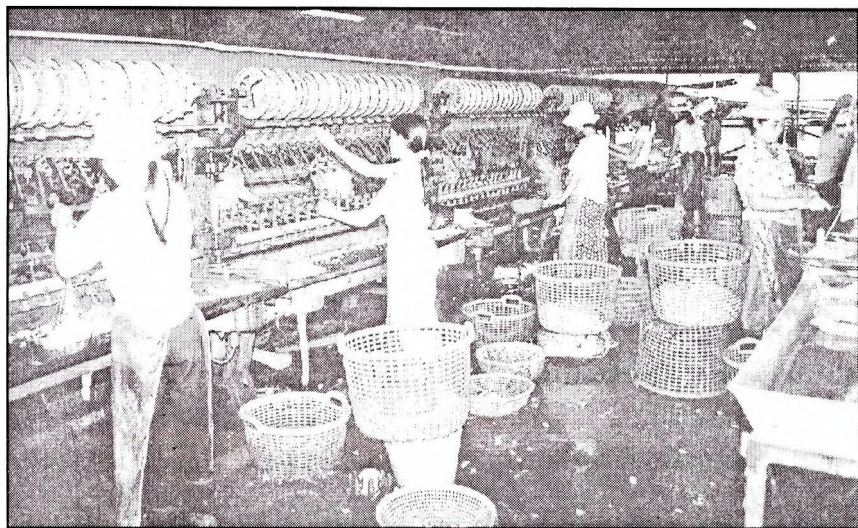
ĐOÀN VĂN VIỆT

TUV, Bí thư Huyện ủy Lâm Hà

Phấn đầu cho sự phát triển của một vùng quê mới

Lâm Hà là một huyện phần lớn là đồng bào kinh tế mới và đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh Lâm Đồng. Huyện được thành lập vào tháng 10 năm 1987, bao gồm Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng, 5 xã của huyện Đức Trọng và 3 xã mới thuộc huyện Lạc Dương. Toàn huyện hiện có 20 đơn vị hành chính với 18 xã và 2 thị trấn, tổng diện tích tự nhiên 158.763 ha, dân số có 146.761 người với 23 dân tộc anh em trong đó có 25.205 người là đồng bào dân tộc gốc Tây Nguyên. Sự ra đời của huyện Lâm Hà không chỉ là biểu hiện của tình đoàn kết, gắn bó giữa hai địa phương Lâm Đồng và Hà Nội mà còn là sự gắn liền kết quả của sự nghiệp xây dựng Vùng kinh tế mới Hà Nội trên đất Lâm Đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở vùng sâu, vùng xa của đồng bào dân tộc trong tỉnh.

Từ ngày thành lập đến nay, qua 17 năm xây dựng và phát triển, Đảng bộ và nhân dân Lâm Hà đã phấn đầu vượt qua nhiều khó khăn, thử thách và đạt được những kết



quả quan trọng rất đáng tự hào. Đó là, nền kinh tế của huyện tăng trưởng tương đối khá, GDP bình quân từ năm 1996 đến nay tăng trên 15%, từ tiềm năng của vùng đất mới đã tập trung cho phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng hình thành và mở rộng vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày, cây lương thực, chăn nuôi gắn với phát triển công nghiệp chế biến; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được củng cố và tăng cường, ngày càng đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân.

Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, chăm lo đối tượng chính sách xã hội, thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo đều có bước chuyển biến tiến bộ. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong toàn huyện được giữ vững và ổn định. Đặc biệt, với chương trình định canh định cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã từng bước được cải thiện, đời sống của đồng bào được nâng cao, góp phần làm cho bộ mặt nông thôn và

vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ngày càng thay đổi. Bên cạnh đó, Đảng bộ đã tập trung chăm lo, xây dựng hệ thống chính trị, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng phong trào quần chúng trên mọi lĩnh vực của đời sống chính trị - xã hội.

Đạt được những kết quả quan trọng trên chính là từ sự cố gắng của Đảng bộ trong việc tập trung phát huy sức mạnh tổng hợp, vận dụng và cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; tạo được sự đoàn kết thống nhất, đồng lòng của nhân dân các dân tộc phấn đấu vì sự nghiệp ổn định và ngày càng phát triển của địa phương.

17 năm qua, Lâm Hà xây dựng và phát triển từ một vùng kinh tế mới và trở thành một mô hình thành công trong việc thực hiện thắng lợi chủ trương xây dựng các vùng kinh tế mới kết hợp với cuộc vận động định canh - định cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc. Đã qua hơn 28 năm, từ năm 1976 theo chủ trương của Đảng trong phân bố lại lao động và dân cư, thành phố Hà Nội đã đưa dân đến Lâm Đồng xây dựng quê mới nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố thế trận an ninh quốc phòng trên một địa bàn mới có vị trí chiến lược quan trọng. Xuất phát từ mục tiêu đó, trải qua hơn mười năm hình thành, xây dựng với bao khó khăn, thử thách Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng đã ổn định và không ngừng phát triển là cơ sở quan trọng cho việc hình thành nên huyện mới Lâm Hà.

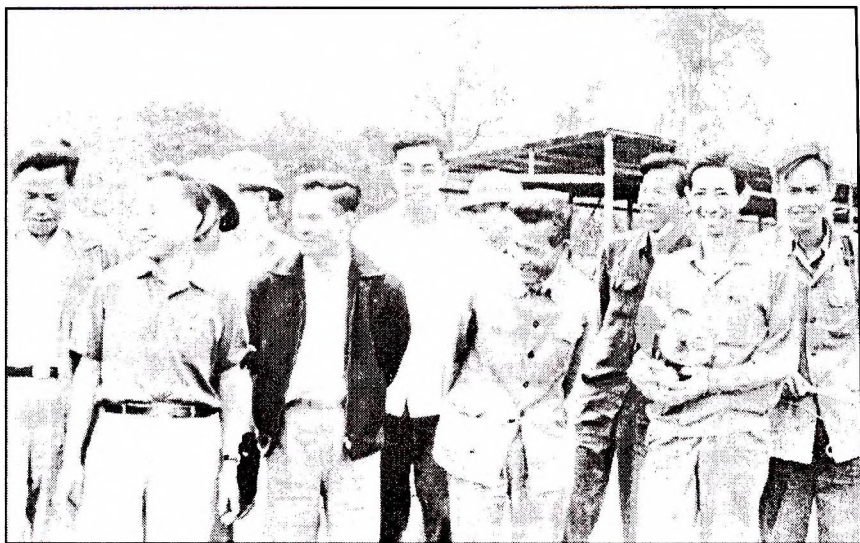
Kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Thủ đô và kỷ niệm Lâm Hà - 17 năm xây dựng và phát triển, nhân dân huyện Lâm Hà nói chung và nhất là bà con Hà Nội vào sinh

sống, lập nghiệp tại vùng quê mới đã luôn dành mối quan tâm và những tình cảm sâu sắc nhất hướng về Thủ đô yêu dấu. Phát huy truyền thống của Hà Nội nghìn năm văn hiến, không ngừng xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trong cộng đồng, năng động, sáng tạo trong phát huy các tiềm năng của vùng đất mới, tranh thủ các nguồn lực góp phần đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa - xã hội, chăm lo đời sống tinh thần của nhân dân các dân tộc, tạo nên sự chuyển biến đồng bộ và mạnh mẽ trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng và trong hệ thống chính trị; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

17 năm là quãng thời gian chưa dài trong xây dựng và phát triển của một vùng đất mới, sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức mới trên bước đường tiến tới tương lai của huyện Lâm Hà. Được sự quan tâm, lãnh chỉ đạo của Đảng bộ, chính quyền tỉnh Lâm Đồng, sự cộng tác, giúp đỡ của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể địa phương; với truyền thống đoàn kết của cộng đồng các dân tộc, với những tiềm năng thế mạnh của địa phương cùng sự động viên hỗ trợ về tinh thần và vật chất của các tỉnh, thành bạn - Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Lâm Hà quyết tâm phát huy hơn nữa những thành quả đã đạt được, các tiềm năng, thế mạnh và điều kiện thuận lợi, tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức để phấn đấu xây dựng vùng quê mới ngày càng giàu đẹp, xứng đáng với mong muốn của nhân dân hai địa phương Lâm Đồng - Hà Nội và đồng bào cả nước.

Lâm Hà, tháng 9 năm 2004

Đ.V.V



Đồng chí Trần Duy Dương và Nguyễn Xuân Bầy đón Bí thư Thành ủy Nguyễn Lam và đồng chí Chế Động, Chủ tịch tỉnh Tuyên Đức (Lâm Đồng) thăm Vùng KTM Hà Nội - 1977.

Ảnh tư liệu.

TRẦN DUY DƯƠNG

Với nhân dân Lâm Hà

Khai sơn phá thạch ta lên lập nghiệp

Bao lần sóng gió nay đã vượt qua

Hai mươi năm thăm tình quê mới

Hà Nội – Lâm Đồng kết trái đơm hoa...

Tác giả nguyên là Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch UBND TP Hà Nội, Trưởng ban chỉ đạo xây dựng Vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng.

NGUYỄN XUÂN DU

Lâm Hà tuổi mười lăm

*(Kỷ niệm ngày thành lập Huyện Lâm Hà
28.10.1987 - 28.10.2002)*

*Mười lăm năm ấy chẳng là bao
Ngồi nghe tổng kết lòng nao nao lòng
Mừng thọ thường chúc “Trăm năm...”
Huyện mình mới tuổi mười lăm thôi mà!
Lòng yêu mảnh đất Lâm Hà
Thăng Long chuyển sóng tạo ra cơ đồ
Vì đời tạm biệt Thủ đô
Thiên sơn vạn lý đi vô đất này
Theo Bác Hồ chung tay đánh giặc
Vượt Trường Sơn tiếp bước hôm nay
Mồ hôi nhỏ thấm luống cày
Đôi thơm quả ngọt, ruộng sây bông vàng
Buổi đầu muôn nỗi gian nan
Màn trời chiếu đất, gió ngàn mưa bay
Rừng sâu muôn vắt sinh lây
Không ngăn nổi bước người thay đổi đời*



*Đổi đời đổi cả đất trời
Đường nhựa đèn cồng, nước thời đến sân
Điện lưới kéo đến nhà dân
Trường mới lên tầng, nhà đúc bê tông
Bệnh viện, nhà hát, văn công
Dân Hà Nội đến Lâm Đồng... thua ai?!
Thông minh, năng động, đa tài...
Mỗi năm, giàu có càng dài thêm ra
Lâm Hà kết trái đơm hoa
Đất nào cây ấy để ta thêm giàu
Mười lăm năm, giai đoạn đầu
Đoàn kết phấn đấu tiến mau hơn người.*

*Tác giả nguyên là Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch
UBND tỉnh Lâm Đồng*

PHAN HỮU GIẢN

Đất ấm tình người

Thương thương quá cây lúa sinh mảnh dẻ
Chen gốc cây rừng đập cỏ vượt lên
Hạt thóc vàng ươm nắng gió Cao Nguyên
Được tình mẹ công em tảo tần hôm sớm

Nhất cuộc khai hoang khơi nguồn ước vọng
Đất ủ mầm xanh nên ruộng nên vườn
Hoa khắp, miền về góp mật thêm hương
Tre ẩm bụi, chim hợp đàn xây tổ

*Thao thức đèn khuya một thời trần trở
Đất nỡ phụ người dẫu,
 sao vẫn khổ vẫn nghèo!
Đau đớn cây rừng quằn quại lửa thiêu
Nhức nhối cành thâu gió gào bụi cát...*

*Đập đập khơi mương nâng dòng nước mát
Thấm lại non ngàn suối hát thông reo
Ngươi trở về thôi kiếp sống phiêu diêu
Nhà mới dựng khói lam chiều tỏa ấm*

*Viên thuốc khi đau, chén trà đêm vắng
Bếp lửa hồng nhen nghĩa xóm tình làng
Câu hát chèo bay bổng tiếng công chiêng
Đêm lễ hội ché rượu cần nghiêng ngả...*

*Năm tháng xa trôi
Đường dài rộng mở
Giống mới gieo từ rẫy cũ đòi hoang
Sóng lúa nương dâu quán quýt buôn làng
Cà phê chín thơm môi em mộng ảo*

*Rộn tiếng sa quay guồng tơ óng ả
Em khéo tay may áo lụa biếu bà
Anh trải tâm tình dệt những vần thơ
Tầm hóa thân rút ruột mình lặng lẽ
Cây lúa sinh chất chiu từng giọt sữa
Nuôi lớn ước mong làm đẹp cho đời*

Đất ấm tình người

rao rục sinh sôi...

Lâm Hà, 1987 - 1992

P.H.G

BÙI VĂN BÔNG

Cô gái Hà Nội ở Lâm Đồng

*Lâm Đồng, Hà Nội - Lâm Hà
Nét duyên đôi núi đậm đà trong em
Sương rơi ướt đầm vai mềm
Cà phê hoa nở giữa miền quê xanh*

*Dáng xinh em gái Hà thành
Em đi khai phá đồi tranh Lâm Đồng
Một vùng đất đỏ mênh mông
Bóng em soi bóng dòng sông quê nghèo*

*Hạt mầm từ đất ươm gieo
Ba-dan khát giữa trong veo mắt người
Đất rừng thấm đầm mồ hôi
Xanh chồi mơ ước giữa trời nắng nung*



*Lối đi dốc đá trập trùng
Gió bay tóc xòa một vùng ngát hương
Phố phường đến với đôi nường
Nét duyên đem gửi tình thương đất lành*

*Bóng rừng gợi nhớ nắng hanh
Hoa đào làm nhớ hoa chanh Thanh Trì
Nhìn mây nhớ núi Ba Vì
Mùa hoa phượng thắm nhớ về Hồ Gươm*

*Ngõ làng thơm nắng rạ rơm
Đất hoang giờ đã xanh non lúa màu
Long lanh mắt biếc nường dâu
Em nghiêng vành nón che đầu thật duyên.*

UÔNG THÁI BIỂU

Đình Văn

*Về cùng em nơi phố mới Đình Văn
Lòng xao động nhịp mưa đêm trăn trở
Mưa giục đất bản tình ca muôn thuở
Ấp ủ lên men những nốt nhạc nảy mầm*

*Em có nghe tiếng đất hát thì thầm
Ấm bàn chân ngọt ngào giai điệu sống
Lúa tí tách trở đồng sáng ruộng
Trà dậy hương nồng đượm
Bắp cựa mình giục hạt rung rinh*

*Bởi khát khao nên phố mới Đình Văn
Tia nắng sớm gọi bao điều mới lạ
Mưa trong trắng hoa cà phê trắng quá
Tôi chơi vui giữa hương nồng cao nguyên*



*Lắng trong tôi mỗi giọt mồ hôi em
Nhọc nhằn tháng năm còng lưng đáng mẹ
Trăn trở khắc sâu nếp trán cha già
Những cung bậc lặng trầm nên sâu thẳm
thiết tha*

*Về cùng em với đất mới Lâm Hà
Cơn mưa đêm níu chân người ở lại
Mưa quện đất giữ hồn tôi nơi ấy*

Tháng 9.1990

U.T.B

PHẠM QUỐC CA

Nam Ban nhà bạn

*Sau xe lẳng dần bụi đỏ
Năm mươi cây số đường xa
Nam Ban chiều vàng ngói mới
Đón tôi mùa bắp bay hoa*

*Nhà bạn hầm đang ăn rồi
Dâu xanh, rau mướt sau vườn
Bữa cơm đãi người thành phố
Rượu nồng đĩa nhộng vàng thơm*

*Chuyện vui kể buồn ngày cũ
“Gió đồi vách núi sần tre
Sắn khoai chỉ cần chắc dạ
Đông con tưng khó trăm bề*

*Nhiều đêm mơ về Hà Nội
Băn khoăn có phải mình liều?
Thấm đẫm mồ hôi lo nghĩ
Đậm dần tình đất mình yêu*

*Hai con lớn vào đại học
Đất vườn nhận mấy héc-ta
Dẫu chưa dư thừa giàu có
Đã khang trang một căn nhà ...”*

*Tôi nằm vắn vương ý nghĩ
Ngoài đường điện sáng như hoa
Hạnh phúc nào ai ban phát
Tay con người phải làm ra*

*Trăng lên như từ cổ tích
Thác Voi trầm giọng trường ca
Giấc ngủ ấm êm nhà bạn
Tầm ăn như tiếng mưa sa...*

Nam Ban, mùa mưa 1991

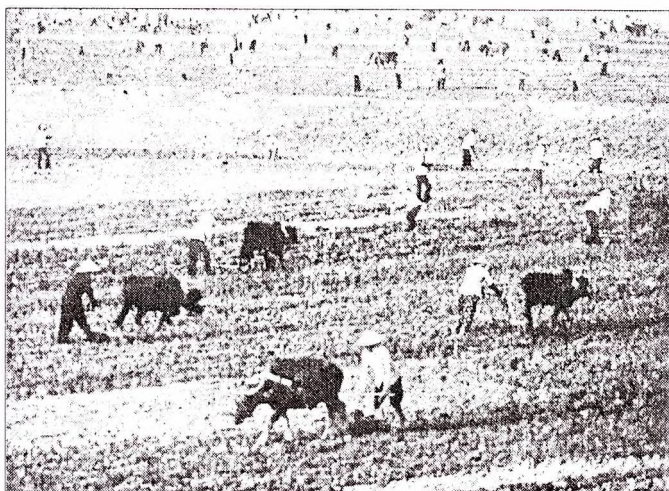
HÀ LINH CHI

Bè trầm cho dàn đồng ca mùa hạ

*Đường cao thế đi qua nông trường
Năm sợi dây kẻ năm dòng nhạc
Những con chim đậu lên và hát
Làm mùa khô Tây Nguyên xôn xao*

*Đất nông trường vào mùa khai hoang
Cô gái ngồi trên máy cày rạch đất
Cũng như chim cô ngân lên tiếng hát
Trời xanh thêm, xanh thêm mênh mang*

Đôi bờ Đa Riêng() như nốt nhạc xanh
Rặng tre ngà làm nốt cao đơn kép
Ngọn gió đi qua bờ sông lên tiếng hát
Đất cháy khô, bỏng đất khát thêm*



Chợt có tiếng gì cao hơn tiếng chim
Có tiếng gì sâu hơn
 giọng người con gái hát
Những hạt giống nông nà
 ngủ trong lòng đất
Nghe xong cứ nhắc mình lên

Tất cả bồi hồi khi nhận ra tiếng giông
Kéo theo về trận mưa đầu hồi hạ
Bản giao hưởng giòn đồng ca mùa hạ
Nghe nồn nao mà xao xuyến vô cùng
 Cuối 1992

(*) Đà Nẵng: Suối Cam Ly thượng

PHAN ĐỨC CHÍNH

Đêm trăng trong mùa cày đôi

** Tặng Đội máy kéo Khu KTM Hà Nội
tại Lâm Đồng*

*Mùa cày đôi trên vùng đất mới
Nghe tiếng gà kéo mảnh trăng lên
Trăng treo trên đầu máy kéo
Anh đèn pha rắc trấu lưỡi liềm*

*Mùa cày đôi trăng lên gỏi vù
Đất triền đồi sóng vỗ trong đêm
Hạt đỗ tương dẫu nốt chân chim
Sao lung linh hạt ngô gieo chìm*

*Ôi náo nức tiếng thợ cày gọi bạn
Mùa cày đôi đất gọi trâu ơi
Đêm nông trường máy cày đi trước
Tôi đi cày con trâu sắt của tôi*

*Mùa cày đôi bao đêm tôi thức
Người thợ cày đi từ đất đi lên
Ca ba mặt trời ngủ trong ruộng lúa
Trăng mọc phía trước, chú Cuội
ngồi trên*

*Tôi cứ ngỡ trăng vừa mười sáu
Trăng bao nhiêu tuổi trăng già?
Người trẻ lại trong mùa gieo hạt
Trăng trẻ là trăng trên luống cày
đã qua...*

Xuân Mậu Ngọ 1978

NGUYỄN HỮU CHỪNG

Mười yêu

*Một yêu chính sách dân dân
Đến vùng đất mới làm ăn dễ dàng
Hai yêu cán bộ khai hoang
Chẳng quản gian khổ, khó khăn
không lùi
Ba yêu đất rộng thừa người
Chăm lo sản xuất cuộc đời ấm no
Bốn yêu thời tiết thuận hòa
Tăng thêm sức khỏe, trẻ già vui tươi
Năm yêu đất chẳng phụ người
Hoa màu cây cối tốt tươi bốn mùa
Sáu yêu sản xuất tự do
Vườn cây ao cá lợn gà chăn nuôi*

Bảy yêu chợ họp đông người
Giao thông thuận tiện về khơi
luồng hàng
Tám yêu trường học mở mang
Bệnh viện bệnh xá sẵn sàng
thuốc men
Chín yêu người ở bốn phương
Về đây chụm lại mà thương
nhau cùng
Mười yêu trên khắp nẻo đường
Lâm Đồng - Hà Nội thông thương
đi về
Từ đây cuộc sống đề huề
Còn nhiều yêu nữa hẹn về tương lai....

Tháng 6 năm 2000

LÊ BÁ CẢNH

Em lên làng mới

*Mang niềm phố ra đi
Buổi đầu trăm bở ngỡ
Bao vất vả ban đầu
Xao xuyến lòng trần trở...*

*Từ buôn thúng, bán bưng
Chạy mua dầu, bán cuối
Nay khai phá đất rừng
Tay chưa sành vun xới.*

*Tránh đồng tiền tội lỗi
Xa những buổi chợ trời
Ươm vòng khoai, khóm chuối
Mà chân chất say sưa.*

*Anh gặp lại em xưa
Áo màu tuy phai nắng
Nhưng săn giòn sức tơ
Lại dịu dàng đầm thắm .*

*Chưa quen nhiều việc nặng
Còn vất vả gieo neo
Nhưng đời đang trải nắng
Và chim ca gió reo.*

*Cầm sản vật đầu tay
Mà ngỡ ngàng sắc mới
Bao nồng nàn men say
Nâng bước mình đi tới*

*Em đi lên làng mới
Em đi vào ngày mai
Góp mồ hôi vun xới
Cho mùa xanh tương lai...*

*Em thúc những khu đồi
Đã ngàn năm hoang hóa
Với sức, trí, tình người
Thúc mầm non nẩy lá.*

*Máy cày tung sỏi đá
Cần mẫn xới đất màu
Nước “vòi rồng” phun tưới
Rây màn mưa trắng phau*

*Nhà tiếp nhà nối nhau
Mái tranh, tôn đơn giản
Chen giữa biếc màu rau
Mà trong lành thanh thản*

*Trên đồi cao nắng sáng
Em gieo mầm tương lai
Những cao tầng sán lạn
Vươn dần trong nắng mai...*

TRINH ĐƯỜNG

Thăm Lâm Hà

Một phần máu thịt của Thăng Long
Đã sẻ vào đây những giọt hồng
Rừng lạnh nghìn xưa giờ đã ấm
Nhà nhà yên mái, ngô đơm bông

Thị trấn lên rồi làng đã huyện
Hồng thêm thân thể của Lâm Đồng
Âu Cơ một bọc rừng thương biển
Vẫn sống cùng nhau một núi sông

Tôi đến Lâm Hà năm sắp hết
Thấy người Hà Nội nhớ Hồ Gươm
Nghe trường giục trống từ ba phía
Biết quả vườn ai đã chín hươm...

24-12-1995

NGUYỄN NGỌC ĐOAN

Khởi sắc

*Tôi lên non, ngày Lâm Hà tròn tuổi
Nắng đầu Xuân đang sưởi ấm buôn làng.
Xua bóng mây đen, nhuộm hồng đồi núi.
Nơi đầu nguồn, suối vọng tiếng cười vang*

*Tôi gọi núi, núi vọng lời thơ mới.
Quyện với rừng xanh thành bản tình ca
Chở dòng Đạ Dâng mang phù sa tới
Lột áo, thay mùa cây lá trở hoa*

*Tôi lên non, giờ Lâm Hà là phố
Ngày bụi đường, mưa lầy lội đã xa
Nền nhựa bê tông phố thênh thang bước
Lâm Hà về đêm ánh điện sáng lòa*



*Tôi nhủ trong tôi, đây Lâm Hà phố
Ngót hôm nao nay tròn tuổi mười lăm
Hai bên phố bao sắc nhà rực rỡ
Cuộc sống dâng hoa trái nụ mầm*

*Bao buôn làng khởi sắc mùa Xuân mới
Đất phì nhiêu xanh dậy một màu
Khắp núi đồi muôn chim vang tiếng hót
Quanh ngọn lửa hồng tay nắm tay nhau...*

BÙI VĂN HẠT

Mỗi nhớ Tân Hà

(Tặng anh Vũ Hoa Mỹ - Nguyên trưởng Ban xây dựng
vùng KTM Hà Nội tại Lâm Đồng)

Mình về mình có nhớ ta
Ta đi vẫn nhớ Tân Hà - Lán Tranh
Nhớ miền núi trọc, đồi gianh
Xây vùng kinh tế Hà thành quê xưa...
Nhớ nơi sớm nắng chiều mưa
Ruổi vàng, muối, vắt bây giờ ra sao?
Nhớ từng dốc núi cao cao
Đường xa lấy lợi ra vào như không
Nhớ khi rau cháo đỡ lòng
Cơm lang, cháo bẹ ăn xong vẫn cười...

Nhớ có buổi đến chơi nhà bạn
Đường quanh co vắt quán đầy chân
Nhớ khi chiếu đất lưng trần
Tối đèn đốt lửa quây quần bên nhau
Nhớ những buổi rừng sâu lặn lội
Tìm Fulro kêu gọi đầu hàng
Đông qua, Xuân lại, Thu sang
Khó khăn cũng vượt, nghèo nàn cũng qua
Hôm nay trở lại Tân Hà
Xưa mười nay đã gấp ba bảy lần
Cà phê phơi chát khoảng sân
Lúa ngô, hoa trái chợ gần bán mua
Bao người con của Thủ đô
Nhờ ai nay đã làm “vua” ruộng vườn

Tâm tình gửi trọn niềm thương
Tuy rằng xa cách lòng thường bên nhau...

ĐOÀN ĐỨC HUYẾN

Suối cạn

*Mỗi lần lội qua suối cạn
Anh lại dừng chân ngẩn ngơ
Tưởng như em đang giặt đồ
Đâu về Hà Nội bao giờ*

*Tảng đá em thường ngồi giặt
Vẫn còn ẩm dấu chân son
Dòng suối vẫn đang tung hạt
Chờ rắc ngọc lên tay tròn*

*Mặt nước còn xôn xao sóng
Như chân em khỏa ngày nào
Vì ngược khi nghiêng soi bóng
Có người khen xinh làm sao*



*Suối ơi hãy bốc thành hơi
Làm mây bay về ngoài đó
Hãy mưa xuống niềm thương nhớ
Núi rừng đã gửi vào mây*

*Suối cạn rồi suối lại đầy
Nỗi niềm vời vợi tháng ngày
 chẳng vơi
Em về thành phố đông vui
Thấy mưa có nhớ núi đồi Tây Nguyên!*

NGUYỄN THÁI HUYỀN

Bưu điện Nam Ban

*Ngoài ấy lạnh mà đây nắng ấm
Trong này khô, ngoài đó đã dầm mưa ...
Bưu điện Ga, còi tàu rộn rã
Bưu điện Bờ Hồ, nhộn nhịp thay ca...*

*Ôi Nam Ban, vùng kinh tế mới
Hà Nội trên cao rừng núi Tây Nguyên
Báo về Đông Anh, khoai được mùa
mười tấn
Thư đến Ba Đình bắp mướt mà xanh.*

*Hà Nội năm xưa, chiến công vang dội
Có tên người điện báo ngời danh
Về Nam Ban anh vào trận mới
Cây xôn xao, đất gọi ánh bình minh...*



*Đậu xen ngô được mùa vẫy gọi
Thì thâm reo khúc hát dân ca
Mạch máu hồng chuyên vào cơ thể
Đức Trọng đường về quê mới Thủ đô
Gỗ thông nhà nhà rục hồng ngói mới
Đất trở mình cuộc sống sinh sôi
Những bưu phẩm gửi về quê mẹ
Bàn tay con kịp báo tin vui.*

*Bưu điện Nam Ban vùng kinh tế mới
Giao liên đi, thư báo đến tận nhà
Điện đến Thanh Trì, Từ Liêm, Hoàn Kiếm
Công văn về Ba Đình, , Đống Đa...*

LÊ VĂN HIẾU

Cô gái K'Ho trong buồng đàm thoại

** Tặng Bưu điện Lâm Hà*

*Tưởng như người nước ngoài
Ở trong buồng đàm thoại
Vang vang những chuỗi cười
Sao hồn nhiên quá vậy*

*Vẫn chiếc váy sắc màu
Trên cổ quàng râu chuỗi
Vẫn dáng dấp trụi trần
Lại rục lên bốc lửa*



*Thương phép sóng điện từ
Cởi thẹn thùng mắc cỡ
Nuôi lớn chút tình xa
Xích gân thêm hơi thở*

*Nối tình người vùng cao
Nhích kê người dưới phố
Ôi cái mệnh mông trời
Thu lại còn rất nhỏ.*

Lâm Hà, tháng 6.1997

NGUYỄN VĂN HOÀN

*(Nguyên Phó ban xây dựng
KTM Hà Nội tại Lâm Đồng)*

Bãi Cháy

*Mùa khô Bãi Cháy tro đen
Mưa rơi tranh lán cây chen rừng già
Lối mòn dốc đứng khó qua
Ven rừng công múa, khỉ la, hổ rình
Trăn lượn, nai chạy, hoẵng kinh
Gà rừng táo tác thấy hình Phun - rô
Đàn voi đứng đỉnh ngác ngờ
Cáo, cây, nhím, gấu thần thờ rúc chui...*

*Hai mươi năm sắc đỏ tươi
Bàn tay chai sạn con người tạo nên
Bạt ngàn xẻ núi xây nên
Nhà cao, cửa rộng vững bền
nhấp nhô
Thênh thang ngang dọc bàn cờ
Ô tô, xe máy từng giờ đông vui
Rừng đồi khoác áo xanh tươi
Dâu, trà, ngô, lúa con người
bón chăm
Xua tan bóng tối vĩnh hằng
Thú muông ký ức xa xăm lấm rôi...*

Tân Hà, tháng 4-2001

VƯƠNG HẠNH

Mùa gặt cao nguyên

*Buổi sáng nắng chưa ra chào
Đã nghe gió gọi thì thào trên nương
Một làn sương mỏng còn vương
Thơm thơm bông lúa thoảng hương dập dề
Lạ chưa? Đi gặt đã nhiều
Mùa màng đến vẫn gọi điều băng khuâng
Thóc vàng tãi lúa trên sân
Rơm về bộn nịu bước chân vội vàng
Cỏ xanh cỏ trắng giăng hàng
Bàn tay em đập nhịp nhàn đưa thoi
Bình minh xòe quạt đỉnh đồi
Chim chích bông ngược nhìn trời xanh lơ
Nắng tràn lên tím đồi mua*



Bướm vàng mát tổ ngẩn ngơ đi tìm
Dạ tần ngàn đứng lặng im
Nhìn hoa trinh nữ giận liềm chẳng tươi
Nắng nghiêng che lấp mặt người
Mà che không hết tiếng cười gần xa
Mồ hôi thấm áo mà ra
Cái thương cứ ở trong ta ngập ngừng
Tay ôm lúa dạ rừng rưng
Thương vùng nước mặn xót vùng chiêm khô
Đất lành hội tụ muôn quê
Lúa vàng dâu thắm cà phê trĩu cành
Cao nguyên xanh thật là xanh
Mùa gặt đến bỗng trở thành vàng tươi.

DƯƠNG GIA LỄ

Khoảng trời Hà Nội

*Tôi đã về Nam-Ban
Thăm vùng kinh tế mới
Một khoảng trời Hà Nội
Giữa màu xanh cao nguyên*

*Mảnh đất xưa từng quen
Đêm ngủ rừng vượt lộ
Ấm tình người hậu cứ
Của một thời đi qua*

*Bắt gặp một nhành hoa
Chảy xuôi về nỗi nhớ
Con đường xưa gian khó
Giờ thênh thang đường này*

*Tôi mãi ngắm mãi say
Ngát ngây mùi hoa trái
Một mô hình hiện đại
Hà Nội trên cao nguyên*

*Con đường lớn Điện Biên
Đỏ au trong sắc nắng
Con suối dài thâm lặng
Nước xanh đến không ngờ*

*Gặp em chiều bên hồ
Bâng khuâng tà áo trắng
Một nụ cười đầm thắm
Chiến trường tôi mang theo*

*Một ánh mắt thân yêu
Xui bao điều mơ ước
Hà Nội xanh, xanh biếc
Chiều nay trong mắt em*

*Một dáng mơ dịu hiền
Nú hồn tôi ở lại...*

Đà Lạt, 1977

KIỀU CÔNG LUẬN

Cơn sốt đất

*Rẽ vô quán nhậu bên đường vắng
Nhìn con đường là chuyện thật hay mê
Cái nắng bụi, mưa lầy đã vào quá vãng
Thắm nhựa trái dài hút hút rẫy cà phê.*

*Có ai đó đang chuyện trò giá đất
Mỗi ngày cơn sốt một cao
Nơi kia mấy “chục” một sào
Nơi nọ vài “tê” một mét.*

*Tôi nhớ ngày xưa những cơn sốt rét
Muỗi anophen chẳng tránh nhà nào
Rừng vắng Fulrô rạp rình ẩn hiện
Bom mìn sót lại nông sâu?*

*Có lần đào hố cà phê
Tôi cuốc được một bên dếp lớp
Mảnh mủ cối lỗ loang, chắc là vết đạn
Lặng người...
Bây giờ anh ở đâu ?*

*Tôi rót một ly giữa cổ cạn liền
Trời đất có phần nghiêng ngã
Gục đầu chuyện với thần tiên
Cầu cơn sốt này tăng nữa!*

*Liều xiêu bước ra khỏi cửa
Lắm bầm một mình: Đất rẻ thế thôi sao?
Con đường nhựa như gồng mình
oằn oại
Có tiền nào mua nổi những nỗi đau?!...*

Lâm Hà, tháng 7- 2004

ĐÀO VĂN LƯỢNG

Mỗi nhớ màu xanh

*Những ngày ở đất cao nguyên
Miền đất đỏ mang màu tàn lửa
Có hoa cà phê trắng trong nỗi nhớ
Có mái nhà rông ai đặt bên rừng.*

*Đã lắng vào tôi tiếng đàn t'rưng
Đã thấm vào tôi tiếng chiêng
tiếng trống
Trâu kéo gỗ, tiếng mõ khua
chiều động
Nai, hoẵng... "tác" bên đồi,
đêm rộng đến mênh mông.*

*Tôi đã ở sinh Cỏ, sinh Công
Con suối nông nàn chảy tung bọt trắng
Cô em gái lên nương gùi trâu nặng
Em là con của rừng nên ánh mắt màu xanh.*

*Gần ngọn cây nên trái chín ngọt lành
Quả vị ngọt vì có mặt trời tụ lại
Cao nguyên, cao nguyên để tôi nhớ mãi
Trưa ở rừng nổi nhớ cũng màu xanh.*

*Cao nguyên, cao nguyên
 đã trải qua bao năm chiến tranh
Để lại trong tôi khoảng đất, khoảng trời
tôi mơ ngày trở lại
Cao nguyên, cao nguyên
với những trận mưa rừng trắng núi
Và màu xanh đất đỏ gọi tôi về.*

Tháng 12 - 2002

NGUYỄN THỊ MINH

Ngã ba Tân Hà

*Ngã ba này cửa ngõ quê hương
Đôi bạch đàn thì thào tiếng gió
Nghiêng cánh trắng đàn cò bay về tổ
Vành nón em loáng ráng hoàng hôn*

*Giữa ngã ba trời rộng dài hơn
Một kho báu tình yêu và tiếng hát
Tôi hướng mắt nhìn bốn bề bát ngát
Ngã ba xòe bàn tay chào đón bạn bè*

*Bụi đỏ tung rậm rạp những đoàn xe
Rung sườn núi lá chiều tử mở
Đường Tân Hà tun hút dài nỗi nhớ
Đường Phúc Thọ tím biếc sương buông*



*Đêm Tân Hà vẫn thường ấm áp hơn
Khi ánh điện những công trình bật sáng
Lũ gà nhà ai ngỡ trời hửng sáng
Cũng gáy lên xao động cả vùng này*

*Có cái gì da diết ngã ba ơi
Mùi hương hoa quện vào trong dịp Tết
Vị ngọt tình nồng đậm đà tha thiết
Cùng chia đều trên mọi ngã đường quê.*

Ngày 1 tháng 1 năm 2003

TRẦN VĂN MÀU

Nắm đất quê hương

*Người ta có bạc có vàng
Mang theo vào vùng đất mới
Còn em miệt mài rong ruổi
Nắm đất quê nhà trong tay*

*Nắm đất chỗ ông đầu rau
Đã bao nhiêu năm nung lửa
Đời cha, đời ông đôi bữa
Ngày ngày ám dạ chất chiu*

*Xa quê, nắm đất nâng niu
Đón em, lòng anh bờ ngõ
Muốn hỏi mang làm chi thế
Nhưng rồi im lặng thiêng liêng*

*Có phải chỉ nỗi niềm riêng
Lời quê nằm trong đất đỏ
Ấm mãi lòng em ngọn lửa
Phép màu chẳng sợ gian lao...*

HẢI NHƯ

Gặp Quang Dũng ở Lâm Hà

*Có phải vì nhớ suối, nhớ cây rừng
Tác giả Mây Đầu Ô năm ấy bỏ Hà Nội
vào Lâm Đồng ở ẩn
Chuyến đi thực tế cuối đời - nhà thơ
chân yếu rồi vẫn đòi ngủ lán - đến Nam Ban*

*Cúi soi dòng Đạ Dâng chiều nay
Tôi không chỉ thấy bóng mình
Còn thấy hiện lên cả chàng lính râu ria
thời chiến trận
Quang Dũng ơi! Hạnh phúc nhà thơ
huân chương quần chúng gần
Nhiều người ở đây thuộc bài Tây Tiến
bình cho tôi nghe
Và “chấm” anh làm bạn tâm giao khoanh
tròn câu “Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”!*

Đà Lạt, tháng 8-1997

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Đêm Hà Nội nhớ Lâm Hà

*Về Thu Hà Nội thương ngâu
Tâm hồn như giọt đàn bầu phân vân
Tây Hồ sương phủ chuông ngân
Chạnh lòng nhớ giọt sương tan Lâm Đồng.*

*Mênh mông vàng chạm mênh mông
Ngôi đây nghe tiếng sông Hồng nhớ neo
Mùa Thu đã dứt anh theo
Mà lòng Hoàn Kiếm phong rêu nổi niềm.*

*Tay em ấm một que diêm
Nắng phương Nam lạc bên thềm lời ru ...
Biết lòng Hà Nội đã Thu
Câu thơ ôm phố Nguyễn Du ngọt ngào
Bóng ai đi giữa ca dao
Cánh cò cửa phủ bay vào quê xa*

*Đêm Hà Nội nhớ Lâm Hà
Màu cao nguyên vẫn đậm đà sắt son
Đàn ai rung mấy tiếng non
Tiếng xanh cốm biếc tiếng còn thừa ngâu...*

Hà Nội, 9.11.2001

TRẦN CAO NGUYÊN

Về Nam Ban

* Tặng K.M.H

*Ai về quê mới Nam Ban
Mùa Xuân về giữa muôn ngàn
 hoa tươi
Long lanh là mắt em cười
Đường quê rạng rỡ mặt người
 hôm nay*

Vườn ai thơm nức hoa cây
 Nắng reo theo nhịp luống cày đỏ tươi
 Đồng ngô xanh mướt núi đồi
 Rẫy cà phê cũng trĩu lời ca vang

*Anh đi đường mới thênh thang
Tường cao đứng lẫn mây ngàn uy nghi
Tưởng nghe trong gió thắm thì
Đất vẫn một thuở còn ghi bao đời*

*Ôi, Nam Ban đất sáng ngời
Mẹ già một thuở mồ hôi ướt đầm
Quản chi mưa nắng âm thầm
Đẻo dai sức mẹ thân tâm nhả tơ
Để người đi những ngẩn ngơ
Hai mươi năm ấy, bây giờ là đây!*

*Anh về tay lại cầm tay
Duyên em Hà Nội vẫn say vẫn nồng
Nghìn năm hồn cũ Thăng Long
Bỗng như hoa nở giữa lòng cao nguyên.*

NGUYỄN GIA NÙNG

Nét mới Lâm Hà

*Sẽ là điều ngạc nhiên cho du khách phương xa
Khi lần đầu tiên đến với Lâm Hà*

*Một cảm giác thân quen và mới lạ
Nghe những địa danh Hà Nội giữa Tây Nguyên
Những Gia Lâm, Tân Hà, Hoài Đức, Mê Linh
Xen với Đa Đồng, Rômen, Phi Tô, Liêng Saron...
xa thăm*

*Giữa bạt ngàn dâu, chè, cà phê điệp trùng như sóng
Là những ngôi nhà mới tinh khôi
Mang dáng hình Hà Nội - cửa - rừng - xanh*

*Như chuyện nàng tiên trong rừng sau giấc ngủ
ngàn năm
Nghe dồn dập bước chân những chàng trai Hà Nội
Trút bỏ hoang sơ, nàng thay áo mới
Thành cô Tấm thảo hiền tần tảo đảm đang*

Vùng kinh tế mới năm nào thành huyện mới
mười lăm năm
Hai mươi ba dân tộc anh em cùng ghé vai gánh vác
Dựng ngôi nhà chung đầm ấm Lâm Hà

Sẽ là điều ngạc nhiên cho du khách phương xa
Khi làng Mạ, Chil, Kơ Ho, M'Nông... thành làng
văn hóa

Người dân tộc lái máy cày
Bàn chuyện cà phê Brazin đang rớt giá
Trong những gương mặt tỷ phú của làng
Có cả người xưa là lính Fulrô

Điện sáng những buôn làng như thể trong mơ
Tiếng trẻ reo hò xem trận bóng đá truyền hình
từ Word Cúp

Phố huyện Đinh Văn người xe tập nập
Tiếng ai hát trong ngần
“Hà Nội ơi... ta nhớ không quên...”

Có một điều không thể nhận ra
Là phần thẳm sâu Hà Nội giữa Tây Nguyên
Là vẻ đẹp tâm hồn người Thăng Long đi mở đất...

Lâm Hà, 10/2002

TRẦN QUI

Đêm Tây Nguyên

*Lời núi chạm vào em
Mùa vàng về xứ sở
Lời công chiêng vang vang
Ngát ngưỡng nồng điệu múa*

*Hương da thịt dậy sinh
Rượu cần bùng ánh lửa
Nồng nàn trong anh, em
Váy xòe mưa thổ cẩm*

*Lặn vào nhau ánh mắt
Vui cùng nhau nụ cười
Đêm về mùa rạo rức
Đất gọi mùa sinh sôi...*

Lâm Hà, 25-5-2004

GIANG QUÂN

Chào Hà Nội ở xa

*Từ sông Hồng tôi đến với Lâm Viên
Tìm người trồng cây cho muôn đời con cháu
Cao nguyên đất lành chim đậu
Hai mươi năm mình trở lại thăm mình.
Mấy vùng lau sậy đầm sinh
Nay mướt Lán Tranh màu xanh no ấm
Nào rượu Cát Quế, chè Phú Sơn,
gạo Đan Phượng
Cà phê thơm dòng nước Đa Dâng
Hồ Đa Sa thả gió láng lênh
Lưu luyến nhớ men chàm bình gốm cổ
Đôi vai tròn nào nâng em ngày đó
Để Tân Trung vật quý đón tay người ...
Chợ Đình Văn mát dịu tiếng ai cười*

*Xe Hà Nội nổi hồi còi gọi khách
Già K'Ho trăm tuổi vẫn săn da mặt
Chuyện buôn làng, chuyện đời chưa quên
Qua Thanh Bình, đất Chúa bình yên
Nhớ sơn nữ đêm liên hoan N'Thôn Hạ...*

*Nam Ban ơi! Phải đâu mình xa lạ
Thác Voi này bụi nước tắm bao phen
Thị trấn bây giờ vừa lạ vừa quen
Ngôi trường mới Thăng Long đa xòe tán rộng
Xưởng kéo kén ươm tơ thơm mùi nhộng
Bà triệu phú làng Tầm mắt lá đung đưa
Phố dọc, phố ngang nhộn nhịp đường trưa
Loa truyền thanh phát bài ca tháng Tám
Đâu lối vào vườn đào Nhật Tân xòe nắng
Cho Liên Khương Tết đến thắm ngời hoa...?*

*Xin chào Hà Nội ở xa
Mười ba vạn đôi tay dựng Lâm Hà quê mới
Thăng Long bước lên thêm nghìn tuổi
Náo nức lòng người mở đất phương Nam.*

Lâm Hà, 8-2000

NGUYỄN VĂN SỬU

Nam Ban nổi nhớ

*Anh đưa tôi đến Nam Ban
Lâng lâng quen lạ mơ màng hồi lâu
Nơi đây mà cứ tưởng đâu
Đổi thay quá lạ... cho nhau bồi hồi.*

*Tám nghìn ngày lẻ qua rồi
Hôm nay gặp lại làm tôi ngỡ ngàng
Ơi Nam Ban, ơi Nam Ban
Đã thành thị trấn đường hoàng dễ ưa.*

*Rộn ràng xưởng máy ươm tơ
Kề bên chợ, bến ô tô ồn ào
Sớm chiều đón khách ra - vào
Nha Trang - Đà Lạt... khi nào cũng vui!*

*Trường Thăng Long sáng vùng đồi
Lâm Viên đã xóa hết thời âm u
Chỗ sinh xưa biến thành hồ
Điểm du lịch mới bên bờ thác Voi*

*Có nhớ chăng bạn bè ơi
Cùng tôi chung sống một thời khai quang
Hôm nay trở lại Nam Ban
Niềm yêu mến cứ ngập tràn ...
bâng khuâng...*

PHÚ ĐẠI TIỀM

Tình Lâm Hà

Hỡi người nhen lửa Nam Ban
Đã quen mưa nắng gió tràn thung mây
Người Lâm Hà sống thẳng ngay
Ngang tàng như mảnh đất này hoang sơ
Đã yêu, yêu đến vô bờ
Đã say, say đến ngẩn ngơ mới tài
Khách đa tình đến nơi đây
Chắc không về được vì say tấm lòng
Đất này văn hóa đa vùng
Bởi người từ Bắc - Nam - Trung hợp thành
Chưa văn minh đến văn minh
Người dân bản địa rõ mình hơn ai
Trần gian mà cảnh thiên thai
Dâu xanh, lúa tốt, trái dài cà phê
Đã đến đây chẳng muốn về
Hay tà áo tím làm mê ai rồi

*Nói cho vui, nói thế thôi
Người Lâm Hà đã có nhời... khó đi
Rì rào dòng suối Cam Ly
Trăm con voi đứng béo phì đồi nương
Nam Ban mờ ảo trong sương
Những chiều núi biếc còn vương mây ngàn
Sang Tân Hà, qua Đình Văn
Vi vu leo dốc “tám trăm” lưng trời
Đỉnh đèo dừng một chút thôi
Đứng đây như thấy đất trời thăng hoa
Nhìn gần rồi lại nhìn xa
Phố làng đổi thịt thay da đã nhiều...*

*Ai về cho gửi niềm yêu
Lâm Hà quê mới bao điều nhớ nhung.*

10.1998

NGUYỄN GIA TÌNH

Nhớ anh *Tố Hữu*

Biết anh lâm bệnh từ lâu
Chiều nay đài báo tin đau tim chiều
Nhà thơ Đảng tín, dân yêu
Đã đi vào cõi dập dìu gió mây.

Kể “Từ ấy” đến hôm nay
Vần thơ rục lửa, đắng cay giống nòi
Chia tay ngày ấy “Phước ơi!”
Đến thương mưa Huế “Trắng trời Thừa Thiên”

*Xiềng gông trĩu nặng bao đêm
Những ngày tuyết thực chẳng thềm “chột nửa”
Đường về “Việt Bắc” năm xưa
“Đêm mưa rừng cọ”... vẫn thơ lắng tình.*

*Với anh chung một bức hình
Về thăm đất mới quê mình: Nam Ban (*)
Cũng “sương trắng” cũng “nắng tràn”
Cà phê trĩu quả, xóm làng yên vui.*

*Một vùng đất đỏ xanh tươi
Bài ca no ấm của người Thủ đô
Vẫn thơ kính viếng nhà thơ
Sống là “cho”, chết cũng “cho” dân đời.*

Lâm Hà, 10-12-2002

(*) Nam Ban là vùng KTM Hà Nội ở Lâm Đồng. Nhà thơ,
Phó Thủ tướng Tố Hữu đã về thăm và làm việc ngày 2-8-1985.

NGUYỄN LƯƠNG TÂM

Con đường Hà Nội

*Con đường tưởng lạ mà quen
Đất đỏ bụi mù nắng cháy
Tên đất tên làng vẫn vậy
Từ Liêm, Đông Anh, Ba Đình...*

*Hồi nào sông nước mông mênh
Bờ đê ôm đồng lúa biếc
Giờ nhạc ngàn thông tha thiết
Thương thương vị sáu nồi rau.*

*Cánh đồng trần trở ra sao
Ai viết vào thư được hết
Thèm hạt mưa phùn ngày Tết
Hiếu sâu con sót buổi đầu.*

*Yêu anh nào lạ gì đâu
Bỡ ngỡ căn nhà mới dựng
Rợp góc thông già sừng sững
Đung đưa trái mướp trên giàn*

*Đôi cao giọng trẻ vang vang
Vẫn là những bài hát ấy
“...ta đi trên đường ...” nắng cháy
Âm nồng nhịp thở cao nguyên.*

*Lán Tranh, Thanh Trì, Hoàn Kiếm...
Lại là đất mới gian lao
Đất mở cho lòng rộng mở
Con đường Hà Nội trên cao.*

12-2-1982

PHẠM VINH

Cảm nhận Lán Tranh

*Một giải mây bay
Một tia nắng rạng ngời
Một làn gió rung hạt sương trên cỏ
Con chim hót bài gì không rõ
Mà lòng nghe rất vui
Bước Xuân về
Chào nhé
Xuân ơi!
Vội thoáng lạnh mùa Đông còn để lại
Như sợi tóc vương
Trên môi người em gái
Ôi dịu dàng dường bao!
Lán Tranh
Lán Tranh
Lòng tôi những khát khao*

Trước khoáng đạt
 Triền Đạ Dâng ngày mới
 Tươi rói
 Những con đường
 Đi tới
 Những xóm làng hừng hực
 sức thanh xuân!
 Một thoáng Nam Hà
 qua cây trái quanh sân
 Một thoáng Hà Tây qua tủ giường,
 bàn ghế
 Và Hà Nội một thoáng cười
 văn nghệ
 Đang hòa chung nét đẹp với
 Tây Nguyên
 Vườn tương lai
 Hoa hy vọng
 Cười duyên
 Bốn cánh nở

*Dâu
Tằm
Tơ
Lụa!
Những suy nghĩ
Sắc như ngọn lửa
Tỏa sáng
Vươn cao
Thành niềm tin và nỗi khát khao
Thanh thản quá
Tiếng người cười nói*

*Lán Tranh
Lán Tranh
Nghe nhọc nhằn tên gọi
Mê đất trời
Mới rộng mở làm sao!*

HẢI LÂM VĂN

Huyền thoại thác Voi

*Ai đem trăng tìm về nơi hò hẹn?
Nhớ khèn xưa réo rắt quyện lời ca
Hòa tiếng suối cùng chim rừng thánh thót
Thương chàng đi biệt những Thu qua*

*Lời ai ca u uất dội non ngàn
Voi găm rú như cùng nàng chia sẻ
Bao nỗi niềm son sắt thủy chung
Bồng rừng mình, dòng Cam Ly hiền hòa*
gãy khúc

Chôn kín nàng theo với những sầu thương

Đá lở

Đất bồi

Đàn voi hóa đá

Bụi tung trời

Tiếng gào thét hồn mang

Dòng nước kia trôi về miền huyền thoại

Để ai về hò hẹn Thác Voi...



Mùa xuân bên thác Voi.

Ảnh: M.P.K

HOÀNG MAI

Đồng hương Hà Nội trên thành phố hoa

Ngược dòng lịch sử 110 năm hình thành và phát triển thành phố Đà Lạt thân yêu, thấy có sự ngẫu nhiên mà lại như duyên kỳ ngộ: Ngày 21.6.1893, có một người Thụy Sĩ mang quốc tịch Pháp là bác sĩ Yersin đến thám hiểm Tây Nguyên và tìm ra Đà Lạt. Vừa đúng 45 năm sau - năm 1938, có 35 người dân Hà Nội (hồi đó thuộc Hà Đông) từ các làng ven Hồ Tây như Quảng Bá, Nghi Tam, Tây Tựu, Ngọc Hà, Xuân Tảo, Vạn Phúc... mang theo cuộc xềng, hạt giống, dụng cụ gia đình vào đây mở đất. Từ đấy, từng bước hình thành ấp Hà Đông, rồi ấp Nghệ Tĩnh và nhiều khu dân cư mới khác sau này, đặt nền móng cho một thành phố nổi tiếng về rau hoa quả tươi của cả nước..

Trong thời kỳ cách mạng tháng Tám và hai cuộc kháng chiến, người Hà Nội có vào sinh sống tại Đà Lạt nhưng đi lẻ tẻ bởi nhiều nguyên do khác nhau. Chỉ đến khi hòa bình thống nhất Tổ quốc, Bắc - Nam sum họp một nhà thì mới hội đủ điều kiện “thiên thời-địa lợi- nhân hòa” để thành phố Đà Lạt và cả tỉnh Lâm Đồng mở rộng vòng tay thân thiết đón tiếp những người anh em ruột thịt từ

nhiều địa phương miền Bắc, trong đó có cán bộ và đồng bào Thủ đô vào làm nhiệm vụ chi viện tăng cường cán bộ cho miền Nam sau giải phóng và thực hiện chủ trương chiến lược của TW: “Phân bố lại lao động, dân cư trên địa bàn cả nước để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong tình hình mới”. “Đất lành chim đậu” là qui luật tất yếu của tự nhiên và xã hội, nhưng việc tổ chức vận động thành công, đưa được hàng vạn người từ đất “ngàn năm văn hiến” vào mở đất, làm nòng cốt xây dựng nên cả một huyện như Lâm Hà thực sự là một kỳ công của sự nghiệp di dân, khẩn hoang trong thời đại mới; là thành tựu đáng tự hào của hai địa phương Hà Nội - Lâm Đồng. Có lẽ, sự hình thành, phát triển, đơm hoa kết trái của ấp Hà Đông ngày xưa, của huyện Lâm Hà ngày nay đã là những nôi ươm có sức hấp dẫn thu hút thêm nhiều lớp người từ Hà Nội và các nơi khác đến cao nguyên Lang Bian làm ăn sinh sống lâu dài, góp phần hình thành nên một cộng đồng dân cư khá đa dạng, phong phú.

Cũng giống như các cộng đồng dân cư khác, sau một thời gian bươn chải lo cuộc mưu sinh, khi đời sống vật chất đã tạm ổn định và sinh hoạt xã hội cởi mở, dễ chịu hơn thì những người xa xứ mới có điều kiện tìm đến với những bà con, anh chị em đồng hương, đồng tộc. Họ có một nguyện vọng tha thiết là gặp nhau để chuyện trò, tâm sự cùng chia sẻ cho vơi bớt nỗi nhớ quê hương da diết, do ngàn trùng xa cách ít có dịp về thăm. Hướng về nguồn cội là một nét đẹp truyền thống đã ăn sâu vào cội tâm linh của người Việt Nam ta tự ngàn xưa. Hướng về Thủ đô, nhớ về Hà Nội lại càng có hệ số nhân lên gấp nhiều lần như cảm xúc trong câu thơ của Huỳnh Văn Nghệ viết từ hồi đầu kháng Pháp mà từ Nam chí Bắc không mấy ai không thuộc nằm lòng:

“Từ thuở mang gươm đi mở cõi

Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long”

Tâm tư, nguyện vọng chính đáng đó của đồng bào, đồng chí hoàn toàn phù hợp với đường lối, quan điểm cách mạng của Đảng, của Bác Hồ là: Cần đa dạng hóa các hình thức tập hợp quần chúng, phát huy truyền thống của dân tộc và mỗi địa phương, tăng cường đoàn kết phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Từ đó, các Hội đồng hương, đồng môn, đồng tộc ở Lâm Đồng lần lượt ra đời, nói chung hoạt động đúng hướng và cũng được sự quan tâm lãnh đạo đúng mức, đồng tình ủng hộ giúp đỡ của các cấp các ngành. Hội đồng hương Hà Nội cũng đã được hình thành và phát triển trong hoàn cảnh đó.

Từ những sinh hoạt nhỏ lẻ sơ khai ban đầu (1994) đến cuộc họp mặt toàn thể ngày 10.10.1997, Hội đồng hương Hà Nội tại Đà Lạt- Lâm Đồng đã chính thức ra đời. Sự ra đời của Hội đã đem lại niềm vui, nguồn động viên, tình cảm quý báu, làm đầu mối và cầu nối liên hệ với Thủ đô và tăng cường quan hệ, giao lưu với bà con đồng hương ở Lâm Hà và bầu bạn gần xa như Ban liên lạc cán bộ Hà Nội tại TP Hồ Chí Minh và một số nơi khác. Bà con đã nhất trí cử ra Ban liên lạc đồng hương do các ông Phan Hữu Giản, Nguyễn Huy Ninh và hiện nay là ông Chu Xuân Đẩu thay nhau làm Trưởng ban, chịu trách nhiệm quán xuyến, điều hành công việc chung của Hội. Bên cạnh đó là các thành viên trực tiếp làm công tác hội viên ở cơ sở như các ông, bà: Đặng Ngọc Lưu, Phạm Văn Hải, Bùi Xuân Phấn, Nguyễn Thị Kiều Nga, Phạm Quang Tất, Nguyễn Chuyên, Bạch Phương Lan, Mai Lan. Đội ngũ cốt cán trong Hội gồm những đồng chí là cán bộ, đảng viên, hội viên các đoàn thể có nhiệt tình, trách nhiệm, kinh nghiệm công tác và điều kiện hoạt động, được bà con đồng hương tín nhiệm, yêu mến. Gần mười năm qua, Hội đồng hương Hà Nội tại Đà Lạt - Lâm Đồng đã có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn trở ngại, kiên trì thực hiện qui ước về tổ

chức của Hội và chương trình hoạt động hàng năm, đã làm được một số công việc đem lại lợi ích thiết thực, được đông đảo hội viên đồng tình ủng hộ như:

- Tổ chức họp mặt chung định kỳ 2 lần một năm vào ngày mùng 5 Tết nhân giỗ trận Đống Đa và kỷ niệm ngày giải phóng Thủ đô 10.10. Đặc biệt năm 2000 đã tổ chức thành công kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội có sự tham dự của nhiều đồng chí lãnh đạo địa phương. Thông qua đó, bồi dưỡng, phát huy truyền thống đoàn kết thống nhất chống xâm lược, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của dân tộc ta, của Thủ đô Hà Nội anh hùng ngàn năm văn hiến; xây dựng ý thức trách nhiệm giữ gìn bản sắc văn hóa của con người Thủ đô, tham gia phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở cơ sở; góp phần xây dựng phong cách người Đà Lạt hiền hòa, thanh lịch, mến khách; xây dựng thành phố ngàn hoa xanh- sạch- đẹp. Điều đáng mừng là trong



Hội Đồng hương Hà Nội tại Đà Lạt - Lâm Đồng.

Ảnh: TƯ LIỆU

những năm gần đây, các gia đình hội viên đều đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”, hầu hết con cháu đều chăm ngoan, học tập và công tác tốt, không vi phạm các tệ nạn xã hội...

- Động viên hội viên tích cực, gương mẫu làm tròn nghĩa vụ công dân ở đơn vị công tác và nơi cư trú, chấp hành đúng các chính sách pháp luật để góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương, phấn đấu trở thành những CB-CNVCT tích cực, những nhà quản lý và SXKD giỏi, góp phần xây dựng quê hương mới ngày càng giàu đẹp. Đặc biệt, Hội đồng hương Hà Nội tại Lâm Đồng đã có những hoạt động nhảy bén, thiết thực tham gia một số phong trào chung của tỉnh, của thành phố như: tổ chức mừng thọ và chăm sóc người cao tuổi, tặng thưởng học sinh giỏi, xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài; ủng hộ đồng bào bị lũ lụt và thăm hỏi giúp đỡ những gia đình gặp khó khăn hoạn nạn hay có người qua đời, thêm gắn bó tình phường nghĩa phố.

- Bước đầu phát huy ảnh hưởng tốt, nâng cao uy tín của Hội ở địa phương và mở rộng quan hệ giao lưu tình cảm, góp phần cải thiện đời sống tinh thần, sinh hoạt văn hóa - văn học nghệ thuật với một số cơ quan đơn vị, địa phương trong và ngoài tỉnh như: Tạo điều kiện, khuyến khích hội viên tham gia các hoạt động văn hóa - văn học nghệ thuật, thể dục dưỡng sinh; tiếp đón đoàn cựu văn nghệ sĩ của Thủ đô trước đây, nay ở TP Hồ Chí Minh lên thăm và biểu diễn ở Hội trường Trung tâm Văn hóa Tỉnh, giao lưu với sinh viên trường Đại học Đà Lạt; đón các cháu trong Đoàn ca múa nhạc Cung Văn hóa Thiếu nhi Hà Nội về biểu diễn chào mừng các ông bà, cô bác, anh chị đồng hương nhân về tham dự “Liên hoan Búp sen hồng” tại thành phố Đà Lạt v.v...Ngoài ra còn thường xuyên dành thời gian để tổ chức biểu diễn văn nghệ “cây nhà lá vườn” khá rôm rả nhân dịp năm

mới và mừng kỷ niệm giải phóng Thủ đô; đôi khi có cả thưởng thức một vài món đặc sản “văn hóa ẩm thực quê hương” cho đỡ nhớ “miếng ngon Hà Nội”...Tuy vậy cũng còn nhiều việc cần và có thể làm được, một số đề xuất rất hay của hội viên (như tổ chức cho hội viên đi tham quan du lịch “Về nguồn”...) nhưng vì tiềm lực còn mỏng, “lực bất tòng tâm” vẫn chưa đáp ứng được. Điều đáng chú ý là một số mặt hạn chế về tổ chức: Hiện còn một số chi hội ở phường hoạt động không thường xuyên, chưa thu hút được đông đảo hội viên gắn bó với Hội, chưa tự giác thực hiện đúng qui ước về nghĩa vụ và quyền lợi hội viên. Đối với lớp trẻ, Hội chưa có nội dung, hình thức hoạt động phù hợp để các em, các cháu cùng với ông bà cha mẹ hăng hái tham gia sinh hoạt đồng hương thật vui vẻ, nhiệt tình và cảm thấy bổ ích, lý thú, tạo nguồn xây dựng Hội qua nhiều thế hệ...

Trải qua gần mười năm, cũng có lúc thăng lúc trầm, mưa dầm nắng lửa, nhưng “mái nhà chung” của người Hà Nội ở Đà Lạt - Lâm Đồng vẫn ngày một thêm đông vui và ấm áp tình người...

Cùng nhau hướng về tháng Mười lịch sử - kỷ niệm 50 năm ngày Thủ đô giải phóng và xa hơn là kỷ niệm 1000 năm Thăng Long- Hà Nội, mỗi hội viên đều cảm thấy phấn khởi tự hào, nâng cao trách nhiệm, phát huy ưu điểm, khắc phục những khuyết điểm hạn chế, thực hiện tốt tôn chỉ, mục đích và chương trình hoạt động của Hội đã đề ra để mỗi người, mỗi nhà đều trở thành những bông hoa đẹp, hợp thành vườn hoa tươi thắm đậm đà tình nghĩa thủy chung Lâm Đồng - Hà Nội, gửi về Thủ đô chào mừng những ngày hội lớn của quê hương - đất nước.

H.M

NGUYỄN CÔNG LÝ

Tham gia hoạt động Việt Minh trong lòng Đà Lạt

*(Cụ Phạm Văn Cáp, một công dân ở
phường 9 - Đà Lạt kể.*

*Đ/c Nguyễn Công Lý - Ban nghiên
cứu lịch sử Đảng tỉnh Lâm Đồng ghi)*

Tôi sinh năm 1922 ở Đông Anh (Hà Nội), theo gia đình vào làm ăn ở Gia Định - Sài Gòn và chuyển lên Đà Lạt trước ngày khởi nghĩa cướp chính quyền năm 1945. Năm 1946, xin vào làm ở Nha Địa dư - phục vụ cho bọn Tây ở Xec - Hotel (đầu đường Nguyễn Du bây giờ). Xec Hotel dùng làm nơi ăn ở của bọn Tây có trách nhiệm coi mọi việc ở trong Nha địa dư. Đến giờ chúng nó đi làm, hết giờ về đây ăn, nghỉ. Tôi có nhiệm vụ đóng cửa, coi nhà, quét dọn và làm các việc vặt khác. Tôi vào làm ở đây cũng được mấy tháng, đến năm 1947 chuyển sang làm ở bộ phận in bản đồ.

Sẵn có sự quan hệ từ trước khi vào làm ở Xec Hotel, nên khi trực tiếp vào nhà máy làm thợ in chúng tôi đã hình thành một nhóm hoạt động cách mạng, gồm có tôi, anh Phạm Văn

Chất và anh Trần Văn Huyền. Lúc ấy có anh Thường ở chiến khu ra, bí mật móc nối với anh em chúng tôi giao nhiệm vụ mua các loại thuốc chữa bệnh, giấy, mực in ... đồng thời nắm và báo cáo với các anh về các hoạt động của bọn mật thám, tay sai. Những thứ anh em chúng tôi tìm được chuyển qua anh Ngật rồi đưa ra khu (anh Ngật đã hy sinh trong lúc đi liên lạc chuyển hàng vào khu).

Chúng tôi lấy và chuyển ra khu một số bản đồ gốc của thực dân Pháp in 6 màu. Chúng tôi lấy bằng cách cứ in xong 2 màu là lấy một số lật mặt giấy trắng dùng tay dính mực làm cho đen nếu ai thấy coi như bản đồ hỏng, chúng tôi lấy lau tay, và xong bỏ vào xô, vào giỏ rác, giữa ca hoặc hết ca anh em dọn vào ngực đi ra ngoài hoặc giả làm bộ đi cầu, bí mật nhét qua hàng rào chờ khi có điều kiện lấy chuyển đi. Ngoài những việc làm nói trên, chúng tôi còn biết được các nhóm tổ chức lấy súng, lấy tài sản trong kho đưa ra ngoài. Chúng tôi cũng mừng vì bên cạnh mình, anh em khác cũng hành động và như vậy cũng vững tâm tin tưởng việc của nhóm mình làm, nếu anh em có biết được chắc cũng không có gì trở ngại.

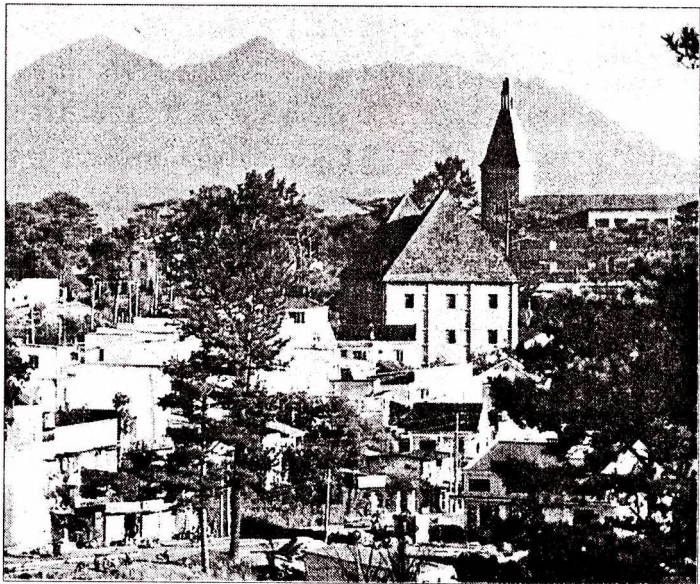
Năm 1948, tôi không làm ở nhà máy nữa mà trở lại làm ở Xec Hotel. Bọn Pháp có phần tin ở tôi vì chúng chưa thấy tôi có hành động gì thể hiện là làm việc cho Việt Minh. Lần này sang chúng giao trách nhiệm cho tôi quản lý toàn bộ chìa khóa của các phòng ở, phòng riêng, phòng làm việc ... để sửa soạn quét dọn sau khi bọn chúng đi làm. Như vậy, tôi có nhiều thuận lợi, có điều kiện tiếp xúc với anh em ở khu vào. Sau một thời gian làm việc, theo dõi những quy luật của những người Pháp đi làm, đi chơi... tôi tiếp tục móc nối với anh em vào với tôi

làm quen dần về quy luật - cứ sáng ăn xong bữa nào đi làm thì vào Nha địa dư, hoặc đi nơi khác, còn bữa nào nghỉ thì rủ nhau đi chợ... Anh em cứ có ám hiệu trước với nhau: khoảng 8 giờ vào với tôi, có bữa vào trao đổi công việc xong rồi đi, có bữa vào ăn uống một ít gì đó rồi tặng các anh một số quà mang cho các anh ở trong khu. Và đến một hôm, vào buổi sáng tháng 9-1948, các anh vào theo kế hoạch đã bàn định. Mỗi người xách một cái xách tay giả làm người khách đi luôn vào. Tôi mở cửa các phòng ở của mấy tầng Tây, lấy 9 khẩu súng lục và Thompson (Tôm-xông) bỏ vào giỏ, vào xách đây kỹ, khoảng 2 kg các loại thuốc và một số đồ dùng khác của bọn nó và của tôi mua sẵn, chuẩn bị cho các anh vào mang đi. Xong xuôi đầu vào đó tôi bảo các anh trói hai tay và nhét giẻ vào mồm đưa tôi vào một phòng, khép cửa lại. Làm xong xuôi, các anh ra đi trót lọt. Đến giờ theo thường lệ bọn chúng về thấy tôi như vậy, chúng cười trói và kéo giẻ trong mồm tôi ra hỏi. Tôi bảo có Việt Minh đột nhập, bắt trói tôi và lấy chìa khóa mở cửa và cướp mang đi những thứ gì tôi không biết. Chúng khám tất cả mọi nơi, tra hỏi tôi nhiều chuyện, báo cảnh sát và lính tới khám xét nhưng không phát hiện được gì ngoài chuyện mất súng và một số tài sản, tư trang khác. Cũng may cho tôi lúc ấy tôi mua thuốc nhiều quá, mấy cái xách đựng thì nhỏ nên còn lại tôi phải mang ra chuồng heo đào phân lên bỏ vào lấp lại nó không tìm được. Các anh vào ra với tôi lúc bấy giờ có nhiều người nhưng không biết tên, chỉ có anh Tạ Đăng thì được giới thiệu và tôi biết tên, coi như anh ấy là người chỉ đạo.

Sau vụ mất súng này, không biết bọn chúng có nghi gì tôi không mà cuối năm 1948 chúng chuyển tôi sang làm thợ in trở lại. Cũng trong thời gian này ngoài những hoạt động của anh

em trong Nha địa dư, ở bên ngoài phong trào diệt ác trừ gian của anh Hoàng Phi Hổ lên rất mạnh. Bọn Pháp, bọn Việt gian rất sợ. Tôi được biết như vụ giết tên Hanh ở chùa Sư Nữ - Trại Hầm, giết tên Deo ở cầu Chuối cuối đường Nguyễn Du bây giờ. Người tham gia vụ giết tên Deo là anh Hỷ chồng chị Lan bây giờ còn sống ở tại dốc ga Đà Lạt.

Giữa năm 1950, tình hình Nha Địa dư nổi lên lộn xộn, nhiều vụ bắt bớ xảy ra, tôi thấy ở đây không an toàn và có một số anh em gợi ý nên chuyển sang hỏa xa làm việc. Tôi tìm cách xin và được sang hỏa xa Đà Lạt, khi sang tôi làm trong tổ đầu máy chạy tàu Đà Lạt - Sông Pha - Phan Rang. Anh em công nhân thời gian này cũng có nhiều hoạt động nên bản thân tôi mới sang cũng hòa được vào đó nhận những bó truyền đơn của các anh chuyển vô giao cho anh em chúng tôi. Chúng tôi được hướng dẫn khi tàu đang chạy thì tung những truyền đơn ấy ra



những nơi các anh quy định, chuyển những tin tức qua các trạm và có người đón nhận những tin tức ấy. Ví dụ như: Hôm nay trên đoàn tàu chở những gì? Có bọn công an, cảnh sát ử trên tàu không? Chở bọn lính đi đâu? .v.v... Trong thời kỳ ấy, anh em công nhân xe hỏa cũng có những cuộc đấu tranh đòi tiền lao động nặng nhọc, độc hại, có những lúc lẩn công trên tàu. Số anh em cùng làm việc với tôi lúc bấy giờ hiện nay tôi biết còn các anh như anh An ở đường Cô Giang - phường 5, anh Kế ở Sài Gòn và anh Viễn ở cư xá hỏa xa Đà Lạt.

Cuối năm 1950, tình hình ở Nha địa dư đã dần dần bình thường, tôi trở lại nơi này làm việc. Về đây thấy sau những vụ bắt bớ các năm trước một số anh em bị bỏ tù, có anh bị chết nên tình hình hoạt động lúc này thấy có phần lắng xuống và ít hơn. Vì cũng qua những vụ lộn xộn của năm trước, bọn Pháp kiểm soát rất dữ, chúng cài mật thám giả làm công nhân cũng nhiều để phát hiện anh em hoạt động. Thỉnh thoảng chúng tôi vẫn lấy và chuyển một số bản đồ quân sự ra cho các anh ở căn cứ phục vụ cho các cuộc chiến đấu của lực lượng cách mạng. Sau này tôi được một số anh em cho biết số bản đồ của anh em tôi chuyển ra cũng giúp một phần vào nhiệm vụ xây dựng căn cứ và đánh Pháp vào thời điểm ấy và cả sau này. Những công việc làm thời kỳ này tuy không nhiều nhưng vẫn bí mật và tiếp tục kéo dài cho đến khi có hiệp định hòa bình 1954.

*(Xin cảm ơn đồng chí Phạm Văn Vượng - Tỉnh ủy viên,
Chủ tịch LĐLD tỉnh Lâm Đồng đã cung cấp tư liệu lịch sử
quý giá này)*

CHU BÁ NAM

Người ấp Hà Đông

Truyện ngắn

Ông Bính xa Hà Nội vào Đà Lạt lập nghiệp từ năm 1938, khi mới mười tám tuổi, vậy mà về quê có một lần trước 1954. Những năm chiến tranh, hai miền chia cách đã đành, sau “bảy năm”, đất nước thống nhất, Nam Bắc một nhà, ông vẫn nấn ná chưa chịu về, mặc dù giếng nước, mái đình Quảng Bá làng quê cùng những kỷ niệm tuổi thơ vẫn đeo bám khôn nguôi. Sau mọi nỗi đắn đo, ông quyết định về thăm một lần vào năm tám mươi tuổi. Điều bất ngờ là cháu chắt đứng ra tổ chức thượng thọ cho ông ngay tại quê nhà. Một ngày vui bỗng bột của lớp trẻ hậu duệ đượm nỗi buồn ngùi kín đáo của tuổi già, thế rồi cũng qua, giờ đây ông đang ngồi lặng lẽ bên bà cụ già kém ông một tuổi ngắm mặt nước Tây Hồ dập dềnh xao động.

Thật khách quan mà nói thì giữa họ chưa có cuộc tình nào, nghĩa là ông không phản bội bà, song ông đã chạy trốn một tình yêu chớm nở mà những người trong cuộc không thể quên. Ông đột ngột ra đi để rồi thấy mình mang nợ suốt đời. Bà hận, ông biết, và vì thế bối rối là không thể tránh khỏi ...

Tuổi trẻ hướng ngoại, thích phiêu lưu, với nam nhi thì sự nghiệp lại có phần lấn át riêng tư. Bính thường nghe các cụ

nói: “Làm trai cho đáng nên trai - Phú Xuân cũng trải, Đồng Nai đã từng”. Máu “giang hồ bẩm sinh” được kích thích bằng những bài báo viết về Đà Lạt, một vùng đất hoang sơ đầy bí ẩn. Vô tình ông đọc được “Lâm Viên hành trình nhật ký” của Nam tước Đoàn Đình Duyệt đăng trong “Nam Phong tạp chí” hơn hai mươi năm trước đó, ghi chép những điều mắt thấy tai nghe của ngài trong dịp phụng chỉ đến tỉnh Lâm Viên mới thành lập để quan sát, đồng thời trừ liệu việc xây cất hành cung. Bài báo có đoạn khiến ông lưu tâm: “Từ Eo Gió trở lên, xe chạy nhanh được quãng đường chừng 50 km. Đường lúc này bằng phẳng, có chỗ như miền Trung Châu. Ven đường có độ năm, ba cái sách (xóm cô rào) của người Thượng. Nhà lụp xụp, thô sơ. Đất trồng lúa mỗi nơi chỉ được độ một, hai khoảnh nhỏ, còn lại là đất trống mênh mông, nhìn ra thấy hoang vu cả ngàn dặm tới tận cùng tầm mắt. Nếu di dân lập ấp, khai khẩn canh tác thì có thể có được hai, ba trăm thôn”. Khốn nạn, quê mình đất chật người đông, cãi nhau, chửi nhau, rồi xô xát chỉ vì cái hàng rào không thẳng. Đêm nằm nghe sóng nước Tây Hồ oàm oạp xô bờ, hăm dọa nuốt chửng mảnh vườn trồng hoa từ bao đời. Vào mùa mưa lũ, um tùm đất lở đến xót xa. Ấn tượng về mảnh đất “Đà Lạt trắng mờ” của thi sĩ họ Hàn gieo vào lòng ông: “Trăng sao đắm đuối trong sương nhạt”. Rồi Quách Tấn: “Trời đất tan ra thành Thủy Tinh - Một bàn tay ngọc dầm hương trinh/ Âm thầm mơn trớn bên đôi má/Hơi mát dề mê chạy khắp mình”. Và.. thế là Bính thả hồn theo những vần thơ bay bổng.

Gần 2/3 thế kỷ đã trôi qua, ông ngắm lại bà xem còn sót nét nào của ngày xưa cũ. Bà nhìn mặt nước bồn thần:

- Ông vào đây có gặp con trần có sùng không?

Ông Bính phì cười. Ngày đó báo chí nói về Đà Lạt khá

nhieu. Ông nhớ có lần cắt bài báo in ảnh con trăn có sừng tặng bà. Vào Đà Lạt mới vỡ lẽ.

- Làm gì có chuyện trăn có sừng. Mấy ông nhà báo toàn đưa tin giật gân. Chẳng qua nó nuốt con nai, nhưng lại nuốt từ phía sau, nuốt gần hết thì vướng sừng, gặp người thì vội dè đi, mang cả cặp sừng nai... Cảnh ấy vào Đà Lạt ông gặp nhiều. Chiều chiều thung lũng trước nhà ông hươu nai từng đàn kéo xuống suối uống nước dẫn dệu như đàn bò. Nhất là khi trời sắp tắt nắng, ráng đỏ hoàng hôn nhuộm trên lớp lông mịn như phát sáng, viền lấy con vật.

- Chúng không sợ người à? - Bà hỏi.

- Mới đầu thì không. Chúng nghĩ con người cũng như chúng thôi. Nhiều con bị hổ săn đuổi còn chạy vào nhà cầu cứu!

- Lúc ấy các ông làm thế nào?

- Thì mang mâm đồng, nồi đồng, chậu thau gõ âm lên cho hổ hoảng sợ bỏ đi.

Chỗ ông mới đến định cư chỉ có ba ngôi nhà gỗ lợp tranh ở ba góc thung lũng sinh lầy nằm giữa Mả thánh và đường Nguyễn Công Trứ bây giờ, nay gọi là ấp Hà Đông. Ấp Hà Đông khi ấy nhiều trăn lắm. Đêm trăng nó trườn lên, lừ lừ đi động, lúc đen sì trong bóng tối, lúc lấp lánh dưới ánh trăng, xuyên qua những bụi lau sậy đung đưa.

Bãi bể nương dâu, hai phần ba thế kỷ đã trôi qua, ông cứ nhớ mãi cái ngày xa Hà Nội. Là công nhân xếp chữ của tờ báo La Voulte, vô tình ông đọc cột tin đăng tải chương trình tuyển người di dân vào Đà Lạt lập ấp do Tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu chiêu mộ, thế là ông xin đi, mang theo hai ngàn củ giống lay-ơn nhập bọn với hơn ba mươi trung niên các làng

Quảng Bá, Nghi Tàm, Tây Tựu, Xuân Tảo, Vạn Phúc ven Hồ Tây gồng gánh, cuốc xẻng, nôi niêu, xoong chảo lục tục lên tàu ra ga Hàng Cỏ.

- Sao em không ra ga tiễn anh hôm ấy? - Ông buột miệng gọi “em”. Giọng bồi hồi xúc động.

Như bị cấm khẩu, bà định nói mà không sao mở miệng nổi. Mặt đỏ bừng rồi tái đi, môi mím chặt, mắt vẫn đăm đăm nhìn xuống. Sóng nước hắt những vòng sáng lung linh nơi cổ bà. Đây là cơ hội cuối cùng để nói hoặc là mang xuống mồ. Mặt bà đỏ gay trong ánh hoàng hôn. Mỗi hận tuổi thơ cuối cùng cũng phải trút lên đầu người tình hờ hững.

- Anh bảo em không ra ga à? Anh còn nhớ tối hôm trước khi đi anh nói anh đã chuẩn bị đủ hai ngàn củ lay-ơn mà quên không đánh lấy củ riêng vào trồng làm gia vị ăn thịt thú rừng. Anh vẫn thích món giả cây mà.

Bà nhớ từng chi tiết khiến ông gục đầu như một tội đồ. Bà nhìn xoáy vào ông, ông không dám ngẩng lên, gáy nóng dần, ran ran từng chân tóc.

- ... Em tách khỏi đám đông - Bà tiếp - Tay cầm gốc riêng còn nguyên lá đứng dưới chân cột điện đơn độc giữa sân ga Hàng Cỏ để anh dễ nhận ra. Chỉ cần ngược lên là bắt gặp ánh mắt em chờ đợi. Nhưng anh đã quên em lúc đó, anh mãi nói gì đấy với những người đưa tiễn, không một lần phóng ánh mắt tìm kiếm. Anh còn nhớ hôm ấy là ngày bao nhiêu không? Ngày 29 tháng 5 năm 1938!

Bà dần từng con số, mắt sáng lên, đến lúc cứng rắn nhất thì lại bật khóc, nâng vạt áo chấm chấm hai đầu con mắt. Bà đã hận ông suốt hai phần ba thế kỷ. Nếu còn trẻ, ông sẽ ôm lấy bà mà xoa đầu vỗ về. Song ông chỉ đặt tay lên bờ vai già nua

của bà. Bà khẽ gạt ra vùng vắng:

- Nạn đói “bốn năm” gia đình anh có gửi hai tấn gạo về cứu tế cho dân làng. Riêng gia đình em không nhận, chỉ làm điều bất chính mới có hai tấn gạo trong khi cả nước hai triệu người chết đói!

Trời ơi, oan cho ông quá. Trước cảnh rừng núi hoang vu, nhiều người cùng đi đã đào tẩu, phần vì thấy tương lai mù mịt, phần vì thương vợ con ở nhà. Ông trụ lại cuốc đất lật cỏ, với hai ngàn củ lay-ơn đem theo, chỉ hai tháng sau đã có hai ngàn cây hoa. Người Pháp ở Đà Lạt đang khát hoa, đắt mấy cũng mua, mỗi bông lay-ơn hai hào, mà gạo hai đồng một tạ, thử hỏi làm gì ông không gửi được hai tấn gạo về quê chứ. Vua Bảo Đại còn tặng “Bảo Quốc huân chương” cho gia đình ông và thường xuyên cho xe đón gia đình ông lên dinh chơi vào dịp lễ tết. Chụp ảnh chung với Đốc lý có, với Quản đạo có. Và sau này nữa với cả Tổng thống họ Ngô, nhưng nhà ông vẫn có hầm bí mật che dấu Việt Minh, Việt Cộng. Ông có làm gì bất chính đâu.

Sau những phút thở than kể lể là những phút lặng kéo dài, dài đến phát sợ. Mặt hồ vẫn xao động, lấp lánh ánh đèn điện. Kia là đường Cổ Ngư, nay gọi là đường Thanh Niên dẫn đến chùa Quán Sứ. Trước mặt là Thụy Khuê, bến xe điện cuối cùng nay không còn nữa nhưng vẫn vắng vắng tiếng leng keng. Gió từ mặt hồ hất lên rười rượi.

- Hà Nội đẹp quá Lan ơi! - Lần đầu tiên sau bao năm ông lại gọi tên bà.

- Đẹp sao bỏ đi?

Câu hỏi cửa vào lòng ông. Lòng người ai cũng có chỗ yếu mềm, chỉ mình mình biết, chỉ mình mình hay, nhiều khi lại được che dấu bằng những lý lẽ nguy biện để tự an ủi. May mà

vẫn phải dầu tắt mặt tối, vật lộn mưu sinh. Nhưng đó là ngày thường, còn ngày giỗ, năm hết tết đến, khi không thể không nghĩ về cội nguồn thì nỗi buồn tủi của kẻ tha hương không biết cất giấu vào đâu. Kể ra đi bao giờ cũng nhớ nhiều hơn người ở lại. Vì đi là mất, là chết với quá khứ thân thương của mình, cái quá khứ làm nên tâm hồn mình. Hình như nỗi ám ảnh về sự phụ bạc quá khứ khiến người ta chạnh lòng mỗi khi nghĩ đến và sợ phải gặp lại. Tình yêu cũng vậy chăng?

- Tôi cứ tưởng bà đã quên tôi rồi...

Trong thâm tâm, ông mong như thế tâm hồn được thanh thản.

- Không bao giờ...

- Vậy nếu giờ cho còn được mạnh khỏe, sang năm...

- Không cần đâu ông - Bà đổi cách xưng hô.

Bà hít mạnh một cái rồi như nghẹt thở giây lát, hai bờ vai rung lên từng chập, đổ hơi thở dài cùng hai hàng nước mắt tuôn trào.

Ông Bình nhớ mãi câu hỏi của Tổng Đốc Hoàng Trọng Phu trước khi lên đường: “Vì sao cháu đi?”, “Dạ.. Bẩm quan lớn, cháu thích đi xa”. Nào ngờ đó là câu trả lời định mệnh. Khi ấp mới của người Hà Đông được thành lập trên đất Đà Lạt, dân định đặt tên là ấp Hoàng Trọng Phu để nhớ công lao di dân lập ấp của ông, coi như là thành hoàng vậy. Nhưng ông cảm ơn và từ chối: “Thôi, cứ lấy tên là ấp Hà Đông để mà mai sau con cháu nhớ về cội nguồn”.

Ồi! Cái tên ấp, tên làng ở xa nghe sao mà thiêng liêng quá!

Đà Lạt, tháng 8/2004

C.B.N

NGUYỄN THỊ HIỀN

ẤP Hà Đông của tôi thuở ấy

Bố tôi người Tây Tựu. Đó là một làng quê chuyên trồng rau, trồng hoa của tỉnh Hà Đông nằm giáp Hà Nội, nay thì đã thuộc huyện Từ Liêm, chỉ cách con đường lên cầu Thăng Long mười phút xe máy. Mẹ tôi người làng Quảng Bá, ven Hồ Tây, xưa cũng thuộc Hà Đông, sau cắt về Hà Nội sớm hơn làng Tây Tựu. Quảng Bá cũng là đất trồng hoa, hoa là chính, với một ít rau. Vào cái thời năm 1938-1940, ông Hoàng Trọng Phu - Tổng đốc Hà Đông đưa dân Tây Tựu, Quảng Bá, Nghi Tàm, Ngọc Hà, Xuân Tảo, Vạn Phúc vào Đà Lạt lập nên ấp Hà Đông để trồng hoa trồng rau. Bố mẹ tôi khi ấy còn trẻ lắm, được ông nội, ông ngoại đưa vào, rồi hai người mới nên vợ, nên chồng tại đây, sinh ra anh em chúng tôi.

ẤP Hà Đông của tôi trải dài theo một thung lũng từ phía thượng nguồn hồ Vạn Kiếp, khu Cité de Coux, có trường trung học Trần Hưng Đạo nổi tiếng một thời kéo

dài về giáp ấp Nghệ Tĩnh do quan Quản đạo Đà Lạt Phạm Khắc Hòe đưa dân Nghệ Tĩnh vào lập ấp sau ấp Hà Đông mấy năm. Hai ấp cách nhau một con đường, mưa xuống là lầy lội khốn khổ. Nhà cửa phần lớn là nhà gỗ dựng trên sườn đồi. Dưới thung lũng là con đường cái - về sau được đặt tên đường Nguyễn Công Trứ. Chạy ven một dãy đồi khác, trong đó có đồi Lính Thủy (chả hiểu sao người ta lại gọi là đồi Lính Thủy), sau năm giải phóng là khu cơ quan Tỉnh đội Lâm Đồng. Bên kia đường là rừng thông trùm khắp dải đồi, bên này đường, phía thung lũng cũng là rừng được khai phá dần để trồng rau, trồng hoa. Sau lưng các dãy nhà trong ấp dựng rải rác trên sườn đồi là rừng dẻ, trải đến tận Đa Thiện. Cái hồi người ta ủi rừng để xây cơ xá đại học, tôi thường theo mẹ ra đấy nhặt rễ dẻ về phơi khô làm củi.



Tôi vẫn nhớ như in những lần theo bố mẹ và các anh về ngoại ăn giỗ. Nhà ngoại tôi ở phía ven đường Nguyễn Công Trứ, một ngôi nhà to đẹp nhất của cả dãy thời bấy giờ, xây theo hình chữ A, với một cửa vòm rất lớn ở ngoài, qua căn đại sảnh xuống nhà dưới cũng có một cửa vòm. Ăn giỗ xong thì trời tối. Tất nhiên thời ấy làm gì có điện. Trời tối đen như mực. Bà ngoại tôi chẻ một nhánh ngo thành nhiều thanh nhỏ rồi châm vào một cây ngo thật to làm bó đuốc cho anh em chúng tôi soi đường về. Tối nhà, mặt mũi đen nhẻm vì khói, thò tay vào ngoáy lỗ mũi, ngón tay đen sì. Thời ấy Đà Lạt lạnh hơn bây giờ nhiều. Tôi nhớ vào dịp Noel, sương muối thường đóng băng trên mặt cỏ, mặt hồ, nên nhà vườn phải tưới rửa sương cho rau trước khi mặt trời lên. Nếu để đến khi có ánh sáng mặt trời thì rau hoa sẽ bị hư hết, bầm nhũn như bị tưới nước sôi. Khu đồi sau nhà tôi, tối tối nghe tiếng mang tác. Bên khu đồi Lính Thủy cũng thế. Mẹ tôi kể những năm trước còn có cọp mò về bắt lợn. Có lần cậu Ngôn tôi, ở bên nhà ngoại, ban đêm nghe tiếng vịt kêu cạc cạc tao tác đằng sau nhà. Tưởng là kẻ trộm, cậu cầm cây nĩa bước ra soi đèn pin, thấy hiện ra trong ánh đèn hai đốm sáng to. Mắt của một con thú dữ! Cậu tôi nghĩ nhanh: mình mà sợ quay trở vào là nó vô liền, chỉ còn cách ăn thua đủ với nó. Cậu dùng hết sức bình sinh nhắm thẳng hướng sáng của đôi mắt phóng mạnh chiếc nĩa, may sao trúng vào chỗ hiểm con thú, nó quỵ xuống. Cậu vừa nhấn sâu chiếc nĩa vừa hét vang. Người trong nhà nghe tiếng hét liền bỏ ra phụ với cậu đánh cho nó chết hẳn. Đèn đuốc trong nhà thấp sáng hết lên cả nhà mới ồ lên kinh ngạc: thì ra là một con báo, nó

to và nặng phải đến vài chục cân. Lần đầu tiên trong cuộc đời tôi được ăn thịt báo. Tắm da báo ấy cậu tôi vẫn giữ tới ngày nay, đang treo trên vách ở nhà ngoại tôi...

Khi rời Hà Nội, ngoài một ít vật dụng thiết yếu cho cuộc sống lúc chuyển cư, ông nội tôi còn đem theo hai thứ rất đặc biệt, đó là một chiếc điều và một bụi cây khởi tử, gọi nôm na là cây củ khởi. Chiếc điều của ông tôi to lắm, dài đến mấy sải tay người lớn, có gắn một bộ sáo 3 chiếc to nhỏ khác nhau để phát ra âm thanh cao thấp mà rất hài hòa. Cái sáo thật to, to đến nỗi con mèo cái chui vào làm ổ và đẻ con trong đó. Cả bộ sáo được đánh quang dầu màu nâu bóng nom rất đẹp. Điều đem thả trên đồi cao neo bằng dây thùng vào chiếc cọc cắm sâu dưới đất. Điều cứ lơ lửng hoài trên không. Tiếng sáo vi vu ngày này qua ngày khác, có khi cả tuần lễ. Chắc hẳn tiếng sáo khiến ông tôi vui bởi nhớ nỗi làng quê Tây Tựu. Cái thú chơi điều ấy của ông tôi đã truyền lại cho con cháu. Các anh và em trai tôi làm điều rất giỏi. Mùa gió năm nào anh em tôi cũng thả điều ở trên đồi sau nhà.

Khóm cây khởi tử ông tôi bứng cả gốc đem vào trồng ở góc vườn nơi quê mới. Ông bảo rau củ khởi không những nấu canh ăn rất ngon mà còn chữa được nhiều bệnh cho trẻ con, trong đó có bệnh ho và bệnh sởi. Sau này tôi tra từ điển “cây thuốc Việt Nam” của giáo sư Đỗ Tất Lợi thấy ghi như sau: “Khởi tử được coi là một vị thuốc bổ toàn thân, dùng trong các bệnh đái đường (phối hợp với các loại thuốc khác) ho lao, viêm phổi, mệt nhọc, gầy yếu, bổ tinh khí, giữ cho người trẻ lâu, rễ của nó có tên là địa cốt bì, cũng là một loại

thuốc chữa nhiều bệnh, trong đó có bệnh về phụ nữ”.

Nhà tôi tuần nào cũng ăn vài bữa rau củ khởi, nó có hương vị hơi giống rau ngót, nhưng rau mềm và thơm hơn, ngọt hơn...Có người bảo rau củ khởi ngon bằng đặc sản rau sắng Chùa Hương mà cụ Tản Đà từng ca ngợi trong thơ. Rau củ khởi chỉ thật sự có hương vị thơm ngon khi nấu với thịt heo nạc băm nhỏ. Hôm chị chồng tôi ở ngoài Bắc vào chơi, tôi nấu canh củ khởi mời chị, chị xuyết xoa ngạc nhiên: “Trời ơi dễ đến ba bốn chục năm nay chị mới được ăn lại bát canh củ khởi! Thứ cây này ngày xưa ở quê chị có nhiều lắm, nay thì không thể tìm đâu ra”.

Năm nọ có một nhà báo già từ Hà Nội vào đến thăm ấp, khi ông ghé nhà tôi, chúng tôi cũng mời ông ăn rau củ khởi, ông thích lắm và nói: “Hà Nội bây giờ không ai biết rau củ khởi là rau gì đâu”. Ngẫm nghĩ một lát ông nói thêm: “...Nhưng ngoài rau củ khởi thì ấp Hà Đông này còn giữ một thứ rất quý của Hà Nội, đó là gì các cháu biết không?” Chị em chúng tôi đều lắc đầu bảo không biết. Bác nhà báo nhìn chúng tôi, nhất là nhìn chị tôi bảo: “Đó là giọng nói, giọng Hà Nội gốc, giọng Hà Nội xưa, giọng Hà Nội chuẩn. Cái chất giọng này lâu lắm rồi bác mới được nghe lại, nó mượt, mềm, tròn , ấm, đặc biệt là rất hiền và rất sang , các cháu phải giữ lấy”.

Đúng như lời bác nhà báo đến từ Thủ đô, ấp tôi đã có bao đổi thay, nhưng cái giọng Hà Nội gốc thì dường như không đổi, dù đã đến thế hệ thứ tư. Những người dân trong ấp ăn ở với nhau thuận hòa, tình nghĩa...

N.T.H

NGUYỄN MẬU SIỆC

Người con của Đất Hà Thành

Bút ký

Một trong hàng vạn người con của Thủ đô Hà Nội, theo tiếng gọi của Tổ quốc đi khắp mọi nẻo đường để công tác là anh Nguyễn Huy Ninh, quê ở thôn Giáp Tứ, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội, hiện là Giám đốc Bưu điện Tỉnh Lâm Đồng.

Giám đốc Nguyễn Huy Ninh là người nho nhã, dáng cao ráo, lịch lãm, dễ gần gũi, thân thiện. Đặc điểm dễ thấy nhất, anh là người có tính cách rất mạnh mẽ và rất hay tranh luận, có tài hùng biện mỗi khi khơi đúng mạch ngầm suy nghĩ, tư duy của anh về một vấn đề hóc búa nào đó. Anh gần giống một nhà văn hóa, hoặc một nhà giáo hơn là một doanh nhân. Vậy mà anh là nhà lãnh đạo một doanh nghiệp thành đạt với hơn 15 năm là Phó giám đốc, rồi Giám đốc, anh đã cùng tập thể cán bộ, công nhân viên

từng bước đưa ngành Bưu điện Lâm Đồng ở hạng trung bình yếu vươn lên nhóm có sự phát triển tăng trưởng cao trong toàn ngành, chỉ đứng sau Bưu điện Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vũng Tàu, Nghệ An ... Sắp tới đây, Bưu điện Lâm Đồng sẽ đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất; riêng anh, năm 2002 đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao Động Hạng Ba. Đó chính là vinh dự lớn lao nhất trong cuộc đời một nhà lãnh đạo doanh nghiệp thành đạt trong thời kỳ đổi mới.

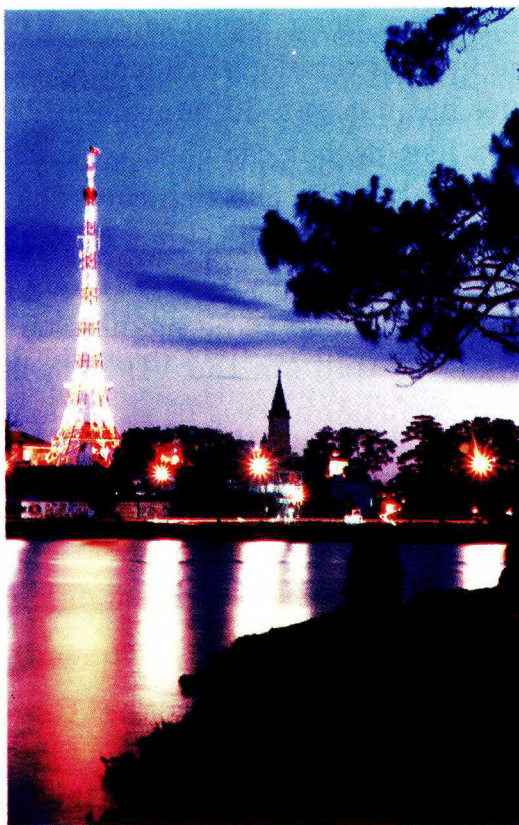
Anh sinh ngày 2/1/1947 (tháng chạp năm Bính Tuất) trong một gia đình nhà nho nghèo ở Hà Nội. Chưa đầy ba tháng tuổi đã phải theo bố mẹ lên chiến khu Việt Bắc đi kháng chiến. Hòa Bình lập lại 1954, anh cùng gia đình trở về Hà Nội tiếp tục đi học. Tốt nghiệp lớp 10/10 vào năm 1965, đến ngày 3 tháng 6 năm đó, khi giặc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc, anh và số đông bạn bè cùng lứa lên đường nhập ngũ. Những năm đầu vào bộ đội, anh làm thợ vô tuyến điện ở một đơn vị chuyên cơ thuộc Hàng không sân bay Gia Lâm; nhiều lần cùng đơn vị tham gia tiếp tế đạn dược phục vụ chiến dịch Tổng tấn công xuân Mậu Thân 1968 ở Làng Vây, Khe Sanh tỉnh Quảng Trị. Ba năm sau, do yêu cầu của chiến trường, anh chuyển qua bộ đội tên lửa Đơn vị 278 vào quân khu IV, là địa bàn ác liệt nhất trong cuộc chiến tranh phá hoại lúc bấy giờ. Đến giữa năm 1970, anh được về Hà Nội học đại học hữu tuyến điện và đầu tháng 5-1977, hai vợ chồng anh được điều động vào tăng cường cho ngành Bưu điện tỉnh Lâm Đồng vừa mới thành lập ngày 12-8-1976.

Gần đây, trong một lần trao đổi về công việc, tôi tò mò hỏi anh :

- Bí quyết nào đã giúp anh thành đạt sau gần 30 năm làm việc trong ngành Bưu điện Lâm Đồng, điểm xuất phát rất thấp, địa hình phức tạp, nhất là 10 năm làm Giám đốc “đứng mũi chịu sào” ở một doanh nghiệp Nhà nước không những anh đã đứng vững mà còn chèo chống cả “con tàu” ấy bắt kịp các “con tàu đàn anh, đàn chị” trong cả nước?

Trâm tư một lát, Nguyễn Huy Ninh từ tốn kể:

- Có nhiều người may mắn được thừa hưởng một phần lớn gia tài của bố mẹ. Đối với tôi, về tiền của thì bố mẹ chẳng có gì cho, nhưng cái lớn hơn rất nhiều mà tôi thừa hưởng ở bố mẹ là sự giáo dục con cái, lòng nhân đức, tính vị tha và sự kiên trì, tự thân vươn lên trong cuộc sống ... Mẹ tôi cũng thường mượn câu ca dao cũ để nhắc



nhỏ mỗi khi tôi gặp khó khăn, trắc trở, rằng: “Làm trai cho đáng nên trai ...”. Có thể nói rằng từ nhỏ cho đến bây giờ, bố mẹ tôi chính là chỗ dựa tinh thần, là nơi tôi học được bài học đầu tiên khi xa Hà Nội, bước vào một cuộc sống mới trên đất Đà Lạt – Lâm Đồng.

Thật vậy, khi vợ chồng anh chuyển vào Đà Lạt công tác, nếu kể đến đồng hương, bạn bè cũ chỉ có Nguyễn Đình Thông, vào trước năm 1975 nay là Giám đốc Bưu điện huyện Đức Trọng. Gần mười năm sau mới có thêm vợ chồng Nguyễn Văn Thông, hiện là Phó Giám đốc Bưu điện Lâm Đồng. Ngoài ra, chẳng có ai là ruột thịt, chủ yếu là tự thân vận động. Từ một kỹ sư ở Đội công trình mạng nội hạt qua gần 30 năm phấn đấu, rèn luyện, anh được lần lượt đề bạt các chức vụ Trưởng phòng kỹ thuật, kế hoạch, kinh tế, chủ tịch công đoàn. Năm 1989, anh được đề bạt Phó Giám đốc kiêm bí thư Đảng ủy, rồi từ tháng 7 năm 1995 đến nay, anh giữ trọng trách Giám đốc kiêm Bí thư Ban cán sự Đảng ngành Bưu điện Tỉnh. Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII năm 2001, anh được bầu vào Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2001 – 2006.

Tôi còn nhớ có một lần cùng anh Ninh tiếp khách Hội nhà báo Việt Nam, có một nhà báo – nhà văn hỏi anh Ninh đã làm Giám đốc Bưu điện được mấy năm rồi?

Anh Ninh vừa cười, vừa hóm hỉnh nói:

- Theo tôi, một người làm Giám đốc lâu hay mau cũng chỉ là khái niệm đơn thuần về thời gian mà thôi. Nhưng điều quan trọng hơn là khi đang ở cương vị Giám đốc, anh

có dám làm và làm được những gì có lợi cho xã hội, cho đơn vị và anh em cán bộ, công nhân.

Anh Ninh đã nói và làm đúng như vậy. Bưu điện Lâm Đồng đã qua ba lần đổi thay giám đốc, anh Ninh là người giám đốc thứ ba, nhưng anh đã biết kế thừa, phát huy những kinh nghiệm và những thành quả của hai đời giám đốc trước đây; kịp thời bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện dần các phương án, mục tiêu kinh doanh phù hợp thời kỳ mới nên đã tạo ra được cơ ngơi bề thế như ngày hôm nay.

- Điểm xuất phát ban đầu khá thấp, theo anh nguyên nhân nào đã làm cho Bưu điện Lâm Đồng phát triển nhanh như vậy? Một lần tôi hỏi kỹ sư Trần Mỹ Sơn – Phó Giám đốc kiêm Bí thư Đảng ủy Bưu điện tỉnh, anh thẳng thắn trả lời:

- Có lẽ do Ban Giám đốc biết phát huy nội lực nhân tố con người: biết “đi tắt, đón đầu” và tiếp cận nhanh với khoa học, kỹ thuật, công nghệ viễn thông hiện đại để phát triển. Trong đó, anh Nguyễn Huy Ninh là người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và đã góp phần rất quan trọng.

Anh Trần Mỹ Sơn là người không thích nói dài. Anh chỉ trả lời ngắn gọn vậy thôi, nhưng đằng sau câu nói ngắn gọn ấy là cả một quá trình phấn đấu đầy cam go, quyết liệt với những xử lý thông minh, sắc sảo về mặt kỹ thuật; với sự quyết đoán, táo bạo về mặt quản lý; cư xử đầy tính nhân văn trong việc sử dụng con người ... đã giúp cho Bưu điện Lâm Đồng “ba lần tăng tốc” thành công

trên cả ba lĩnh vực: tăng tốc về tư duy, tầm nhìn; về đổi mới máy móc thiết bị kỹ thuật hiện đại; về trình độ năng lực công tác của đội ngũ cán bộ, công nhân trong toàn ngành.

Qua gần hai mươi năm thực hiện công cuộc đổi mới với “ba lần tăng tốc”; trình độ kỹ thuật và trang thiết bị hiện đại, hiệu quả đầu tư ngày càng cao hơn, thường xuyên quan tâm đúng mức việc mở rộng mạng lưới đến tận các nẻo đường, các buôn làng vùng sâu, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Xây dựng điểm Bưu điện văn hóa xã cho 98 xã, phường, thị trấn. Mật độ máy điện thoại 9,2 máy/100 dân; riêng thành phố Đà Lạt có 23 máy/100 dân, gần bằng mật độ máy của các quận, huyện ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Trong những năm qua, Tổng Công ty Bưu Chính Viễn Thông đánh giá Bưu điện Lâm Đồng là một trong những đơn vị duy trì tốc độ phát triển cao liên tục nhiều năm liền. Nhất là việc phát triển mạng lưới đồng bộ, mật độ máy điện thoại so với tỷ lệ dân số khá cao. Đội ngũ cán bộ được nâng cao một cách đồng bộ cả về chất lượng và hiệu quả công tác...

Lúc mới thành lập, Bưu điện chỉ có gần 100 cán bộ công nhân, nay đã có gần 1000 người, và cứ hơn 3 cán bộ, công nhân là có 1 cao đẳng, cử nhân, kỹ sư, cao học và 1 đảng viên. Số cán bộ lãnh đạo từ cấp trưởng, phó phòng đến phó giám đốc, Giám đốc Bưu điện tỉnh cũng như các công ty đều đã tốt nghiệp từ 2 đến 3 bằng cử nhân, có trình độ ngoại ngữ nhất định và biết sử dụng vi tính thành thạo. Đó là vốn rất quý không dễ gì tạo ra được nếu người giám đốc không có tầm nhìn xa, không kiên trì

thuyết phục, tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân thực hiện. Không chỉ biết tạo ra đội ngũ cán bộ có trình độ học vấn cao, anh Nguyễn Huy Ninh còn có nghệ thuật, phương pháp tổ chức, tập hợp được cán bộ, công nhân của mọi thế hệ, mọi vùng miền..... nhằm tạo ra sức mạnh to lớn và biết sử dụng sức mạnh to lớn ấy vào việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào mạng lưới bưu chính viễn thông để không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ địa phương giao. Điều đáng ghi nhận là, qua việc xây dựng được một đội ngũ cán bộ có chất lượng không chỉ phục vụ cho việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, mà Nguyễn Huy Ninh còn coi đó là lực lượng nòng cốt trong công tác xây dựng Đảng nhằm bảo đảm cho quá trình sản xuất kinh doanh của ngành phát triển một cách bền vững. Nhiều đảng viên trong đảng bộ đã nhận xét rằng, đồng chí Nguyễn Huy Ninh là một trong những người đi đầu trong việc xây dựng Đảng bộ Bưu điện Lâm Đồng đạt được những thành tích nổi bật trong những năm qua: đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh 13 năm liên tục. Tỉnh ủy Lâm Đồng tặng 2 bằng khen cho Đảng bộ Bưu điện đạt thành tích xuất sắc giai đoạn 1991-1995 và 1996-2000.

Cùng với việc phát triển sản xuất kinh doanh là nhiệm vụ trung tâm, tập thể lãnh đạo ngành Bưu điện đã xem công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, xây dựng đời sống văn hóa doanh nghiệp là nền tảng tinh thần, tạo ra động lực cho sự phát triển bền lâu của ngành. Xuất thân là một người lính, khi tình hình sản xuất kinh doanh dần đi vào ổn định, giám đốc Nguyễn Huy Ninh quan tâm đặc biệt đến việc thực

hiện các chính sách xã hội như quy tập hài cốt các liệt sĩ trong ngành, nuôi dưỡng các Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, chăm sóc anh chị em thương binh, bệnh binh và cả những cán bộ hưu trí của ngành ... Ngoài ra Bưu điện là một trong những ngành đầu tiên ở Lâm Đồng sớm xây dựng quy chế xây dựng môi trường văn hóa, trong đó quy định rõ thái độ trách nhiệm phục vụ đối với khách hàng; thực hiện mang bảng tên trước ngực để nhân dân tiện quan hệ công tác. Phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao luôn dẫn đầu qua các hội diễn văn nghệ quần chúng, các hội thao do Liên đoàn lao động tổ chức. Các đồng chí lãnh đạo của Liên đoàn lao động tỉnh đều thừa nhận anh Nguyễn Huy Ninh là người giám đốc luôn quan tâm xây dựng đời sống văn hóa doanh nghiệp, xây dựng con người mới biết đoàn kết, thương yêu giúp đỡ nhau trong công tác và trong cuộc sống đời thường. Máy năm qua, 100% cán bộ, công nhân trong ngành không vi phạm các tệ nạn xã hội, 97% gia đình cán bộ, công nhân đạt danh hiệu gia đình văn hóa...

Vậy mà đã gần 30 năm anh và gia đình chuyển vào công tác ở Bưu điện Lâm Đồng. Theo như ý kiến của nhiều cán bộ Bưu điện đã nghỉ hưu tâm sự thì anh Nguyễn Huy Ninh không hề đơn độc, những người luôn cộng tác giúp việc cho anh cũng chính là những anh em từng gắn bó với anh từ thuở hàn vi. Đó là các anh Trần Quang Đăng, Trần Mỹ Sơn, Nguyễn Đình Thông, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Đình Tạo... và tập thể lãnh đạo các phòng, ban, các công ty, bưu điện các huyện và anh chị em cán bộ, công nhân luôn quý mến, kính trọng anh. Mỗi ngày nào còn là một thanh niên Hà Nội ra đi theo tiếng gọi của Tổ quốc, nay đã sắp sửa bước sang tuổi lục tuần,

chỉ vài ba năm nữa thôi, anh cũng sẽ “rời sân cỏ” như bao nhiêu “cầu thủ tài danh” khác. Nhưng với quãng thời gian còn lại ngắn ngủi ấy mới chính là “thước đo”, khẳng định về sự thành đạt đích thực của nhà doanh nghiệp, của một giám đốc đã có nhiều đóng góp cho ngành Bưu điện tỉnh. Hiện tại, anh đang ở đỉnh cao của sự thành đạt, trên đoạn đường còn lại, tôi tin tưởng rằng giám đốc Nguyễn Huy Ninh vẫn luôn vững vàng, đủ bản lĩnh để vượt qua mọi thách thức của thời gian, và thời cuộc. Bởi lẽ, trước đây, anh đã có lần hỏi tôi có biết về lai lịch “cây hoa sữa còi” ở Hà Nội không? Tôi chưa kịp trả lời thì anh đã giải thích: ở cuối phố Khâm Thiên, Hà Nội có một cây hoa sữa còn sống sót sau 12 ngày đêm không lực Hoa Kỳ ném bom rải thảm vào cuối năm 1972. Hàng chục cây hoa sữa ở phố Khâm Thiên bị chết, duy chỉ có một cây bị bom cắt cụt ngọn và hai cành to nhất. Vậy mà cây hoa sữa ấy vẫn sống, dù bị còi cọc, nên người ta gọi nó là “cây hoa sữa còi”. Giờ đây cây hoa sữa còi ấy vẫn xanh tươi, vẫn ra hoa và tỏa ngát hương thơm giữa lòng Hà Nội. Anh Ninh cho rằng “cây hoa sữa còi” ấy cũng là một hình ảnh sống động thể hiện cốt cách người Hà Nội xưa và Hà Nội nay. Đúng vậy, Hà Nội mãi mãi là trái tim của cả nước, luôn mang trong mình 1000 năm văn hiến, và huyền thoại về chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” (12-1972). Hà Nội cũng sẽ mãi mãi tự hào về những người con biết giữ gìn và phát huy cốt cách người Tràng An, phát huy tài hoa của người Hà Nội, trong hàng vạn người con ưu tú đang xa Thủ đô yêu dấu có anh Nguyễn Huy Ninh – Giám đốc Bưu điện tỉnh Lâm Đồng.

N.M.S

NGUYỄN MỘNG SINH

THẮP SÁNG LẠI LÒ PHẢN ỨNG HẠT NHÂN TỪ ÁNH LỬA HÀ NỘI

C ho đến bây giờ, sau gần 30 năm, tôi vẫn không tự lý giải cho mình một cách trọn vẹn tại sao chúng tôi – một số cán bộ khoa học đã yên vị chỗ đứng nghề nghiệp của mình ở đất Thủ đô – lại có thể dễ dàng rời xa Hà Nội đến thế để vào Đà Lạt tiếp nhận “Trung tâm nghiên cứu nguyên tử” đã bị tê liệt hoàn toàn vì lò phản ứng hạt nhân 250KW của nó không hoạt động được nữa.

Tôi không được sinh ra ở Hà Nội mà bố mẹ tôi đến làm việc và định cư ở Hà Nội từ năm 1965. Tôi trở thành cán bộ của Nhà nước và công dân Thủ đô từ giữa năm 1968. Thời gian chưa thật dài nhưng cũng đủ để thân quen gắn bó máu thịt với thành phố – con tim của đất nước. Đó là nơi tình yêu của lứa đôi đã trở thành hạnh phúc của vợ chồng, nơi đứa con trai đầu lòng, duy nhất ra đời, nơi có những người ruột thịt và bao nhiêu bạn bè thân thiết cùng với những kỷ niệm thật khó quên trong cuộc

đời. Đó là cơ sở để tự cho phép coi mình là người Hà Nội. Nhưng đã là người Hà Nội thì càng không có lý do để thoái thác trách nhiệm trước công việc đất nước đang cần, bởi vì đó cũng chính là tiếng gọi của lương tâm. Chúng tôi đã ra đi như thế đấy!...

Chúng tôi vào Đà Lạt với tư cách là cán bộ khoa học của Viện Nghiên cứu Hạt nhân trực thuộc Ủy Ban Khoa học kỹ thuật Nhà nước, được thành lập theo quyết định 64-QĐ/CP

ngày 26

tháng 4

năm 1976

của Chính

phủ. Chúng

tôi cùng

một số ít

anh em

khoa học và

nhân viên

của Trung

tâm nghiên cứu nguyên tử cũ còn lại lo xây dựng ổn định tạm thời bộ máy tổ chức của Viện, giữ cho cơ sở không bị hoang phế, xuống cấp, tiếp tục nhận cán bộ mới, thu xếp bảo đảm các điều kiện cần thiết để đón tiếp và làm việc với các đoàn chuyên gia hỗn hợp Liên Xô - Việt Nam chuẩn bị cho việc khôi phục mở rộng Lò phản ứng Hạt nhân Đà Lạt.



Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng thăm Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt (2/8/1983).

Ảnh: TƯ LIỆU

Có thể coi giai đoạn bốn năm (1976-1979) là thời kỳ khởi động của Viện Nghiên cứu Hạt nhân Đà Lạt với đặc trưng chủ yếu nhất là tự lực cánh sinh, tự bày ra việc để làm, tự kiếm sống, tự cải thiện trong thời buổi khó khăn chung của đất nước sau chiến tranh. Cán bộ của Viện không

nề hà việc cuốc đất trồng rau, nuôi bò, nuôi thỏ. Địa phương cho một mảnh đất hơi xa, tận dưới chân đèo Prenn, gần Nhà máy Cơ khí của tỉnh Lâm Đồng. Viện phải dùng xe ô tô chở anh em đi lao động khai hoang trồng sắn. Nhưng xăng dầu là thứ xa xỉ, không thể dùng để đi tăng gia thường xuyên nên có trồng mà không chăm để cây mọc cần cỗi không cạnh tranh được với loài cỏ tranh. Vì vậy, vụ đầu coi như không bù lại vốn, còn vụ sau đành bỏ, thậm chí không muốn thu hoạch. Khó quá, nản lòng nhất là một số anh em khoa học còn lại từ Trung tâm nghiên cứu nguyên tử cũ. Nhiều người trong số họ xin ra khỏi Viện để về Sài Gòn làm ăn sinh sống sau đó tìm cách ra nước ngoài, chỉ còn lại một người duy nhất bám trụ.

Quyết tâm xây dựng ngành năng lượng nguyên tử Việt Nam của Nhà nước được thể hiện rõ trong Nghị Định 59-NĐ/CP ngày 23 tháng 2 năm 1979 của Chính phủ về việc “Thành lập Viện Nghiên cứu Hạt nhân (trên cơ sở tổ chức của Viện Hạt nhân Đà Lạt) đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ”. Cơ sở ở Đà Lạt trở thành phân viện. Tháng 10 năm 1979, Chính phủ cho phép ký hợp đồng với Liên Xô về việc lập thiết kế kỹ thuật để khôi phục hoạt động Lò phản ứng Hạt nhân Đà Lạt, nâng công suất từ 250KW lên 500KW với việc dùng nhiên liệu do Liên Xô chế tạo. Công trình khôi phục mở rộng Lò phản ứng Hạt nhân Đà Lạt được coi là một trong những công trình trọng điểm của quốc gia giai đoạn 1980-1984 và được chính thức khởi công ngày 15 tháng 3 năm 1982.

Các sự kiện dồn dập ấy đã thổi một luồng sinh khí mới cho hoạt động của tập thể cán bộ công nhân viên của Viện.

Có thể coi giai đoạn năm năm 1980 – 1984 là thời kỳ đặt nền móng cho tương lai. Lò phản ứng TRIGA – MARK II 250KW cũ của Mỹ gần như được cải tạo về cơ bản, chỉ còn được giữ lại vành phản xạ, thùng lò và thành bê tông bảo vệ sinh học. Tòa nhà Lò và cái vỏ bên ngoài của tòa nhà hỗ trợ kỹ thuật được xây dựng trước đây theo thiết kế của kiến trúc sư Ngô Viết Thụ cũng được giữ lại, còn cái ruột bên trong đổi mới hoàn toàn. Theo yêu cầu công nghệ, yêu cầu đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường, nhiều công trình mới được xây dựng, bổ sung. Trong vòng hai năm (3/1982- 3/1984), khu vực Lò phản ứng thực sự là một công trường xây dựng lớn với hơn 500 người làm việc liên tục, điện sáng ngày đêm. Các cán bộ khoa học của Viện cùng sát cánh chia sẻ công việc và trách nhiệm với các chuyên gia Liên Xô, các kỹ sư và công nhân xây dựng của Công ty 14 - Tổng Công ty Xây dựng số 1.

Song song với việc tham gia công trường, các cán bộ khoa học của Viện triển khai một số dự án hợp tác kỹ thuật với Cơ quan Năng lượng Nguyên tử quốc tế. Một loạt các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước trong các lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hạt nhân và được coi là các bước đi thăm dò định hướng quan trọng cho sau này.

Đây là một thời kỳ khá đặc biệt. Đặc biệt ở chỗ công việc bề bộn, khẩn trương, không thiếu hào hứng nhiệt tình trong mỗi con người nhưng lại thiếu ăn, bụng đói. Tiếp tục tăng gia trồng rau, chăn bò, tổ chức sản xuất thuốc đánh răng.. nhưng vẫn lao đao vì không đủ vốn liếng, kinh nghiệm. Quá thương anh em và xót vì việc cán bộ khoa học của ngành hạt nhân non trẻ cứ phải ăn bo bo với su su liên tục, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã tự tay viết bức thư như sau:

“Anh Tám Hiền và các đồng chí lãnh đạo tỉnh Thuận Hải.

Có một việc không có gì quan trọng, tuy nhiên tôi thấy phải nhờ các anh. Đó là việc Thuận Hải cung cấp cho anh em ở Viện Hạt Nhân Đà Lạt mỗi tháng một ít cá biển và một ít nước mắm!

Trong tình hình hiện nay của chúng ta, mọi việc lớn, nhỏ đều phải theo dõi chu đáo. Nếu không thì rất dễ sơ suất. Vậy nhờ các anh chú ý.

Tôi xin lỗi các anh vì đã làm phiền các anh!

Thân ái

2.8.1983

(ký tên)”

Lãnh đạo tỉnh Thuận Hải nhiệt tình đồng ý thực hiện ngay đề nghị trên nhưng vẫn thấy có trở ngại về việc chuyển thực phẩm ra khỏi địa giới của tỉnh và lưu thông trên đường đi trong thời buổi “ngăn sông cấm chợ”. Vì vậy, Viện cần có tiếp một văn bản trong đó có sự cam đoan của lãnh đạo Viện là khối lượng cá và nước mắm vận chuyển mỗi tháng một chuyến chỉ vừa đủ đáp ứng định mức cho mỗi cán bộ công nhân viên của Viện là 1 kg cá và 0,5 lít nước mắm, đồng thời có xác nhận của lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng. Văn bản này cùng với thư của cố Thủ tướng thực sự là những “lá bùa hộ mệnh” cho cán bộ phòng Quản trị đời sống đi lại, chuyên chở đồ biển lên núi để giúp cải thiện bữa ăn cho anh em, vượt qua được không ít rào chắn, trạm kiểm soát trên quãng đường khoảng 100km từ Phan Rang lên Đà Lạt.

Chuyện tuy nhỏ nhưng thật khó quên!

Tinh thần lao động xả thân quên mình của mấy trăm con

người đã được bù đắp: ngày 30 - 10 - 1983, bắt đầu công việc nạp nhiên liệu mới vào vùng hoạt của Lò phản ứng và vào 19 giờ 50 phút ngày 1 - 11 - 1983, Lò phản ứng đạt trạng thái tối hạn. Sau thời gian khởi động năng lượng, tiến hành các thí nghiệm kiểm tra, đánh giá Lò phản ứng Hạt nhân Đà Lạt với tên khoa học là Lò IW-9 công suất 500kW được chính thức đưa vào vận hành khai thác sử dụng từ ngày 20 - 3 - 1984. Từ thời điểm đó cho đến nay đã hơn 20 năm.

Trong bài viết có tính chất tự sự này và nhằm góp một khía cạnh minh họa nhỏ nhoi về những việc làm của người Hà Nội sống trên đất Lâm Đồng, tôi không thể nói hết những gì xảy ra trong vòng mấy chục năm đó ở Viện nghiên cứu Hạt nhân. Tất cả những cố gắng, những tiến bộ, những kết quả và những thành tựu đều đã được tổng kết, được giới thiệu rộng rãi trên các phương tiện thông tin khoa học và truyền thông của đất nước trong dịp kỷ niệm 20 năm quản lý vận hành an toàn và khai thác có hiệu quả Lò Phản ứng Hạt nhân Đà Lạt được tổ chức vào tháng 3 năm 2004 vừa qua. Có thể khẳng định rằng với Lò Phản ứng Hạt nhân là một cơ sở nghiên cứu khoa học nghiêm túc, có hiệu quả của ngành năng lượng nguyên tử Việt Nam và các nước trong khu vực. Nơi đây đang có những người con của Hà Nội làm việc hết mình.

Đà Lạt, tháng 7 - 2004

N.M.S

NGHIÊM BÁ THI

Tâm sự của một nhà doanh nghiệp trẻ



Tôi là Nghiêm Bá Thi, sinh năm 1959 trong một gia đình nông dân có nghề truyền thống làm tơ lụa ở xã Tây Mỗ (Từ Liêm, Hà Nội). Lớn lên, tôi học hành ở quê và tốt nghiệp cấp ba năm 1976; tốt nghiệp đại học nông nghiệp năm 1976-1981. Tháng 9-1981, tôi được phân công vào Lâm Đồng công tác: một năm ở Ban cải tạo Nông nghiệp thuộc Tỉnh ủy Lâm Đồng và chín năm ở Sở KH-CN-MT Lâm Đồng. Hiện tôi là giám đốc Công ty TNHH Đất Việt, một công ty chuyên chế biến thực phẩm.

Tôi đến Đà Lạt vào một buổi chiều của tháng 9-1981. Trời mưa tầm tã suốt từ đèo Krong-Fa đến Prenn. Tôi xuống khỏi chiếc xe đồ mà đã mua vé được sau hai đêm nằm chờ tại Bến xe Liên tỉnh Nha Trang. Cũng như bao sinh viên khác khi vào Lâm Đồng, ước vọng của tôi lúc đó là công tác vài năm rồi xin về quê yên phận với một công việc công chức gì đó. Tôi đi qua cầu ông Đạo hỏi thăm mọi người đường tới UBND tỉnh. Mệt và đói, tôi cõng trên vai chiếc ba lô lộn ngược với một bộ đồ lành cộng hai bộ đồ rách. Lúc đó, tôi chợt nghĩ, trước đây thời Pháp thuộc bố tôi và ông ngoại đã từng sinh sống và mở xưởng dệt ở Sài Gòn. Khi hòa bình lập lại 1954 gia đình tôi có xưởng dệt và lựa tơ tằm đã từng xuất khẩu qua Pháp. Tôi thầm nhủ mình phải làm một cái gì đó để khẳng định sự tồn tại cũng như cống hiến của mình ở đất này. Tôi sẽ chưa trở về nếu chưa định vị được chỗ đứng ở Đà Lạt...

Một năm ở Ban cải tạo Nông nghiệp Tỉnh ủy và chín năm ở Sở KH-CN-MT của tỉnh, công việc cơ quan giao tôi luôn hoàn thành tốt. Cùng thời gian này, vào khoảng năm 1984, tôi bắt đầu chú ý tới thị trường cà phê rang xay của Đà Lạt. Tôi thấy người miền Nam toàn uống cà phê chứ không uống chè như ở miền Bắc. Mà tiệm rang xay chỉ có của người Hoa, chứ người Việt không tham gia vào công việc này. Tôi tự hỏi, ở đây nhiều cà phê thế này mà sao mình lại không mở một cơ sở chế biến cung cấp cho thị trường? Thế là tôi bắt tay vào mày mò thử nghiệm. Rất may là tôi đã vớ được một lò rang thủ công bán dạng sắt vụn ở chợ Đà Lạt và một máy xay ở chợ sắt Sài Gòn. Vốn tốt nghiệp đại học nông nghiệp, có chút kiến thức chế biến rang xay cà phê và ông cụ tôi cũng biết chút ít kỹ thuật

rang xay thời Pháp. Tôi đã mày mò thử nghiệm rất nhiều và kết quả là hai tạ cà phê bột mang đổ đi vì không thích hợp gu uống của người Đà Lạt. Bao nhiêu công lao tích góp cộng với tiền bạc vay mượn tương đương hai cây vàng thời năm 1984 bay theo khói cà phê. Quá chán nản và lo lắng, tôi quyết định nghỉ xả hơi, bình tâm và tìm lối thoát. Rất may, qua nhiều lần thử nghiệm tôi đã tìm ra cách chế biến theo gu người Đà Lạt. Ban đầu bước vào sản xuất, tôi làm các buổi tối thứ bảy và chủ nhật, các ngày khác vẫn đi làm việc bình thường ở cơ quan. Ban đầu, số lượng chỉ 1-2 kg/ một ngày, làm xong là bỏ hết cho các tiệm cà phê nhỏ. Một năm sau tôi đã có thể tiêu thụ 50kg trong tuần. Tiếng tăm lan dần, đến năm 1989, tôi đã khẳng định được chỗ đứng trong làng cà phê Đà Lạt - Lâm Đồng. Vì tập trung cho công việc kinh doanh, tôi đã xin thôi việc tại sở KH-CN-MT. Năm 1990, tôi phát triển việc tiêu thụ cà phê ra các tỉnh Đồng Nai, Phan Rang, Bình Thuận và TP HCM. Sau khi đã khẳng định tiếng tăm của cà phê Nghiêm Bá Thi, tôi bắt đầu chuyển dần thương hiệu này thành Boss Coffee. Năm 1992, tôi đã thành lập Công ty TNHH Đất Việt. Trong hành trình phát triển của công việc kinh doanh, tôi luôn được nhận sự đồng cam cộng khổ của người bạn đời. Vợ tôi tên Dung, sinh ra tại TP HCM, tốt nghiệp CĐSP năm 1981, tiếp tục học đại học Ngoại ngữ và hiện là cử nhân Anh văn. Cô ấy cùng hai đứa con của chúng tôi luôn an ủi, động viên tôi những lúc gặp khó khăn gian khổ, chia ngọt xẻ bùi cả những lúc tưởng chừng đứng trên bờ vực phá sản...

Trong quá trình làm việc, xây dựng, phát triển cơ sở làm ăn của mình, tôi luôn tâm niệm “tận nhân lực, tri thiên mệnh”. Mọi công việc đều phải đặt hết tâm trí, sức

lực của mình vào đó thì kết quả mới mỹ mãn được. Trước hết phải là sự cố gắng phấn đấu của con người sau đó mới nhận được cơ hội may mắn. Đồng thời, phải luôn luôn tự tìm kiếm thêm cơ hội nữa mới mong phát triển được công việc kinh doanh...

Sống và làm việc trên mảnh đất cao nguyên này, tôi chẳng bao giờ quên trách nhiệm của một con người trước cuộc đời, một công dân đối với xã hội. Hè về, tôi luôn tài trợ quần áo, bánh bóng cho đội bóng thiếu niên của Phường. Đóng góp tiền của xây dựng hội trường khu phố. Tài trợ học bổng cho học sinh nghèo, vượt khó. Rồi đóng góp tài trợ cho đội bóng đá nữ của tỉnh...Tôi mới làm được ít lắm, chẳng đáng là bao. Điều đó thật nhỏ bé nhưng cũng phần nào làm tôi thấy ấm lòng. Tôi cũng đã tri ân được một chút đối với mảnh đất mình đang sống. Hà Nội đã sinh ra và nuôi tôi lớn lên, còn Đà Lạt đã cho tôi trưởng thành.

Mới ngày nào còn là một cậu thanh niên chập chững vào đời, giờ đây tóc đã pha sương. Thời gian phôi phã và làm ta mất mát, nhưng lúc nào tôi cũng lạc quan tự tin, khiêm tốn học hỏi các bậc đàn anh, trau dồi thêm tri thức để không thể đứng bên lề xã hội. Trăn trở vì những gì mình chưa làm được cho đời và cho Đà Lạt – mảnh đất đã cho tôi quá nhiều. Còn với anh em bà con cùng quê, chỉ nghe tiếng nói đã thấy ấm lòng, gần gũi. Nghĩ về quê hương và những con người xa xứ, lòng tôi bao giờ cũng dạt dào thương mến và đồng cảm vô bờ...

Đà Lạt, mùa mưa tháng 7/2004

N.B.T



Hoa Đào Nhật Tân tại Thung lũng hoa Mùối Lờ.

Ảnh: Minh Lộc

BÙI VĂN LỜI

Hoa Đào Nhật Tân thắm vườn xuân Đà Lạt

Tôi là một nông dân đến từ vùng đất Quảng Nam, sống tại Đà Lạt từ năm 1958 đến nay. Suốt đời tôi chăm chỉ trồng rau, hoa tại thành phố cao nguyên thơ mộng. Một loài hoa mà tôi thích nhất đó là hoa đào. Vì say mê hương sắc hoa đào nên tôi đã chiết ghép hoa đào Hà Nội trên đào Đà Lạt và tạo thành một màu hoa đào mới. Tôi coi đó như là nhịp cầu nối Thủ đô ngàn năm với thành phố Ngàn Hoa.

Xưa nay, hoa đào đã làm chứng tích lịch sử, biểu tượng tình yêu, hưng phấn cho tao nhân mặc khách. Ngắm hoa đào và lật trang sử cũ, cách đây hơn 200 năm, khi Hoàng đế Quang Trung đại thắng 20 vạn quân Thanh, Ngài đã gửi một cành đào từ thành Thăng Long về Phú Xuân để tặng người yêu báo tin vui chiến thắng (năm 1789 – Tết Kỷ Dậu). Thôi Hộ, nhà thơ đời Đường viết: “*Nhân diện bất tri Hà xứ khứ - Đào hoa y cựu tiếu Đông phong*”. Ở Việt Nam, nhiều thế hệ thi nhân cũng đã lấy hoa đào làm thi hứng, làm thông điệp để gửi gắm tâm hồn và tư tưởng của mình..

Càng ngắm về hoa đào, tôi càng thấy yêu loài hoa này say đắm. Và...

Tôi luôn trăn trở không biết làm sao để cho đào nở hoa đúng Tết. Năm 1997, nhân ra thăm Thủ đô theo lời mời của Đài truyền hình Việt Nam, tôi được ông Phan Hữu Giản – nguyên Bí thư Thành ủy Đà Lạt giới thiệu tới trường Đại học Nông Nghiệp I – Hà Nội. Thầy Hiệu trưởng Gs-Ts Nguyễn Viết Tùng và thầy Thạch, thầy Long tận tình giúp đỡ tạo điều kiện cho tôi đến làng hoa đào Nhật Tân để tiếp xúc với các nghệ nhân trồng đào, học hỏi cách chiết ghép, chăm sóc. Thực sự, việc trồng và chăm sóc cây hoa đào có bông vào dịp Tết cũng lắm công phu vất vả. Nhưng với lòng quyết tâm và niềm đam mê, tôi đã mang về Đà Lạt một số cành hoa đào do các nghệ nhân làng Nhật Tân trao. Máy bay hạ cánh tại Nha Trang, tôi đón ngay xe về Đà Lạt, đến nơi trời sập tối, tôi phải thắp đèn cây ghép ngay trong đêm để mầm hoa còn sống sau nhiều ngày di chuyển. Sau khi ghép xong, tôi lại trăn trở, liệu

không biết mầm hoa có thể chịu đựng sự thay đổi của thời tiết nay nắng, mai mưa, rồi sương muối và cả sự tấn công của sâu bệnh...

Và rồi tôi trở lại với các nghệ nhân trồng hoa đào tại làng Nhật Tân để trao đổi và học hỏi thêm kinh nghiệm trong việc chăm sóc cây hoa đào. Các cụ trồng hoa lâu năm ở làng cho biết, muốn cây hoa đào nở đúng Tết thì phải xem trăng mùa Thu để ước chế sinh trưởng và trút lá đúng thời vụ. Những kinh nghiệm trồng hoa quý báu của các nghệ nhân Hà Nội đều được áp dụng cho vườn đào Đà Lạt của tôi. Qua bao vất vả, trở trăn, như hiểu được niềm say mê và cả sự chăm sóc ân cần của tôi, hoa và đất không phụ tình người. Hoa đào Hà Nội ghép trên đào Đà Lạt đã sinh lộc nảy chồi xanh tươi, thuận với khí hậu của hai miền Nam – Bắc. Mùa Xuân 1998, hoa đào ghép đã nở rộ trong vườn nhà tôi với ba màu sắc Hồng Đào, Liễu Đào và Bích Đào. Cánh dày, hoa đúp, màu sắc đẹp. Tin vui ấy đã đến với nhân dân Đà Lạt, đến với các nhà báo, nhà thơ, nhà văn, các nhà khoa học, các nhiếp ảnh gia. Nhiếp ảnh gia lão thành Võ An Ninh, Minh Lộc đã có hàng trăm tấm hình hoa đào nghệ thuật. Các phóng viên của đài VTV, HTV, LTV đều đã đưa tin. Các báo như Nhân Dân, Tuổi Trẻ, Thanh Niên, Lao Động, Du Lịch, Phụ Nữ, Vietnamese guide Book, Lâm Đồng,... đều đăng tin về kết quả này. Hội hoa Xuân năm 2000, tôi đã được ban tổ chức cho trưng bày cây hoa đào Hà Nội ghép trên đào Đà Lạt và đã giành được huy chương Vàng. Một thời gian sau, tôi tiếp tục mang thành tích đó về dự hội chợ Tuần Lễ Xanh Quốc Tế Việt Nam, tổ chức tại Dinh Thống Nhất – TP Hồ Chí

Minh. Ban tổ chức đã xét xét tặng “Cúp vàng vì sự nghiệp xanh”. Trưởng ban, Gs-Viện sĩ Vũ Tuyên Hoàng phát biểu: *“Nghệ nhân Bùi Văn Lờn chiết ghép nhân vô tính loài hoa đào Hà Nội trên cây đào Đà Lạt thành công tạo thành một màu hoa đào mới nổi Thủ Đô Hà Nội với Thành phố ngàn hoa Đà Lạt, đến nay đã được bảy mùa hoa nở”*.

Du khách trong và ngoài nước vẫn thường ghé thăm vườn đào của tôi – “Thung lũng đào hoa Mười Lõn”. Mỗi năm tôi tiếp nhận từ 300 – 400 sinh viên các trường Đại học Nông Lâm – TP HCM, Đại học Cần Thơ, Trung cấp nông nghiệp An Giang, Đại học khoa học TP HCM... đến giao lưu, học hỏi. Các cơ quan khoa học, các ban, ngành trong cả nước cũng đã đến vườn đào. Trung tâm khuyến nông Lâm Đồng đã nhiều lần tổ chức hội thảo đầu bờ tại vườn đào để tôi hướng dẫn cách chiết ghép đào và các loại cây hoa, quả khác cho bà con nông dân trong tỉnh. Nhiều đồng chí cán bộ lãnh đạo địa phương, trung ương và cả Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp của nước bạn Lào đã tới thăm vườn đào của tôi và không tiếc lời khen ngợi. Giữa năm nay, ông Nguyễn Ngọc Trìu – nguyên Phó Thủ tướng, nguyên Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp, Chủ tịch Hội Làm vườn Việt Nam đến thăm vườn đào. Ông nói: *“Tôi thật vui mừng được gặp hội viên Hội làm vườn Việt Nam như ông Bùi Văn Lờn vừa là nông dân, vừa là nghệ nhân trong việc chiết ghép nhân vô tính cây hoa đào Hà Nội trên cây đào Đà Lạt và các giống hoa trái khác thành công...”*

Qua đây, tôi hy vọng rằng các cấp lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng, TP Đà Lạt, các nhà quản lý dự án các khu du lịch mới Tuyên Lâm, ĐanKia cần có chính sách khuyến khích

đầu tư để sớm hình thành các vùng du lịch sinh thái có vườn đào và các loài hoa thơm trái ngọt khác đã được di thực từ các vùng đất khác về Đà Lạt. Việc chiết ghép, chăm sóc và tạo dáng thành công cho các vườn cây, hoa thơm, trái lạ chắc chắn sẽ làm cho Đà Lạt chúng ta giữ chân du khách ở lại lâu hơn để thưởng ngoạn. Một hy vọng nữa là đào hoa Mười Làn mãi mãi được làm nhịp cầu nối Thủ đô yêu dấu với Thành phố Ngàn hoa Đà Lạt, sẽ là một món quà quý cho du khách, cho mọi người, mọi nhà trong mỗi độ Tết đến, Xuân về.

Đà Lạt, ngày 15/7/2004

B.V.L

THIỆU LĂNG

Kể chuyện hoa Đà Lạt

Một bầu không khí lãng mạn và nhuộm màu hoài cổ. Một miền thiên nhiên hoang dã và hùng vĩ. Một vùng văn hóa sắc tộc đa dạng và phong phú. Và đặc biệt, Đà Lạt là một thành phố của muôn hồng ngàn tía, xứ sở của các loài hoa. Hoa lá, cỏ cây trên mảnh đất tốt tươi này không chỉ hoàn toàn của tự nhiên, mà đã nói thay lời của người dân nơi đây tỏ lòng tri ân trời đất, tri ân những ai yêu mến xứ sở của họ. Nếu như hàng năm, thành phố cao nguyên đón hàng triệu khách du lịch đến từ mọi miền, trong đó có hàng trăm ngàn du khách quốc tế, thì những loài hoa mang thương hiệu Đà Lạt lại trở thành những sứ giả dễ thương nhất đến với nhiều vùng trời Á, Âu, Phi...

Thành phố Đà Lạt nằm giữa cao nguyên Lang Bian, trên bình độ 1.500 mét so với mực nước biển, khí hậu ôn hòa với nhiệt độ trung bình từ 18 – 20C, thổ nhưỡng tốt tươi, thật phù hợp với sự sinh trưởng của mọi loài thực vật. Vùng đất mộng mơ với muôn vàn đồi núi trập trùng giữa

Trường Sơn hùng vĩ được mệnh danh là “vương quốc của các loài hoa” và thật xứng với tên gọi đó. Có thể nói, không ở đâu trên đất nước ta lại có nhiều chủng loại hoa như ở thành phố này. Hoa khắp mọi miền, hoa Đông phương và Tây phương tụ hội. Hoa dại, hoa rừng khoe sắc cùng hoa nhà vườn của nông dân và hoa sản xuất bằng công nghệ cao cấp của các công ty kinh doanh hoa xuất khẩu. Mùa xuân, xin được ký vãng về với lịch sử hoa trên thành phố ngàn hoa.

Kể tên các loài hoa, nhắc nhở về cội nguồn hơn một trăm năm qua, hãy tịnh tâm cảm xúc nguyên sơ cho những cánh hoa rừng. Trong những khu rừng ven bờ suối vắng, dưới tán thông tao mặc, trên đỉnh Lang Bian hay ven suối Đatănla là sự trong trắng, tinh khôi của những loài hoa mai anh đào, lan, đỗ quyên, bướm bạc. Trong những ngày



Du khách tham quan vườn hoa Đà Lạt.

Ảnh: Ngọc Minh

đầu lập phố, những người dân xa xứ đã đưa những cây mai anh đào từ núi rừng về trồng lên những con đường mới mở cho đỡ quạnh vắng trong nỗi nhớ quê hương. Từ ấy, hàng năm cứ độ vào Xuân, người Đà Lạt và du khách lại chuẩn bị đếm tuổi mình khi những nụ anh đào chớm chín. Anh đào khoe sắc, phô sức sống và trút lá khăng khiu theo đặc tính của loài thực vật ôn đới. Đà Lạt là xứ sở của hoa lan. Thành phố và vùng ven có hơn 200 loài lan, trong đó có 5 loài mới được phát hiện lần đầu trên thế giới và mang tên Đà Lạt. Từ những thân cây sống cộng sinh, hoa lan được người chơi lan nhân giống bằng củ và đem bán ở các thị trường trong nước và quốc tế. Hoa lan tượng trưng cho sự thành thật, và một huyền thoại cao nguyên đã mệnh danh cho lan là những mảnh hồn trinh nữ giữa rừng sâu. Lan Đà Lạt có nhiều loại quý hiếm như cẩm bào, giáng hương, vanda parishii odorata...nhưng nổi tiếng nhất vẫn là địa lan. Hiện nay, Đà Lạt có hơn 30 loài địa lan, loại hoa “tín nghĩa” này có giá trị xuất khẩu rất cao nên ở Đà Lạt đã có nhiều vườn chuyên canh lan có quy mô lớn mà trang trại Lang Bian ở phường 7 là một ví dụ.

Do lịch sử hình thành và phát triển thành phố, nên ở Đà Lạt có nhiều loại hoa xuất xứ từ phương Tây đến. Cho đến nay, những loài hoa đến từ quê hương xa xôi này vẫn được mang tên gọi khởi thủy: marguerite, lys, glaiê, lobelia, mimosa...Một số khác được mang hai, ba tên gọi khác nhau như: cẩm tú cầu (tư tưởng), pense (học trò), ceillet (cẩm chướng), comos (bướm bướm), arum (cuộn kèn)...Mặc dù có nguồn gốc từ châu Phi, châu Âu hay Mỹ Latinh, nhưng một số loài hoa đã hoàn toàn mang tên Việt. Có thể kể :

sen cạn, hoàng anh, thược dược, dạ hợp, thu hải đường. Hoa phương Đông trên đất Đà Lạt cũng trăm hồng ngàn tía. Người phương Đông kín đáo, dịu dàng, thâm trầm, tế nhị, “hữu xạ tự nhiên hương”. Trong đêm, chợt bùng thức bởi mùi hương dịu dàng của dạ lan, lài hay hồng. Tại các vườn hoa trong thành phố, sân chùa hay sân vườn cư dân ở Đà Lạt có thể thấy màu hồng của anh đào, tường vi, màu tím của cúc, màu vàng của thiên lý, màu đỏ của râm bụt, màu trắng của huệ, rồi sứ, trà mi, nhất chi mai... Hoa hồng có nguồn gốc từ Trung Đông, nhưng ở Đà Lạt nhiều giống hồng lại mang tên phương Tây: brigitte bardot – màu hồng như môi son, silver – màu tím lợt, america – màu đỏ, kennedy – màu vàng, grace monaco mang màu hồng phấn...

Hơn một trăm năm qua, nhiều thế hệ người dân Đà Lạt đã trở thành những người cần mẫn chăm sóc “thảo viên bách sắc, thiên hương” để cống hiến những phút giây mỹ cảm cho người yêu hoa. Từ buổi khai sơn lập ấp hồi đầu thế kỷ trước, những lưu dân xa xứ đến đây từ Hà Đông, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Ngãi, Thừa Thiên – Huế, ... đã tập làm quen với nghề trồng hoa. Đặc biệt là ấp Hà Đông của những cư dân từ các làng bên hồ Tây như Nghi Tàm, Quảng Bá, Tây Tựu, Ngọc Hà, Xuân Tảo, Vạn Phúc mang nghề hoa nổi tiếng từ xưa đến với thành phố cao nguyên từ những năm đầu của thế kỷ trước. Những làng hoa có lịch sử lâu đời tại Đà Lạt như ấp Hà Đông, ấp Nghệ Tĩnh, Thái Phiên ra đời từ đó. Năm tháng đi qua, hoa Đà Lạt cũng chuyển mình theo hành trình lịch sử đất nước. Nếu ngày xưa, người Đà Lạt chăm hoa cho đẹp nhà, đẹp phố hay giành ít ỏi phục vụ trong những khách sạn, nhà nghỉ hay

nhà giàu phố thị, thì nay hoa là sản phẩm hàng hóa chợ họ làm giàu. Hoa Đà Lạt đến với hầu hết mọi miền trong nước và vượt đại dương ra bên ngoài với bè bạn muôn phương. Thành phố cao nguyên đến nay đã có một nền sản xuất hoa bề thế hàng đầu cả nước, cả về quy mô lẫn công nghệ. Nhiều nhà vườn ngày xưa trồng hoa để chơi cho thỏa chí thì nay đã trở thành những chủ trang trại sản xuất hoa cao cấp, những triệu phú, tỷ phú nghề hoa. Cả thành phố trở thành một “vườn hoa khổng lồ”. Với công nghệ sản xuất hoa trong nhà kính, nhà lưới. Đêm về cả góc trời cao nguyên lung linh huyền ảo, nếu không biết đó là những vườn hoa của nông dân Đà Lạt thì ngỡ rằng đang đến với một lễ hội hoa đăng. Hoa nhà vườn đã xuất hiện trong các siêu thị cao cấp, trên các Website của mạng thông tin toàn cầu. Đặc biệt, ở Đà Lạt nổi lên danh tiếng của Công ty Dalat Hasfam – một công ty sản xuất những chủng loại hoa đẳng cấp cao, có mặt hầu hết ở các thị trường thế giới mà thường xuyên nhất là Nhật Bản, Hồng Kông, Anh, Úc, Thái Lan... Từ xứ Hà Lan đến Đà Lạt từ năm 1994, chỉ trong vòng mấy năm, Dalat Hasfam đã nổi tiếng như là một công ty hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực xuất khẩu hoa trang trí. Ở công ty này, mọi quy trình nông nghiệp đã được tự động hóa: chăm sóc theo kiểu Pháp, tưới bón theo kiểu Israel, bảo dưỡng kiểu Hà Lan và quản lý, bán hàng bằng một phần mềm do các kỹ sư tin học người địa phương sáng tạo. Chính vì vậy, sản phẩm hoa Dalat Hasfam đã được những thị trường khó tính nhất trên thế giới chấp nhận và càng làm nổi tiếng hơn danh thơm của “vương quốc hoa” Đà Lạt ...

* * *

Hoa Đà Lạt là một niềm thiêng liêng, là một điều gì đó mà người kể chuyện không thể nói nhiều hơn. Trong vườn hương sắc ấy, lời giải cho câu hỏi về các loài hoa phải do chính người thưởng thức tự tìm ra mới thật sự thỏa đáng. Nếu tâm hồn phong phú, nhạy cảm, thông điệp của các loài hoa sẽ mang đến cho bạn xúc cảm ngây ngất trước vẻ đẹp tự nhiên mà quên đi những nhọc nhằn, lo lắng đời thường. Sản xuất – kinh doanh hoa, chăm hoa, chơi hoa, thưởng lãm hoa đã trở thành một yếu tố văn hóa và văn hóa ấy ở Đà Lạt đã hình thành từ rất lâu và rất tự nhiên. Có lẽ xuất phát từ ý tưởng đó mà Đà Lạt đã chọn lễ hội sắc hoa làm một “điểm nhấn” cho chương trình kỷ niệm sinh nhật thành phố lần thứ 110 vừa qua.

Lễ hội sắc hoa Đà Lạt là một cuộc phô diễn nền “văn hóa hoa” của thành phố cao nguyên. Hoa được những người dân địa phương bài trí từng bùng từ khắp mọi ngõ phố phường và tham dự cacnaval đường phố. Những chuyến xe thổ mộ với những chú nai ngựa mang dáng dấp phố núi thuở sơ khai cùng với những chiếc xe lớn kết bởi những chủng loại hoa độc đáo nhất của thành phố hoa đã điều hành qua những con đường thơ mộng quanh hồ Xuân Hương giữa trung tâm đô thị. Những con đường lát bằng hoa để tái hiện một không gian cổ tích, được thắp lên ngọn lửa của linh hồn hoa. Du khách đến từ mọi miền trong nước và bạn bè quốc tế có mặt ở Đà Lạt những ngày lễ hội sắc hoa Đà Lạt như lạc vào xứ sở bồng lai tiên cảnh nào đó. Hàng trăm sơn nữ – đại diện cho những chủ nhân lâu đời nhất trên cao nguyên Lang Bian với trang phục thổ cẩm của người Lạch bản địa đã gửi từ rừng về phố những loài hoa thuần

khiết tự nhiên. Những đoá hoa đại như sim, mua, bằng lăng, dã quỳ, đỗ quyên...mọc bên những bờ suối vắng ven những cánh rừng xa chợt thức dậy niềm kiêu hãnh hoang sơ khi tỏa hương, khoe sắc giữa trung tâm đô thị. Những sơn nữ với vẻ đẹp khỏe khoắn của rừng núi, thác ngàn càng rực rỡ hơn trong sắc màu thổ cẩm và dịu dàng hơn khi trên vai là những gùi hoa rừng. Hàng trăm thiếu nữ Đà Lạt thanh lịch trong trang phục truyền thống ba miền Trung – Nam – Bắc với những gánh hàng hoa gõ nhịp guốc trên nền đường phố núi. Những gánh hàng hoa và thiếu nữ bên hoa đẹp đến nao lòng, nhắc nhớ một niềm hoài niệm xa xăm trong ký ức. Cái đẹp thanh tao thời nào cũng giống nhau, và vì vậy, không gian Đà Lạt như không còn khoảng cách giữa quá khứ và hiện tại, giữa cuộc đời thực và thế giới mộng mơ. Những cẩm chương, thạch thảo, cúc đại đoá, loa kèn, mimosa khoe sắc bên những ly ly, hồng và cẩm tú cầu như muốn gửi gắm đến khách thưởng lãm những thông điệp cao quý nhất của thành phố mà họ yêu mến, làm thỏa mãn những tâm hồn cao khiết và lãng mạn. Đà Lạt càng rạo rực hơn trong những câu chuyện về hoa sau carnaval hoa trên đường phố. Du khách cũng như người dân thành phố thật sự ấn tượng với cuộc trưng bày trên 500 loài hoa tiêu biểu. Trong cuộc trưng bày ấy, các hoa hậu của làng hoa, những bonsai quý giá nhất, những phong lan, địa lan từ các nhà sưu tập trong thành phố đã tụ hội về đây góp mặt cho một bản tổng phổ màu sắc, thế dáng và hương vị. Rồi triển lãm ảnh nghệ thuật về hoa, tranh nghệ thuật hoa khô truyền thống, thi trang trí hoa, cắm hoa. Tất cả những gì nói về hoa trong lễ hội này đã chuyển tải niềm tự hào,

những nét độc đáo nhất của đô thị gần gũi với thiên nhiên, về một vùng hoa có lịch sử lâu đời và nền sản xuất hoa bề thế, công nghệ cao trên cao nguyên Lâm Viên. Hoa lá được tôn vinh, những con người của xứ sở tốt tươi sắc màu và ngào ngạt hương thơm này cũng đã và đang được tôn vinh. Từ lễ hội sắc hoa này, Đà Lạt sẽ là thành phố đầu tiên ở Việt Nam tổ chức Festival hoa hàng năm và nâng vị trí của lễ hội này lên tầm văn hóa – có thể gọi thành tên “*Lễ hội văn hóa hoa Đà Lạt*”.

Hoa Đà Lạt trở thành biểu tượng của xứ sở, đã nên thơ, hoá nhạc, từng nuôi cảm hứng của người yêu hoa qua nhiều thế hệ. Chế ngự trong cảm xúc, những loài hoa cất tiếng nói thay trạng huống tâm hồn. Hoa Đà Lạt càng rực rỡ hơn trong một khung cảnh thơ mộng, một bầu khí hậu trong lành, mát mẻ hoà quyện với một tổng thể kiến trúc đô thị kiêu sang gần gũi với tự nhiên. Vì lẽ đó, từ thuở đầu khai sơn lập phố, người Pháp đã từng chiết tự La-tinh từ địa danh “Đà Lạt” thành một câu khái quát thật giàu ý nghĩa: “*Dat Aliis Laetitiā Aliis Temperiem*”, hiểu theo ngôn ngữ chúng ta là “cho người này niềm vui, cho người kia sức khoẻ”. Hơn một thế kỷ đã qua, đối với thành phố nổi tiếng trên cao nguyên Lâm Viên, danh xưng ấy vẫn còn nguyên giá trị. Và, hoa Đà Lạt vẫn mãi mãi là những chủ nhân thanh lịch, mến khách và cũng là những sứ giả vượt đại dương đi tìm bạn ở khắp bốn phương trời, góp hương sắc của mình về làm giàu cho quê hương cao nguyên...

T.L

PHAN THÀNH MINH

Thành phố thông reo

Di trên thành phố thông reo chợt nao lòng với những cái tên của Đà Lạt đã được du khách mên mộ trao tặng: “thành phố sương mù”, “thành phố buồn”, “thành phố ngàn hoa”, “thành phố tình yêu”, “xứ sở hoa anh đào”... Không phải ngẫu nhiên mà tự nó có được. Có lẽ vì thiên nhiên, vì sự độc đáo của nghệ thuật kiến trúc, vì những nét riêng có trong văn hóa ứng xử của con người Đà Lạt hay chăng?!...

Đà Lạt như một ốc đảo trên cao nguyên Lang Bian hùng vĩ bao la, với rừng thông xanh đại ngàn quanh năm vi vu lộng gió. Đà Lạt như một nàng công chúa diễm kiều tha thướt với vạn loài hoa khoe sắc, tỏa hương. Với tôi, Đà Lạt đẹp và thơ mộng như trong chuyện cổ tích với những ngôi biệt thự nhà đôi ẩn hiện trong sương, thấp thoáng sau những cội thông già xù xì vỏ gốc. Biết nói làm sao cho hết được nỗi lòng của tôi, một người Hà Nội, một du khách rất mên mộ và tìm đến với Đà Lạt bằng tất cả sự xao xuyến

vốn có của mình. Ở thành phố của tôi có Hồ Gươm với Tháp Rùa uy nghi cổ kính, có đền Ngọc Sơn, chùa Một Cột ... lưu dấu ngàn năm trên đất Kinh Thành. Tôi yêu thành phố Thủ đô, nơi đây có nhiều thắng cảnh và di tích lịch sử đã đi vào lòng người, nghệ thuật cổ kim. Nơi ấy sinh ra tôi và nuôi tôi trưởng thành. Và hôm nay, đứng trước thiên nhiên hùng vĩ bao la, trước những cảnh đẹp thần tiên thơ mộng và con người Đà Lạt hiền hòa, mến khách, tôi thấy lòng mình thật sự ngất ngây ...

Những sứ giả đầu tiên của thành phố cao nguyên níu chân du khách là muôn hồng ngàn tía các loài hoa. Những giàn hoa đại, hoa tigôn với hai sắc màu đỏ trắng, hoa giấy, hoa thiên lý quần quýt trên nóc những ngôi nhà cổ, trên những tường rào, hoa và lá như những viên đăng ten điểm tô những con đường uốn lượn quanh co. Hoa len vào những con đường góc ngách hẻm phố, trên ban công những ngôi nhà cao tầng. Điểm xuyết trên những đôi thông là rực rỡ bởi sắc dã quỳ vàng hay tím tím màu hoa mua xao động trong gió. Những hàng mai anh đào đứng trầm mình trong sương sớm quanh hồ Xuân Hương, trên đường Lê Đại Hành e ấp những cánh nồn mang sắc màu hồng hồng của đôi má dậy thì con gái. Thảng hoặc, vài khóm mimosa vàng dịu len lỏi trong những khu vườn nhỏ dong đưa từng chòm lá màu trắng bạc. Hoa anh đào được nhắc đến như một biểu tượng của người Đà Lạt. Nó chính là linh hồn, là biểu tượng mặc nhiên của Đà Lạt. Với năm cánh rực rỡ của mai anh đào -

người Á Đông cho rằng, đó là hình ảnh của ngũ phúc. Hoa anh đào nở vào dịp cuối năm với sắc hồng tươi thắm như ngậm báo hiệu cho cư dân thành phố cao nguyên biết rằng: Chúa Xuân một lần nữa lại sắp trở về...

Đà Lạt có ngôi chợ trung tâm được mở rộng và phát triển từ công trình kiến trúc xưa của kiến trúc



Chiều Đà Lạt.

Ảnh: Hà Hữu Nết.

sư nổi tiếng Ngô Viết Thụ hôm nay đang rộn ràng, tấp nập bán mua. Hàng ngàn ngôi biệt thự đa dạng và độc đáo về phong cách kiến trúc ẩn mình dưới những tán rừng lặng lẽ. Nhà thờ Đức Bà với tháp chuông cao vọi trằm mặc, uy nghi giữa trung tâm thành phố. Xa xa phía cuối hồ Xuân Hương, Trường CĐSP Đà Lạt – một trong những công trình kiến trúc độc đáo nhất lưu dấu hình ảnh người Pháp ở Đông Dương lặng lẽ nghiêng mình soi bóng nước. Có lẽ ấn tượng nhất trong tôi là Ga xe lửa Đà Lạt với chiếc đầu máy hơi nước cổ

từ hồi đầu thế kỷ trước còn lưu giữ tại đây. Thành phố này vẫn còn tồn tại và lưu giữ gần như nguyên trạng các kiến trúc ghi dấu ấn đậm nét của lịch sử như Place Hotel, dinh 1, dinh 2 (dinh Toàn quyền) và Dinh 3 (Dinh Bảo Đại)...

Là du khách đến từ xứ Bắc, chúng tôi được cảm nhận đêm Đà Lạt với tất cả sự dịu dàng, nét quyến rũ có được từ sự hài hòa giữa khung cảnh thiên nhiên và lòng người. Đà Lạt lạnh nhưng không rét như ở Hà Nội, cái lạnh dịu dịu nhưng sẽ nhanh ấm trong lớp áo khoác mỏng. Chúng tôi đan tay nhau đi trên những con đường nhuộm màu hoàng phách của ánh đèn cao áp. Thả bộ men theo bờ hồ Xuân Hương và đón lấy lấp lánh ngàn sao ẩn hiện trong những cánh rừng thông xanh xa tắp. Ở đây bầu trời dường như chợt rộng ra, ánh trăng như tỏ hơn. Đêm quả là của cỏ lá, của sương mờ lãng đãng. Đêm Đà Lạt còn được thưởng thức men rượu cần, đặc sản của núi rừng. Người ta đã làm dậy men nồng bằng đôi cần cong vút với các thực khách thưởng thức nó. Có dịp may mắn, du khách còn được chiêm ngưỡng và hòa điệu trong vũ hội công chiêng, hay lễ hội đâm trâu của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa. Du khách đến từ mọi miền cùng chung vòng xoang với những chàng trai, cô gái Tây Nguyên, nhảy múa thâu đêm suốt sáng bên bếp lửa bập bùng giữa rừng thông ở lưng chừng núi. Đêm bây giờ mới thật sự là đêm của núi rừng Tây Nguyên hùng vĩ. Trong một đêm như thế, chúng tôi đã được già làng người K'Ho Lạch kể cho nghe truyền thuyết Lang Bian, và cùng

cảm thương, sẻ chia với mỗi tình xót xa, cay đắng của đôi tình nhân huyền thoại. Đỉnh núi huyền thoại của huyền thoại Lang Bian hiện là một địa chỉ du lịch hấp dẫn. Chinh phục đỉnh cao này là một trong những loại hình du lịch dã ngoại đang rất được lớp trẻ mến mộ. Từ những chiếc dù xinh xắn nhiều màu người ta có thể nâng mình bay cao cùng mây gió hay bạn sẽ lắc lẻo treo mình trên những sợi dây an toàn chinh phục những bức tường đá nhẵn thín cao vút nhan nhản quanh núi. Với người đứng tuổi, ta có thể leo trên đỉnh cao nhất 2.169 mét bằng một con đường thoải thoải.

Những ngày ở Đà Lạt – Lâm Đồng, chúng tôi đặt chân qua nhiều thắng cảnh nên thơ. Từ thác Cam Ly trong nội đô đến thác Prenn, Datănla, Hang Cọp ở vùng ven thành phố. Từ hồ Than Thở, Thung Lũng Tình Yêu đến Tuyền Lâm, Suối Vàng. Sự hấp dẫn của thiên nhiên hùng vĩ đã đưa chúng tôi đến với những thắng cảnh xa trung tâm thành phố như : thác Pongour ngập tràn sóng nước, thác JráiBlían ẩn mình giữa núi rừng, thác Liên Khương, thác Gouga, thác Bobla...và chúng tôi thực sự thấy mình thật bé nhỏ trước bao la đại ngàn. Trong tôi, vẫn giữ nguyên cảm một thoáng chênh vênh khi qua cầu dây Prenn, chút lằng lằng hồi hộp trên cáp treo cao vút đưa từ đỉnh đồi Robin về núi Phụng Hoàng, một chút trầm tư giữa tầng mây gió chập chùng đồi núi xanh thẳm và dịu dàng êm ái như đi trên nhung lụa từ những thảm cỏ xanh ngọc mượt mà của đồi Cù...

Đi trên thành phố thông reo mà không thưởng thức được cái man mác dịu dịu của gió của nắng của sương mờ lãng đãng những ngày vào Thu từ con đường Liên Khương qua Nam Ban, Tà Nung về Đà Lạt thì cũng thật luyến tiếc. Nam Ban là trung tâm của vùng kinh tế mới của đồng bào Thủ Đức trước đây và nay là một thị trấn của huyện Lâm Hà. Nơi đây bát ngát vườn nương là màu trắng của hoa cà phê, hoa bơ, hoa chanh và các loài cây ăn quả khác. Trên trục lộ chính chạy qua thị trấn, hàng cây bàng đã phủ tán xanh mượt bắt đầu cho bóng mát làm ta liên tưởng đến Hà Nội với cây bàng lá đỏ của Trịnh Công Sơn. Đêm ở thị trấn này cuộc sống tất bật nhưng không vội vã, đây đó vẫn còn gặp những hình ảnh rất thi vị như hút thuốc Lào bằng điếu cây, uống rượu ngâm thơ dưới trăng. Ở ngay trung tâm thị trấn còn có một thắng cảnh du lịch tuyệt đẹp và thơ mộng, đó là thác Voi mà một thi sĩ địa phương đã viết:

Thiên thai bên phố,

Voi phục triều thiên

Chim về xây tổ

Ríu ran hương nguyên...

Trên đường về Đà Lạt, ngang qua xã Tà Nung ta còn một điểm tham quan khác đó là thác Vọng và hồ Cam Ly Thượng. Từ đây con đường như đi vào cõi mộng, mặc sức uốn lượn quanh co men theo sườn đồi, hai bên là rừng thông xanh bạt ngàn. Tiếng gió reo, tiếng thác vọng, tiếng máy xe leo dốc rù rì nhẩn nại, tất cả

làm cho ta xao xuyến khó quên...

Đà Lạt, có một nhà thơ đã từng ví là “ngã sáu Lâm Đồng”. Thật vậy, muốn lên Đà Lạt bây giờ người ta có thể đi từ Phan Thiết, Phan Rang, TP Hồ Chí Minh, Đắc Lắc, Đắc Nông, Nha Trang bằng đường bộ và cả đường không. Nhưng theo tôi con đường đang được tiếp tục hoàn thiện, và là con đường đẹp nhất, thậm chí nghĩa tình nhất có lẽ không đâu khác chính là tuyến đường từ Nha Trang lên Đà Lạt. Từ Diên Khánh qua Khánh Le, Khánh Vĩnh của Khánh Hoà đi lên hoặc từ Thái Phiên, qua Đa Sa, Đa Cháy của Lâm Đồng đi xuống. Ở đây con đường xuyên suốt những cánh rừng già nguyên sinh bạt ngàn, những dòng suối nhỏ vắt vẻo từ trên đỉnh núi Bidúp lên lối qua những thung lũng sâu đưa nước về hồ thủy điện Đa Nhim. Dưới chân núi là buôn làng K'Long K'Lanh anh hùng - căn cứ địa cách mạng gian khó và anh dũng ngày xưa. Hy vọng con đường sẽ mang lại cho đồng bào các dân tộc anh em nơi đây sự phồn vinh trong tương lai.

Đường đưa ta đi rồi lại sẽ lại trả ta về nơi ta vốn đến. Tất cả sẽ thành kỷ niệm không thể nào quên trong lòng ta! Hãy giữ gìn và trân trọng miền ký ức mà ta đã đi qua như một bó hoa tươi thắm của người tình thiêng liêng trao tặng. Xin tất cả hãy cùng về đây tri ngộ. Gió đã hội tụ trên đỉnh Lang Bian hùng vĩ để đón nhận tình yêu của thiên nhiên, của lòng người. Đừng vội chia tay sớm dù trong lưu luyến để rồi ngày mai lại nuối tiếc vu vơ. Đừng để lòng mình chớm nhạt phai với những kỷ niệm mà lý ra chúng ta phải

ghi khắc trong lòng về một vùng đất nên thơ. Trong những đôi mắt nhung đen quyến rũ mơ màng của các nàng sơn nữ gợi tình kia, hoa và lá Đà Lạt dường như cũng thánh thiện trong ngần hơn bởi cái không khí mát và sạch của thiên nhiên hào phóng ban tặng như một nàng tiên trong truyền thuyết Ba Tư đang khóa thân tấm suốt tẩy trần, ta hít thở trọn vẹn không khí trinh nguyên của những đóa hoa rừng vô ưu từ lòng đất mẹ dịu dàng dâng hiến.

Đà Lạt, thành phố của tình yêu đang khoe tất cả sự óng ả xuân thì như một người con gái trẻ.

Mùa Thu 2004

P.T.M

NGUYỄN THÁI CAM

Thành phố tôi yêu

*Đà Lạt ơi, thành phố tôi yêu
Thành phố trên cao nên khoảng trời hẹp lại
Có những chiều
Khi hoàng hôn chưa tới
Đất và trời đã hòa nhập hồn nhiên
Để thời gian trôi, trôi nhanh đến lạ
Bốn mùa qua trong chỉ một ngày
Tối sương rơi mùa Đông buốt giá
Sáng mai ra Xuân qua vội vã
Trưa Hè về rọi tia nắng rất êm
Chiều liêu xiêu nhẹ nhẹ gió Thu lên...*

*Thành phố của tôi
Sương giăng lối cùng đèn đường mờ ảo
Rì rào thông reo hay muôn ngàn tiếng sáo
Gửi vào đêm gợi nỗi nhớ mênh mang
Bồng bênh mây qua phố thên thang
Phố lặn vào mây, lòng ai ngất ngây
Gửi thương nhớ tới miền cổ tích...*

LÊ BÁ CẢNH

Cánh đào nở muộn

*(Năm Giáp Thân, Đào Nhật Tân - Hà Nội
rất muộn nhiều cây đến tết Nguyên Tiêu mới nở)*

*Ta trảy lá từ hạ tuần tháng Chạp
Nguyên Đán về đào chưa kịp đơm bông
Ta hụi hũng nghĩ mình như trẻ hện
Đến Nguyên Tiêu em mới nhú nụ hồng*

*Em chưa về, đào nở muộn buồn trông
Em đến muộn chẳng biết mình trẻ nãi
Nụ chưa thắm cành xác xơ trống trải
Khoảng trời riêng rớt lạnh giá heo về!*



*Em như là cánh bướm lạc mãi mê
Say hút mật đã quên về lối cũ
Xao xác lá hanh khô mùa ử rữ
Khoảng lặng yên trống vắng một góc vườn*

*Nguyên Tiêu về nụ biếc dầm hơi sương
Bung nở cánh rực vườn hoa đỏ thắm
Từng thốn thức bao đêm ngày dang dẵng
Bồng ừa về xao xuyên sắc hương*

*Dầu muộn màng vẫn còn chút tơ vương
Còn phải chịu nắng sương dầu dãi
Hãy nhớ để xuân sau còn trở lại
Trảy lá từ lúc hãy chớm mầm xuân.*

*(Tết Nguyên Tiêu Đà Lạt –
Giáp Thân 2004)*

PHAN HỮU GIẢN

Thắm màu thời gian

*Em vừa tròn tuổi sáu mươi
Chúng mình bốn chục năm trời có nhau
Tóc xanh giờ bạc mái đầu
Bao nhiêu kỉ niệm thắm màu thời gian...*

*Tình ca én lượn Lang Bian
Thơm hương đất mới gió ngàn thông reo
Băng ghềnh vượt dốc gieo neo
Gian nguy từng trải, khó nghèo đã qua
Rừng hoang trắng lạnh sương sa
Em nhèn bếp lửa thức chờ đợi anh
Nắng vàng ươm mái cỏ tranh
Kèo tre vách nứa ấm tình lúa đôi
Đất lành chim đậu sinh sôi
Ngọt bùi chia sẻ, nỗi đời cảm thông
Nắng mưa hôm sớm vun trồng
Nâng niu từng đóa hoa hồng trao tay...*

*Đậm đà muối mặn gừng cay
Chiều hôm nắng quái...nhớ ngày còn xuân
Bước chân đỏ bụi phong trần
Về bên con cháu quây quần thanh thoi
Khi trái gió, lúc trở trời
Có anh em đỡ ngậm ngùi tủi thân
Ăn cần giấc ngủ miếng ăn
Thuốc thang chạy chữa bớt phần yếu đau
Qua cơn hoạn nạn cơ cầu
Nghĩa tình chung thủy trước sau vẹn toàn
Cảm ơn những tấm lòng vàng
Cho ta sống giữa yêu thương cuộc đời...*

*Cao nguyên xanh rạng chân trời
Kết thành nôi ấm yên vui cửa nhà
Yêu thương từ trẻ đến già
“Sen tàn cúc lại nở hoa” cùng người....*

Đà Lạt 6 - 2004

ĐOÀN ĐỨC HUYỀN

Gặp chiều Đà Lạt

*Chiều nghiêng trái rắng vàng hàng thông
Mây dăng đôi phố chợ bênh bóng
Ngựa xe thấp thoáng trôi trong mộng
Điệu ca buồn tím cả mệnh mông*

*Gió thoảng thâm thì với khóm hoa
Vuốt ve nhành liễu uốn la đà
Áo ai pháp phối vương sương trắng
Ve nẻo vườn đào nét thuốt tha*

Lầu tía kiêu sa tỏa bóng dài
Mơ màng trăm tưởng giữa hồng mai
Nơi đây hoa trái tươi xanh quá
Xuân sắc ngàn đời chẳng úa phai

Nước dừng ôm bóng phố bên hồ
Một xuôi gặp lại biết bao giờ
Có chở tình hoa thương gửi bến
Mà thác than dài, đá giấu ngơ

Chiều đi không đội khói lên khơi
Đêm về lộng lẫy choàng mây ngời
Sao xuống đèn lên lung linh phố
Giữa trùng không thăm lá trắng soi...

THANH HÀ

Hương cốm

*Quê hương tôi là khúc nhạc đồng bằng
Vị ngọt sông Hồng xanh ngô, xanh lúa
Dâu bãi non tơ cong mềm dải lụa
Con gái quê tôi da trắng, tóc dài*

*Mỗi độ Xuân về đào thắm cả giêng hai
Chiều Hạ sen thơm quện hương đồng lúa
Dấu xa quê, khi Thu sang vẫn nhớ
Gói cốm xanh...*

*Ai gói
cả hương lòng.*

HỒ THUY MỸ HẠNH

Mùa Thu

*Đà Lạt làm gì có hoa sữa hử anh?
Thu Hà Nội anh mang vào xứ lạnh
Trên khắp núi đồi giọt mưa lấp lánh
Gió mang hương hoa sữa đi rồi.*

*Giọt mưa nào rót đọng trên môi
Thu Hà Nội, Thu cao nguyên có giống ?
Mùa Thu nào chẳng như là mộng
Riêng ở đây sương lạnh phố rừng .*



*Buổi chiều còn chút nắng bâng khuâng
Chưa nở tắt sợ hoàng hôn đến vội
Chỉ nghe thôi em đã yêu Hà Nội
Những con đường râm bóng mát hàng cây*

*Thu Hà Nội có giống Thu ở đây?
Mây lơ đãng và buổi chiều ít nắng
Trong thôn xao và vô cùng tĩnh lặng
Phố chiều mờ trong màn sương mong manh*

*Đà Lạt làm gì có hoa sữa hờ anh?
Mà mùi hương ai đưa vào xứ lạnh.*

11.9.1997

NGUYỄN THỊ HÒA

Cô giáo Thủ đô trên vùng đất mới

*Tặng Nga, Thoa cùng các bạn - những cô giáo
Hà Nội đầu tiên đến vùng KTM Lâm Hà*

*Em đến đây
Buổi đầu cái gì cũng lạ
Đất hoang sơ bờ ngõ
Mưa buồn ngó tâm hồn
Tiếng nai kêu trong đêm vắng xa xăm
Nỗi nhớ chập chờn giấc ngủ
Con gái Thủ đô bao giờ đi xa đến thế
Gót chân mềm quen những phố thênh thang
Em ra đi xa kỷ niệm êm đềm
Hoa sữa thoảng hương lưu luyến em ở lại...*



*Em đã đi xa thế đấy
Giữa một vùng đồi nắng dậy niềm tin
Tuổi thanh xuân em đến với cao nguyên
Với những tâm hồn trẻ nhỏ
Bao nhiêu lạ lùng ngỡ
Em quên dần trong tiếng bé bi bô
Cả nỗi nhớ xưa cháy đỏ từng giờ
Quán quýt tuổi thơ thấy mình vui trẻ lại
Những lá thư em viết ra ngoài ấy
Khoe cùng bạn bè đã thấy yêu hơn
Nắng Lâm Đồng ấm ngàn vạn tấm lòng
Người Hà Nội trên cao nguyên đất đỏ.*

1978

BÙI VĂN HẠT

Êm đêm Đà Lạt

*Sương lũng lơ trôi
Kéo tấm voan dài vờn qua mái tóc
Gió nhẹ thông reo
Hòa theo giọng hát
Nắng hồ Xuân Hương phẳng nhẹ như tờ
Mây trắng mênh mông
Ôm núi đồi ra xa tít mịt mờ
Mưa lát phát bay tựa những dòng thơ
Viết dọc mái tòa cao tòa thấp
Ơ đây cả bốn mùa
Không bao giờ có mưa sa bão táp
Cũng không bao giờ
Có cái nắng cháy da
Và cái rét thấu xương
Mà chỉ có hai ta
lặng lẽ bước trên đường...*

Hai quê

*Cuối Xuân mưa lất phất bay
Đầu Hè phượng tím rụng đầy lối đi.
Lại cho tôi ước những gì
Áo che mưa, lại về đi mỗi chiều.*

*Hà Nội ơi! Phượng đỏ yêu
Một thời sức vóc yêu kiều mộng mơ
Chiến tranh hủy diệt - hoang sơ
Thành phố đổ nát lặng tờ tiếng chim...
Lên đường tiếng gọi trái tim
Tình quê sâu nặng hoa sim tặng người.*

*Cao nguyên phượng tím rơi rơi
Đồi Cù, thác bạc... dạo chơi bên hồ
Sườn đồi mái nắng nhấp nhô
Đường lên uốn lượn bạn vô thăm cùng.*

*Lang Bian núi trập trùng
Mimosa nhuộm một vùng sắc hương
Anh đào, liễu rủ mờ sương
Phượng hồng, phượng tím yêu thương hai miền ...*

NGUYỄN MỘNG SINH

Nỗi nhớ

*Những chiều se lạnh ở cao nguyên
Trong khung trời nhỏ đáng bình yên
Ta gửi hồn ta về nơi ấy
Hà Nội ơi, biết mấy thân quen!*

*Nhớ mặt hồ Gươm nước trong thanh
Tháp Rùa yên lặng đứng soi mình
Thấy bóng gương thân in trong đó
Mãi mãi còn đây ánh thép xanh.*

*Nhớ nắng Ba Đình gọi xốn xang
Lăng Bác uy nghiêm rực ánh vàng
Nhớ ngôi nhà gỗ trong vườn vắng
Chiếc cầu nho nhỏ đón ai sang.*

*Từ đó đường đi mở rộng ra
Năm cánh sao bay khắp mọi nhà
Đâu còn chật hẹp năm ô nhỏ
Hà Nội xòe tung vạn cánh hoa.*

*Để thơm thơm mãi gió hồ Tây
Nước Hồng Hà thêm đỏ đậm ngày
Cho trời tháng Tám cao lồng lộng
Mạch nhựa trào dâng lá xanh cây.*

*Hà Nội ươm hoa cho mọi nơi
Truyền thống ngàn năm của giống nòi
Con tim cả nước không ngừng đập
Con tim mấy chục triệu con người.*

*Ta xa Hà Nội một chiều hôm
Đi theo tiếng gọi của tâm hồn
Góp tay xây dựng miền quê mới
Cho mạnh giàu thêm sức nước non.*

*Và thế từ nay đây là nhà
Có sương mờ phủ núi xa xa
Có gió reo rừng thông xanh biếc
Miền hoang sơ ít dấu chân qua...*

*Rồi vụ khoai đậu trên đất lạ
Đậm đà ánh mặt vị thơm bùi
Tiếp mùa ngô đến ngay sau đó
Bông trở cờ reo trong gió vui.*

*Thỉnh thoảng đêm về Hà Nội ơi
Nhớ người da diết nhớ khôn nguôi
Để mai lại góp ngàn thương nhớ
Thêm mạnh bàn tay võ đất đồi!*

Đà Lạt, tháng 10/1977

BẠCH TÂN

Tươi thắm nghĩa tình

*Đà Lạt, thành phố quê tôi
Đốc, đèo, hồ, thác, núi, đồi, suối, hang
Thông, tùng, dẻ, trám bạt ngàn
Hoa thơm cỏ lạ bướm vàng lượn bay
Chim muông tung cánh vờn mây
Bầu trời trong vắt nhiều ngày của năm.
Tháng sáu, tháng bảy rét ngăm
“Heo heo gió núi lâm thâm mưa phùn”
Thiên thời địa lợi hòa chung
Tạo nên cảnh vật tương phùn đắm say...*



*Dòng người hội tụ về đây
Mọi miền đất nước sum vầy kết giao
Cùng dân bản địa anh hào
Chung tay xây dựng xiết bao nghĩa tình.
Tính người trung hậu văn minh
Giàu lòng mến khách, trọng tình quê hương*

*Nhân dân Hà Nội khiêm nhường
Đấu tranh xây dựng tám gương oai hùng
Ngày nay thống nhất non sông
Thi đua xây dựng quyết cùng giàu sang
Hà Nội thanh lịch đoan trang
Đà Lạt tươi thắm trăm ngàn loài hoa...*



Phủ Tây Hồ (Hà Nội).

Ảnh: Minh Lộc.

MAI XUÂN CẢNH

Nghĩ về Thăng Long

*Nhớ năm Vua Lý gặp rồng bay
Trần trở ngàn Thu đất chuyển xoay
Pháp chạy, Nhật hàng, quân chủ thoái
Nguy nhào, Mỹ cút, Quốc Dân thay
Gạo thơm vượt bể thăm bè bạn
Điện sáng thay trăng chiếu ánh mây
Nước mạnh dân giàu nhờ đổi mới
Lạc Hồng mở hội chấn hưng này.*

NGÔ XUÂN CHỦ

Gìn giữ kỷ cương

*(Họa bài “Thủ Đô ngàn năm”
của Trần Đình Thảo)*

*Từ thời vua Lý đến ngày nay
Lịch sử ngàn năm rạng rỡ đây
Hà Nội Hồ Gươm ngồi kiếm bạc
Thăng Long thành cổ lộng trời mây
Dân giàu nước mạnh đi nhanh tới
Nền nếp kỷ cương giữ kẻ lay
Vững bước trên đường cùng hội nhập
Chào thiên niên kỷ rợp cờ bay.*

Thượng tọa VĨNH CHÂU

Nhớ về Hà Nội

Ngàn năm Hà Nội đất Thăng Long
Bao thuở oai linh giống Lạc Hồng
Dựng nước quang minh ai sánh kịp
Xây thành rạng rỡ hợp hùng binh
Nêu gương anh dũng cùng thiên hạ
Tổ chí quật cường rõ ánh minh
Lắm thuở tô son trang sử Việt
Hương lòng thơm nức cả đa sinh.

18.4 Giáp thân

5.6.2004

VŨ DIỄN

Thăng Long

Mây trời non nước dáng Tiên Rồng
Nhân, địa bốn phương thể hợp chung
Rạng rỡ kinh đô công - đức - vượng
Tự hào con cháu trí - tâm - trung
Quy thiêng Hoàn Kiếm lưu muôn thuở
Áo vải, đào hoa vượt vạn trùng
Rực lửa một thời vang đất thánh
Ngàn năm văn hiến mãi Thăng Long

Xuân 2000.

PHAN HỮU GIẢN

Người xa Hà Nội

*Từ xa Hà Nội đến hôm nay
Hương ngát Tây Hồ toả mãi đây
Đà Lạt ngàn trùng chân luyến phố
Lâm Hà gió lộng tóc vờn mây
Mở mùa Xuân mới hoa muôn sắc
Khép cảnh Đông tàn cỏ lất lay
Mãi miết ngày xanh đầu nhuộm bạc
Trông vời quê mẹ ngắm rồng bay...*

NỮ SĨ XUÂN ĐÀI

Nhớ cố hương

*Mây trắng giăng mờ nhớ cố hương
Đèo cao vời vợi phủ màn sương
Đường về Hà Nội làn mưa bụi
Nẻo đến Thăng Long sợi nắng vương
Tưởng đến quê xưa lòng vẫn quặn
Buồn trông cảnh cũ dạ càng thương
Một vầng trăng tỏ soi đêm vắng
Cho gót hải hồ nhẹ bốn phương.*

TRƯƠNG XUÂN HUY

Nhớ Hà Nội

*Có thể nào quên Hà Nội ơi
Cố hương phương Bắc mắt trông vời
Mười năm xa xứ hôn vùi đất
Muôn dặm Sơn Khê giấu mặt người
Nếu được, em về theo với nhớ
Nghẹn lòng thương khó bật nên lời
Bao giờ, biết đến bao giờ nhỉ
Nam – Bắc liền nhau trở lại chơi*

Đà Lạt, 1964

NGUYỄN VĂN KHÁNH

Nhớ đấng Âu Cơ

*Nhớ đấng Âu Cơ thuở cội nguồn
Nhớ về huyền sử mẹ trăm con
Tương thân chớ để gây hiềm oán
Đồng tộc đừng đem chất nổi hờn
Mẹ vẫn dặt dìu khi lửa đỏ
Cha từng che chở lúc mưa tuôn
Dân gần trăm triệu cùng chung mẹ
Chẳng hận thù nhau để mẹ buồn.*

NGUYỄN THANH LƯỢC

Quy tụ nghĩa tình

(Kính tặng đồng hương Hà Nội tại Lâm Đồng)

*Đoàn con Hà Nội ở Lâm Đồng
Chung dạ sắt son, chung chí hùng
Hà Nội rốn xưa tràn nhựa sống
Lâm Đồng nôi mới rực vầng Đông
Núi Nùng hần dấu rêu xanh biếc
Sông Nhị triển miên nước đỏ hồng
Quyện cát nên doi gìn đạo lý
Nhiều điều luôn phủ giá gương trong.*

MỘNG HOÀI NHÂN

Hà nội trước thềm Thiên niên kỷ mới

*Hơi Thu thoang thoảng nhẹ làn sương
Hoàn Kiếm mặt hồ bóng lộng gương
Hạt nắng chiều vàng vương cánh phượng
Bài thơ Hạ Trắng ngát mùa hương
Chào mừng đất nước ngày tươi sáng
Tô điểm giang sơn buổi mở đường
Dân tộc dựng xây nền độc lập
Thủ đô rạng rỡ khắp muôn phương.*

TÙNG NGUYỄN

Nghìn năm văn hiến

*Đã từng đối mặt pháo đài bay
Mờ mịt bom thù chiến địa đầy
Rồng lửa, pháo bầy lên vít cổ
“Con Ma” “Thần Sấm” rụng tan thân
Hồ Gươm xanh thắm mang hồn nước
Văn Miếu rạng ngời tỏa sắc mây
Lũy thép kiên cường qua bão tố
Nghìn Thu trang sử nước non này.*

LÊ KỲ NAM

Nhớ nguồn

*Cố đô thời Lý dựng Thăng Long
Con cháu ta nay chớ phụ lòng
Mỹ tục thuần phong người Hà Nội
Phù sa trong đục nước sông Hồng
Bền chí cần cù khi nắng hạn
Gian nan vượt khó lúc mưa đông
Từ độ non sông liền một dải
Ngọn cờ cách mạng vẫn oai phong.*

NGUYỄN NĂNG NHƯỢNG

Tiếng lòng

*Đà Lạt bốn mùa nước mát trong
Nhớ về Hà Nội đất Thăng Long
Ngàn năm sử sách ghi triều Lý
Lấy áng văn chương chép truyện Rồng
Góp sức cha con giờ đến cháu
Noi gương tiên tổ bước theo ông
Nhiều đêm không ngủ còn vương vấn
Năm lắng thông reo ngõ tiếng lòng.*

Thu 2004

GIANG QUÂN

Gặp lại Lâm Đồng

*(Họa bài "Người Xa Hà Nội"
của Phan Hữu Giản)*

*Lâm Đồng lại gặp sớm mai nay
Lòng nhớ Xuân Hương gọi sóng đây
Người mở cao nguyên đầu bạc gió
Khách thăm quê mới mất xanh mây
Xin đừng quên nhé – hoa còn nhắc
Đẹp mãi tình xưa – lá vẫn lay
Kẻ sĩ Bắc Hà tâm giữ sáng
Ngành trùng sông núi ánh sao bay.*

5.8.2000

ĐÀO XUÂN QUANG

Thắng cảnh Tây Hồ

*Thiên nhiên ban tặng cảnh Tây Hồ
Kỳ ảo mộng lung côi mộng mơ
Văng vặc gương Nga trời bảng lảng
Long lanh nắng trải sóng lô nhô
Chuông chùa Trấn Quốc lòng xao xuyến
Ânh nhạc Cổ Ngự dạ gần ngơ
Nhật nguyệt thiên thu say lữ khách
Thuyền ai thấp thoáng dưới sương mờ.*

TRẦN ĐÌNH THẢO

Thủ đô ngàn năm

*Giang sơn ngàn thuở đến thời nay
Bao cuộc thăng trầm dấu tích đây
Gương sáng Trưng Vương in bóng nước
Hồn thiêng Phù Đổng quện tầng mây
Hoa đào Tết đến hồn thơ mộng
Tơ liễu Xuân về bóng nguyệt lay
Nước biếc Hồ Gươm thanh kiếm bạc
Trời xanh gọi nhớ chuyện Rồng bay.*

Đà Lạt - 2000

PHẠM THUẦN

Hào khí thăng long

*Quyền thế đầu mang ngôi đế vương
Dời đô vì nước sớm hùng cường
Thăng Long thịnh vượng rồng vươn cánh
Hoàn Kiếm thanh bình vua trả gươm
Thê Húc nấu nung lòng dũng cảm
Ngọc Sơn chúc tụng đức khoan hồng
Địa linh nào cũng sinh nhân kiệt
Hào khí kinh thành tỏa sáng gương*

Đà Lạt, ngày 26/10/2003

NGÔ TÚ

Thủ đô Thăng Long

*Mặt hồ Gươm sáng ánh gương trong
Viễn khách du xuân thấy nước lòng
Hà Nội hữu tình hương gió thoảng
Ba Đình thi vị ánh trăng lồng
Màu hoa đào tết thiên thu mộng
Sợi nắng xuân hồng vạn thế mong
Tổ quốc hòa bình đang đổi mới
Thủ đô rạng rỡ dáng Thăng Long.*

NGUYỄN GIA TÌNH

Gửi về quê mẹ

Tạm xa thành phố, lại lên đường
Không nghĩ mình thành dân địa phương
“Đất khách”, dựng xây tình đất nước
“Quê người”, vun đắp nghĩa quê hương
Đêm mơ Hà Nội... lòng hy vọng
Ngày ở Lâm Đồng... dạ vấn vương
Chim đậu đất lành, thơ kết vận
Gửi về quê mẹ cả nguồn thương...

MAI THÔNG

Nhớ câu lạc bộ thống nhất

Ai về Hà Nội ghé hồ Gươm
Điểm hẹn tìm nhau bạn cố hương
Gặp gỡ tâm tình khuấy dạ nhớ
Thông tin thời cuộc bạn lòng vương
Dưa măng, khô cá tình quê mặn
Điều lý, câu hò vị quê hương
Hai chục năm dài đây tổ ấm
Đêm Nam ngày Bắc mấy yêu thương.

VÕ QUANG TẤN

Hà Nội vào xuân

*Hà Nội Xuân về mưa thoảng rơi
Hồ Gươm sóng gợn sóng reo cười
Ba Đình sương nhuộm sương còn đọng
Trúc Bạch nắng vờn nắng lả lơi
Lung linh ánh nguyệt trắng chào nước
Man mác hương Xuân nước vọng lời
Nhà nhà đón Tết se se lạnh
Hà Nội vào xuân đẹp đất trời.*

Xuân 2004

HẢI LÂM VĂN

Vận hội non sông

*Mùa Xuân cách mạng trở trăm hoa
Vận hội non sông Bắc mở ra
Dân tộc vùng lên giành độc lập
Bắc Nam dậy khúc khải hoàn ca
Sao vàng cờ đỏ bay muôn nẻo
Hạnh phúc tự do đến mọi nhà
Ơn Đảng quang vinh đầy trí tuệ
Lòng dân thơm thảo ý chan hòa.*



NGUYỄN MẠNH XUÂN

Thủ đô văn hiến

(Nhớ về quê mẹ)

*Nghìn năm văn hiến đất Thăng Long
Sử chép từng trang giống Lạc Hồng
Trải mấy thăng trầm xây thế kỷ
Giữ tròn trăm triệu tấm lòng chung.*

Đà Lạt, tháng 10-2000



CỐ NHẠC SĨ TRẦN HOÀN VỚI CLB VĂN NGHỆ THỊ TRẤN ĐÌNH VĂN - LÂM HÀ.

NGHE HÁT DÂN CA TRÊN LÂM ĐỒNG

Thơ : Trần Ngọc Trác

Nhạc : Trần Hoàn



Nghe mơ màng thức giấc chiều nay, nghe câu
hát bên lòng anh theo mãi Dân ca ba miền đến đây ở
lại, nên lá rừng sắc xanh cây.
Mắt ngọt ngào cho lòng anh say đắm nên duyên
thắm trong câu hò ví dặm, và câu hát nao lòng Đồng
Tháp, hòa với thác Nam Ban
Khúc dân ca nên chồng nên vợ mẹ cho



mình câu Quan Họ giao duyên. Đã thương nhau xin đừng bỏ

ngỡ, giữa trăm miền mãi đừng quên.

Cho trời mây non nước bình yên ngàn năm

ta chung lòng giữ nước, câu hát miền xuôi thấm tình miền

ngực xanh mãi trời cao nguyên.

MÙA DÂU TRÊN QUÊ MỚI

Nhạc và Lời : Mạnh Đạt

Mùa dâu mới trên quê mình, đất trời bát
ngát thơm mát xanh như tình em đó đang đợi anh trên miền quê
mới hương ngọt ngào. Lời mẹ hát ru ngày nào cho tâm hồn
kén tơ đẹp sao, màu đất thắm như tình ta yêu miền quê
mới Lâm Hà Ươm tơ, con tầm ươm tơ cho
lòng tơ vương. Yêu thương, mang tình yêu
thương cho đất nước thành quê hương. Bên anh,
em dệt mầm xanh trên sắc lụa thiên thanh.

Mênh mang, đất trời Nam Ban xanh xanh
biếc bằng đầu. Dòng sông Dãy ươm tơ
vàng, sông Hồng giăng kén khi xuân vừa sang. Dạ dâng nước trôi nồng
nàn như dòng tơ trắng giữa trần gian. Mùa dâu mới trên quê
mình, đất trời bát ngát ươm mầm xanh như tình em đó đang chờ
anh trên miền đất mới hương ngọt lành.

XUÂN VỀ BÊN SUỐI CAM LY

Thơ : Phạm Hữu Minh

Nhạc : Nguyễn Tấn Hùng

Dòng sông có tự bao giờ mà mùa xuân
đến đôi bờ vẫn xanh. Nao nao dòng nước uốn
quanh nhịp cầu thông bắt qua ghềnh Cam - Ly lắng
nghe tiếng thác rầm rì như quê mình muốn nói gì với
xuân. Chào em cô gái Thanh
Trì gánh rau qua suối Cam - Ly quê mình qua
cầu ánh nước lung linh, gánh rau em gánh tâm tình quê
hương, rau em chín nắng mười thương, ngọn rau tất

đất tình thương xóm làng. Chào

em cô gái Thủ Đô, nghiêng nghiêng vành nón tóc xanh mơ

màng, ước mơ chấp cánh rộn ràng, xây dựng quê

mới trên cao nguyên Lâm Đồng.

NỤ CƯỜI ĐÀ LẠT

Thơ : Hải Như

Nhạc : Trương Quang Lục

Slow rock ♩ = 62

The musical score is written on ten staves in treble clef with a key signature of two sharps (F# and C#). The tempo is marked 'Slow rock' with a quarter note equal to 62 beats. The melody features several triplet markings (indicated by a '3' over a group of notes). The lyrics are written in Vietnamese below the staves.

Nét ỹ nhị sông Hồng cộng nét mê hồn sông
Hương. Đằm thắm môi em nụ cười Đà Lạt. Nụ
cười mang phép lạ níu chân anh. Không một nơi nào
khác có được nụ cười khó tả. Nụ cười em một nụ
cười rất lạ mà rất quen. Anh nhớ đã gặp ở đâu dường như có hẹn
hò. Hồ Tuyền Lâm lung linh nước mây trời. Khi anh đến có em
rồi em đứng đợi lâu chưa
Em gọi mời mà không chỉ uốn lượn như tranh vẽ những đôi

thông khoác bộ áo choàng mây. Đà Lạt

ơi môi em không tô son mà chín đỏ. Nụ cười em một nụ

cười rất lạ mà rất quen. Anh bồi rồi trước nụ cười nụ cười em

đó. Đà Lạt ơi mai xa rồi anh ghi đây bộ

nhớ. Nụ cười em một nụ cười rất lạ mà rất quen. Một nụ

cười đừng đánh mất nghe em.

ĐÀ LẠT MONG MÃI BÊN NGƯỜI

Phỏng thơ : Phan Hữu Giản
Nhạc : Vi Quốc Hiệp

Phỏng khoáng - Tự sự



Anh đâu còn là du khách mộng mơ



say sóng Xuân Hương liễu rủ ven hồ. Nắng quáng đèn



lòà chưa xa đã lạ, lạc giữa vườn hồng ngõ chỉ toàn



hoa. Chung khát vọng cùng em thiết tha, thành

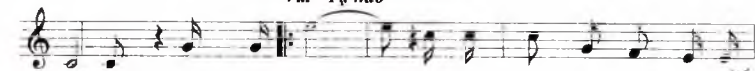


phố ngàn hoa bốn mùa đua nở, kết nối ấm thêm yêu cuộc



đời, sống nghĩa tình mến yêu bạn gần

Vui - Tự hào



xa. Đà Lạt ơi, xa quê hương hồn quặng Đà Lạt.

cây lên xanh lộc nảy đơm bông xanh êm êm hồ

soi bóng núi. Và Đà Lạt ơi, ôi ta

yêu "thành phố" thông xanh, nơi ước bao ước mơ ngọt lành trong tương

lai biết mấy tự hào. Và Đà Lạt ơi, mong mãi bên

người. Đà Lạt... 2. ...mãi bên Người. (Anh)

HÀ NỘI Ở LÂM ĐỒNG

Nhạc và Lời : Xuân Oanh

Chậm rãi - Tự do

Mỗi cánh hoa, mỗi hàng cây dưới nắng Lâm
 Đồng, mang bóng dáng hiền hòa của Hà
 Nội yêu thương. Mỗi tấc đất khai hoang, mỗi căn
 nhà mới dựng thêm ấm áp lòng người làm giàu
 đẹp quê hương. Cô gái thủ
 Di giữa màu
 đỏ dẹt đào tình sông núi, mơ những mùa xuân, mơ
 xanh nhìn bầu trời xanh thắm, chưa có phồn hoa nhưng
 những chân trời mới. Chia tay người thương, theo
 đã bao tổ ấm. Quê hương dù đâu vẫn
 miền xa vắng gọi, tam biệt hồ Gươm, quên
 chỉ nơi tắm lòng, nặng một tình yêu trên

phố cũ đông vui. Mỗi sớm
đất nước menh mông. Mỗi cánh

mai nghe vắng xa tiếng suối ven rừng,
hoa, mỗi hàng cây dưới nắng Lâm Đồng.

nghe tiếng máy rộn ràng từng ngon đồi, lưng nương,
mang bóng dáng hiền hòa của Hà Nội yêu thương.

nghe ánh sáng tươi vui đến với từng xóm nhỏ,
Mỗi tấc đất khai hoang, mỗi ngôi trường mới mở

ai bữa trước hẹn về Lâm Đồng vẫn đợi chờ.
thêm ý nghĩa cho đời, làm cuộc sống thanh thoi.

BÌNH MINH TRÊN NAM BAN

Nhạc và Lời : Sóng Trà

Moderato - Slowrock

Tôi đến Nam Ban giữa những ngày nắng
(Mênh) mông quê hương trên đất mẹ nghĩa

đẹp. Khi dòng thác Voi nước réo trào
tình. Lúa đồng mượt xanh bát ngát làng

dâng. Khi những ngôi nhà vang rộn tiếng
quê. Dây đó xuôi ngược tập nập những chuyển

ca. Khi dân em thơ rộn rã đến
xe. Mỗi mùa xuân sang rực rỡ quê

trường. Bình minh dâng lên ôi rực rỡ thân
nhà. Hàng dâu xanh xanh ri rào hát ngợi

ái mừng Hà Nội mến yêu mang về
ca tình người mẹ thiết tha. Thương vẻ dân



dây những tình thương lớn xây nên quê hương vùng đất
con đã cùng vùng đất mới say mê chăm lo niềm hạnh



mới đẹp giàu. Mùa xuân Nam Ban thắm tươi xin gửi
phúc vẹn toàn. Thời gian trôi đi qua tháng năm nhưng tình



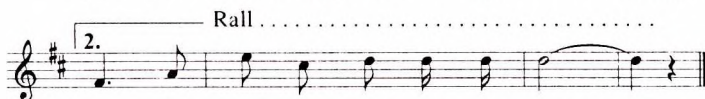
về Hà Nội ngàn năm văn hiến một khúc
người gần bó thủy chung mãi mãi. Một tiếng



hát dân ca, một màu xanh bao la là món
nói yêu thương nhà nhà vui bên...



quà lưu niệm tặng Thủ Đô. (Mênh...)



...nhau. Chào đón bình minh trên Nam Ban.

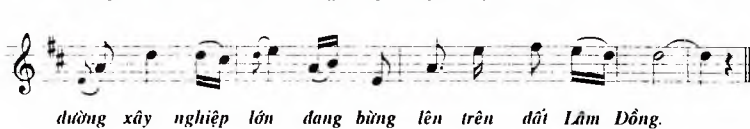
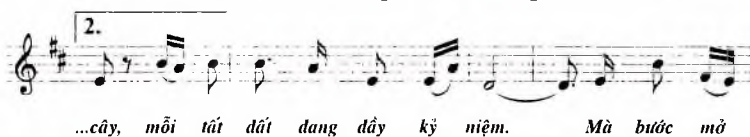
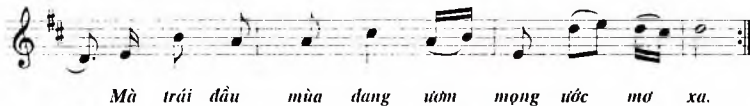
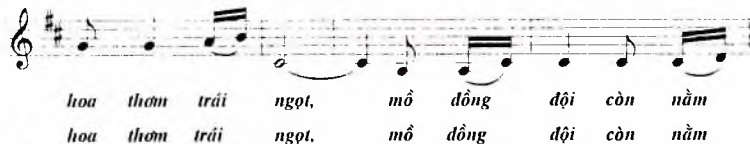
BÀI CA TRÊN QUÊ MỚI

Phỏng thơ : Phan Hữu Giản

Nhạc : Mai Sao

Moderato

Chào thành phố chúng tôi đi, khi mùa
đào đang hé nụ. Năm cửa ô,
cửa đời rộng mở. Chúng tôi đi khắp bốn phương trời.
Lên Tây Nguyên, Tây Nguyên. Đã mấy thu rồi vùng đất
lạ bến duyên người thức dậy. Xôn xao, xôn
xao rừng thay áo mới, nương chè nắng trái mênh mông,
cà phê chín đỏ triu cành, vàng ươm biển lúa, sóng dâu xanh
đôi. Cầu vồng nhịp nổi bờ vui, đường vào thị



LÂM HÀ CHIỀU THU

Thơ : Nguyễn Thánh Ngã

Nhạc : Dương Toàn Thiện

Chậm vừa - Duyên dáng



Núi (ơ) núi xanh khi thu về, khi thu



về. Mưa trên ngàn lá mới.



Đôi mắt em muốn nói lời gì? trong cỏ



cây hoa lá. Giữa núi rừng mưa



bay chiều nay xao xuyến lòng nhớ Thủ Đô.



Thác Voi tung khói nước mơ màng



rơi vào hư không. Ơi chiều thu Lâm

Hà xanh như màu cỏm biếc, chợt lòng ai nuôi
tiếc màu lá sen hương xưa. Đi trong cơn mưa
chiều, lòng mơ bên Hoàn Kiếm Chiều Đình Văn sắc
tím nhuộm màu nước Tây Hồ. (Ơi chiều thu Lâm...)
...hồ. Thu về trên Cao nguyên có
Rall Atempo
người trong khung cửa chạnh nhớ mùi hoa sữa chiều Lâm
Hà băng khuôn. Ơi chiều thu Lâm Hà.
Ơi chiều thu Lâm Hà. Ơi chiều thu Lâm Hà.

NAM BAN THỊ TRẦN TÔI YÊU

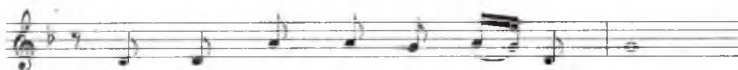
Phỏng thơ : Trần Ngọc Trác

Nhạc : Dương Toàn Thiên

Chậm - Tha thiết



Một vùng cao nguyên đón những người con



vượt rừng băng non với tấm lòng son,



mang cả nghĩa tình Đông Đô, Hà Nội, mang cả mùa xuân và nhịp



sống đến nơi này. Nam Ban, thị trấn tôi yêu, thị trấn tôi



yêu, đã qua rồi những tháng năm gian



khổ, hạt ngô non thắm mận máu, mỡ hôi. Dầu dầy



hương sữa đêm nào trên những nẻo đường đôi vẫn theo tôi, vẫn theo

tôi còn cao nỗi nhớ. Nam Ban

thị trấn tôi yêu, thị trấn tôi yêu, trên khắp vùng

quê tay ta mới mở đầu Đông Anh, đầu Hoàn Kiếm, đầu Từ

Liêm, Nam Ban, Nam Ban

có nghe thác Voi ào ào nước đổ như âm vang câu ca

"Hà Nội niềm tin và hy vọng" gọi mùa dâu mới, gọi cà phê xanh,

một vùng đất mới nhịp đời đang lên.

MỤC LỤC

NGƯỜI HÀ NỘI

TRÊN CAO NGUYÊN XANH”

Số TT	Tác phẩm	Tác giả	Thể loại	Số trang
01	Hương về Hà Nội (thay lời đầu sách)	Phan Hữu Giản	Văn	5
02	Hà Nội giải phóng	Trần Huy Liệu (chủ biên)		9
		Trích lịch sử Thủ đô Hà Nội		
03	Bảo vệ Thủ đô ngày đầu ra Bắc	Mai Xuân Cảnh		22
04	Nỗi đau Khâm Thiên	Hoàng Đức Mai		29
05	Hồi còi báo động	Bạch Nhật Phương		38
06	Về thăm Hà Nội	Hà Đức Ái	Thơ	49
07	Chia tay bên Hồ Gươm	Nguyễn Trung An	“	51
08	Tám thăm len	Phạm Kim Anh	“	53
09	Về quê gặp phố	Nguyễn Đăng Chấn	“	55
10	Tây Nguyên – Hà Nội	AMa H’l ang	“	57
11	Hà Nội bằng Lăng	Vì Quốc Hiệp	“	59
12	Bánh chưng, bánh tét	Vương Hạnh	“	60
13	Hành hương	Lê Xuân Liễu	“	61
14	Ngàn năm Thăng Long	Phan Thành Minh	“	62
15	Hà Nội của lòng tôi	Hoàng Mai	“	63
16	Giấc mơ Hà Nội	Lê Kỳ Nam	“	65
17	Cúc nở tình yêu	Nguyễn Năng Nhượng	“	66
18	Vườn hạ	Nguyễn Tấn On	“	68
19	Thuở ấy, bây giờ	Bạch Nhật Phương	“	70
20	Tây Hồ	Lạc Quan	“	72
21	Đếm sao	Hà Thanh Thủy	“	73
22	Một thoáng Hà Nội	Thanh Toàn	“	75

MỤC LỤC

Số TT	Tác phẩm	Tác giả	Thể loại	Số trang
23	Nhớ Hồ Gươm	Trần Doãn Thiện	“	77
24	Gặp Hà Nội trên cao	Trần Ngọc Trác	“	78
25	Hương đồng gió nội	Phùng Văn Thu	“	80
26	Xa quê	Nguyễn Văn Tám	“	81
27	Tìm về	Trương Thị Tươi	“	83
28	Hà Nội và em	Phạm Vũ	“	84
29	Ba mươi sáu phố Hà Nội	Khuyết Danh	“	86
30	Quá trình di dân lập ấp Hà Đông...	Bùi Văn Hùng	Văn	88
31	Hà Nội trên cao nguyên xanh	Giang Quân	“	101
32	Từ những tấm lòng	Phan Hữu Giản	“	114
33	Bác Lê Văn Lương...	Vũ Hoa Mỹ	“	132
34	Từ Nam Ban đến Lâm Hà	Nguyễn Thanh Đạm	“	139
35	Tuổi trẻ Thủ đô ngày đầu mở đất	Phan Hữu Giản	“	154
36	Ký ức Tân Hà	Phùng Văn Thu	“	159
37	Người tìm lại miếng da trâu bị mất	Uông Thái Biểu	“	162
38	Văn hóa Thăng Long trên quê mới Lâm Hà	Trọng Văn	“	169
39	“Trồng người” trên cao nguyên	Tố Minh	“	178
40	“Hương ngoại ô” ở Lâm Hà	Trần Ngọc Trác	“	187
41	Trẻ mãi một dòng sông	Khắc Dũng	“	191
42	Phấn đấu cho sự phát triển của một vùng quê mới	Đoàn Văn Việt	“	202
43	Với nhân dân Lâm Hà	Trần Duy Dương	Thơ	206
44	Lâm Hà tuổi mười lăm	Nguyễn Xuân Du	“	207
45	Đất ấm tình người	Phan Hữu Giản	“	209
46	Cô gái Hà Nội ở Lâm Đồng	Bùi Văn Bổng	“	211
47	Đình Văn	Uông Thái Biểu	“	213
48	Nam Ban nhà bạn	Phạm Quốc Ca	“	215
49	Bè trầm cho đàn đồng ca mùa hạ	Hà Linh Chi	“	217
50	Đêm trăng trong mùa cây đời	Phan Đức Chính	“	219
51	Mười yêu	Nguyễn Hữu Chừng	“	221

MỤC LỤC

Số TT	Tác phẩm	Tác giả	Thể loại	Số trang
52	Em lên làng mới	Lê Bá Cảnh	"	223
53	Thăm Lâm Hà	Trình Đường	"	226
54	Khởi sắc	Nguyễn Ngọc Đoan	"	227
55	Nỗi nhớ Tân Hà	Bùi Văn Hat	"	229
56	Suối cạn	Đoàn Đức Huyền	"	231
57	Bưu điện Nam Ban	Nguyễn Thái Huyền	"	233
58	Cô gái K Ho trong buổi đàm thoại	Lê Văn Hiếu	"	235
59	Bãi Cháy	Nguyễn Văn Hoàn	"	237
60	Mùa gặt Cao Nguyên	Vương Hạnh	"	239
61	Khoảng trời Hà Nội	Dương Gia Lễ	"	241
62	Cơn sốt đất	Kiều Công Luận	"	243
63	Nỗi nhớ màu xanh	Đào Văn Lượng	"	245
64	Ngã ba Tân Hà	Nguyễn Thị Minh	"	247
65	Nấm đất quê hương	Trần Văn Màu	"	249
66	Gặp Quang Dũng ở Lâm Hà	Hải Như	"	250
67	Đêm Hà Nội nhớ Lâm Hà	Nguyễn Thánh Ngã	"	251
68	Về Nam Ban	Trần Cao Nguyên	"	253
69	Nét mới Lâm Hà	Nguyễn Gia Nùng	"	255
70	Đêm Tây Nguyên	Trần Quy	"	257
71	Chào Hà Nội ở xa	Giang Quân	"	258
72	Nam Ban nỗi nhớ	Văn Sửu	"	260
73	Tình Lâm Hà	Phú Đại Tiềm	"	262
74	Nhớ anh Tố Hữu	Nguyễn Gia Tình	"	264
75	Con đường Hà Nội	Nguyễn Lương Tâm	"	266
76	Cảm nhân Lán Tranh	Phạm Vĩnh	"	268
77	Huyền thoại Thác Voi	Hải Lâm Văn	"	271
78	Đồng hương Hà Nội trên thành phố Hoa	Hoàng Mai	Văn	273
79	Tham gia hoạt động Việt Minh	Nguyễn Công Lý	"	279
80	Người ấp Hà Đông	Chu Bá Nam	"	284

MỤC LỤC

Số TT	Tác phẩm	Tác giả	Thể loại	Số trang
81	Ấp Hà Đông của tôi ngày ấy	Nguyễn Thị Hiền	“	290
82	Người con của đất Hà Thành	Nguyễn Mậu Siệc	“	295
83	Thấp sáng lại lò phản ứng hạt nhân...	Nguyễn Mộng Sinh	“	304
84	Tâm sự của một nhà doanh nghiệp trẻ	Nghiêm Bá Thi	“	310
85	Hoa đào Nhật Tân thắm vườn xuân Đà Lạt	Bùi Văn Lỗi	“	314
86	Kể chuyện hoa Đà Lạt	Thiếu Lăng	“	319
87	Thành phố thông reo	Phan Thành Minh	“	327
88	Thành phố tôi yêu	Nguyễn Thái Cam	Thơ	335
89	Cánh đào nở muộn	Lê Bá Cảnh	“	336
90	Thắm màu thời gian	Phan Hữu Giản	“	338
91	Gặp chiều Đà Lạt	Đoàn Đức Huyền	“	340
92	Hương cốm	Thanh Hà	“	342
93	Mùa thu	Hồ Thụy Mỹ Hạnh	“	343
94	Cô giáo Thủ đô...	Nguyễn Thị Hòa	“	345
95	Êm đêm Đà Lạt	Bùi Văn Hát	“	347
96	Hai quê	Hoàng Đức Mai	“	348
97	Nỗi nhớ	Nguyễn Mộng Sinh	“	349
98	Tươi thắm nghĩa tình	Bạch Tần	“	351
99	Nghĩ về Thăng Long	Mai Xuân Cảnh	“	354
100	Giữ gìn kỷ cương	Ngô Xuân Chữ	“	354
101	Nhớ về Hà Nội	Thượng tọa Vĩnh Châu	“	355
102	Thăng Long	Vũ Diễm	“	355
103	Nhớ cố hương	Nữ sĩ Xuân Đài	“	356
104	Người xa Hà Nội	Phan Hữu Giản	“	356
105	Nhớ Hà Nội	Trương Xuân Huy	“	357
106	Nhớ đắng Âu Cơ	Nguyễn Văn Khánh	“	357
107	Quy tụ nghĩa tình	Nguyễn Thanh Lược	“	358
108	Hà Nội trước thềm thiên niên kỷ mới	Mộng Hoài Nhân	“	358
109	Nghìn năm văn hiến	Tùng Nguyên	“	359

MỤC LỤC

Số TT	Tác phẩm	Tác giả	Thể loại	Số trang
110	Nhớ nguồn	Lê Kỳ Nam	"	359
111	Tiếng lòng	Nguyễn Năng Nhượng	"	360
112	Gặp lại Lâm Đồng	Giang Quân	"	360
113	Thắng cảnh Tây Hồ	Đào Xuân Quang	"	361
114	Thủ đô ngàn năm	Trần Đình Thảo	"	361
115	Hào khí Thăng Long	Phạm Thuần	"	362
116	Thủ đô Thăng Long	Ngô Tú	"	362
117	Gửi về quê mẹ	Nguyễn Gia Tình	"	363
118	Nhớ CLB Thống Nhất	Mai Thông	"	363
119	Hà Nội vào Xuân	Võ Quang Tấn	"	364
120	Vận hội non sông	Hải Lâm Văn	"	364
121	Thủ đô văn hiến	Nguyễn Mạnh Xuân	"	365
122	Nghe hát dân ca ở Lâm Đồng	NS Trần Hoàn	Nhạc	367
123	Mùa dâu quê mới	NS Mạnh Đạt	"	369
124	Đà Lạt - mong mãi được bên Người	NS Vi Quốc Hiệp	"	371
125	Xuân về bên suối Cam Ly	NS Nguyễn Tấn Hùng	"	373
126	Nụ cười Đà Lạt	NS Trương Quang Lục	"	375
127	Hà Nội ở Lâm Đồng	NS Xuân Oanh	"	377
128	Bài ca trên quê mới	NS Mai Sao	"	379
129	Bình minh trên Nam Ban	NS Sóng Trà	"	381
130	Lâm Hà chiều thu	NS Dương Toàn Thiên	"	383
131	Nam Ban thị trấn tôi yêu	NS Dương Toàn Thiên	"	385

***“Người Hà Nội
trên cao nguyên xanh”
xin chân thành cảm ơn:***

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng
- Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Lâm Đồng
- Huyện ủy, HEND, UBND, UBMTTQVN huyện Lâm Hà
- Thành ủy, HEND, UBND, UBMTTQVN thành phố Đà Lạt
- Ban liên lạc Hội đồng hương Hà Nội tại Đà Lạt - Lâm Đồng
- Ban biên tập và cán bộ, phóng viên, CNV Báo Lâm Đồng
- Ban biên tập Báo Hà Nội Mới và Báo Người Hà Nội
- Đảng ủy, Giám đốc, CNVC Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt
- Cơ quan đại diện Báo Nhân Dân tại Đà Lạt - Lâm Đồng
- Đảng ủy, Ban Giám đốc, Công đoàn Bưu điện tỉnh Lâm Đồng
- Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đại học Đà Lạt
- Đài Phát thanh Truyền hình Lâm Đồng
- Hội VHNT và các chi hội văn học, chi hội âm nhạc tỉnh Lâm Đồng
- Hội LH VHNT thành phố Hà Nội
- Ban Chủ nhiệm CLB thơ Nhà Văn hóa tỉnh Lâm Đồng
- Cán bộ, hội viên các CLB thơ phường 9, phường 10 thành phố Đà Lạt
- Cán bộ, hội viên CLB thơ “Hương ngoại ô” chi nhánh Lâm Hà; CLB thơ “Hương đất đỏ” xã Tân Hà - Lâm Hà
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể; Hội đồng hương các tỉnh, thành bạn; các quận, huyện, thị của Lâm Đồng - Hà Nội - Hà Tây...
- Các văn nghệ sĩ, và cộng tác viên, các nhà tài trợ và bạn đọc gần xa... đã nhiệt tình ủng hộ, giúp đỡ chúng tôi trong công việc có nhiều ý nghĩa này.

NGƯỜI HÀ NỘI TRÊN CAO NGUYÊN XANH

Tập Văn – Thơ – Nhạc nhiều tác giả

Chịu trách nhiệm xuất bản

HUYỆN ỦY, UBND HUYỆN LÂM HÀ,
HỘI ĐỒNG HƯƠNG HÀ NỘI TẠI ĐÀ LẠT – LÂM ĐỒNG
ĐOÀN VĂN VIỆT – CHU XUÂN ĐẤU

Biên tập:

PHAN HỮU GIẢN (chủ biên)

Với sự cộng tác của:

UÔNG THÁI BIỂU - NGUYỄN THANH ĐẠM
LÊ BÁ CẢNH – CHU BÁ NAM – NGUYỄN GIA TÌNH
TRẦN NGỌC TRÁC – HÀ HUY HIỂN

Bìa, trình bày:

HOÀNG HỮU DŨNG - NGUYỄN ĐĂNG TRƯỜNG
NGUYỄN NGỌC MINH

Sửa bản in:

LÊ THANH TRÀ

Ảnh:

NSNA MINH LỘC – MPK
HÀ HỮU NẾT – NGUYỄN HỮU NGUYỄN
NGUYỄN NGỌC MINH VÀ TƯ LIỆU...

Ảnh bìa 1, 4 :

MINH LỘC

In 2000 cuốn khổ 14,5 x 20,5cm tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt.

Giấy phép xuất bản số 38/GPXB do Sở VHTT Lâm Đồng
cấp ngày 15/9/2004.

In xong nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2004.

Người
Hà
Nội

Trên Cao Nguyên Xanh